

tủ sách

Z.28

13 Giờ

Định Mạng



NGƯỜI THỨ TAM

tiểu thuyết gián điệp

13 giờ định mạng

Người Thử Tâm



Mười ba giờ
định mạng

người thứ tám

Bìa: **NXB Z.28**
Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

Mười ba giờ
định mạng

NGƯỜI THỨ TÁM

Sài Gòn - 1967

MỤC LỤC

Lá thư tác giả	11
1. Truyện thứ nhất	21
Mười ba giờ định mạng	
2. Truyện thứ hai	81
Giai nhân ngực lép	
3. Truyện thứ ba	139
Điệp viên huyền thoại ở Đông Kinh	
4. Truyện thứ tư	209
Kinh Kong – anh hùng... phản quốc	
5. Truyện thứ năm	267
Gián điệp mặt ma...	

6. Truyện thứ sáu 323

Điệp vụ Bắc cực

7. Truyện thứ bảy 379

Cuộc thanh trừng đẫm máu

8. Truyện thứ tám 433

Kỳ tài gián điệp Do Thái

9. Truyện thứ chín 487

Người gián điệp điển hình

LÁ THƯ TÁC GIẢ

Trong 18 năm viết tiểu thuyết gián điệp Z.28, tác giả đã nhận được nhiều thư của bạn đọc. Mỗi tuổi tác, mỗi thành phần xã hội viết thư một khác, tuy nhiên hầu hết đều nêu câu hỏi: “Trong truyện Z.28, có bao nhiêu phần trăm tưởng tượng, bao nhiêu phần trăm sự thật?”

Sau đây là một đoạn thư điển hình:

“Nghe nói ông xấp xỉ hoặc lớn tuổi hơn ba cháu nên cháu mạn phép được gọi bằng bác. Ba cháu đọc sách của bác từ sau khi đậu Tú Tài. Mẹ cháu cũng là

độc giả của bác, song hồi ấy bác chưa in thành sách, ba mẹ cháu kể lại là hồi ấy phải đọc bữa đực bữa cái trên các báo hàng ngày. Giờ đây ba mẹ cháu vẫn tiếp tục đọc Z.28. Dĩ nhiên cháu cũng là độc giả trung thành. Năm nay cháu thi Tú Tài I, còn em gái của cháu sửa soạn lều võng thi Trung học đệ nhất cấp và cũng đọc Z.28 như mẹ chúng cháu mười mấy năm về trước. Cháu tự giới thiệu dài dòng như vậy là để chứng tỏ gia đình cháu thông thạo Z.28. Bác xuất bản trên 50 tác phẩm Z.28, gia đình cháu đã đọc hết, ấy thế mà có điều quan trọng nhất về Z.28 cháu lại chưa giải thích nổi. Điều quan trọng này là Z28 thật hay giả?

Thưa bác, chúng cháu có học, đâu đến nỗi đốt, ngoài bìu sách bác lại đã cẩn thận in dòng chữ (tiểu thuyết gián

điệp) tất cháu phải hiểu rằng Z.28 do óc sáng tác phong phú của bác mà ra. Song không hiểu sao càng đọc sách của bác, cháu lại càng có ý nghĩ Z.28 là có thật. Khổ quá cháu hỏi ba mẹ cháu thì ba mẹ lại đáp Z.28 là nhân vật tiểu thuyết, đã là tiểu thuyết thì khó thể là có thật. Vậy cháu đánh bạo viết thư này hỏi bác. Yêu cầu bác cho biết ba mẹ cháu đúng hay cháu đúng, và nếu không đúng thì tại sao?...”

*

Tác giả đã nhiều lần trả lời bằng thư riêng. Và đây là lần đầu tiên viết lên mặt sách. Dĩ nhiên, Z.28 là tiểu thuyết, nhưng những địa danh Z.28 ghé qua, những lũ quán nóng bỏng tình yêu Z.28 trọ lại ở bên này hoặc bên kia bức màn tre và sắt,

những dụng cụ cơ khí, điện tử quý khốc thần kinh Z.28 đã dùng, những mưu kế do ông Hoàng và Z.28 sắp đặt, những thế võ vô địch do Z.28 thi thố để chiến thắng đối phương trên toàn thế giới... tất cả đều là sự thật.

Sự thật trăm phần trăm. Sự thật không hề thêm bớt... Z.28 không phải là một người, mà là do nhiều người cả xấu lẫn tốt, kết đúc lại... Z.28 nghiện huyết -ky, thì sự thật đã có một điệp viên Do Thái được đặt tên là “điệp viên sâm-banh” – Z.28 hảo ngọt thì đây chưa có siêu điệp viên nào từ trước đến nay mà chưa mê mẩn vì đàn bà... đẹp. Điệp viên Z.28 là tưởng tượng song cũng không hẳn là tưởng tượng.

Đúng ra, Z.28 là sự hòa trộn giữa tưởng tượng và sự thật. Nghĩ cho cùng

thì tưởng tượng cũng chỉ là một phần của sự thật. Cái gì con người biết rõ thì là sự thật, còn cái gì chưa học đến thì là tưởng tượng. Thế kỷ trước, khi Jules Verne viết truyện du hành nguyệt diện có ai dám nghĩ đó sẽ là sự thật, có ai dám nghĩ các phi hành gia sẽ đi đi về về cung Quảng như đi chợ!

Trên lãnh vực điệp báo, tưởng tượng và sự thật lại gắn nhau như bóng với hình. Nhiều vụ gián điệp đã xảy ra với ngày tháng, tên tuổi, và hình ảnh tài liệu lịch sử hằn hòi mà khi nghe thuật lại ta vẫn cứ tưởng là tiểu thuyết.

Các bạn đã đọc tiểu thuyết Z.28, các bạn biết là tưởng tượng mà cứ cho là sự thật. Thì đây Người thứ Tám xin cống hiến với các bạn một số giai thoại gián điệp hoàn toàn là sự thật.....

Và mặc dầu tác giả triệt để tôn trọng từng chi tiết lịch sử, chắc chắn nhiều bạn đọc sẽ hỏi trong bộ truyện “13 giờ định mạng” có bao nhiêu phần trăm tưởng tượng, bao nhiêu phần trăm sự thật?

*

Muốn viết lại đủ phải mất nhiều năm và nhiều ngàn trang giấy. Vì hoàn cảnh eo hẹp, tôi chỉ xin ghi lại một số giai thoại điển hình. Tôi chỉ xin ghi lại một số vụ xảy ra từ đầu thế kỷ đến nay mà thôi. Truyện thứ nhất miêu tả những phút cuối cùng trong đời của đại tá Rết, siêu lãnh tụ Phản gián trước thế chiến 1914-1918, từng nghĩ ra những phương pháp thần sầu để bắt điệp viên địch, nhưng rồi lại chết vì những phương pháp ruột của mình.

Truyện thứ hai xoay quanh huyền thoại nữ điệp viên Mata Hari cũng trong thế chiến 1914-1918. Nếu thế chiến này có huyền thoại Mata Hari thì thế chiến sau lại có huyền thoại Richard Sorge.

Truyện thứ ba là thiên anh hùng ca thâm cảm của tiến sĩ Sorge. Richard Sorge chết vì bị Phản gián Nhật phăng ra vai trò điệp viên phụng sự Liên xô cộng sản của ông.

Truyện thứ tư, anh hùng kháng chiến Âu châu King Kong cũng chết, nhưng lại chết vì bị Phản gián đồng minh khám phá ra y chỉ là anh hùng kháng chiến giả mạo.

Truyện thứ năm, người gián điệp mặt ma, từng làm nhiều độc giả Tây phương rớt nước mắt.

Nhưng sang đến truyện thứ sáu, bạn đọc sẽ phải cười nửa miệng, và thở phào: truyện Phản gián Đức quốc xã chơi tình báo Anh quốc một võ đau điếng, một võ đầy máu và cũng đầy nước mắt.

Truyện thứ bảy, truyện mật vụ của Hít-le đòn phép khiến Sít-ta-lin giết chết hàng trăm tướng lĩnh cao cấp Hồng quân, chắc chắn sẽ làm ta ngạc nhiên, ngạc nhiên trong ngậm ngùi và phẫn nộ...

Truyện thứ tám nhắc lại thành tích của một điệp viên Do Thái tên là Tabê-Cohen. Không phải ngoa khi nói rằng phe Ả Rập thua trận liểng xiểng là do công lao của điệp viên Tabê.

Truyện thứ chín và cũng là truyện kết thúc sẽ thổi một luồng gió nóng vào đêm khuya lạnh lẽo. Các bạn theo dõi

hành động kinh thiên động địa của đại tá điệp viên đồng minh Shelley đột nhiên sẽ cảm thấy thoải mái. Và không nhiều thì ít, các bạn sẽ nhớ đến điệp viên Z.28.

*

Tập truyện này gồm 9 đoạn thiên gián điệp, với “13 Giờ Định Mạng” là truyện mở đầu. Vì nhiều bạn đọc không am tường ngoại ngữ nên Người Thứ Tám mạn phép phiên âm tên người và tên địa danh. Sự phiên âm chỉ lấy giản dị làm căn bản nên chắc chắn có nhiều thiếu sót vậy xin bạn đọc lượng thứ.

NGƯỜI THỨ TÁM

TRUYỆN THỨ NHẤT

Mười Ba Giờ Định Mạng

Siữ chức vụ quan trọng trong guồng máy chánh quyền, và lợi dụng chức vụ này để cung cấp tin tức, tài liệu điệp báo cho địch, như vậy danh từ chuyên môn Anh ngữ gọi là “defection in place”. Dịch nôm na và ngô nghê là “bội phản tại chỗ”. Dịch thoát nghĩa (mặc dầu không đúng hẳn) là nội tuyến.

Nội tuyến hiện giữ vai trò to lớn trong cuộc chiến tranh nóng cũng như lạnh giữa các phe trên thế giới.

Đặc ký «13 giờ định mạng» sau đây

thuật lại câu chuyện có thật trăm phần trăm về một nội tuyến lỗi lạc, đại tá Rết (Alfred Redl) của quân đội Áo trước đại chiến thứ nhất.

Câu chuyện xảy ra năm 1913. Nội tuyến Rết bị sa lưới chỉ vì ưa con số 13. Và từ khi bại lộ đến khi từ già cõi đời chỉ có 13 giờ đồng hồ, 13 giờ định mạng...

Những năm mở đầu thế kỷ 20 là những năm đen tối nhất ở châu Âu, các cường quốc hồi ấy, Đức, Pháp, Anh, Nga, và Áo, đều ráo riết chuẩn bị chiến tranh. Trừ Pháp, các cường quốc vừa kể đều theo chế độ quân chủ. Nước Áo hồi ấy gồm cả một phần Tiệp Khắc, có thêm thủ đô Praha (Prague).

Rết là lãnh tụ điệp báo chuyên nghiệp. Năm 1907 ông là nhân vật điệp báo số một của Áo. Nhưng ông cũng là điệp

viên của Nga. Hồi ấy, Nga chưa phải là Nga xô. Nga cũng chưa có KBG hoặc RU như ngày nay. Cơ quan thu dụng Rết là Okrana (Okhrannoyé Odelenié). Okrana hoạt động khá hữu hiệu.

Năm 1883, điệp viên Okrana đã qua Hoa kỳ, bí mật theo dõi những phần tử chống Nga hoàng. Bằng chứng về sự hữu hiệu của Okrana: một bản phúc trình đề ngày 1-5-1904 đã miêu tả rành mạch là Sít-ta-lin, người sẽ nắm vận mạng nước Nga sau ngày Lênin chết, có bàn chân trái bị bấm tịt, ngón thứ nhì và ngón thứ ba dính vào nhau bằng một mảng da.

Rết chết vì đàn bà. Cuộc đời Rết đã được đưa vào chương trình giảng dạy tại các trường gián điệp hầu lưu ý khóa sinh đến sự nguy hiểm của nội tuyến, sự nguy hiểm của... đàn bà.

Bạn đọc quen thuộc của loại truyện gián điệp sống động – như tử sách Z.28 – chắc sẽ hài lòng. Vì những tình tiết có thật về đại tá Rết cũng ly kỳ không kém những tình tiết được tưởng tượng.

I.

5 giờ sáng.

5 giờ sáng là giờ bắt đầu thức giấc của những thành phố lớn sau một đêm dài mê mết. Buổi tỉnh ngủ của thành phố thường được đánh dấu bằng những đoàn xe hơi chở hàng từ ngoại ô rầm rộ phóng qua đại lộ tráng nhựa mênh mông, rực rỡ ánh đèn nê-ông muôn màu, và những ngã tư gắn đèn giao thông đỏ vàng hấp háy liên hồi. Du khách ở bên trong đại lộ quán lộng kiếng trong suốt, được điều

hòa khí hậu, lên xuống bằng thang máy điện tử cũng lục tục thức dậy để xuống xe “ca” ra phi trường, lên chuyến máy bay phản lực thương mại cất cánh sớm nhất trong ngày.

Tuy vậy 5 giờ sáng hôm ấy tại Praha (Prague) bắt đầu thức giấc lại không có những đoàn xe hơi chở hàng, những du khách sửa soạn đáp máy bay phản lực, những đại lý quán trang bị tiện nghi tối tân. Lên, xuống, người ta còn phải dùng cầu thang xi măng. Dọc đường cũng không có đèn nê-ông.

Vì năm ấy là năm 1913, trước thế chiến thứ hai 26 năm. Praha chưa là thủ phủ của Tiệp Khắc cộng sản. Praha còn là một thị trấn của hoàng gia Áo quốc. Đời sống chẳng có gì đặc sắc, ngoại trừ sự đặc sắc của đàn bà. Nhưng đàn bà hồi ấy chưa biết sửa mũi cao, mổ mắt thành

hai mí, cặm lông nheo giả, vẽ mắt bằng chì xanh, và nhất là đệm mông cao su mút, bơm ngực nở với chất si-li-côn để đánh lừa giống đực... Và dĩ nhiên là đàn bà chưa biết nghệ thuật môi chài hờ ngực, hờ đùi, hờ rốn...

Cho dầu phụ nữ Praha hồi ấy am tường những mảnh khóe tuyệt đỉnh để chinh phục nam giới, lão Câ cũng không cần. Vâng, lão Câ không cần. Lão Câ không quan tâm đến sắc đẹp phái yếu. Đối với lão, đàn bà đẹp hay đàn bà xấu, đàn bà ngực nhọn hay đàn bà ngực lép cũng vẫn là đàn bà. Và đàn bà cũng chẳng khác đàn ông bao nhiêu...

5 giờ sáng.

Ngày 27 tháng 5 năm 1913.

Như thường lệ, mỗi đêm cứ đúng 5

giờ sáng là lão Câ lặng lẽ rời tòa báo Quốc Gia¹ về nhà. Phương châm của lão dường như là sự lặng lẽ. Lão không ra đường bằng cửa trước như mọi nhân viên. Mà là lúi lũi ra bằng cửa sau, một cánh cửa nhỏ xíu, ọp ẹp, nằm giấu phía sau thân cây sồi. Cây cổ thụ này đứng sừng sững trên vỉa hè từ nhiều trăm năm nay, cành lá luôn luôn xum xuê thiết tưởng cả một trường học ở gần đấy gồm mấy trăm cậu bé xếp hàng phía dưới cũng không sợ mưa nắng.

Trời mùa hạ, dầu là sáng tinh sương, phố xá đầy ắp sương mù, nên không khí có vẻ oi bức. Nhưng lão Câ lại co ro bước ra đường. Lão đặt đế giày thật nhẹ, như thể nền đường được làm bằng vật

¹ Thật ra, nhật báo này mang một tên địa phương, không hẳn là “Quốc gia”, tác giả dùng tên “Quốc gia” với mục đích gián dị hóa địa danh và phương danh, xin bạn đọc am tường ngoại ngữ lượng thứ.

giòn. Và, như thường lệ, lão đội cái mũ nỉ sùm sụp, bên nách cặp tờ báo mới ra khỏi máy in còn thơm mùi giấy và mùi mực, lão tạt qua đường đút đầu vào cái hẻm nhỏ nằm sau những ngôi nhà cao thấp và to nhỏ không đều.

Lão Cầm là người gác gian của tòa báo. Lão đến sở đúng 5 giờ chiều, và rời sở đúng 5 giờ sáng. Nhiệm vụ của lão là canh phòng ban đêm, ngăn ngừa kẻ lạ đột nhập tòa báo. Kể ra, công việc khá nhàn hạ, tòa báo không phải là nhà hàng bán thức ăn ngon hoặc tiệm kim hoàn mà sợ gian phi thăm viếng, báo chí hồi ấy được nhà cầm quyền chiếu cố chặt chẽ, tin tức bị kiểm duyệt nên mấy trang in ra mỗi buổi sáng chỉ gồm những tai nạn vật vãnh và những biến động ở bên ngoài biên giới không liên quan đến Áo quốc. Lão Cầm bắc gồm những tai nạn

vật vãnh và những biến động ở bên ngoài biên giới không liên quan đến Áo quốc. Lão Cầm bắc cái ghế đầu gần cái máy in lớn nhất, ngồi bó gối nhìn những ống trục cao su, lăn mực và liếm giấy quay đều, cặp mắt bàng khuâng. Lão không trò chuyện với ai. Lão không hề cười lớn. Song mọi người trong tòa báo đều có cảm tình với lão. Có lẽ vì lão không làm ai mất lòng, và xía vào công chuyện riêng của kẻ khác.

Lão Cầm làm gác gian trong tòa báo Quốc gia từ một năm nay. Công nhân chạy máy ban đêm không biết lý do lão được thu nạp, chỉ biết là đột nhiên lão xuất hiện sau khi người gác gian cũ bị chết đuối trên con sông lớn chạy ngang thành phố. Lão không mắc tạt cùm, lão nói năng khá lưu loát và chín chắn, người ta đặt hỏn danh lão Cầm vì lão hà

tiện ngôn ngữ, hà tiện đến mức ai cũng có thể lầm là lão cấm khẩu. Lão chỉ cất tiếng mỗi khi thấy cần thiết. Và giọng nói của lão lại nhỏ nhẹ, rụt rè như giọng con gái ru rú trong phòng the lần đầu bước chân vào đời. Lão Câm trạc 45, 50 gì đó, lẽ ra gọi bằng ông mới đúng, mọi người dùng tiếng lão vì lão đã già trước tuổi. Lão ghét đàn bà đã đành, lão còn ghét cả cách làm dáng, thậm chí lão quên cả hót tóc, chải đầu và... giặt quần áo nữa...

Lão Câm đi được nửa con hẻm thì dừng lại. Lão ngẩn cổ nhìn lên lầu ba của căn nhà bên trái phía sau một cây sồi lớn. Lầu ba của căn nhà cũ xưa này có hai khung cửa sổ. Cả hai đều mở. Và chỉ mở một cánh. Cánh cửa bên vẫn đóng, ở trong phòng hắt ra một ánh đèn vàng mờ mờ. Lão Câm nhún vai quẹo sang bên phải, trở ra đường lớn. Praha là thị trấn

có rất nhiều gác chuông nhà thờ. Qua màn sương trắng, tháp chuông cao lêu nghêu của nhà thờ thánh Vít, nhà thờ lớn nhất, vươn thẳng như mời mọc, và thách thức lão Câm.

Lão Câm rẽ vào mái hiên tranh tối tranh sáng, lục túi lấy thuốc lá. Lão chuyên hút thuốc rê, hút liên tu bất tận, hút nhiều khi cháy đỏ quần áo. Nhưng từ khi rời tòa báo đến giờ lão chưa hề hút. Và thay vì rút ra cái bao da láng mềm, đựng thuốc rê và xấp giấy quynh mỏng dính để vắn thành điếu, lão Câm lại thưởng thức một điếu thuốc thơm đàn hoàng. Lối quẹt diêm của lão cũng nhanh nhẹn chứ không chậm chạp như những khi lão mỗi lửa cho bạn đồng nghiệp ở tòa báo. Lão ngửa cổ rít một hơi dài. Trong khi ấy, lão kín đáo nhìn phía sau. Lão có cặp mắt mơ màng, như thể nhà thơ đang

kẹt vận, nhưng trong khi ấy cặp mắt mờ màng của lão lại lóe sáng, xuyên thủng màn sương.

Đường hẻm không có ai. Lão cười mỉm, thả bộ trên vỉa hè lát gạch lồi lõm. Được một quãng, lão Câi dừng lại. Chưa hết, lão còn đi vòng hai con hẻm quanh co khác trước khi quay lại căn nhà cũ xưa có hai khung cửa sổ đóng mở trên lầu ba.

Nhanh nhẹn lão Câi trèo lên bậc thêm khá cao và xô cửa. Cửa nhà chỉ khép hờ nên lão mở ra dễ dàng. Dáng điệu quen thuộc, lão Câi bước qua bộ xa-lông. Cầu thang xi măng ở góc nhà, bước chân của lão Câi êm như ru. Lão trèo cầu thang từ từ, hơi thở điều hòa, điệu thuốc thơm phì phèo thơm phức đã bị lão gạt khỏi miệng, dẫm nát dưới đế giày từ nãy.

Trong chớp mắt, lão Câi đã lên đến lầu ba, và gõ cửa căn phòng đối diện cầu thang. Bên trong có tiếng:

– Cám ơn. Sáng nay tôi không uống cà phê.

Lão Câi đáp gọn:

– Vậy, uống la-ve nhá?

Nói đoạn, lão Câi tùm tùm cười một mình. Rõ khi, thiếu gì mặt khẩu mà thượng cấp lại bắt lão dùng những tiếng vớ vẩn như “cà phê, la-ve”... Nhưng lão lại cảm thấy khoan khoái. La-ve là món uống lừng danh ở Áo, dân nhậu ở xa chỉ nghe nhắc đến cũng rệu nước miếng. Lão cũng có duyên nợ với la-ve, ban đêm lão không dám uống vì sợ bị nghi ngờ, song ban ngày thì tha hồ, lão nốc hết chai này qua chai khác, và càng uống la-ve lão

càng tỉnh.

Lão Cam đang tùm tùm cười một mình với mớ ý nghĩ rí rỏm trong đầu thì cửa phòng hé mở, và một người đàn ông trung niên gày rom rom, cặp mắt kiếng đen sì che gần nửa mặt lộ đầu ra, giọng thân mật nhưng khô khan:

– Vào đi.

Căn phòng không được trang hoàng gì cả, ngoại trừ cái bàn gỗ vuông và hai cái ghế gỗ mỏng mảnh. Người đàn ông trung niên chỉ ghế cho lão Cam ngồi. Trên bàn đã có một đồng vỏ chai la-ve, và một ly đựng la-ve vàng rộm còn sủi bọt. Lão Cam rót thêm cho thật đầy rồi nâng ly lên miệng, uống ừng ực. Gã trung niên hỏi:

– Đúng là đại tá Rết bị xử bắn không?

Lão Cam lấy vạt áo lau những giọt bia đọng trên mép:

– Thưa đúng. Lệnh của đại tướng tổng tư lệnh quân đội Áo là xử bắn Rết. Tuy nhiên, Rết đã yêu cầu được tự xử.

– Tin này được đăng trên báo?

Lão Cam trái tờ nhật báo vừa lấy khỏi nhà in trên bàn:

– Thưa vâng. Nhưng vì sở kiểm duyệt hoạt động quá gắt gao nên nhà báo chỉ dám lặp lại tin Rết tự sát bằng súng trong một phút quần chí. Họ ca tụng Rết là võ quan cao cấp có tài, có đức, từng lập nhiều công trạng trong ngành điệp báo, đồng thời họ cải chính những tin đồn cho rằng Rết là kẻ phản quốc đã lén bán tài liệu tối mật cho nước Nga...

– Tại sao họ lại cải chính?

– Đó là một cách loan tin khôn khéo và an toàn. Họ nói thật thì sợ ngồi tù, nên họ nghĩ ra một mảnh lời mà sở kiểm duyệt không làm gì nổi, ấy là loan tin đúng rồi cải chính tức thời.

– Tờ báo lấy tin này ở đâu?

– Thưa, do sự tình cờ trong một trận đá banh..

– Đá banh?

– Vâng, trận đá banh chiều chủ nhật cách đây hai hôm giữa đội Praha và đội Viên (Vienne). Đội Praha nắm chắc phần thắng, nên hầu hết khán giả đều đánh cá đội Viên thua, không ngờ...

– Hừ... cả anh cũng thích báo cáo dài dòng nữa ư? Đá banh rồi làm sao? Vụ đại tá Rết liên quan gì đến một buổi túc cầu và sự đánh cá ăn thua của đám khán giả

thích đồ đen?

– Thưa, liên quan một cách mật thiết. Số 1 thủ quân của đội Praha còn là phụ tá chủ bút của nhật báo Quốc gia.....

– À, à...

– Thưa, sự tiên đoán của khán giả đã trật lất hoàn toàn. Đội Praha bị đá thủng lưới 2 trái. Nguyên nhân là do hàng phòng vệ quá yếu. Giờ chót, Oác-ne² vắng mặt trên sân vì trường hợp bất khả kháng. Sự vắng mặt này làm mọi người phần nộ. Viên thủ quân lại càng phần nộ hơn ai hết. Đêm ấy, hấn hùng hổ đến nhà Oác-ne, dự định mắng cho một mẻ nên thân, và nếu cần tặng luôn vài ba trái đấm, nhưng không gặp. Viên thủ quân chờ đến khuya không thấy Oác-ne nên

² Tên người này là Wagner. Tên của người thủ quân là Egon Erwin Kisch. Và đội banh thành Praha này tên là D.B.C. Sturm...

đành trở về. Cả đêm hăn không chợp được mắt, sáng tinh sương, hăn lò dò đến tìm Oác-ne lần nữa. Khi ấy, gã hậu vệ vừa về, mặt muốn đứt hơi.

Gã thủ quân nghe bạn trần tình mới bật ngửa. Thì ra, bạn hăn không dự cuộc đấu được vì bị quân đội triệu dụng. Gã hậu vệ làm nghề thợ khóa, gã là thợ khóa giỏi nhất ở Praha. Gã nai nịt gọn ghẽ, sửa soạn ra sân cỏ thì một nhóm sĩ quan cao cấp đậu xích xe trước nhà. Bình thường một ông úy cả mềng đến thăm gã cũng xanh mặt, huống hồ lại là một ông tướng³. Ông tướng cho biết gã được bộ tổng tư lệnh mời đi Viên để mở một ổ khóa kiên cố.

– Trong nhà riêng của đại tá Rết?

3 Viên tướng có mặt tại nhà gã thợ khóa hôm ấy tên là bá tước Von Giesl, một nhân vật có quyền thế trong bộ tổng tư lệnh quân đội Áo.

– Dạ. Rết có một căn nhà riêng ở Viên, trong đó kê một tủ sắt vô cùng kiên cố. Rết chết từ đêm trước, nghĩa là đêm thứ bảy rạng sáng chủ nhật, chuyên viên của quân đội hì hục mở mãi không ra, họ đành nhờ đến tài khéo tay của gã thợ khóa kiêm hậu vệ đội banh Praha.

– Gã thợ khóa có nói trong tủ két của Rết đựng những gì quan hệ không?

– Thưa, gã cũng mất khá nhiều thời giờ mới mở nổi. Rết là lãnh tụ điệp báo nên rất thận trọng, tủ két được chế bằng thép dày, và gắn ổ khóa đặc biệt, phải nổ mìn mới phá vỡ được, nhưng nếu nổ mìn thì cháy hết tài liệu đựng bên trong, bộ tổng tư lệnh biết là triệu dụng gã thợ khóa thì khó giữ nổi bí mật song không còn cách nào khác. Khi mở ra, gã thợ khóa chỉ thấy toàn giấy tờ đóng dấu đỏ tối mật, và rất nhiều bản đồ tham mưu.

Ngoài ra còn một số giấy tờ bằng chữ Nga.

– Rất là thằng ngu. Dặn nó hoài mà nó chẳng thèm nghe. Anh có biết những giấy tờ bằng chữ Nga này nói gì không?

– Thừa không. Gã thủ quân là nhà báo nên cũng hỏi gặng, song tên thợ khóa đáp rằng tủ két vừa mở là gã bị các sĩ quan đuổi ra phòng ngoài. Tất cả giấy tờ đều được chở về bộ tổng, có binh sĩ võ trang hộ tống, gã thợ khóa bị lục soát tỉ mỉ, và sau đó người ta cấm gã được bép sếp.

– Nhưng gã vẫn bép sếp.

– Thật ra, gã định ngậm hột thị, nhưng vì gã thủ quân một mục nghi oan cho gã ăn tiền của đội banh Viên nên kiếm có lảnh mặt cho đội nhà bại trận,

danh dự và tự ái của gã bị va chạm nặng nề, gã đành phải mở miệng. Không dè gã thủ quân lại là nhà báo sẵn tin rồi cứ thế gã thợ khóa vô tình tiết lộ hết bí mật này đến bí mật khác.

Lão Câm ngừng nói, vớ ly la-ve vừa rót đầy trên bàn uống cạn một hơi. Rồi lão ngược cặp mắt kèm nhèm giả mạo lên nhìn thượng cấp, giọng pha vẻ nghiêm trọng:

– Thừa đại tá, sở dĩ tôi xin được gặp đại tá sáng nay vì gã thợ khóa tiết lộ một điều đáng chú ý. Trong khi gã bị đuổi ra phòng ngoài thì hai ông tướng bàn tán với nhau bằng tiếng Đức, đình ninh gã là người Tiệp, không hiểu tiếng Đức. Họ nói phải làm một mẻ lưới rộng lớn và bắt ngờ, hốt hết điệp viên Okrana ở đây.

Gã đàn ông trung niên mà lão Câm

gọi tên một cách kính cẩn là đại tá chặt lưỡi, hai tay chấp sau đít, đi đi lại lại trong phòng:

– Biết rồi, tôi cũng định nói với anh như vậy, Một nguồn tin cho biết chúng ta có thể bị lộ. Vì vậy, sau cuộc gặp gỡ này, anh phải rút ngay vào bí mật. Thượng cấp chỉ cho phép anh rút vào bí mật, chứ chưa cho phép hồi hương, vì tình hình đang biến chuyển nhanh chóng, anh đã phục vụ đặc lực cho Tổ chức, anh còn phải ở lại hải ngoại để tiếp tục nhiệm vụ. Nhân tiện, tôi cũng thông báo với anh hai tin mừng.

– Thưa, đại tá vừa nhận được tin về vợ con tôi?

– Đúng. Thứ nhất là tin nhà. Vợ anh đã khỏi bệnh. Đứa con lớn của anh vừa thi đậu.

– Cám ơn đại tá.

– Còn tin thứ hai. Trung ương nhiệt liệt khen thưởng anh, và đặc cách vinh thăng anh lên thiếu tá. Nào, thiếu tá chìa tay ra cho tôi bắt. Hà hà... bộ tổng tư lệnh Áo muốn bắt nhân viên Okrana, nhưng họ lại không biết rằng những nhân viên chỉ huy Okrana tại Áo là tôi và anh đang sống nhớn nhơ trước mắt họ, anh là gác gian tòa báo Quốc gia còn tôi là ông chủ tiệm làm bánh mì quèn, ha ha.... ha ha...

Viên đại tá gián điệp Nga đã có đủ lý do để cười nhạo quân đội Áo quốc. Vì sự phản bội của Rết đã làm ngai vàng nhà vua lung lay trầm trọng để rồi đại chiến thế giới thứ nhất bùng nổ, vương quốc

bị chia cắt tan hoang. Bộ tổng tư lệnh Áo bàng hoàng như bị sét đánh trước những điều tìm thấy trong tủ sắt của đại tá Rét nên quyết định giữ kín nội vụ bằng mọi giá. Ngay cả nhà vua cũng không được báo cáo về sự phản bội của Rét. Nhưng Okrana đã biết.

Ngoại trừ những mẩu tin lật vạt và rứt rề đăng trên báo địa phương, không một chi tiết đáng kể nào được thẩm lậu, dư luận hoàn toàn mù tịt. Phải chờ đến sau thế chiến đế quốc Áo sụp đổ và bị xâu xé người ta mới biết sự thật.

Sự thật này là hơn nửa triệu người Áo đã chết trong khói lửa do sự phản bội của Rét. Nhưng Rét là ai?

II.

Những tài liệu còn lại trong thư khố an ninh cho thấy Rét là một quân nhân có đặc tài, giỏi tổ chức, điều khiển bén nhọn và rất giàu nghị lực. Ông có năng khiếu về tình báo nên sau khi gia nhập quân đội ông được biệt phái vào Phòng Nhì.

Cuộc đời binh nghiệp của Rét bay cao như điều gặp gió, trong một thời gian ngắn ông trèo lên chức vụ chỉ huy. Từ năm 1900 đến 1905 Rét làm phó giám đốc tình báo và phản gián Áo quốc. Và từ 1907 đến 1911, Rét làm giám đốc. Không khí châu Âu hồi ấy cực kỳ khẩn trương, Áo là một vương quốc rộng mênh mông và hùng hậu về mọi mặt, nên chức vụ giám đốc tình báo và phản gián đã tạo

cho Rết những uy quyền lớn.

Kể ra Rết xứng đáng làm giám đốc. Vì dưới quyền Rết guồng máy điệp báo của Áo đã trở thành một tổ chức hiện đại và đặc lực. Và không riêng điệp báo Áo, điệp báo trên toàn thế giới đều thừa hưởng của đại tá Rết những phát minh tân kỳ. Văn phòng của Rết, cũng như của các phụ tá cao cấp đều được trang bị ống ảnh bí mật, khách vào phòng bị chụp hình kín đáo, giọng nói của khách cũng bị ghi vào đĩa. Ngày nay, chụp hình trộm hoặc ghi âm trộm là chuyện quá thường, chẳng cứ là chuyên viên điệp báo mới làm nổi, nhưng cách đây gần 70 năm, kỹ thuật nhiếp ảnh và thu thanh vẫn còn thô sơ thì sự bố trí của Rết phải được coi là những phát minh tân kỳ bậc nhất.

Rết còn nghĩ ra một phương pháp lấy dấu ngón tay thật tài tình. Sau vài lời

đưa đẩy với khách, Rết chìa hộp thuốc lá bằng bạc mời khách rút thuốc. Hộp thuốc này được phủ một lớp mi-ni-om ở ngoài. Sau đó, vân tay của khách in lên trên mi-ni-om được chụp hình lại trong phòng thí nghiệm. Trong trường hợp khách không hút thuốc, Rết sẽ kiểm có bận việc, chạy qua phòng bên, để lại trên bàn, ngay trước mắt và trong tầm tay của khách một xấp hồ sơ “tối mật” hoặc tấm hình đàn bà trần truồng nẩy nở và khiêu khích. Mỡ để miệng mèo, thử hỏi có mèo nào chịu ngồi bất động?

Rết được thăng đại tá và thuyên chuyển từ Viên đến Praha. Thiếu tá Ron (Maximilian Ronge), phụ tá của Rết được đôn lên thay thế. Ron giữ nguyên những sự sắp xếp của Rết được coi là hữu hiệu. Ron lại thực thi những chương trình cải tiến do Rết dự liệu song phải đình hoãn

vì thiếu phương tiện. Trong số những chương trình cải tiến này, vấn đề kiểm duyệt thư tín được nâng lên hàng đầu.

Việc kiểm duyệt được tiến hành hết sức bí mật. Một nhóm nhỏ nhân viên thân tín được thiếu tá Ron biệt phái đến Tổng nha bưu điện có nhiệm vụ mở đọc mọi thư từ, và đặc biệt là thư từ từ các vùng giáp biên gửi tới. Nhóm kiểm duyệt viên này định ninh việc mở đọc thư từ nhằm ngăn chặn và khám phá những vụ buôn lậu.

Chỉ có 3 người được biết lý do của việc kiểm duyệt. Trong vòng một năm trường, nhóm kiểm duyệt viên hoạt động bình thường, chẳng có gì đáng nói. Đột nhiên tháng 2-1913 họ thộp được hai bức thư khả nghi, đóng dấu một trạm bưu điện dọc biên giới phía đông Đức quốc, gần cận lãnh thổ Nga. Cả hai

phong thư đều gửi cho một hộp thư lưu trữ tại tổng nha bưu điện Praha mang số 13. Trong thư không có một giòng chữ nào. Mà chỉ đựng tiền. Một phong đựng 8 ngàn đồng tiền Áo, phong thư thứ nhì đựng 6 ngàn⁴.

Nội vụ được trình báo cho thiếu tá Ron và một hệ thống bầy sập được thiết lập. Quầy thùng thư lưu trữ được đặt dưới sự theo dõi của các nhân viên mật vụ. Một nút chuông điện được gắn dưới quầy, ăn thông với bót cảnh sát kế cận, trong bót có hai nhân viên mật vụ luân phiên túc trực trong những giờ bưu điện mở cửa. Viên chức thùng thư lưu trữ có bốn phen bấm nút chuông báo tin trong trường hợp người thuê bao thùng số 13 xuất hiện và phải tìm mọi cách rền rang hầu hai mật viên có thể đến kịp.

⁴ Tương đương với khoảng 5 ngàn mỹ kim hiện nay.

Những giờ, những ngày nhạt phèo trôi qua người thuê bao thùng thư số 13 vẫn biệt mù tăm tích, hai mật vụ viên giết thời giờ bằng cách chơi bài và viết thư... tình, định ninh đương sự bị động ổ đã lẩn trốn. Nhưng ngày 24-5, đúng 12 tuần sau ngày hệ thống chuông báo động được thiết trí tại quây thùng thư lưu trữ thì một tiếng chuông ngân reo vang trong bót cảnh sát. Cả thán, cả buổi nó không chịu reo, đến khi hai mật vụ viên không có mặt nó mới reng reng. Khi ấy, một mật vụ viên mắc kẹt trong phòng vệ sinh. Mật vụ viên thứ hai cũng đang rửa tay.

Họ chạy sấp chạy ngửa đến sở bưu điện. Song đã quá chậm. Nhân viên phụ trách thư lưu trữ đã tìm cách hoạt động chậm hơn rùa bò nhưng người mang số 13 đã lãnh thư và biến dạng. Hai mật vụ

viên phóng nhanh ra cửa, và chỉ kịp nhìn thấy một chiếc tắc-xi queo ở ngã tư. Họ không có phương tiện di chuyển, xe gắn máy cũng không có chứ đừng nói xe hơi, họ đành đứng chờ trước nha bưu điện. Hồi ấy là năm 1913, tắc-xi còn là đại xa xỉ phẩm, đâu có nhiều như bây giờ, nên hai mật vụ viên đợi hoài, đợi hoài mà những con đường trước sở bưu điện vẫn vắng tanh. Họ hy vọng một chiếc xe nhà nào đó xinh xịch chạy tới, họ sẽ chìa thẻ hành nghề ra... chặn lại. Song chỉ là hy vọng hảo huyền. Cho dầu họ có xe thì cũng là vô ích. Chậm rồi. Chậm quá rồi. Chiếc tắc-xi cao lêu nghêu sơn đen, bóp kèn toe toe đã chở số 13 thùng thư lưu trữ khỏi tầm mắt họ được đúng 20 phút.

20 phút, trời ơi, 20 phút quái ác... Hai mật vụ viên ngo ngẩn nhìn nhau, tiu nghiu như mèo cắt tai. Nửa giờ trước,

họ hùng dũng tin tưởng bao nhiêu thì giờ này họ mềm xèo và chán nản bấy nhiêu. Nhớ đến lời dặn của viên thiếu tá giám đốc, họ sợ phát lạnh người, hàm răng đánh vào nhau cầm cập, mặc dầu trời tháng 5 ở Praha nóng toát mồ hôi. Thiếu tá Ron nổi tiếng nghiêm khắc đối với nhân viên, ông ta đã lặp lại nhiều lần là phải túc trực trong bót canh sát, hễ kẻ tình nghi đến phòng thư lưu trữ là ập ngay tới, không được chậm trễ. Con chim đã bay bổng, họ sẽ ăn làm sao, nói làm sao với thiếu tá Ron? Nhẹ ra thì tổng xuất khỏi sở, không khéo còn bị bắt giữ và lôi ra tòa án về tội cấu thả nghề nghiệp hoặc thông đồng với địch...

Nghề điệp báo vốn là nghề của sự may rủi, hai mật vụ viên rủi không theo kịp kẻ tình nghi tại sở bưu điện nhưng lại gặp may kinh khủng. Là vì sau gần

nửa giờ dậm chân than vãn, họ nhìn thấy chiếc tắc-xi cao lêu nghêu sơn đen hồi nãy lò dò quay lại. Họ vắt giò lên cổ chạy tới nơi xe đậu. Tài xế nhăn răng cười. Họ mừng đến nỗi họ muốn cười mà cười không được. Tài xế mở cửa xe, cả hai mật vụ viên đứng sững như trời trồng. Lát sau một người mới mở được miệng:

– Anh vừa lái ông khách hồi nãy đến đâu?

Tài xế xịu mặt khi thấy tấm chứng minh thư in dấu son, dán ảnh oai vệ của sở Mật vụ, Hẳn đáp vâng, rồi chỉ tên một quán cà phê nhỏ⁵. Hai gã nhảy lên xe, dọc đường tài xế đã xả hết tốc lực mà họ vẫn kêu chậm. Cũng may quán cà phê này không lấy gì làm xa, đường phố ở Praha năm 1913 chưa có xe cộ đông đúc và đèn

⁵ Quán cà phê này mang bảng hiệu là Kaiserhof.

hiệu giao thông khệnh khạng, nên hai mật vụ viên của thiếu tá Ron đã đến nơi sau mấy phút đồng hồ.

Nhưng một lần nữa, hy vọng đã biến thành thất vọng. Tiệm cà phê chỉ có lơ thơ một vài khách uống. Gã tài xế đi vòng các bàn, nhìn từng mặt, và sau cùng lắc đầu. Gần đó có một bãi đậu tắc-xi. Hai mật vụ viên hỏi chủ quán, được biết là ông khách có khuôn mặt và lối phục sức như họ miêu tả mới rời quán sau khi uống cà phê và đi bộ lại bãi đậu tắc-xi.

Họ sửa soạn phóng lại bãi thì gã tài xế gọi giật và giúi vào tay họ một cái túi da nhỏ. Túi da này được dùng để đựng dao nhíp. Nó màu xám, nền da đã lên nước bóng loáng, chứng tỏ chủ nhân của nó đã mua từ lâu. Gã tài xế tưởng hai mật vụ viên bỏ quên. Xe chạy khỏi quán

được một quãng, một trong hai mật vụ viên mới reo lên:

– Chắc chắn mình sẽ tóm được hắn.

Hắn lạc quan không đến nỗi quá đáng vì một tài xế ở bãi đậu xe cho biết người khách từ quán cà phê đến đã gọi tắc-xi về lữ quán Kờ-lom-se (Klomser). Hai mật vụ viên kêu một nhân viên tiếp tân của khách sạn Kờ-lom-se ra hỏi thì được báo cáo là trong vòng 30 phút vừa qua có 4 ông khách mới. Nhân viên tiếp tân này được lệnh gõ cửa phòng của 4 người khách để hoàn trả cái túi da đựng dao.

Ngay khi ấy, một người đàn ông đứng tuổi mặc thường phục nhưng dáng điệu cứng nhắc, chứng tỏ là quân nhân chuyên nghiệp, từ cầu thang bước xuống phòng khách dưới nhà. Hai mật vụ viên

ngồi thu hình trong góc, mỗi người cầm một tờ báo to tướng che kín mặt.

Người khách đưa chìa khóa phòng cho bồi. Như vậy có nghĩa là khách sắp đi. Người nhân viên tiếp tân khúm núm tiến lại, chìa cái túi da xám ra. Hắn chưa kịp nói thì khách đã à lên một tiếng. Người nhân viên tiếp tân vội hỏi:

– Thưa, quý ngài bỏ quên cái này.

Khách cười, cất cái túi da vào trong túi rồi nói:

– Vâng, cảm ơn, cái túi này của tôi.

Mặt khách đang tươi roi rói bỗng sa sầm. Khách bước theo người nhân viên tiếp tân, giọng hơi mất vẻ bình thường:

– Này, ông bạn, ông bạn nhặt được cái túi này ở đâu đấy?

Người nhân viên tiếp tân đáp:

– Thưa một tài xế tắc-xi mang lại khách sạn, nói là quý ngài bỏ quên.

– Tại sao y lại biết tôi bỏ quên?

– Thưa, tôi không được rõ.

– Người tài xế này còn ở đây không?

– Thưa không.

Khách khựng người, da mặt hơi xanh. Bản năng chuyên viên điệp báo vừa thức dậy trong lòng khách. Khách vẫn được coi là người khôn ngoan chín chắn. Lẽ ra khách không nên nhận là chủ nhân cái túi da đựng dao nhíp. Khách từng huấn luyện thuộc viên thận trọng để khỏi rơi vào cạm bẫy. Té ra sinh ư nghệ tử ư nghệ... khách đã đút đầu vào cạm bẫy do chính mình nghĩ ra.

Khách là đại tá Rết, xếp sòng tình báo và phản gián Áo quốc. Đại tá Rết vừa vô tình hạ bút ký vào bản án tử hình của mình. Rết ra khỏi lỗ quán, thờ thần như người mất hồn. Một mật vụ viên vút tờ báo xuống đất, chạy bổ lại máy điện thoại. Thiếu tá giám đốc Ron chờ sẵn ở đầu dây. Sở Mật vụ đã được tin người thuê bao thùng thư lưu trữ số 13 đến lấy thư tại bưu điện trung ương. Giọng nói của thiếu tá Ron trào đầy xúc động khi gã mật vụ phúc trình rằng kẻ tình nghi là Rết. Thiếu tá Ron hỏi:

– Anh nói sao, người thuê bao thùng thư lưu trữ số 13 là ông Rết, ông đại tá Rết?

Gã mật vụ cung kính đáp:

– Thưa thiếu tá giám đốc, đúng là đại tá Rết.

– Đại tá Rết, nguyên giám đốc Sở?

– Thưa vâng.

– Tại sao anh dám chắc kẻ tình nghi là đại tá Rết?

– Thưa thiếu tá giám đốc, ngày trước tôi đã có lần làm việc trong văn phòng của đại tá Rết.

– Anh có biết lời nói của anh sẽ dẫn đến những hậu quả nào không?

– Thưa biết. Cho đến phút này, tôi vẫn còn bàng hoàng. Thoạt đầu, tôi không tin. Thưa thiếu tá giám đốc, tôi không dám tin. Bọn tôi cũng vậy. Sợ tôi bị quáng mắt, nhìn lầm, tôi hỏi nó thì nó cũng hỏi lại tôi là có phải đại tá Rết xếp cũ của bọn mình đấy không. Thưa thiếu tá... bây giờ chúng tôi phải làm gì?

- Anh phải bám thật sát.
- Thưa.....

III.

Thiếu tá Ron đã cắt điện đàm.

Hai nhân viên dưới quyền ông bàng hoàng là chuyện dĩ nhiên. Đến ông là cán bộ điệp báo chuyên nghiệp, trái tim được trui bằng thép, đời sống đã quen với quá nhiều biến cố bất ngờ, trái khoáy, mà còn bàng hoàng như bị đòn nốc-ao trên võ đài, huống hồ... Ông ngồi lặng trước bàn giấy. Ông không cắt điện đàm song tự nhiên bàn tay ông đặt cái máy xuống giá. Đến khi nhắc lên không nghe tiếng báo cáo của gã thuộc viên nữa ông mới

sực nhớ là đã cắt điện đàm. Đại tá Rết, thượng cấp trực tiếp của ông hằng được ông khâm phục và kính nể, có thể làm tay sai cho địch ư?

Thiếu tá Ron châm hết điều thuốc này đến điều thuốc khác. Ông chỉ hút vài hơi rồi dụi vào đĩa đựng tàn. Tâm thần ông bị bối rối cực độ. Ông suy nghĩ giờ lâu rồi gọi điện thoại cho viên chủ sự phòng thư lưu trữ ở tại Bưu điện. Ông cần biết một chi tiết quan trọng trước khi quyết định.

– Muốn thuê bao thùng thư lưu trữ có phải làm đơn xin không?

Viên chủ sự đáp:

– Thưa có!

Thiếu tá Ron nhấn mạnh từng chữ:

– Vậy yêu cầu ông đích thân mang lá đơn của người thuê bao hộp thư số 13 lại văn phòng tôi. Mang lại ngay bây giờ. Tôi chờ.

Trống ngực đập thành thịch — điều ít khi xảy đối với thiếu tá Ron — viên giám đốc tình báo phản gián Áo quốc mở tủ sắt, và lấy ra một tài liệu tối mật. Tài liệu này là một bản dự thảo tổ chức phản gián do đại tá Rết tự tay viết. Chỉ có một bản duy nhất, đại tá Rết sợ lộ nên không đọc cho thư ký ghi chép, cũng không cho phép đánh máy và in lại. Đại tá Rết có một tuồng chữ viết hơi đặc biệt, ông thường chấm dấu i quá cao, chữ t của ông luôn luôn cụt thun lùn gần giống chữ i và đáng kể hơn nữa là chữ y và chữ g đều được viết thảo.

Thiếu tá Ron rút mù-soa chấm bồ hôi trán. Tờ đơn xin thuê bao gồm có

nhiều đoạn viết tay. Ông đếm thấy nhiều chữ i, chữ t, chữ y, và chữ g được viết giống hệt như trong bản dự thảo tổ chức mang chữ ký chính thức của đại tá Rết.

Sợ hấp tấp nhìn lộn, thiếu tá Ron ngả lưng lim dim ngủ một lát. Rồi ông dùng kiếng lúp so sánh hai tuồng chữ trong đơn và trong bản dự thảo tổ chức. Không còn hồ nghi gì nữa, kẻ phản bội là đại tá Rết. Nếu Rết là người thuê bao hộp thư số 13 thì địch đã hiểu hết nội tình nước Áo. Những tai biến to lớn sắp sửa giáng xuống.

Thiếu tá Ron hối hả ra xe, đến trình diện đại tướng tổng tư lệnh. Những nhân viên đặc lực nhất của Sở được điều động cấp tốc để xiết chặt vòng vây quanh Rết.

Trong khi ấy, Rết đang tìm cách bỏ rơi hai mật vụ viên bám sát sau lưng

như bóng với hình. Họ không đến gần Rết, họ chia nhau mỗi người một bên đường, luôn luôn giữ khoảng cách một trăm mét. Họ đi ép vào lề, không cho Rết nhìn thấy. Nhưng họ quên rằng Rết đã từng dạy họ, Rết từng dạy những người điều khiển họ, Rết là ông vua không ngai của làng điệp báo Áo quốc. Nên sự khôn ngoan của họ không lừa được con mắt tinh tế của đại tá Rết.

Ngay từ khi lỡ lời tại lễ quán, Rết biết là bị lộ. Song ông còn nín lấy một tia hy vọng mỏng manh. Phản gián chưa theo dõi ông, ông còn có thể đào tẩu. Ông giả vờ đứng lại, cúi xuống buộc dây giày. Một thủ đoạn cũ rích. Ông nhìn thấy một mật viên. Rồi người thứ hai. Ông vừa gặp cả hai ngồi đọc báo say sưa trong lễ quán Kò -lom-se.

Ông rẽ vào một con đường vắng để kiểm soát lại lần nữa. Vẫn hai gã mật vụ quen thuộc gõ bước đều đều trên nền gạch. Rết bèn áp dụng một chiến thuật khác. Cũng cũ rích. Song có nhiều triển vọng thành công.

Ông lấy một số giấy tờ trong mình ra, xé nhỏ thành miếng vụn, ông thả từ từ xuống đường. Mục đích của ông là nhử mỗi hai gã mật vụ. Tham tài liệu chúng sẽ dừng lại để thu nhặt. Tội nghiệp cho Rết... cách đó không lâu, ông đã đích thân giảng dạy nhân viên về những mảnh khóe thần sầu để phỉnh gạt địch trong khi bị địch bám sát. Một trong những mảnh khóe này là xé vụn giấy tờ rồi vứt xuống. Ông căn dặn nhân viên đừng bao giờ dừng lại. Cứ phớt tỉnh, tiếp tục đi theo. Nếu cần, một người ở lại lượm giấy. Nhưng việc quan trọng vẫn

là không lơ đễnh, dầu chỉ là lơ đễnh một tích tắc đồng hồ. Hai mật vụ viên của thiếu tá Ron đã học thuộc bài. Họ không phụ công của giáo sư Rết. Nhưng họ đã giết điệp viên Rết...

Biết không thoát nổi, đại tá Rết đành loanh quanh một hồi rồi quay về lữ quán. Thật ra, ông cũng có hẹn với một người bạn. Tiến sĩ Pô-lắc, một luật sư lỗi lạc. Tiến sĩ Pô-lắc thường đảm nhiệm những hồ sơ liên quan đến các bị can là gián điệp bị truy tố trước tòa. Hai người sẽ dùng bữa tối với nhau.

Rết sắp sẵn trong óc một kế hoạch tinh vi, nếu vòng vây phản gián tỏ ra lỏng lẻo, ông sẽ bỏ trốn nội đêm nay, nhưng nếu ông hết lối thoát ông sẽ giả vờ mắc bệnh loạn trí và thất tình. Thiếu tá Ron đã gài nhân viên ngay trong phòng ăn. Người bồi bưng thức ăn cho hai người

cũng là sĩ quan phản gián. Ron chọn toàn nhân viên tân tuyển nhưng kinh nghiệm, vì sợ Rết quen mặt.

Tiến sĩ Pô-lắc kinh ngạc khi thấy bạn có gương mặt buồn như mặt dừa đắm tang. Không đợi Pô-lắc hỏi han, Rết đã thở dài náo ruột rồi bằng giọng xúc động kể lại những nỗi sầu đau tưởng tượng. Rết không quên nhấn mạnh đến bệnh tiêu tiền không đếm của mình, và những cô gái có sắc đẹp quyến rũ đã làm ông ta điêu đứng. Dĩ nhiên Rết không thú tội phản bội, làm gián điệp cho Nga - l a - tư. Sau cùng, tiến sĩ Pô-lắc tỏ vẻ ái ngại, khuyên bạn nghỉ ngơi một thời gian. Rết toan nhờ Pô-lắc đưa ra khỏi thành phố song viên tướng tổng tư lệnh quân đội Áo đã hạ lệnh cho thiếu tá Ron đến bắt. Cùng đi với Ron còn có 3 sĩ quan cao cấp thân tín khác.

Pô-lắc được mời ra trước khi Ron xuất hiện. Nhưng Ron chưa nói gì. Ông kéo ghế ngồi. Đại tá Rết thấy Ron từ xa, bèn giả vờ tản bộ cho tiêu cơm. Nhân viên Phản gián bám sát Rết từng bước. Biết Phản gián chỉ xiết chặt vòng vây, mặc cho ông tự xử, chứ không bắt giữ. Rết bèn trở về phòng.

Còn 30 phút nữa đến nửa đêm.

Không khí hoàn toàn im lặng. Ngoại trừ tiếng giầy của Rết và tiếng giầy của đám nhân viên Phản gián. Rết tra chìa khóa vào ổ rồi quay lại:

– Các chú không nên đứng bên ngoài. Vào trong phòng tôi có đủ đồ uống và ghế ngồi nghỉ chân.

Nhân viên Phản gián đáp:

– Xin đại tá tha lỗi. Chúng em chỉ được phép canh gác bên ngoài.

– Canh gác để làm gì?

– Thưa, chúng em không biết.

– Nhưng tôi biết, tôi biết. Thiếu tá Ron hiện ở đâu?

– Thưa, thiếu tá dặn là khi nào đại tá mời thì chúng em sẽ trình về bằng điện thoại.

– Vậy, các chú gọi ngay cho thiếu tá Ron là tôi muốn gặp tại phòng tôi.

Rết thở dài rồi khép cửa phòng.

IV.

Rết không phải chờ đợi lâu. Vì trong khoảnh khắc đã có tiếng gõ cửa. Tiếng gõ cửa đều đặn, rần rỏi mà Rết biết là của thiếu tá Ron. Hồi Ron còn làm phụ tá, đại tá Rết đã chú ý đến lối gõ cửa của Ron, bộc lộ tâm tính ngăn nắp và cương nghị, hai yếu tố quan trọng đối với nghề điệp báo.

Rết thường khen Ron và lặp đi lặp lại nhiều lần:

– Ron ơi, anh có nhiều đức tính nghề nghiệp hơn tôi nhiều, anh chỉ còn thua tôi về kỹ thuật, nhưng kỹ thuật rất dễ học, trong một thời gian ngắn, anh sẽ bằng tôi, rồi sẽ vượt xa tôi, tôi rất sung

sướng được có một người phụ tá như anh. Và mai đây, khi anh ngồi ở ghế giám đốc này thay tôi, bọn nhân viên điệp báo của địch sẽ thất điên bát đảo...

Lời nhận định của Rết đã thành sự thật. Rết đang thất điên bát đảo trước tài ba và mưu lược của viên cựu phụ tá.

Rết nhìn ra cửa, cố lấy giọng điềm tĩnh:

– Cứ vào.

Rết đã uống non nửa chai rượu mạnh. Bình thường, ông là đồ đệ của Lưu Linh, nhưng có thói quen uống từ từ, mỗi lúc một hớp nhỏ, chứ không nốc cả li, và chưa bao giờ khiêng luôn nửa chai trong vòng 5, 10 phút đồng hồ. Thật ra, ông uống rượu mà như uống nước lã vô vị, ông uống rượu mà không biết là mình

uống rượu nữa. Thần trí ông đang bị xúc động mạnh mẽ, ông ngồi yên trong ghế, tay vẫn cầm chai rượu.

Thiếu tá Ron bước vào, thân hình vạm vỡ thu gọn trong bộ quân phục cắt khéo, ủi thẳng tắp. Ron vẫn phục sức chỉnh tề như dạo nào còn làm phó giám đốc, nhưng nụ cười bất hủ trên môi đã biến hẳn. Ron rập hai chân vào nhau, giơ bàn tay lên trán, chào kính cẩn. Rết tiếp tục ngồi yên không đứng dậy. Cùng đi với Ron có hai thiếu tá lạ mặt. Họ khép cửa cẩn thận, và đứng ngay sau cửa, không tiến sâu vào. Mặt người nào cũng lạnh lùng.

Rết nói:

– Tôi không còn là đại tá nữa. Tôi cũng không còn là Rết nữa. Tôi đã thành kẻ có tội, giờ đây tôi đã sẵn sàng.

Thiếu tá Ron đáp:

– Anh vẫn là đại tá Rết, thượng cấp mà tôi hằng khâm phục tài ba và đức độ. Tôi đã trình lên đại tướng tổng tư lệnh, và đại tướng cho phép tôi thương lượng với anh trên tình chiến hữu từng hợp tác với nhau trong nhiều năm và trên tình bạn thăm thiết.

– Tôi không còn xứng đáng là chiến hữu, là bạn thân của anh nữa. Tôi đã phản bội. Tôi là thằng khốn nạn.

– Anh đang còn có cơ hội chuộc tội với quân đội, chuộc tội với gia đình, chuộc tội với Tổ quốc.

– Hiểu rồi. Đại tướng sẽ không truy tố tôi ra tòa?

– Hồi anh điều khiển sở Mật vụ, nhiều trường hợp tương tự đã xảy ra. Anh

thường nói với tôi là truy tố chẳng có lợi gì cả. Chỉ có địch là được hưởng lợi. Ra tòa, chắc chắn anh sẽ bị kết án tử hình. Tử hình theo tôi hiểu không phải là điều anh sợ, anh là con người can đảm, có can đảm làm, anh có can đảm gánh chịu hậu quả. Tuy nhiên, điều anh sợ, điều mà tôi cũng sợ như anh, là những hậu quả sẽ xảy đến cho gia đình anh, cha mẹ anh, và nhất là thanh danh anh. Nếu câu chuyện bị vỡ lở, tên tuổi của đại tá Rết sẽ bị vùi dập xuống vũng bùn. Là bạn anh, tôi có bốn phận phải...

– Cám ơn anh. Đại tướng muốn biết tất cả những hoạt động phản bội của tôi trong thời gian tôi lãnh lương của do thám Nga-la-tư?

– Vâng. Càng gồm nhiều chi tiết càng tốt. Đại tá đã trao cho họ những tài liệu nào, và trao cho ai. Và...

– Hiểu rồi. Tôi xin cố gắng làm đại tướng và làm anh thỏa mãn. Sau khi anh ra khỏi phòng tôi sẽ bắt đầu viết bản thú tội. Còn về giấy tờ, tài liệu xin anh mở cái tủ sắt cất trong nhà tôi ở Praha. Anh sẽ đảm bảo danh dự tôi được toàn vẹn?

– Tôi sẽ cố gắng hết sức, tuy nhiên, tôi cũng xin nói trước là giữ kín được mãi không phải là dễ. Sau khi anh chết, báo chí sẽ được lệnh loan tin trong thời gian qua, anh làm việc quá sức nên thần kinh bị căng thẳng, phải dùng thuốc trợ lực, và trong một phút quẫn chí đã tự tử. Gia đình anh sẽ được tiếp tục lãnh lương, nhà cửa, tiền bạc của anh sẽ không bị tịch thu, nhưng tôi cũng có nhiệm vụ nói rõ với anh là trong bản trần tình anh phải ghi hết, ghi thật, nếu không đại tướng sẽ không cứu xét.

– Hiểu rồi. Phiên anh chuyển lời chào vĩnh biệt của tôi lên đại tướng. Tôi thành thật cảm ơn anh một lần nữa. Giờ đây, xin anh ban cho tôi một đặc ân. Tôi muốn được tự xử bằng khẩu súng của anh.

Thiếu tá Ron rút khẩu súng lục ra khỏi bao đeo ở thắt lưng, kiểm điểm lại cối đạn, đoạn đặt ngay ngắn trên bàn trước mặt đại tá Rết, Rết chìa tay bắt. Bắt tay xong, thiếu tá Ron lùi lại, chào theo quân cách. Hai sĩ quan đứng sau cũng nghiêm mình.

Cửa phòng được đóng lại. Rết hí hoáy viết.

*

5 giờ sáng. Nhân viên Phản gián rón rén bước vào. Lần này, họ không gõ cửa. Vì họ biết đại tá Rết đã chết. Họ rón rén vì sợ kinh động giấc ngủ ngàn năm của vị cựu thủ lĩnh gián điệp Áo quốc trở thành kẻ thù của Áo quốc.

Rết gục đầu trên đồng giấy trắng viết dở, viên đạn chỉ gây ra một lỗ nhỏ trên màng tang, máu chảy rất ít rồi đông lại. Rết để lại hai bức thư tuyệt mạng ngắn ngủi.

Bức thứ nhất:

“Đời tôi tan nát vì nhẹ dạ và đam mê. Hãy cầu nguyện cho tôi. Tôi lấy cái chết để chuộc lại lỗi lầm – Rết. Đúng 1 giờ 15 sáng. Bây giờ tôi chết. Xin đừng cho pháp luật y khám nghiệm thi thể. Hãy cầu nguyện cho tôi...”

Bức thư thứ hai gồm mấy dòng dành cho người thân.

Thế là xong. 13 giờ đồng hồ sau khi đến thùng thư lưu trữ mang số 13 lấy tiền do Sở gián điệp Nga gửi qua, đại tá Rết đã phải kết liễu cuộc sống bằng viên đạn 9 li. Thiếu tá Ron đã giữ đúng lời hứa. Nội vụ được ém nhẹm sau khi Rết thiệt mạng. Những người xa gần liên hệ đến nội vụ đều được bí mật triệu đến văn phòng đại tướng tổng tư lệnh để long trọng tuyên thệ ngậm miêng. Ngay cả hoàng đế Áo quốc cũng không hề hay biết.

Rết đã làm gián điệp cho Nga trong 10 năm. Ông đã yểm trợ điệp viên Nga hoạt động đặc lực trên đất Áo. Ngược lại, ông đã bán cho Nga các điệp viên do ông huấn luyện, và đặc phái sang Nga. Có lần một số người Nga cao cấp đề nghị

bán tin tức tối mật cho Áo, Rết đã thông báo cho Nga. Với sự phản bội của đại tá Rết, do thám Nga đã thành công rạng rỡ. Gần nửa thế kỷ trôi qua, người Nga vẫn tự hào là chưa nước nào tái diễn được tấn trò của đại tá Rết.

*

Rồi vụ Penkốpky xảy ra. Penkốpky là một đại tá Nga. Cũng là yếu nhân mật vụ. Penkốpky làm gián điệp cho Tây phương. Và cũng chết như Rết.

Gián điệp là cái vòng luẩn quẩn. Cười người hôm trước, hôm sau người cười, phải không các bạn?

TRUYỆN THỨ HAI

Giai nhân ngực lép

Thường thường đàn bà ngực đẹp mới được coi là giai nhân. Thân hình đẹp cũng chưa đủ, da thịt phải thơm tho, chất nhờn của bồ hôi không được làm vương tôn công tử bịt mũi, trái lại, phải nở mũi thật rộng để thưởng thức.

Từ gần nửa thế kỷ nay, trên trái đất chỉ có một thiếu phụ tứ tuần được thiên

hạ tôn làm giai nhân mặc dù nàng có bộ ngực chảy xệ và lệch méo, và điều tối kỵ hơn nữa là nàng mắc bệnh.... hôi nách.

Tên nàng là Mata Hari, nữ điệp viên nổi tiếng trong Đại chiến thứ nhất. Nàng bị bắt ngày 13-1-1917 (trời ơi, cũng con số 13 tai quái như trường hợp đại tá Rết), trong tháng 9 bị đem ra xử trước Tòa án quân sự để rồi vào ngày 15-10 cùng năm bị đưa ra bắn.

Mata Hari nổi tiếng, một phần vì bản án của nàng. Các vị quan tòa cứ khẳng định là nàng phạm tội, nàng đã cung cấp tin tức quan hệ cho nước Đức, gây ra cái chết của hơn 50.000 binh sĩ Pháp, tuy rằng từ đầu đến cuối phiên xử rất ít bằng chứng xác đáng được đưa ra. Hồi đó là năm 1917. Năm xấu nhất của nước Pháp. Trên mặt trận Tây, quân đội tử trận hàng vạn, một số đơn vị muốn nổi loạn.

Người ta cần tìm một bung xung để trút trách nhiệm.

Và bung xung này là giai nhân Mata Hari, điệp viên mang bí số H.21 của Đức...

Mata nổi tiếng phần khác cũng vì những huyền thoại được thêu dệt chung quanh nàng. Chính nàng đã đóng góp nhiều vào việc thêu dệt ấy. Nàng không hề sinh trưởng ở Ấn Độ, giỏi vũ khóa thân từ tám bé, và từ năm 13 tuổi đã múa nhảy trần truồng trong những ngôi đền thờ thần tình dục Siva.

Thật ra, cha mẹ nàng là người Hòa lan trăm phần trăm. Nàng kết hôn với một đại úy Hòa lan phục vụ tại Nam Dương sau một mẩu tin rao vặt «tìm bạn tri ân» đùa bỡn trên báo chí, nàng sinh được một đứa con rồi... bỏ chồng.

Mata lang thang đến Ba Lê, xin làm người mẫu lỏa thể song bị từ chối tàn nhẫn vì lẽ ngực nàng quá xấu. Nàng bèn lao thân vào xóm lâu xanh, bán vui cho khách, dần dà nàng múa lỏa thể tại các rạp hát bình dân trước khi được ngả vào vòng tay nhiều bậc quyền quý.

Dĩ nhiên Mata đã làm gián điệp. Làm cho Pháp. Và làm cho Đức. Nhưng làm theo kiểu tài tử thì đúng hơn Nàng chỉ giỏi về một môn làm, đó là làm tình.

Trong những huyền thoại được lưu lại hậu thế, có một huyền thoại rất gần sự thật. Huyền thoại về làm tình. Huyền thoại về con số người yêu của nàng. Nàng đã có nhiều, rất nhiều người yêu. Tại sao đàn ông yêu nàng đông đảo và khăng khít như vậy, cho đến nay bí mật ấy vẫn chưa được trả lời, tuy đã có hơn một tác giả cự phách, hơn một cuốn sách

giá trị, đã viết về nàng, về Nữ gián điệp Mata Hari.

Trung úy Mót-nê (Mornet), ủy viên chính phủ của phiên tòa, người đã yêu cầu tòa lên án tử hình nàng, đã tuyên bố mấy chục năm sau về vụ án năm 1917 “Vụ Mata Hari hả? Chẳng có cóc khô gì hết!”

Thật vậy, nếu Mata không phải là đàn bà, nếu nàng không có nhiều người yêu thì có lẽ nàng đã không bị hành quyết và đời nàng “Chẳng có cóc khô gì hết”. Ngựa xe dập dìu, bướm ong ve vãn nên Mata trở thành bất tử.

Ngày 27-10-1963, khán thính giả đài truyền hình Pháp được theo dõi cuộc đời Mata lần đầu trên màn ảnh nhỏ. Hô-ly-út đã sản xuất một cuốn phim thành công rạng rỡ về nàng do nữ minh tinh

thượng thặng Gëröta Gátbô (Greta Garbo) đóng.

Trong khi ấy, ở nước ta vẫn chưa có dòng chữ nào, bức hình nào về Mata. Người Thứ Tám cố gắng gạn lọc huyền sử, để trình bày sự thật trần trụi — cũng trần trụi như các điệu vũ dân loạn của Mata — và sự thật trần trụi này cho thấy là câu chuyện về giai nhân ngực lép không đến nổi tẻ nhạt như lời thú nhận của ủy viên chính phủ Mót-nê.

Toán người vẽ mặt nghiêm trọng dừng lại trước cửa xà lim mang số 12 trong lao thất Thánh Lazarê.

Xà lim 12 là phòng giam nữ tội nhân tử hình được nhiều người biết tiếng nhất. Mata Hari. Phòng giam khá rộng, ba cái giường kê song song mà vẫn còn thừa chỗ, tuy nhiên, không khí lại ngột ngạt,

ban ngày cũng phải thắp đèn. Dầu bên ngoài trời nắng chang chang các giám thị cũng không dám tắt đèn vì trong này tối om, tường xây bằng đá ong kiên cố, lạnh lùng, ngay gần trần phòng chỉ có hai khung cửa sổ nhỏ xíu cắm chắn song sắt to tướng.

Lệ thường các xà lim trong khu tử hình đều kê 3 giường, một tử tội nằm chung với hai thường phạm khác giữ nhiệm vụ canh chừng. Nhưng xà lim của Mata hoàn toàn trống trơn.

Khóa cửa và xích sắt kêu rỗng rỗng. Tử tội đang còn ngủ, mặt quay vào tường. Tối hôm trước, nàng uống viên thuốc ngủ do y sĩ đưa sau khi nàng viết thư để lại. Trước đó nàng đã gội đầu sạch sẽ, tắm rửa thật lâu, và tắm nước thơm hoa hồng. Lần đầu tiên trong 8 tháng bị giam cầm, nàng được phép chọn thực

đơn. Sau khi suy nghĩ, nàng kêu món bít-tết đặc biệt nấu nấu, uống kèm với rượu sâm-banh. Nàng yêu cầu viên chức khám đường mang hoa hồng tươi đến đặt trên mộ của mẹ nàng. Nàng ngồi gần một giờ đồng hồ với vị linh mục. Xong xuôi, nàng cầm bút...

Suốt đêm ấy, biện pháp an ninh được gia tăng tối đa. Ngoài hành lang lính võ trang đứng gác. Không ai được bén mảng đến khu tử hình. Mọi vật dụng của tử tội đều bị kiểm soát chặt chẽ. Để mức thức ăn, tử tội chỉ được dùng muỗng gỗ. Đĩa bát cũng bằng gỗ. Đôi giày vải của nàng được khâu tay, không đóng đinh. Nàng hút thuốc liên miên, song không được phép đốt lửa nên một nhân viên để lao luôn luôn túc trực để quẹt diêm cho nàng.

Tử tội được đánh thức đúng 4 rưỡi sáng. Giọng nói đều đều của viên thẩm phán quân pháp cất lên, xé tan màn im lặng rùng rợn lúc rạng đông:

– Giờ thi hành công lý đã đến... Tổng thống đã bác bỏ đơn xin ân xá của bà. Bà phải thức dậy. Và phải có can đảm.

Nữ tử tội bàng hoàng trong giây phút. Nàng không hề sợ chết, nàng bàng hoàng vì nàng không tin chính phủ Pháp sẽ hành hình nàng. Trước vành móng ngựa tòa án quân sự vùng III, trước 7 quan tòa lâm lý ngồi sau cái bàn dài bằng gỗ đào lên nước bóng loáng, trong phiên xử kín ngày 24-7-1917, nàng vẫn giữ vẻ mặt thản nhiên, gần như ngạo nghễ bất cần khi ủy viên chính phủ tuyên đọc cáo trạng gồm 10 tội danh, tội nào cũng mang đến cái chết. Và khi tòa tuyên án, nàng không hề run rẩy. Trái lại, nàng còn

mỉm cười, cái cười nửa miệng từng làm bao nhiêu người say đắm...

Mata không hề sợ chết, trong chuỗi ngày bị giam ở khám tử hình nàng đã chứng kiến cái cảnh hơn 10 nữ tử tội bị dẫn qua phòng nàng tới đoạn đầu đài, trong số đó có một người ngất xỉu phải dìu lên máy chém với hai người xốc nách.

Cho đến 4 rưỡi sáng hôm ấy, nàng vẫn vững tin thoát chết. Nàng không hề biết đường dây điện thoại của khám đường được canh suốt đêm mà Phủ Tổng thống không gọi đến. Tuy nhiều nhân vật và ảnh hưởng quan trọng tìm cách can thiệp, Tổng thống Pháp vẫn không ân giảm tội chết.

Viên thẩm phán kêu gọi nàng giữ can đảm, điều này có nghĩa là nàng sắp bị đem bắn. Nàng sợ lắm nên hỏi lại:

– Ông nói gì? Tôi bị bác đơn ân xá?

– Vâng. Yêu cầu bà sửa soạn.

– Lạ thật.. lạ thật...

Lạ thật... vì nếu đơn xin ân xá của nàng bị bác thì không lẽ kế hoạch giải thoát nàng khỏi khám đường lại không thành tựu. Nàng bỗng nhớ đến bá tước Piô⁶ một trong nhiều tình nhân trung thành của nàng. Bá tước Piô hứa áp dụng một kế hoạch táo bạo: bằng tiền bạc mua chuộc toán lính hành quyết, thay đạn thật bằng đạn giả, mua chuộc cả những người phụ trách trói tử tội vào cọc, trói cách nào thật lỏng để sau khi súng nổ tử tội có thể giả vờ bứt dây ngã gục xuống đất, rồi sau cùng là kiếm cái hòm đục lỗ cho nàng thở. Nàng bị đem chôn là bá

⁶ Đó là bá tước Pierre de Mortissac. Định mạng oái oăm đã khiến Mortissac bị chết như Mata Hari năm 1938 ở Tây ban Nha. Năm ấy Mortissac bị bắn về tội khuynh tả.

tước sẽ cho đào lên...

Tử tội ngồi bật dậy, hất tung cái mền xuống đất, đoạn yêu cầu dì phước Mari, một trong hai nữ tu tình nguyện sống bên nàng để an ủi, giúp trong những ngày còn lại trên dương thế:

– Xơ ơi, xơ lấy giùm cho những đồ lót đẹp nhất của tôi cất trên ngăn tủ kia kìa.

Dì Mari xuất thân từ một dòng tu đặc biệt gồm chừng 50 nữ tu chuyên phục vụ tội nhân trong khám đường. Dì hỏi hỏi mang đồ lại. Linh mục At-bu (Arboux) ghé tai tử tội nói thầm, nàng đáp:

– Vâng, vâng, một lát nữa thôi.

Nàng mặc đồ chậm rãi và bình thản, hai nữ tu không phải săn sóc như đối với các tử tội trước giờ đến tội.

– Tôi có được phép nịt cốt-xê không?

Quản đốc khám đường đáp:

– Thưa bà, được.

Tử tội nịt cốt-xê, xỏ chân vào đôi giày tuyệt đẹp, rồi ngoảnh sang bên:

– Còn găng tay nữa chứ!

Đó là tất cả những gì còn lại của nếp sống trà đình tửu quán, quăng tiền qua cửa sổ của nàng. Làn tất tay mịn màng vuốt ve da thịt nàng, như có ma thuật, làm Mata bỗng được sống lại quá khứ.

II.

Margareta Geertruida Zelle chào đời ngày 7.3.1876 tại một làng Hòa Lan, sát biên giới Đức. Cha nàng làm nghề buôn tầm thường, song có bộ mã khôi ngô và sở đào hoa. Năm nàng lên 14, mẹ nàng lìa đời, bỏ nàng ở lại với 3 em trai.

Mẹ nàng chết chưa xanh cỏ thì cha nàng tục huyền, và cô bé Zelle được đưa vào nhà dòng học cho đến tuổi thành niên. Trong thời gian “kín cổng cao tường” này, mặc dầu kỷ luật nhà trường rất nghiêm minh, nàng yêu như vũ bão, yêu bữa bãi, gặp chàng trai nào nàng cũng bông bột hẹn hò, như thể nàng thiếu đàn ông thì nàng không thể sống được. Tuy

vậy, nàng có biệt nhỡn đối với sĩ quan. Nhất là các sĩ quan khôi ngô, hào hoa, ưa sống bênh bông. Ra trường, một ngày kia nàng đọc báo thấy mẫu lai cáo như sau:

“Đại úy phục vụ trong quân đội viễn chinh Hòa lan tại Nam Á, về nước nghỉ phép, muốn tìm một người con gái hợp nhãn... McLeod”.

Mẫu tin này thật ra do lũ bạn nghịch ngợm đồng ngũ của McLeod đăng để lỡm chơi. Chơi mà hóa thật... McLeod tiếp nhận được 16 lá thư xanh hẹn gặp, và định mệnh đã khiến hắn chọn Zelle. Hắn đẹp trai, cường tráng, lại ăn nói hay ho, đeo lon quan ba, tương lai sáng lạn nên nàng yêu hắn chỉ là chuyện dĩ nhiên.

Trở thành vợ McLeod, nàng sinh hạ ngày 30.1. 1896 một bé trai kháu khỉnh,

đặt tên là Nót-man. Điều nàng không ngờ là đại úy McLeod với bề ngoài quân tử, hào phóng lại chính là tên ma-cô ăn bám vào vợ, chuyên thả cở vợ lấy tiền bài bạc hút xách, dĩ điểm. Hắn bố trí cho khách giàu sang quý tộc đặt chân vào phòng ngủ, rồi nàng cởi quần áo múa nhảy, khách đang lâng lâng ru hồn cõi mộng thì hắn xuất hiện. Và kết cuộc là khách phải ngậm bồ hòn làm ngọt, dùng tiền mua chuộc sự im lặng.

Chồng nàng bị đổi qua Nam Dương, nàng xuống tàu đi theo. Dọc đường, nàng tìm được hai người yêu và họ đã giúp nàng quên được cuộc hành trình nhọc nhằn trên biển. Sinh sống tại đảo Sumatöra (Sumatra) với chồng, nàng yêu một tiểu vương bản xứ và sinh một con gái, đặt tên là Ban-đa.

Số kiếp đã bắt nàng phải đau khổ: sau này nàng chết trước tiểu đội hành hình thì con nàng cũng vậy. Đứa con trai duy nhất của nàng từ trần vì bị đầu độc tại Sumatöra. Còn lại đứa con gái thứ hai theo cha về nước thì cũng chết bệnh thảm thương trước khi biết nếm mùi đời.

McLeod ly dị vợ để sống chung với một góa phụ giàu có. Năm 1903, nàng tới kinh đô ánh sáng Ba Lê với ý định làm lại cuộc đời. Sau 3 tuần lễ lang thang thất nghiệp, giấc mộng trở thành nghệ sĩ tiêu tan, nàng gõ cửa một xưởng vẽ, xin làm người mẫu khỏa thân. Tiền thù lao quá ít, nàng bèn làm thêm nghề “phụ”, và trong thời gian ba chìm bảy nổi này nàng mắc bệnh phong tình.

Giữa cơn nguy biến chơi với, nàng được một thân nhân của chồng cũ mời

về ở chung. Cặp vợ chồng già này làm ơn suýt mang oán vì Mata Hari dùng ma lực xác thịt để lôi kéo ông chồng. Bà vợ phải biểu nàng một món tiền lớn nàng mới chịu buông tha, dọn ra khỏi nhà, và một lần nữa nàng trở lại kinh đô ánh sáng.

Nàng là người đầu tiên vũ thoát y theo kiểu thần bí Đông phương trên sân khấu Ba Lê. Cô-lét (Colette) là một nhà văn hào Pháp, cũng nhìn nhận “Mata có chân tài về nghệ thuật cởi bỏ quần áo trong khi vũ và phô bày một tấm thân thon mảnh, đẹp đẽ mà người Ba lê chưa từng thấy”. Mỗi khi vũ, nàng chỉ mặc hai miếng tròn bằng vàng trên ngực, mục đích che giấu cặp nhũ hoa kém thẩm mỹ, và con rắn bằng bạc dưới bụng. Nàng tự nhận là đại vũ nữ Ấn Độ, từng múa trong đền thần. Na-muy (Paul Namur), họa sĩ trứ danh, từng vẽ nàng, đã phê

bình nhan sắc của nàng như sau:

“Mata thật ra không đẹp. Nét mặt nàng rất thường, song môi nàng, làn môi mà bao người thèm được hôn, đã có một cái gì, làm xuân tình phát động. Má nàng và cằm miệng nàng cũng vậy, nó chứa một cái gì rạo rức. Nhìn làn da ngăm bóng của nàng, người ta luôn luôn có cảm tưởng nó vừa được thoa dầu thơm hoa hồng để át mùi mồ hôi. Nàng bắn khoả rất nhiều về thân hình nàng vì ngực nàng lép và chảy, ngược lại, cặp giò, cánh tay và đôi mắt thì hoàn toàn đẹp. Không phải ngoa khi có người nói rằng nàng có những cánh tay đẹp nhất thế giới”.

Nàng thành công dễ dàng và nhanh chóng. Nhưng nêu tiếng tăm của nàng lên như điều thì xuống cũng như xe hơi

tuột dốc. Ba lê bắt đầu chán nản, nản bèn lên đường đi Bá linh.

Rồi từ cuộc sống thâu đêm bên tiệc tùng, trác táng trong vòng tay vương tôn công tử Đức, nàng bước chân vào vòng vây... điệp báo. Tại sao nàng trở thành con thiêu thân gián điệp? Không ai có thể trả lời. Có lẽ vì bệnh ham của mới. Điệp báo là nghề có nhiều mới lạ và bất ngờ. Có lẽ vì cần tiền. Có lẽ vì nàng mang bệnh thác loạn thần kinh. Đúng hơn có lẽ vì tất cả các yếu tố này gộp lại. Tài liệu lịch sử cho biết Canari⁷ tùy viên quân sự tại sứ quán Đức ở Tây ban Nha, viết thư cho giám đốc Công an Bá Linh (Berlin) Von Dagô (Hen Veta Jagow) đề nghị lưu tâm Mata. Dagô kết nạp nàng vào tổ chức. Sau này, bị cật vấn trước tòa, nàng khai như sau:

⁷ Walter Canaris, sau này trở thành trùm quân báo Quốc xã Đức trong Thế chiến thứ hai.

– Tôi gặp Dagô trong một hí viện mà tôi trình diễn vũ điệu. Tại Đức, công an có quyền kiểm duyệt y trang của nghệ sĩ, một người đệ đơn kiện tôi về việc tôi phục sức hở hang nên Dagô đến hí viện để điều tra.

Đúng hay sai?

Không ai có thể trả lời.

Trước tòa, viên chánh thẩm hỏi nàng:

– Von Dagô đã kết nạp bị cáo vào Sở mật vụ Đức?

Nàng đáp lại cương quyết:

– Không.

– Bị cáo phủ nhận bí danh H.21 không?

– Không.

– H.21 là bí số của bị cáo trong Sở Mật vụ Đức?

– Không. Tình nhân của tôi cho tôi bí số này để dễ liên lạc với tôi. Bằng lối này, chàng có thể xử dụng đường dây của chính phủ vì các phương tiện liên lạc tư nhân đã bị chiến tranh làm gián đoạn. Ngoài ra, chàng còn có thể dựa vào đó để lấy công quỹ bao tôi.

– Bị cáo nhìn nhận đã lãnh tiền do Von Dagô trả?

– Vâng. Nhưng đó là tiền bao người yêu, chứ không phải tiền lương điệp viên.

– Trong thời gian chiến tranh, bị cáo ở Pháp đã lui tới nhiều sĩ quan?

– Dĩ nhiên, vì ở đâu chả có sĩ quan, vả lại tôi vốn yêu sĩ quan.

– Yêu sĩ quan Pháp?

– Yêu sĩ quan thuộc mọi quốc tịch. Tôi có óc quốc tế, tôi vốn khoái đàn ông khô ngô và can đảm.

Ông chánh thẩm lại hỏi:

– Có đúng là bị cáo đã ăn trưa với giám đốc Công an Bá Linh Von Dagô không?

Và nàng đáp:

– Đúng. Không riêng Von Dagô, rất nhiều tình nhân của tôi đã mời tôi ăn như vậy, tôi cũng xin khai thêm trong trường hợp quý tòa muốn ghi vào hồ sơ là Von Dagô ở trong số những tình nhân tốt nhất và trung thành nhất của tôi.

– Bị cáo có chối là đã nhận của ông ta 30.000 mã-khắc? (tương đương với 10.000 mỹ-kim hồi ấy).

– Tôi đâu có chối. Vâng, tôi đã nhận số tiền này, nhưng đó là số tiền do tôi đòi hỏi. Ông ta phải trả tiền bao tôi. Bao một người như tôi phải tốn rất nhiều tiền, thưa quý tòa!

Khi Tòa hỏi về sự liên hệ giữa nàng và viên chỉ huy do thám Đức tại Tây ban Nha, nàng đáp:

– Vâng, tôi gặp chàng luôn, vì chàng là tình nhân của tôi. Chàng tặng tôi nhiều đồ quý. Có thể đó là tiền của chính phủ Đức, nhưng tôi không cần biết, vì nó không dính dáng đến tôi. Chàng đến ngụ cùng khách sạn với tôi, và tôi đã vận động cho phòng của chàng kế cận phòng tôi, hẳn quý tòa cũng đồng ý là người đàn ông có vợ đến khách sạn hò hẹn với tình nhân thường khôn ngoan thuê phòng riêng cho mình, để phòng hậu quả tai hại!

– Bị cáo cũng đồng thời nhận tiền của một tình nhân ở Hòa Lan?

– Vâng, chàng cho tôi tiền để đền bù lại cảm tình của tôi trong thời gian tôi cư ngụ ở Hòa Lan.

Nàng núp sau bình phong tình yêu với hy vọng thoát khỏi bản án tử hình. Song nàng đã thất bại. Mata có những đức tính bẩm sinh của nghề gián điệp. Trí nhớ của nàng như tờ giấy thấm hút mực, bất cứ chi tiết nào lướt qua đều được ghi khắc. Nàng lại ít nói, không khi nào để lộ ý nghĩ, cảm xúc thâm kín của mình và nàng có biệt tài đóng kịch. Nàng còn có năng khiếu về ngoại ngữ. Thêm vào đó tấm thân bốc lửa, và sức quyến rũ kỳ lạ cũng như khả năng làm tình vũ bão, đam mê độc nhất vô nhị của nàng...

Nàng chỉ có một nhược điểm, ấy là không đếm xỉa gì đến nguyên tắc an ninh cơ bản. Lẽ ra phải kín đáo, nàng lại chường mặt trước thiên hạ, bây giờ nàng là cái đỉnh của xã hội thượng lưu, nàng có mặt trong mọi cuộc du hí quốc tế, nàng ngủ đêm nay với người Đức, đêm mai với người Pháp, đêm một với người Anh, đêm một nữa với người Nga trong khi cuộc chiến tranh tàn bạo đang diễn ra...

Cuối năm 1918, chiến tranh đã gây ra 37 triệu nạn nhân, trong số đó có 9 triệu người chết, và 4 đế chế bị lật đổ; Đức, Nga, Áo-Hung và Thổ.

Mata đã phục vụ cho mật vụ Đức từ năm 1912, hai năm trước thế chiến. Nàng thụ huấn tại trường điệp báo Lorach (Lorrach gần Munich), và sau đó dưới bí số H.21 nàng được đưa về Pháp với

nhiệm vụ mua chuộc một số ký giả viết bài thân Đức quốc. Nàng đi hết nước này đến nước khác, bề ngoài là để trình diễn vũ điệu, bên trong là để mở rộng mạng lưới do thám. Nàng đến Áo quốc, Ai cập, Anh cát Lợi, Bỉ, Tây ban Nha, Hòa lan và Pháp. Năm 1914, thế chiến thứ nhất bùng nổ, nàng đang sống trong lữ quán sang trọng nhất ở Bá Linh, Von Dagô phái nàng sang Pháp nhờ ân huệ xác thịt, nàng đã lọt vào những ổ cung cấp tin tức quý giá, và giúp gián điệp Đức khá hữu hiệu.

Đại úy Lơ-đu (Ledoux), chỉ huy trưởng Phòng Nhì, nghi ngờ nàng. Tương kế tựu kế nàng tình nguyện làm việc cho Lơ-đu. Hệ thống phản gián của đồng minh bắt đầu để mắt tới sự đi về của nàng. Nhân dịp nàng đáp tàu thủy qua Luân Đôn, nàng được mời đến gặp

huân tước Thom-sơn (Sir Basil Thompson), nhân vật điều khiển Phán gián Anh quốc.

Nàng thể thốt là không hợp tác với Đức và luôn luôn một lòng một dạ với đồng minh. Được yêu cầu giải thích tại sao nàng liên lạc với quá nhiều người Đức, nàng đáp lại, giọng khinh bạc:

– Vâng, tôi viết thư cho họ vì họ trọng vọng tôi quý yêu tôi và cư xử tốt với tôi trước khi chiến tranh xảy ra. Tôi nghĩ rằng chiến tranh không thể làm trái tim thay đổi được, phải không thưa ngài?

Huân tước Thom-sơn bèn ân cần khuyên nàng:

– Có thể tôi lầm. Có thể bà không vi phạm luật lệ. Nhưng với tư cách lớn tuổi hơn và có nhiều kinh nghiệm hơn

bà, tôi mạn phép khuyên bà từ bỏ hoạt động gián điệp, dẫu bà phục vụ cho phe nào đi nữa. Gián điệp là một nghề ghê tởm và nguy hiểm.

Mata hứa sẽ đoạn tuyệt với nếp sống đi ngang về tắt. Song nói là một việc, thực hiện lời nói lại là một việc khác. Nàng vẫn tiếp tục hành nghề, và nhân viên phòng Nhì tiếp tục bám sát nàng như bóng với hình trên toàn cõi châu Âu.

Để ru ngủ phòng Nhì, nàng viết thư cho đại úy Lơ-đu xin được móc nối với điệp viên Pháp trong vùng Đức chiếm đóng, Lơ-đu cung cấp một đường dây gồm 3 điệp viên. Nàng không biết 3 điệp viên này là nhị trùng, vừa ăn lương Pháp, vừa ăn lương Đức, và Lơ-đu muốn dùng họ để thử lại đáp số bài toán. Nếu Mata trung thành với Phòng Nhì, ba điệp viên này sẽ không bị đốt cháy.

Thực tế chứng tỏ hùng hồn là Lơ-đu đoán đúng. Mata Hari quả đã hợp tác chặt chẽ với địch. Ba điệp viên nhị trùng bị Đức bắt giữ, trong số đó một người bị hành quyết tại chỗ về tội làm do thám cho Pháp.

Lơ-đu bèn bố trí thộp cổ Mata. Nhưng nàng lại đang sống nghênh ngang ở ngoại quốc. Lơ-đu kiên nhẫn chờ cơ hội nàng đặt chân lên đất đồng minh.

Cơ hội bằng vàng đã tới, Mata Hari – H.21 – được phái về Ba Lê.

Trong thế chiến thứ nhất, đồng minh đã bắt giữ 11.000 nữ điệp viên địch. Tuy nhiên, chưa nữ điệp viên nào được trả lương hậu hĩ bằng H.21. Trước ngày nàng sa lưới, nàng lãnh hàng tuần 50.000 phật lạng, một số tiền khổng lồ, so với mức lương hồi ấy.

Người ta không hiểu lý do nào đã khiến nàng trở về Pháp mặc dầu lãnh sự Hòa Lan tại Tây ban Nha khuyên nàng hủy bỏ ý định. Một số giả thuyết đã được đưa ra: có lẽ Đức sắp bại trận, mật vụ Đức muốn biết tin Mỹ đổ bộ mà không có ai, ngoại trừ Mata, là có đủ bản lĩnh và phương tiện gần gũi các yếu nhân đồng minh giữa lúc các màn lưới do thám của Đức đã bị Phản gián phá hủy gần hết ở Âu châu. Có thể vì nàng thân mật quá trốn với viên chỉ huy gián điệp Đức tại Tây ban Nha nên bà vợ nổi cơn ghen, buộc chồng tống khứ nàng đi cho rảnh nợ.

Còn 2 lý do đau khổ khác: thứ nhất, Phòng Nhì Pháp lừa nàng, trong những ngày ở Tây ban nha, nàng cung cấp tin tức cho điệp viên Pháp nên định ninh được đại úy Lơ-đu bao che; thứ hai Mật

vụ Đức lừa nàng, đúng hơn, mùi chanh vắt kiệt nước Mata Hari đã đến lúc bị vứt vào xọt rác. Nàng không còn hữu ích cho họ nữa, nàng lại vùi quá nhiều tiền, nhiều tai to mặt lớn của Đức khốn đốn vì nàng, nên họ mượn tay Phòng Nhì Pháp giết nàng. Giả thuyết này có hy vọng gần sự thật nhất, vì mật vụ Đức đã dùng một mật mã cũ, hoàn toàn thiếu an toàn, mà họ biết là đồng minh đọc được, để báo tin nàng qua Ba Lê, và trả thêm cho nàng 15.000 phật-lăng tiền công tác phí.

Một tuần sau khi về Ba Lê, nàng bị bắt.

Năm triệu người Pháp đã chết, bị thương, mất tích hoặc bị bắt làm tù binh. Điệp viên H.21 phải đến tội. Mùa đông năm 1917 ấy, trời rét kinh khủng kinh đô ánh sáng như bị dầm trong thùng nước đá. Nhân viên Phòng Nhì mà nàng

quen mặt, từng theo nàng khắp Âu châu [Điệp viên này tên là Triolet.] đang chờ sẵn trong phòng. Y cho phép nàng xếp quần áo vào va-li nhỏ, và còn yêu cầu nàng mặc thêm cái áo choàng lông ấm nhất.

Đến trụ sở Phòng Nhì, nàng phải ngồi đợi pháp phòng một giờ đồng hồ trên ghế gỗ. Từ nhiều năm nay, nàng không quen ngồi ghế gỗ, ghế được vinh dự nàng chiếu cố phải là ghế bọc nệm, gấn lò xo êm ái. Từ nhiều năm nay, ngụp lặn trong danh vọng và tiền bạc, nàng không quen chờ ai. Nàng biết là thời kỳ cực thịnh của nàng đã tận.

Nàng ngồi đối diện với đại úy Lơ-đu. Không chào hỏi, Lơ-đu tiến ngay vào đề:

– Bà làm gián điệp cho Đức từ bao giờ?

Mata suýt bổ ngựa. Rõ ràng là Lơ-đu cố tình quên công lao của nàng... Nhưng Lơ-đu không quên. Mặt viên chỉ huy Phòng Nhi vẫn lạnh như thời tiết bên ngoài:

– Bà đã phản bội đồng minh, bà làm việc cho gián điệp địch từ bao giờ?

Thế là hết, gọng kềm đã khép lại.

Thời chiến, gián điệp địch không thể đem ra xử trước tòa án dân sự. Tuy nhiên, người ta đã dành biệt lệ bằng cách cho phép bị đơn Mata Hari được chọn luật sư dân sự để biện hộ.

Luật sư của nàng là Cờ-lu-nê (Edonard Clunet), là con cáo già pháp đình, lỗi lạc về quốc tế công pháp, bạn của tổng thống đương thời, và là anh hùng của trận chiến tranh 1870 Pháp–

Đức. Nàng chọn Cờ-lu-nê vì tài biện hộ, nhưng cũng còn vì một lý do khác. Lý do tình cảm. Cờ-lu-nê vốn là một trong những người có điểm phúc được nàng ban phát ân ái khi nàng ngụp lặn trong hào quang nhan sắc, tiền tài và danh vọng, và cho đến giờ phút cô đơn buồn thảm ấy vẫn còn nặng nợ với nàng.

Cờ-lu-nê tìm mọi cách cứu nàng khỏi chết, đồng thời tìm mọi cách an ủi nàng. Suốt trong thời gian nàng bị giam, Cờ-lu-nê sai mang cho nàng những món ăn riêng thịnh soạn, những bó hoa hồng tươi đẹp đắt tiền, những chai rượu hiếm có, những hộp súc-cù-là mà nàng ưa thích và những ve nước hoa thượng hảo hạng như thể nàng vẫn là đệ nhất giai nhân của kinh đô ánh sáng ngày nọ. Ngay sau khi tòa tuyên án, Cờ-lu-nê bắt

chấp dư luận đàm tiếu đã ôm hôn thật lâu trên miệng nàng.

Cờ-lu-nê đã có mặt trong toán người tiền điệp viên đa tình H.21 ra pháp trường.

III.

Nữ tử tội quì xuống để linh mục ban phép lần chót. Đứng bên, luật sư Cờ-lu-nê không ngăn được xúc động.

Nàng đội mũ lên đầu rồi ngoảnh sang phía luật sư:

– Em đội vừa lắm phải không? Ấy, còn quên một thứ. Cái kim băng để giữ nón khỏi tuột.

Dì phước Mari đáp nhỏ:

– Kim băng không có.

Quản đốc khám đường nói tiếp:

– Luật lệ không cho phép.

Viên đại úy phụ trách hồ sơ tòa án tiến lại, giấy bút sẵn sàng:

– Bà muốn nói điều gì không?

Mata đáp, giọng có vẻ giận dữ:

– Tôi ấy à? Tôi chẳng có gì đáng nói, và có gì đáng nói, tôi cũng không nói với ông.

Nàng nhún vai, nhìn các sĩ quan quân pháp với điệu bộ khinh miệt.

Xơ Mari bắt đầu sụt sùi, Mata phải an ủi:

– Đừng khóc, xơ ơi, xơ phải vui vẻ như tôi đây này.

Đoạn vuốt má xơ Mari:

– Chà xơ bé nhỏ quá, phải hai xơ Mari mới bằng được một Mata. Kìa xơ, nín đi.

Xơ vẫn sụi sụi. Tử tội nói thêm:

– Kìa đã bảo mà... xơ hãy cứ tưởng tượng là tôi lên đường đi xa rồi trở về và chúng mình sẽ lại tái ngộ. Vả lại, xơ sẽ tiễn tôi đi mà... Xơ cùng đi với tôi nhé!

Tử tội hôn nữ tu Mari.

Nàng đã sửa soạn xong. Nàng lại quay sang luật sư:

– À, còn mấy lá thư. Phiên anh trao giùm. Đừng lộn địa chỉ, nghe cưng, râu ông nọ cắm cằm bà kia thì sẽ sảy ra nhiều vụ cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt đấy. Uổng quá, còn thiếu mấy cái nữa, chưa viết kịp.

Quản đốc khám đường nói:

– Bà có thể viết trong phòng Hồ sơ bên dưới cầu thang.

Tử tội liếc trong gương, sửa lại mũ, kéo lọn tóc cho ngay ngắn, đoạn dẫm một chân xuống đất, nói giọng điềm tĩnh:

– Tôi đã sẵn sàng. Các ông có thể mang tôi đi ám sát.

Các thẩm phán ra trước. Tử tội đi sau, giữa luật sư và linh mục. Khi nàng ra đến gần cửa, một người gác toan nắm cánh tay nàng, nàng bèn phản đối:

– Không, không được đụng người tôi. Xơ Mary đâu, chìa tay cho tôi nắm.

Đến phòng Hồ sơ, tử tội ngồi xuống ghế, tháo một bao tay và cầm cúi viết trong 7, 8 phút đồng hồ, sau đó trao cả

cho luật sư. Sau cánh cửa nhỏ là sân khám, một chiếc xe hơi nổ máy sẵn, đang đậu bên lề, một cánh bình mở rộng cửa xe. Hệ thống canh gác được tăng cường vì có tin những người ái mộ tử tội bố trí đánh tháo dọc đường.

Một hạ sĩ quan cung kính hỏi luật sư Cờ-lu-nê:

– Thưa luật sư, chúng tôi được lệnh đề phòng cẩn mật. Nếu luật sư có tin gì về âm mưu đánh tháo tử tội, xin luật sư cho biết.

Luật sư đáp:

– Không, tôi không nghe thấy gì hết.

– Xin luật sư lấy danh dự một công dân Pháp để xác nhận.

– Vậy tôi xin thể danh dự.

Tử tội sắp sửa ra xe. Luật sư đột nhiên ngăn lại:

– Nhân danh điều 27 bộ Hình luật, quyển I, chương I, tôi yêu cầu tạm hoãn cuộc hành quyết.

Con cáo già pháp đình thuộc lòng luật lệ như cháo, và chờ đến phút chót mới quăng trái bom pháp lý. Quản đốc khám đường hiểu ngay mục đích của Cờ-lu-nê. Luật sư nói tiếp, ngón tay giơ cao một cách hùng hồn:

– Luật này cấm được hành quyết nữ tử tội đang mang thai, vì lẽ cái chết của tử tội sẽ dẫn theo cái chết của một bào thai vô tội...

– Điều luật sư vừa nêu ra hoàn toàn khôì hài. Tử tội bị giam trong xà lim từ 8 tháng nay, không thể có dịp chung đụng với đàn ông.

– Ông lắm. Nàng đã có dịp chung đụng với tôi. Tôi là cha đứa trẻ trong bụng nàng.

Ủy viên chính phủ Mót-nê sửng sốt, không rõ vì tức giận hay vì khoái trá:

– Thôi thôi, cụ Cờ-lu-nê, ở tuổi cúp bình thiếc của cụ thì còn sinh con đẻ cái sao được?

– Ông đừng coi thường khả năng sinh lý của tôi. Trân trọng nhắc lại ông là năm 50 tuổi. Abraham còn tạo được con. Tôi yêu cầu điều 27 được tôn trọng triệt để, các ông không có quyền hành quyết thân chủ của tôi.

Tử tội vừa tới chỗ hai người đàn ông tranh luận, quản đốc khám đường bèn hỏi:

– Luật sư Cờ-lu-nê cho biết bà đang có mang với ông ta, xin bà xác nhận lại, và bà phải để cho bác sĩ khám nghiệm mới có thể quyết định tạm đình chỉ cuộc hành quyết hay không.

Luật sư Cờ-lu-nê nài nỉ:

– Mata em, anh khẩn cầu em, em nên chịu cho y sĩ khám thai...

Tử tội cười lớn:

– Anh bạn già thân yêu ơi, anh ga-lăng lắm... Thật ra em cũng muốn được mang hột máu của anh để lưu lại một cái gì đó cho hậu thế, nhưng...

Nàng nghiêm giọng với quản đốc khám đường:

– Ông khỏi mất thời giờ nhờ y sĩ khám nghiệm, vì lẽ giản dị tôi không

có thai. Sau 9 lần xổ thai, tôi không đến nổi ngu lắm để ngừa thai, phải không hả ông? Tôi thành thật xin lỗi đã làm các ông thất vọng. Nào, bây giờ mời các ông tiến hành cuộc ám sát...

Nàng nhìn nữ tu đứng bên, nói tiếp, giọng đàn chị:

– Xơ ơi, đàn ông gì mà rát như cày. Họ hèn quá, họ định ninh là tôi sẽ khóc hết nước mắt. Họ sợ phải nghe tôi than van, nài nỉ, cho nên người nào cũng sắp sẵn những lời hoa mỹ để khuyên tôi can đảm. Ha ha... nếu họ biết tôi ngủ đêm qua một giấc thật ngon nhỉ? Nếu là hôm khác tôi đã khiển trách họ đánh thức tôi dậy quá sớm, nhưng dầu sao tôi cũng không chịu nổi lễ lối làm việc của họ, ai đời mang phụ nữ đi bắn mà quên dọn ăn điểm tâm!

Riềm xe được buông kín, tử tội ngồi phía sau bên cạnh là linh mục, hai nữ tu ngồi ghế đối diện. Một cảnh bình ngời trước với tài xế. Đoàn xe từ từ ra khỏi cổng khám, dẫn đầu là xe thẩm phán, sau đến xe tử tội, xe quản đốc khám đường, xe y sĩ và xe phòng hồ.

Hồi đêm trời mưa to, đường sá trơn trượt như thoa mỡ. Đoàn công-voa chạy rất chậm, bùn bắn tung tóe mặc dầu tài xế cố tránh những vũng nước đó. Khoảng gần 20 xe hơi chở ký giả chạy theo nhưng bị lạc đường và sau cùng không được phép vào pháp trường.

Đoàn xe đậu lại cách pháp trường 50 mét. Tử tội sợ bùn lắm đôi giày mới xinh xẻo, đôi giày có sợi dây buộc tuyệt đẹp mà nàng tấm tắc khen ngợi trên đường ra sân bắn, nên bước chân có vẻ rụt rè, cố giữ cho nước bắn khỏi văng lên. Có

khi nàng phải đi vòng qua vũng nước. Và có khi nàng phải đứng lại, lấy trớn nhảy vọt qua. Trông nàng không ai dám nghĩ nàng là tử tội. Tử tội sắp bị hành quyết. Ai cũng tưởng nàng là người đàn bà trần trụi nhựa sống, phục sức đẹp đẽ và tinh khiết, đang tới nơi hẹn với người tình trong mộng...

Trời đông đã hửng sáng. Những đám mây xám lững lờ trôi qua. Vũ trụ buồn ghê. Đâu đây có tiếng còi rít lên the thé. Tiếng còi nhà máy gọi công nhân đi làm việc.

Thời tiết thật lạnh, không khí ẩm ướt và ngột thở như thể bên trong nhà xác. Cây sồi đơn độc trên bãi rộng được dùng làm cọc trói tử tội đã trụi hết lá. Nó đâm thẳng lên nền trời những nhánh đen gầy guộc, khẳng khiu như bộ xương khô. Vũ trụ buồn ghê. Tạo hóa như hạ lệnh cho

mọi vật để tang tử tội Mata Hari...

Binh sĩ xếp vòng trong vòng ngoài gồm cả thầy ba vòng, tạo thành hình vuông chung quanh cây sồi đơn chiếc và rùng rợn. Linh mục At-bu xuống xe đầu tiên, trượt chân suýt té. Linh mục tỏ ra xúc động mạnh mẽ. Trái lại, tử tội vẫn thản nhiên, hơn thế nàng còn đưa tay cho hai tu sĩ nắm để xuống xe nữa. Khi ấy, thật khó mà biết ai là tử tội. Linh mục At-bu có vẻ là tử tội hơn là Mata Hari...

Hai cảnh binh lon ton đến bên nàng, song nàng đã khoát tay đuổi họ. Nàng nói với dì phước:

– Xơ nắm tay tôi chặt nhé!

Tử tội bước qua toán lính. Sĩ quan chỉ huy đồng dục hô:

– Nghiêm, chào!

Mata Hari uốn thẳng ngực, bước chậm chậm mắt hướng về đơn vị dàn chào, nàng có thái độ nghiêm trang và oai nghi của bà hoàng khi duyệt đạo quân danh dự. Trong đời, nàng đã nhiều lần đóng vai bà hoàng duyệt đạo quân danh dự dàn chào như vậy. Chỉ khác là trước kia duyệt xong nàng lên xe về phòng ấm nệm êm, uống sâm-banh, nghe nhã nhạc; lần này, duyệt xong nàng sẽ về cũi chết lạnh lẽo... lạnh lẽo...

Kèn đồng của pháo binh trời điệu hùng tráng. Lưỡi lê và gươm tuốt trần lấp loáng. Gần đấy, một con chim se se kêu chút chút. Sự trùng hợp của định mạng thật kỳ lạ. Mata Hari dịch nghĩa là “con mắt bình minh”, “con chim ban mai”, và đây là con chim ban mai đang cất tiếng chào Mata Hari sửa soạn từ giã cũi sống...

Đội hành quyết gồm 12 lính bộ chiến, toàn thể đều từ mặt trận di tản về Ba Lê sau khi bị thương, người trẻ nhất mới chẵn 18 tuổi. Phía sau đội hành quyết là toán lính bộ chiến khác, quân phục đầm nước, và phía bên kia là toán kỵ binh đội nón đồng buông tỏa những đám lông đen dài, rồi đến pháo binh mặc đồ trận. Khoảng 5 ngàn người hiếu kỳ chen chúc nhau ở xa, dưới sự canh chừng của cảnh binh nai nịt gọn ghẽ.

Tử tội chỉ còn cách cọc bắn độ 8 mét. Nàng đứng thẳng người trên nền cỏ xanh, màu xanh của áo nàng nổi bật, nàng ngó binh sĩ tham dự cuộc hành quyết bằng luồng mắt dịu dàng. Rồi nàng nói với dì phước:

– Giờ đây là hết. Xơ hãy để tôi đi.

Nàng dứt khỏi tay nữ tu Mari. Luật sư Cờ-lu-nê ôm nàng hôn. Cảnh binh dẫn nàng lại gần cọc. Bản án của tòa được tuyên đọc lần chót. Linh mục Át-bu lăm rầm đọc kinh. Đội lính hành quyết bước rảo đến tập hợp thành hàng đối diện với tử tội.

Một cảnh binh vòng dây qua ngực nàng, toan trói nàng vào cọc. Nàng phản đối. Một người đưa cho nàng cái mù-soa để nàng bịt mắt, nàng lắc đầu từ chối, rồi ngẩng lên nhìn thẳng mọi người. Sau đó nàng nhìn thật lâu những người thân: luật sư Cờ-lu-nê, linh mục, hai nữ tu và hôn gửi họ bằng môi. Mặt không lộ sợ sệt, nàng nói lớn, cốt cho mọi người cùng nghe:

– Hãy đứng về bên phải tôi, tôi sẽ nhìn về phía ấy. Chào vĩnh biệt.

Sĩ quan chỉ huy giờ cao gươm, ra lệnh:

– Nhắm.

Tử tội mỉm cười. Nụ cười cuối cùng của đệ nhất vũ nữ giành cho cử tọa cuối cùng. Hai nữ tu quỳ gối niệm kinh.

– Bắn!

Chỉ nghe một tiếng nổ lớn. Vì cả 12 khẩu súng trường cùng bắn một lúc. Tử tội, tấm thân mỡ miều quấn chặt trong áo măng-tô lông đắt tiền, rùn lại, rồi gục xuống. Thân thể nàng đã cứng lạnh, không quẫy mạnh như thường lệ. Một sĩ quan tì họng súng lục vào màng tang nàng, bắn phát thi ân. Đầu nàng chỉ gật nhẹ rồi im lìm.

– Quay lưng lại, bước đều, bước!

Kèn đồng lại nổi lên, đoàn quân diễn hành qua. Bác sĩ Sốc-kê (Socquer) tiến lại, mở cổ áo tử tội nghe tim, ông lau vết máu dính nơi tay, miệng nói:

– Chết ngay vì một viên đạn trúng tim.

Bác sĩ Sốc-kê ghi vào biên bản ngày và giờ: ngày 15.10.1917 hồi 5 giờ 47 sáng, đoạn ký chứng thư khai tử. Hai nữ tu đứng dậy, miệng vẫn lầm râm. Nữ tu Mari lại rút cái nhẫn đeo trên ngón tay người chết. Luật sư Cờ-lu-nê quỳ bên tử tội, cầm bàn tay đưa lên môi hôn. Công chúng xô đẩy nhau, hòng tiến lại gần cọc bắn, song cảnh binh đã chặn lại.

Viên chỉ huy lên tiếng lạnh lạnh:

– Có ai xin xác chết không?

Không một ai đáp lại.

Không ai, trời ơi, loài người thật bội bạc.. Suốt đời Mata Hari, có lẽ không lúc nào nàng thiếu đàn ông. Khi nàng còn sống, thiên hạ ao ước được chiếm hữu nàng, giờ đây nàng nằm bất động trên bãi cỏ trong vũng máu thì chẳng thấy ai. Chẳng thấy cha nàng, anh em nàng, chẳng thấy người yêu của nàng, chẳng thấy bạn bè của nàng.

Tại phiên tòa, hai yếu nhân đã bất chấp dư luận và hậu quả tới bản thân cương quyết hăng say bênh vực cho nàng. Người thứ nhất là Cam-bông (Jules Cambon) thuộc bộ Ngoại giao. Cam-bông khai trước tòa là Mata không hề lợi dụng sự liên hệ mật thiết giữa hai người để lấy tin. Người thứ hai là tướng Messimy, cựu Tổng trưởng bộ Chiến tranh. Bận cầm quân ngoài tiền tuyến, Messimy viết thư tay gửi về cho tòa:

“Theo chỗ tôi nhớ thì bị đơn chưa hề hỏi tôi điều nào có liên hệ gần xa đến chiến tranh, chính trường và những vấn đề của chính quyền. Bị đơn chưa hề yêu cầu tôi cung cấp một tin tức nào khả dĩ làm tôi nghi ngờ”.

Chỉ còn lại trên pháp trường người đàn ông 75 tuổi gần đất xa trời, luật sư Cờ-lu-nê, là còn đoái tưởng đến giai nhân ngày nọ.

Ba cảnh binh khiêng xác chết ném vào quan tài bằng gỗ thông rẻ tiền méo mó, rồi đặt trên cỗ xe ngựa cũ kỹ và ọc ạch. Chiếc xe di chuyển một cách mệt mỏi trên con đường lầy lội, người xa phu tọng thuốc lá đầy ống tẩu, châm lửa hút với dáng điệu tỉnh khô, rít một hơi rồi nói chuyện tầm phào với hai cảnh binh cưỡi ngựa lóc cóc chạy theo.

Vô thừa nhận, xác tử tội được chở đến bệnh viện kế cận, đặt nằm trên hên trên nền đá hoa chờ các sinh viên y khoa thực tập mổ xẻ.

Nhiều năm sau, hai mẫu chuyện được đăng báo chung quanh nữ tử tội Mata Hari.

Chuyện thứ nhất là hồi ký của anh lính măng tơ 18 tuổi có chân trong tiểu đội hành quyết. Anh thấy nàng quá đẹp và quá can đảm nên tâm thần anh bị xúc động mãnh liệt, bàn tay anh run run, anh nhắm mắt bắn vào khoảng không trên đầu nàng.

Chuyện thứ hai do một y sĩ giải phẫu nổi danh thuật lại. Ngày Mata bị xử bắn, và thi thể nàng được vứt bỏ cùng queo tại nhà xác trên nền đá bắn thủ và lạnh lẽo thì y sĩ hữu danh này mới là một sinh

viên trường Thuốc, và được cái vinh dự mổ bụng nàng. Đó là lần đầu tiên, ông thực tập mổ cắt ruột dư. Cũng như anh lính trẻ, chàng sinh viên nội trú đã lúng túng hồi lâu trước khi có đủ can đảm đâm lưỡi dao nhọn vào bụng người đẹp gián điệp.

TRUYỆN THỨ BA

*Điệp viên huyền thoại
ở Đông Kinh*

Cái chết của nữ điệp viên H.21 Mata Hari là một sự kiện lịch sử đã được chính thức xác nhận. Không phải một người mà hàng chục người chứng kiến vụ hành quyết đã chính thức xác nhận. Hồ sơ lưu trữ của bộ Chiến tranh và tòa án quân sự nước Pháp cũng

đã chính thức xác nhận. Ấy thế mà huyền thoại vẫn còn...

Theo huyền thoại, Mata còn sống. Rất nhiều người tin nàng còn sống kể ra cũng lạ. Theo huyền thoại, tử tội chỉ có mặc mỗi cái áo choàng trắng muốt. Khi sĩ quan chỉ huy hô bắn, nàng phanh áo, để lộ tấm thân trần truồng tuyệt mỹ khiến binh lính bủn rủn gân tay bắn chệch ra ngoài. Một huyền thoại khác cho biết là đạn được hôm ấy đều giả, tử tội giả chết để rồi được tình nhân của nàng cứu thoát mang ra nước ngoài mai danh ẩn tích theo kiểu... Phạm Lãi đội tên Đào châu cặp kè với giai nhân Tây Thi chu du Ngũ hồ.

Tiến sĩ Richard Sorge cũng vậy. Ông có thể được coi là điệp viên huyền thoại của thế kỷ 20. Trong 8 năm hoạt động tại

Đông kinh dưới lốt nhà báo, thân đảng Quốc Xã Đức, ra vào các sở bộ cao cấp như chỗ không người, bạn thân với những yếu nhân có thẩm quyền định đoạt vận mạng Viễn Đông và thế giới trong thế chiến thứ 2, Sót (Sorge) đã cung cấp cho Sít-ta-Lin và cơ quan tình báo Liên Xô những tin tức vô cùng quý giá, đến nỗi lời nói và tự tin bậc nhất như nhà độc tài thép Sít cũng phải tuyên bố “chính Sót đã cứu chúng ta”. Chúng ta đây là Liên xô. Quả là Sót đã cứu thành trì Cộng sản Quốc tế khỏi sụp đổ năm 1941 vì năm 1941 nhờ Sót báo tin Nhật không có ý định xua quân tấn công Tây bá lợi Á nên Sít-ta-Lin mới dám rút hết lực lượng từ biên giới phía đông qua phía tây và cứu thủ đô Mạc tư Khoa khỏi gọng kềm bách chiến bách thắng của Hít-le.

Nhưng cũng như mọi điệp viên khác, như mọi người hoạt động nguy hiểm khác, tiến sĩ Sót bị lộ tẩy, bị sa vào tròng mỷ nhân muôn thuở, bị bắt, bị lôi ra tòa rồi bị hành quyết. Mata bị bắn thì Sót bị treo cổ. Hồ sơ của khám đường Sugamo ghi rõ tội Sót bị xử giảo vào buổi sáng 7-11-1944 hồi 10g36.

Rồi huyền thoại bắt đầu...

Huyền thoại Sót có vẻ gần với thực tế hơn huyền thoại nữ điệp viên H.21. Mấy tuần trước ngày hành hình, Sót được quản đốc khám đường mời viên nha sĩ nổi danh ở Đông Kinh đến tận phòng giam nhổ răng sâu cho Sót và làm răng mới. Sắp chết thì làm răng làm gì? Khi trước, Mata Hari cũng xin được trám răng thì y sỹ nhà lao khuyên thôi, lấy cơ răng đục khoét rất đau. Cho nên huyền thoại nghĩ rằng Sót được lấp răng giả để

trở về với đời sống của loài người.

Một tiệm may lớn được lệnh may cho Sót một bộ đồ thật đẹp. Sao vậy? Người ta giải thích là phong tục Phù Tang muốn tử tội yết kiến thần Chết trong bộ đồ thật tươm tất. Tuy nhiên những kẻ biết chuyện cho rằng Liên xô bí mật can thiệp để cứu Sót.

Trên nguyên tắc, mỗi khi kiều dân ngoại quốc bị xử tử thì đại diện ngoại giao xứ họ phải có mặt, nhưng ngày 7-11-1944, không có một người Đức hoặc người Nga nào hiện diện. Sau cuộc hành quyết một giờ, thi thể tử tội được trả cho thân quyến để mai táng. Ozaki, đồng lõa với Sót, đã bị treo cổ cùng ngày với Sót. Tại sao người ta chỉ trả xác Oza-ki mà quên xác Sót!

Cuộc hành quyết diễn ra giữa lúc hải quân Thiên hoàng bị đánh thua liểng xiểng gần chính quốc, ở phía Nam tướng Mắc-At-tơ giải phóng Phi luật Tân, thủ đô Đông kinh ráo riết chuẩn chiến. Nói rõ hơn, Nhật đang xuống dốc. Hoàn cảnh này thuận tiện cho một cuộc dàn xếp ngầm giữa hai cơ quan an ninh Nga-Nhật.

Sau ngày Nhật đầu hàng, cửa lao thất được mở rộng. Người ta cố gắng tìm những đồng lõa thân cận của Sốt hầu khám phá sự thật của huyền thoại. Song kẻ thì chết trong tù, người được trả tự do đã biến dạng. Nữ nghệ sĩ Kiêu-mi, cô gái Nhật được Phán gián dùng làm môi lôi cuốn Hạng võ Sốt, khi ấy đang còn sống.

Nàng chẳng sống được bao lâu. Năm 1947 nàng trình diễn ca vũ tại một hí viện Thượng Hải và gặt hái được thành

công vẻ vang. Một đêm kia, giọng nàng bỗng khản đặc, nàng ngưng ca và vũ, cặp mắt nàng trợn trừng trong sự hoảng sợ vô biên, hướng về phía một người đàn ông cao, gầy, phục sức xuề xòa, ngồi gẩn. Người đàn ông này lặng lẽ đứng dậy, đứng đình bước ra ngoài. Kiêu-mi thét lên một tiếng khủng khiếp rồi chạy vùng vào hậu trường. Khoác vội áo choàng, nàng lên ra ngoài bằng cửa sau. Nàng đình ninh bóng tối giúp nàng thoát hiểm.

Ba phút súng nổ, xé tan màn im lặng đêm khuya của thành phố Thượng Hải. Một xác đàn bà nằm gục xuống rãnh nước bẩn thỉu. Nạn nhân là Kiêu-mi. Huyền thoại cho rằng siêu điệp viên Sốt đã trả thù.

Kiêu-mi đã chết nên thật khó xác nhận người đàn ông trong hí viện là Sốt. Nhưng cùng năm ấy, hai người có thẩm

quyền đã gặp Sót hản hoi, bằng xương bằng thịt. Cũng tại Thượng Hải.

Một nhà ngoại giao Pháp và một nhà báo Mỹ ngồi nhăm nháp tại một tửu quán tên là Long Bar. Họ không phải là tay mơ về tình hình Viễn đông. Đang uống rượu, đột nhiên nhà ngoại giao thốt lên “Trời ơi, Sót!”. Nhà ngoại giao xô ghế, đứng dậy, tiến về phía người đàn ông được nhận diện là Sót. Nhanh như điện, Sót – nếu đúng là Sót – đã lẩn vào đám đông.

Điệp viên Sót đã được tôn làm Anh hùng Liên xô. Một tàu buôn lớn mang tên Sót hiện đi khắp ngũ đại dương. Một đường phố ở Baku cũng mang tên Sót. Chưa hết, nhà cầm quyền xô viết còn in một con tem (cò) với khuôn mặt lạ lùng của điệp viên Sót.

Sót còn sống hay đã chết?

May ra vài ba chục năm nữa, hoặc vài ba thế hệ nữa, huyền thoại về Sót mới tan thành bụi...

Và đây là Richard Sorge...

I.

*Một người được dùng đúng chỗ
có giá trị bằng hai chục ngàn
người ngoài mặt trận.*

Hoàng đế Nã phá Luân.

Con đường đang rộng rãi và thẳng bằng đột nhiên thu hẹp lại và ngoẹo xiên sang trái. Khi ấy, trời đã tối. Buổi tối ở thủ đô Đông Kinh ngày nay còn đông đúc, náo nhiệt và vui vẻ hơn cả ban ngày

ở nhiều nơi khác trên thế giới, tuy vậy khi ấy quang cảnh lại thưa vắng, tẻ lạng và hầu như ảm đạm. Có lẽ vì khi ấy là đầu năm 1938, thế chiến thứ II chưa thật sự bùng nổ song nước Nhật đã mắc kẹt trong trận bão lửa với Trung quốc. Lý do chính có lẽ là trời mưa và lạnh. Mưa không to nhưng đủ khiến mọi người lười biếng, không thích ra đường, khí lạnh đầu xuân lại thấm sâu xương tủy nên trên con đường nhựa loang loáng ánh đèn không thấy bóng người.

Trừ một người đàn ông cao, gầy đang gò lưng trên chiếc mô-tô phóng nhanh như tên bắn.

Y có tấm thân nhiều xương hơn thịt, nét mặt chẳng có gì đặc sắc, chứ đừng nói là khôi tuấn tú, nhưng không hiểu sao đàn bà gặp y, nhìn y, trò chuyện với y lại thường mê y. Dường như sức quyến

rũ của y do từ cặp mắt sâu và sáng phát ra. Đàn bà mê y, phần nào cũng vì y có một lối phục sức cầu thả phớt đời...

Mặt đường trơn như trải một lớp mỡ. Y vừa uống một bụng sa-kê, và ăn một bụng yakitôri, thịt gà nướng. Ngón tay y, da thịt y còn sắc mùi mỡ gà. Y cười lớn, và gia tăng tốc độ mặc dầu xe gắn máy đã chạy quá nhanh và khúc queo đã ngay trước mặt.

Y thuộc lòng đường phố Đông Kinh như cháo, nếu y không thay đổi lộ trình mỗi lần thì y nhắm mắt cũng không gặp tai nạn. Con đường rẽ góc vuông này đang còn xa lạ với y. Y nhận thấy nguy hiểm thì đã muộn. Y chỉ còn cách xuống sổ hộp, bóp thắng tay và đạp thắng chân.

Tiếng ren rét ghê răng nổi lên kèm theo mùi cao su cháy khét ệt, chiếc

mô-tô sơn đen đồ sộ bị kềm hãm bất ngờ đã chạy chồm lên vỉa hè rồi đâm sầm vào bức tường. Người cưỡi xe bị hất văng xa, áo quần rách bươm, thân thể đầy máu.

Nạn nhân chỉ choáng váng, chứ không ngất xỉu. Y cố gắng giây lâu mới ngồi dậy nổi, công chúng đã bắt đầu bu quanh, và đâu đây the thé tiếng còi của cảnh sát. Nếu là người khác thì những vết thương trầm trọng cây sâu đến xương đã làm bất tỉnh. Nhưng y không được quyền bất tỉnh. Y thở một hơi dài trước khi lên xe vào bệnh viện. Y không dám nằm dài trên băng ca để được khiêng đi vì sợ bị coi là bị thương nặng. Mặc dầu máu tuôn xối xả, tứ chi đau rần, đầu nặng mắt hoa, y vẫn giữ nụ cười trên môi.

Đến nhà thương, y lắc đầu nhiều lần khi người ta định săn sóc cho y. Y kêu

một nữ điều dưỡng lại gần, ghé tai nói tên và cho số điện thoại một người bạn, rồi ngồi điềm tĩnh và chờ đợi trên ghế. Chờ đợi thật lâu, thật lâu bạn y mới đến. Y đã kiệt sức. Đầu y nặng như đeo tảng đá, hai chân y chơi vơi, tưởng chỉ đựng nhẹ là ngã vùi. Song y vẫn tỉnh táo táo. Y nói thầm: “Hừ, mình phải tỉnh táo, bắt buộc mình phải tỉnh táo...”

Bạn y tất tả cúi xuống nghe y dặn. Bàn tay nhầy nhụa máu của y run run luồn vào trong áo lót, và lôi ra một phong thư nhỏ cũng đầm đìa những máu. Hai người không nói với nhau lời nào nữa. Bạn y nhét kỹ phong thư vào túi rồi hối hả quay đi sau khi đã yêu cầu nhân viên bệnh viện băng bó và chích thuốc khỏe cho nạn nhân.

Người mang phong thư vừa ra khỏi

bệnh viện, nhòa mình trong bóng đêm
dầy đặc thì người cưỡi xe mô-tô nằm lăn
trên giường.

Bất tỉnh.

Và trong những ngày kế tiếp, nạn
nhân sống trong cảnh nửa mê nửa tỉnh.
Nhờ có sức khỏe, phương tiện điều trị
tối tân, nạn nhân đã thoát khỏi tay Tử
thần.

Nạn nhân này là Sorge. Tiến sĩ Ri-
chard Sorge – Siêu điệp viên tại Nhật
trong thế chiến thứ II.

Khi Sót mê man, cảnh sát đã lục soát
trong người y. Họ tìm thấy một số tiền
lớn toàn bằng đô-la Mỹ. Món tiền kếp
sù này có làm cảnh sát Phù Tang ngạc
nhiên không, họ không nói nên không ai
biết. Nhưng chắc là không. Vì năm 1938,

Sót đang là một thông tin viên báo chí
người Đức, có liên hệ chặt chẽ với đảng
Quốc xã của Hít-le, bồ bịch của sứ quán
Đức, mà Đức lại là bồ bịch của Nhật. Vì
năm 1938, Phản Gián Nhật chưa nghi
ngờ Sót...

Nếu Sót ngất xỉu trước khi phong
thơ được trao cho bạn, và nếu cảnh sát
lục soát quần Sót sớm hơn 15 phút thì
không hiểu vận mạng của Á châu hậu
chiến sẽ ra sao.

Phải, vì những việc mà Sót đã hoàn
thành trong 8 năm công tác ở Nhật đã
góp phần quyết định vận mạng của Á
châu thời hậu chiến.

Sót, ông là ai?

II.

Sót ra đời năm 1895 tại Baku ở nam bộ Nga xô. Ông nội là thư ký riêng của Kác Mác - thủy tổ cộng sản dưới thời đệ nhất quốc tế. Khi Sót ra đời, phụ thân còn hành nghề kỹ sư trong một công ty dầu hỏa ở vùng núi Côcadơ. Cha ông người Đức, mẹ ông gốc Nga. Hồi nhỏ, ông rất siêng học, tính tình dễ mến, lại được cha mẹ nuông chiều hết mực. Đến tuổi thành niên, ông theo cha mẹ về Đức và nảy ra khuynh hướng xã hội.

Trong thế chiến thứ nhất, ông chiến đấu trong quân ngũ Đức. Tình trạng hỗn loạn tại Đức sau chiến tranh đã làm ông chán nản và xô đẩy ông về phía đảng Cộng sản. Một thiếu phụ khá duyên dáng và có nhiều bản lĩnh đã lôi kéo ông vào

con đường mới. Nàng là vợ của một giáo sư đại học, chồng nàng bận bịu sách vở và chai lọ hóa chất, quên nghĩ đến nàng nên nàng phải tìm thú vui riêng, và nàng gặp chàng sinh viên trẻ tuổi Sót. Nàng lớn hơn ông nhiều tuổi, đầy đủ kinh nghiệm yêu đương làm chàng trai ngây thơ si mê. Ông theo nàng sang Nga và gia nhập đảng Cộng sản Bôn-sơ-vích.

Tốt nghiệp tiến sĩ chính trị học, Sót là người thông minh trác tuyệt, sành tâm lý, giỏi tổ chức và viết lách. Ông nói được nhiều ngoại ngữ, như tiếng Nga, Anh, Pháp, ngoài tiếng Đức là tiếng mẹ đẻ, ông còn thông thạo tiếng Nhật và tiếng Tàu. Sót trở thành nhà báo cừ khôi. Từ nhiều năm nay chưa thấy một điệp viên nào hội đủ điều kiện và khả năng nghề nghiệp như Sót.

Ông được kết nạp vào ngành điệp báo, bí danh của ông trong Trung tâm⁸ là Ram-xê (Ramsay). Ram-xê được gửi qua Trung hoa năm 1930. Ông tổ chức tại Thượng Hải một mạng lưới do thám sô viết đặc lực trong khi hành nghề thông tin viên báo chí cũng đặc lực không kém.

Năm 1933, ông được chuyển qua Nhật. Trước đó, Trung tâm sắp xếp cho ông về Đức, tìm cách gây thiện cảm với đảng Quốc Xã, vì đó là chìa khóa giúp ông mở toang mọi cánh cửa ở Nhật. Ông trở thành đảng viên Quốc Xã trung kiên, kết thân với các lý thuyết gia và yếu nhân của Đảng. Sau đó, ông mấy mò xin việc tại báo Frankfurter Zeitung, và báo này phái ông sang Đông Kinh.

⁸ Trung Tâm (le Centre, the Center) là tiếng lóng mà giới điệp báo quốc tế dùng để chỉ cơ quan gián điệp G.R.U. tức Phòng IV Hồng quân Liên sô.

Sốt đóng kịch khéo léo đến nỗi đại sứ Đức ở Nhật khoái ông và tin ông hơn cả người thân. Ông lại cung cấp tin tức sốt dẻo cho viên đại tá tùy viên quân sự, sau này là đại sứ. Phương châm hành động của Sốt là “muốn có nhiều tin thì phải cung cấp thật nhiều tin”. Sốt mượn cơ cung cấp tin cho Đại sứ quán Đức để lấy tin gửi về Trung Tâm.

Năm 1935, tân giám đốc Trung Tâm, tướng Urít-soki (Uritskyi) gọi ông về Mạc tư Khoa để giao công tác mới. Ông ghé lại Nữu Ước, trên đường sang Đức, nói là để trình diện và thảo luận với ban giám đốc tờ báo mà ông là đại diện. Nhưng ông không về Đức: một đại úy G.R.U. từ Mạc tư Khoa đến Nữu Ước trao tận tay Sốt một sổ thông hành giả. Và Sốt bí mật vượt bức màn sắt. Từ Nữu Ước, ông vẫn viết thư đều cho tòa bào

của Đức và bạn bè ở Nhật, không ai hiểu rằng ông đang ở Mạc tư Khoa và những bức thư này đã được viết sẵn từ trước do nhân viên Trung Tâm gửi đi lần lượt.

Chỉ thị của tướng Uritsoki: Sót phải lấy kỳ được những tin tức và tài liệu liên quan đến tiềm lực quân sự và chính sách đối ngoại của Nhật bản. Để hoàn thành điệp vụ, Sót được xử dụng những quyền hạn rộng rãi, hầu như tự do hành động, về tiền bạc được chi tiêu bao nhiêu cũng được, về cộng sự viên thì toàn là cán bộ thượng tầng.

Số một là Hozumi Ozaki, trước đây đã hoạt động với Sót tại Thượng hải. Ozaki còn trẻ, thông minh, quyền biến và uyên bác, lại là một ký giả sâu sắc, một nhà văn có chân tài và một học giả đầy triển vọng nữa. Ozaki quen biết rộng trong giới quý tộc và lãnh đạo, gần gũi hoàng

gia, lại chơi thân với nhiều bộ trưởng, tướng lãnh, giám đốc. Ozaki được coi là công dân Nhật yêu nước nên hoạt động khá dễ dàng, không ai ngờ rằng Ozaki có khuynh hướng thân cộng từ lâu và sẵn sàng phản bội Tổ quốc để tôn thờ Liên bang Xô viết.

Ozaki là nguồn cung cấp tin tức số một cho Sót trong thời gian 8 năm, từ khi bắt đầu đến khi tan rã. Tuy nhiên các cộng sự viên khác cũng không thua là bao. Toàn thể đều được Mạc tư Khoa lựa chọn. Mỗi người mang một quốc tịch, một dĩ vãng khác nhau. Mỗi người đến Đông Kinh bằng con đường riêng.

Vu-kê-lích chẳng hạn (Branco de Voukelitch), trước kia y là sĩ quan trong quân đội Nam tư, y sang Nhật với danh nghĩa là thông tin viên một tạp chí Pháp. Rồi là Miagi (Yotoko Myiagi), nghệ sĩ

Nhật và bạn lòng của y là Ki ta⁹, cũng là con cháu Thái dương thần nữ. Cặp vợ chồng này sống tại Cựu kim Sơn, phục vụ hăng say Đảng Cộng sản Mỹ, Trung Tâm ra lệnh cho họ quay về Đông kinh, phụ lực cho hệ thống của Sót.

Sót chuyển tin về Trung Tâm bằng hai đường dây, điện đài vô tuyến và giao liên hàng không. Tài liệu mật được chụp vào phim nhựa vi-ti, mỗi cuộn gồm một ngàn tấm hình, nhân viên của Sót đích thân mang đi Thượng hải, trao cho giao liên Trung tâm. Sau này, tài liệu chụp gia tăng vùn vụt, Trung tâm phải đặt thêm trạm tiếp nhận ở Hồng Kông, Mani và ngay cả ở Đông kinh nữa. Chính tiến sĩ Sót cũng đã đi Mani một lần, với tư cách là “giao liên ngoại giao” chính thức của tòa đại sứ Đức, ông đã lợi dụng được

9 Kitabayashi. Thiếu phụ này là người Nhật sinh trưởng ở Mỹ và lấy quốc tịch Mỹ.

chuyến công xuất này để chở một xấp tài liệu tối mật cho tướng Urítsoki.

Những tin tức quan trọng có tính cách sốt dẻo thường được chuyển bằng điện đài, Trung tâm đã cử một chuyên viên điện đài tháo vát đến giúp Sót. Chuyên viên này là Mắc (Max Clausen).

III.

Điều đáng ghi nhận là trong số các cộng sự viên sinh tử của trùm gián điệp Sót không có một người Nga nào. Họ hoạt động một thời gian dài mới bị lộ là như vậy¹⁰. Chuyên viên vô tuyến Mắc là dân Đức chính cống cũng như Sót. Mắc

10 Thật đáng tiếc, nếu hồi ấy Nhật không chống Tây phương thì đầu đến nỗi. Vì từ năm 1929, tình báo Mỹ đã có một hồ sơ về Sót, với những bằng chứng Sót là đảng viên đảng Cộng sản trung kiên. Hồ sơ của tình báo Anh (Intelligence Servicer) còn rõ hơn nhiều.

cao lớn như đụn rạ, mặt luôn luôn đỏ, ngón tay chuối mẩn thô ráp và cụt cằn. Ngón tay y vụng về như thế, nhưng khi vào việc mới thấy chẳng vụng về tí nào. Y có thể một mình ráp lắp những điện đài tí hon nhất thế giới. Khi xử dụng điện đài, ngón tay y bay thoăn thoắt trên cần mã tự không khác ngón tay nữ nghệ sĩ dương cầm.

Mắc từng phục vụ dưới quyền Sót tại Thượng hải. Đến Nhật, Mắc hủy bỏ điện đài cũ rích do đồng nghiệp để lại, và tự tay chế tạo một điện đài tối tân có tầm xa 4.000 cây số. Để che mắt thế gian, Sót bố trí cho Mắc đứng chủ một cơ sở thương mại chuyên in chụp tài liệu, hình ảnh. Cơ sở này đã in chụp nhiều tài liệu của chính phủ Nhật và thu được bội tiền. Nhất cử lưỡng tiện, vừa lấy được tin, vừa phát triển được tài chính.

Điện đài của Mắc được dùng trong 6 năm không nghỉ, chuyển đi khoảng 250 bức điện. Năm 1939 gồm 23.139 tiếng được chuyển đi. Mức cao nhất được đạt vào năm 1940 với gần 30.000 tiếng.

Ngoài các cộng sự viên nòng cốt, tiến sĩ Sót còn được khoảng 30 điệp viên “hàng ngoài” phụ lực, quy tụ đủ mọi thành phần xã hội, từ ông thợ may già 57 tuổi đến anh thư ký trẻ 21, tòng sự tại Viện Khảo cứu Hóa học, một cơ quan tình báo của chính quyền, từ ông y sĩ giỏi đất khách đến những chuyên viên hối đoái với vẻ mặt luôn luôn trịnh trọng.

Sót hoạt động rất khôn ngoan, các cộng sự viên phải tuân theo một sổ kỷ luật nghiêm mật: không được công khai lui tới nhà nhau nhiều lần, người nào làm việc người nấy, mỗi người có những mật báo viên bản xứ riêng biệt, công

việc trước du hí sau, và đặc biệt không ai được tiếp xúc với đảng viên đảng Cộng sản Nhật.

Núp sau chiêu bài đảng viên Quốc Xã có thể lực ở chính quốc, Sót trở thành khách quý tại đại sứ quán Đức. Ông ra vào văn phòng ông đại sứ như đi chợ¹¹, và kết thâm tình với tùy viên quân sự. Mỗi sáng, Sót ăn điểm tâm với ông tùy viên, trao đổi tin tức. Theo lệnh Sót, ký giả Ozaki liên lạc hàng ngày với thủ tướng hoàng thân Kônoi.

Mối lo canh cánh của Liên xô là Nhật có thể đột kích Tây bá lợi á. Năm 1933, Sít-ta-Lin bắt đầu được ăn no ngủ kỹ vì hệ thống do thám Sót đã nắm được tài liệu xác đáng cho thấy Nhật không đánh Nga mà là đánh Tàu. Sau đó, Sót đạt một

11 Đại sứ Đức là tiến sĩ Herbert von Dirksen, sau này được thay thế bởi đại tá tùy viên quân sự Eugen von Ott, là bạn thân của gián điệp Sót.

thắng lợi phi thường: gửi về Mạc tư khoa những chi tiết về minh ước Đức - Nhật chống Quốc tế Cộng sản trước khi minh ước này được hai nước ký kết.

Nhờ Sót, Liên xô đã biết trước Đức quốc xã sửa soạn xâm chiếm Đan Mạch, Na Uy, Hòa Lan, Bỉ và Pháp. Nhưng họ đã ngậm miệng ăn tiền, không báo cho các nước này biết.

Các tin tức của Sót quá đúng, quá nhanh, nên nhiều khi làm cho Sít-ta-Lin hoài nghi. Bằng chứng là bức điện của Sót về việc Hít-le đang ráo riết chuẩn bị tấn công Liên xô. Họ Sít không tin. Anh - Mỹ đã từng nhiều lần thăm thì “ông ơi, ông nên đề phòng Hít-le, hấn sắp làm thịt ông đó”, và họ Sít cho đó là mảnh lời ly gián, tuyên truyền của bè lũ đế quốc. Họ Sít đã ký hiệp ước bất tương xâm với

Hít-le, lẽ nào Đức trở mặt xâm lăng Liên xô?

Sít-ta-Lin ngày thơ đến nỗi mấy giờ đồng hồ trước khi chiến xa của Hít-le ào ào vượt biên, một đoàn tàu chở đầy cao su mua ở Mã Lai còn được chở qua Đức.

Té ra Hít-le trở mặt thật! Té ra Sót nói đúng! Nhà độc tài Sít thấy hổ thì đã muộn, hơn nửa triệu (xin nhắc lại, hơn nửa triệu) binh sĩ Nga đã tử trận oan uổng. Muộn còn hơn không, từ đó đâm ra tin cậy Sót kinh khủng.

Và tiến sĩ Sót đã không phụ lòng trông cậy của nhà độc tài thép. Tháng 10--1941, đất Nga đang bị quân Đức cày nát, mấy triệu người chết sau mấy tháng binh lửa phũ phàng, nếu không được tăng viện kịp thời thì quê hương của cộng sản quốc tế sẽ rơi vào tay quốc

xã. Nhưng lấy ở đâu mà tăng viện? Chỉ còn cách đưa những sư đoàn tinh nhuệ võ trang đầy đủ bị mắc kẹt ở phía đông, vì sợ Nhật bản mở mặt trận mới, đỡ đòn cho Đức.

Tiến sĩ Sót đã tiêm cho Sít một nhát thuốc hồi sinh.

Bức điện của ông gửi về Trung Tâm đã trình báo minh bạch là Nhật tiếp tục tôn trọng biên giới Xô viết, và chỉ thọc quân xuống miền nam, qua Phi luật Tân, Nam dương, trên biển Thái bình để chống Mỹ. Sót còn nói rõ là Nhật sẽ khai pháo đánh Mỹ trong tháng 12-1941, chậm lắm là đến tháng 1-1942.

Bức điện này là bức điện cuối cùng của hệ thống Sót. Trên thực tế, Nhật đã bất thần đánh Mỹ tại Trân châu cảng, ngày 7-12 năm ấy.

Cho dầu bức điện ấy chưa phải là bức điện cuối cùng thì Sít-ta-Lin cũng không cần gì thêm nữa. Vì thời cuộc sắp đảo lộn hoàn toàn vì bức điện ngàn năm một thuở ấy. Liên xô cấp thời kéo các sư đoàn từ Tây bá Lợi á qua phía tây, giải vây Mạc tư Khoa. Quân đội Đức đang hí hửng sửa soạn ăn gỏi thủ đô Xô viết, không dè những làn sóng người và vũ khí không biết từ đâu tới đột ngột được tung ra ào ạt. Hit-le sửng sốt, kêu viên tham mưu trưởng đến hỏi xuất xứ của viện binh. Viên tướng này cứng họng không thể nào đáp lại được.

Hit-le đâu dè sự thay đổi hướng lịch sử ấy chỉ do một cá nhân lẻ loi tạo ra.

Siêu điệp viên Sót.

IV.

Ngày 18-10-1941 Sót bị bắt.

Phạm điệp viên bị bắt là do hoạt động hớ hênh. Sót là điệp viên phi thường. Nhưng sự phi thường ấy không có nghĩa là không hớ hênh. Có lẽ những hớ hênh này do tự kiêu mà ra. Sót thành công liên tục, thành công rạng rỡ nên nhìn ai cũng bằng nửa con mắt.

Chuyên viên điện đài Mặc sợ ông như sợ cọp. Đó là bề ngoài. Bên trong Mặc ngầm ghét Sót. Ở Thượng hải, Mặc dính với một cô gái tên là An-na. Nàng không yêu chủ nghĩa cộng sản, nàng yêu Mặc. Sót tổng khứ cặp trai gái về Mạc tư Khoa. Mặc bị thất sủng, chẳng hiểu sao sau đó lại được phục hồi, và được quay

về Thượng Hải, với An-na kè kè một bên. Mặc rất trung thành, y là người Sót chờ đêm đó tại bệnh viện để trao bức thư giấu trong phong thư trước khi bị mê man.

Kể ra Sót khắc nghiệt cũng đúng: Mặc là con người ẩu tả. Đường như Mặc đi đến đâu, thần số đen theo đến đấy. Có lần mang những bộ phận điện đài hư cũ ra ngoại ô toan quăng xuống, Mặc bị cảnh sát rượt theo, đòi khám. Suýt nữa thì chết. Một lần khác, di chuyển điện đài tới địa chỉ mới, chẳng may một cảnh sát viên trèo vào ngòi lên thùng điện đài, Mặc phải hồi lộ mới thoát hiểm.

Đôi khi, Sót đã khắc nghiệt một cách lầm lẫn tai hại. Y đưa quá nhiều mật điện cho Mặc chuyển đi, có những tin tức mới tiếp nhận được đã chuyển đi không phối kiểm để rồi phải gửi tiếp những bản đính chính, bổ khuyết. Mặc cần nhằn “đánh

hoài hoài như thế này chắc lộ”. Nhưng Sót không nghe.

Sót không phải là chuyên viên điện đài nên không thể biết rằng mỗi chuyên viên có một lối đánh mã tự riêng biệt. Ngay từ khi Mặc đánh những bức điện đầu tiên, ban kiểm thính của Sở Phản gián Tộc-kô-ka (Tokkoka) do đại tá Osaki¹² chỉ huy đã ghi được vào băng nhựa. Phản gián không hiểu được nội dung vì họ còn bết bát về khoản này, họ lại không tóm được chìa khóa của mật mã. Họ cũng không biết được vị trí điện đài, vì nó luôn luôn di chuyển, hơn thế nữa dụng cụ tầm đài họ còn bết bát như kỹ thuật khám phá mật mã. Họ bèn cấp tốc trang bị dụng cụ tầm đài tân tiến do Đức chế tạo và bám sát điện đài của Sót

12 Xin đừng lộn với Ozaki, nhân vật thứ hai trong hệ thống gián điệp của Sót. Osaki là một tên thông thường ở Nhật, cũng như Tí, Sửu bên ta...

như bóng với hình. Dầu sao Phản gián cũng đã phăng ra một điều quan trọng: những bức điện đã được chuyển đi đều do một người đánh. Nhưng phăng ra danh tính, sào huyệt, với đầy đủ bằng chứng đâu phải là chuyện dễ?

Thời Tam quốc, khi bị hộc máu chết vì quân sư Gia cát Lượng của Lưu Bị chơi khăm đô đốc Châu Du đã thốt lên câu nói lịch sử: “Trời đã sinh ra Du sao lại còn sinh Lượng?” Sau này, nằm trong khám tử hình, chắc hẳn siêu điệp viên Sốt, rành truyện Tam quốc, cũng đã than thở “Trời đã sinh Sốt sao lại còn sinh đại tá Osaki”...

Vì nếu người đối đầu với siêu điệp viên không phải là siêu chỉ huy Phản gián Osaki thì sức mấy mà hệ thống Sốt bị tan rã hoàn toàn...

Công việc của đại tá Osaki dễ mà khó. Dễ, vì ở Đông Kinh không có nhiều ngoại kiều, và thông lệ ngoại kiều nào nhập cảnh cũng bị điều tra và lập thành hồ sơ. Nhưng lại khó, vì dân ở Đông Kinh đông nhưng nhúc như giòi, nhân viên điều tra, theo dõi lại ít. Bù lại, đại tá Osaki có tính kiên nhẫn và nhiều mưu lược. Ông tuần tự mở lại hồ sơ từng ngoại kiều, nghiên cứu, phân tích từng li từng tí và không quên lưu tâm đến những quán rượu, những chốn ăn chơi sang trọng.

Rủi mà hên cho Osaki, những bí mật tối cao của quốc gia bị lọt ra ngoài, nền an ninh Nhật bị đe dọa thật đấy, nhưng cũng nhờ sự thâm lậu này mà nhiệm vụ mò kim đáy biển của Phản gián được giản dị hóa rất nhiều.

Một tàu lớn của Đức vượt qua hàng rào mìn đồng minh cặp bến ở Nhật, chở theo nhiều dụng cụ điện tử quan trọng. Trên đường về, tàu chất đầy cao su. Chỉ riêng một chuyến tàu với 6 ngàn tấn cao su chưa chế biến này đã đủ cung ứng nguyên liệu cần thiết cho kỹ nghệ Đức để sản xuất lốp vỏ xe dùng trong 3 tháng. Ngày giờ tàu rời bến, đường đi ngoằn ngoèo của nó trên biển rộng, và nơi nó sẽ gặp một tàu dầu của Nhật để lấy thêm nhiên liệu, tất cả đều được giữ bí mật tuyệt đối, chỉ riêng một số nhân vật cao cấp hạn chế thuộc hai bộ tổng tư lệnh Đức, Nhật là biết.

Hai con tàu¹³ vừa gặp nhau ở chỗ hẹn thì bị đánh đắm. Trước đó, ban kiểm thính bắt được một bức điện rất ngắn từ điện đài bí mật phát ra. Osaki suy luận bức điện này đã loan báo nơi gặp của hai

¹³ Đó là tàu Aachen (Đức) và Inari-Marui.

con tàu để phe đồng minh hành động. Bộ tổng tư lệnh Nhật không phải là nơi dễ bị nghe trộm, lấy trộm tài liệu, Osaki đã kiểm soát kỹ càng. Cho nên ông bắt đầu nghi ngờ nhân viên sứ quán Đức. Cuộc điều tra cho thấy có một số nhân viên cao cấp ở đại sứ biết tin này. Thoạt đầu Osaki nghi ngờ viên phụ tá thân cận của đại sứ Đức, tiến sĩ Ravenbua (Ravensburg)...

Nhưng...

Một bí mật quốc gia trọng đại khác lại bị thẩm lậu. Hoàng thân thủ tướng Kônoi vừa bàn luận về việc chuyển quân đến gần biên giới Tây bá lợi Á, chỉ mới bàn luận với một số ít bộ trưởng trong Nội các chứ chưa hạ lệnh cho bộ tư lệnh ngoài mặt trận thì Liên Xô đã biết. Đại sứ Liên Xô tại Đông kinh dùng dùng tới gặp chính phủ để trao kháng thư.

Cũng có một bức điện bí mật được đánh đi trước đó. Như vậy có nghĩa là tên phản bội phải là kẻ được giới lãnh đạo cao cấp tin dùng? Tên phản bội này là ai? Trong một cuộc bế kiến ngắn với Nhật hoàng, thủ tướng Kônoi đã cúi đầu làm thỉnh, không thể trả lời được khi ngài đặt câu hỏi: “Tên phản bội là ai?”. Thủ tướng Kônoi đặt lại câu này trong phiên họp thu hẹp với đại sứ Đức và đại tá Phản gián Osaki.

Tuy chưa biết «tên phản bội là ai», đại tá Osaki đã có thể nhìn thấy 3 tia sáng:

– Tên phản bội có liên hệ với sứ quán Đức.

– Tên phản bội có liên hệ với một vài yếu nhân lãnh đạo Nội các.

– Tên phản bội có liên hệ với Liên Xô cộng sản.

Đại tá Osaki bèn áp dụng chiến thuật xưa trái đất: mỹ nhân kế. Kiêu-mi (Kyomi), con gái duy nhất của nam tước Nomura, được Osaki tuyển chọn với sự chấp thuận của cha mẹ nàng, để dò xét tiến sĩ Ravenbua. Kiêu-mi từng sống ở tây phương, có học thức, con nhà quyền quý, lại có sắc đẹp tuyệt vời... Nàng hát hay, đàn giỏi và đang học vũ điệu cổ truyền.

Ông đại sứ Đức nghi ngờ Ravenbua. Nhiều bằng chứng cho thấy Ravenbua có thể là “tên phản bội”. Riêng Osaki nghĩ khác. Osaki hướng cuộc điều tra về phía tiến sĩ Sốt mặc dầu Sốt được ông đại sứ Đức tin cậy và che chở tuyệt đối.

Tuy vậy nghi ngờ là một chuyện, còn nắm bằng chứng để bắt giữ Sót lại là một chuyện khác.

Thì lãnh tụ Nhật cộng Ritsu bị sa lưới Phản gián.

V.

Ritsu không có liên hệ với hệ thống do thám của tiến sĩ Sót. Sở dĩ Ritsu bị bắt là vì nước Nhật vốn không ưa Cộng sản. Tháng 6-1941, Ritsu lại đưa ra những lời tuyên bố bợ đỡ quan thầy một cách quá đáng nên bị công an thộp cổ. Một lý do khác khiến y phải ngồi nhà đá: đại tá Osaki suy luận rằng tên phản bội ít nhiều có liên hệ với Liên Xô, nên thượng sách là nhốt lãnh tụ cộng sản Ritsu lại rồi dùng kỹ thuật thẩm vấn để moi móc

bí mật hòng tìm ra đầu mối tổ chức gián điệp Xô viết.

Kỹ thuật thẩm vấn của Nhật từng khét tiếng trên thế giới. Công an quốc xã Đức tra tấn không gớm tay, song so với Nhật thì còn thua một vực một trời. Ritsu khá gan góc, nhưng tượng đá công an Phù Tang thẩm vấn cũng biết mở miệng nói huống hồ con người bằng xương bằng thịt đầy đủ hỉ nộ ai lạc. Do đó lãnh tụ Nhật cộng đã mở miệng...

Sẵn cảm hờn, Ritsu khai phăng cho Kita, nữ đảng viên cộng sản Mỹ, người đồng chí trung thành kiêm bạn lòng của họa sĩ Myagi.

Nguyên ủy của sự cảm hờn này như sau: trong những ngày đầu tiên của hệ thống Sót, Mạc tư Khoa huy động mọi tiềm lực để giúp Sót kết nạp điệp viên, và

mở rộng hoạt động, cho nên Ritsu được yêu cầu tiếp xúc với Kita. Khốn nỗi khi ấy Kita đã cặp kè với Myagi, và được tổ chức vào hệ thống lấy tin của Sót. Myagi nằm trong đường dây của ký giả Ozaki, và Myagi ra chỉ thị minh bạch cho Kita chấm dứt mọi liên lạc với cộng sản đảng địa phương, và từ chối hợp tác với họ trong bất cứ trường hợp nào. Tuân hành đúng chỉ thị, Kita thẳng tay bác bỏ đề nghị của Ritsu. Cho đến nay, người ta vẫn không hiểu tại sao Trung tâm G.R.U. lại có thể hờ hênh đến như vậy.

Tại sao hạ lệnh cho Ritsu tiếp xúc với Kita mà lại quên hạ lệnh cho Kita chấp nhận đề nghị của Ritsu?

Dầu sao chẳng nữa thì ván cũng đã đóng thuyền, trong thâm tâm Ritsu nghĩ rằng “con mẹ Kita không thêm hợp tác

với mình thì mình khai ra nó cho bố ghét”. Và Kita bị bắt.

Đại tá Osaki tiến từng bước một, tuy chậm mà chắc. Ông chỉ khai thác Kita, chứ chưa làm gì hết. Khai thác Kita dễ ợt, chưa tra tấn nàng đã khai tùm lum, và dĩ nhiên là trong số những người bị nàng nhắc đến tên phải có họa sĩ Miyagi.

Osaki vẫn tiếp tục cuộc phản công thận trọng, vì ông muốn quy tụ được thật nhiều bằng chứng trước khi xuống tay. Nếu quăng ngay mề lưới e chỉ bắt được tôm tép còn những con cá lớn sẽ chạy thoát. Vả lại, phương châm bắt di dịch của nghề phản gián không hẳn chỉ là bắt điệp viên địch, mà là phá vỡ toàn diện cơ sở của địch.

Mùa hè trôi qua, Đông Kinh đã bắt đầu mùa thu. Đầu tháng 10, nhân viên

Phản gián gỗ của nhà Miyagi. Khi ấy Miyagi đang bị bệnh đau phổi nặng. Biết bại lộ, y vớ con dao đâm vào người để tự tử. Nhân viên của Osaki đã nhanh tay cứu sống.

Khỏe như Ritsu còn phải mở miệng huống hồ họa sĩ Miyagi chỉ là bộ xương sắp bị vi trùng Kốc đục ruỗng. Cho nên Phản gián nắm thêm được nhiều tin tức quan trọng. Đọc lời khai của Miyagi đại tá Osaki suýt ngã ngựa. Điều không ai ngờ đã xảy ra. Thượng cấp trực tiếp của Miyagi là Hozumi Ozaki, người được Thủ tướng và Chính phủ Nhật tin cậy, hoàn toàn tin cậy.

Đến lượt ký giả Ozaki bị bắt. Từ Ozaki đến Sót, con đường không còn xa lắm nữa. Bị động ồ, biết bị nghi ngờ, Sót bèn khôn ngoan đánh lạc hướng phản gián bằng cách bố trí cho tiến sĩ Ravenbua

bị chộp quả tang với một cuộn phim tài liệu quốc phòng. Đại sứ Đức giam lỏng Ravenbua, và về chính quốc xin chỉ thị. Bá Linh ra lệnh đưa Ravenbua về nước, để ra trước Tòa án binh về tội phản quốc. Ravenbua sửa soạn xuống tàu. Các đại dương đều bị đồng minh phong tỏa, Ravenbua có nhiều cơ hội bị chết dọc đường. Hoặc nếu thoát bom đạn đồng minh thì cũng bị chết do 12 viên đạn của tiểu đội hành quyết. Ravenbua bị oan... nhưng làm sao giải oan được cho y?

Và mỹ nhân kế được thi hành...

Kiều-mi, cô gái quý tộc được Osaki tiến cử làm bạn với Ravenbua với mục đích dò xét, bủn rủn tay chân khi nghe tin Ravenbua bị áp giải về Bá Linh chịu tội. Nàng xúc động mãnh liệt vì trong thời gian gần gũi Ravenbua nàng thấy chàng có nhiều tính tốt, và đem lòng

yêu nàng. Nhiều lần chàng ngỏ ý muốn cưới nàng làm vợ, ông đại sứ Đức phản đối, chàng bèn xin từ chức. Kiêu-mi cảm thấy có phần nào trách nhiệm trong vụ Ravenbua.

Nàng bèn tất tưởi đến gặp đại tá giám đốc Phán gián Osaki.

Osaki là bạn đồng ngũ của cha nàng. Mắt đỏ hoe, nàng hỏi:

– Bác có tin là Ravenbua phản bội không?

Đại tá Osaki lắc đầu:

– Không.

– Tại sao trong tủ sắt của Ravenbua lại có cuộn phim chụp tài liệu mật của chính phủ?

– Người khác ở trong sứ quán lên mở tủ bỏ vào để ru ngủ sở Phán gián.

– Bác đã biết rõ người ấy là ai?

– Rồi. Biết từ lâu.

– Tiến sĩ Sót?

– Phải, Tiến sĩ Sót!

– Tại sao bác không bắt giữ Sót và giải oan cho Ravenbua?

– Hừ... Ravenbua bị oan là đáng đời. Tôi đã gặp y, yêu cầu y cho tôi biết rõ thêm về Sót nhưng y từ chối, y nói là y không thể làm hại một người bạn tốt. Làm việc công, việc nước, mà ôm chặt tình cảm cá nhân vụn vặt như Ravenbua thì chết là đúng...

– Bác Osaki ơi, xin bác giúp cháu, bác bắt giữ Sót...

– Bắt giữ một nhân vật như Sót đầu phải dễ. Cô đừng quên Sót là cộng sự viên thân cận sáng giá nhất và cũng là bạn tri kỷ của ông đại sứ Đức, muốn tóm cổ y tôi phải xuất trình bằng chứng.

– Bác chưa có bằng chứng?

– Chưa!

– Bây giờ bác tính sao, hả bác?

– Phải làm cách nào để Sót bị bắt quả tang với tài liệu. Có như vậy thì Ravenbua mới được minh oan. Sót và đồng bọn mới có thể bị xử tử. Nghĩa là phải lừa Sót... Phải lôi Sót vào tròng....

– Thưa bác, bác dạy gì cháu chưa hiểu....

– Cô chưa hiểu là phải, vì cô còn ít tuổi. Tiến sĩ Sót là một điệp viên có nhiều

tuổi đời cũng như tuổi nghề. Phàm làm nghề này thường mắc 3 nhược điểm, hầu như là cố tật, đó là rượu chè, tiền bạc và.. đàn bà. Muốn lôi điệp viên địch vào tròng, người ta luôn luôn nghĩ đến ba nhược điểm này. Tôi đã nghiên cứu Sót rất kỹ: y uống rượu rất nhiều, hễ ngồi xuống bàn là có chai rượu mạnh một bên, song khả năng chịu đựng của y cao hơn mức trung bình rất nhiều, trong nhiều bữa uống đông đảo, thiên hạ say bí tỉ, chân nam đá chân xiêu hoặc nằm quay lơ thì Sót vẫn tỉnh bơ. Nói vậy không có nghĩa là y không bao giờ say, chẳng qua vì y có tài biết trước chừng bao nhiêu ly y sẽ chệnh choáng, mà hễ đã chệnh choáng là y ngừng uống, chứ đừng nói là chờ đến lúc say tít cung Trăng mới chịu tộp lại... Đó là vấn đề rượu. Còn về tiền... Cô có để ý tới cách phục sức của Sót không? Lúc nào y cũng ăn mặc cầu thả, bất

cần thiên hạ. Y cũng chẳng thèm thuê nhà sang, đồ đạc sang, sắm xe cộ sang, y chỉ sống bình thường như mọi người, có cũng được mà không có cũng được. Về khoản đàn bà. Sót còn ghê gớm hơn nữa. Nói cô bỏ lỗi, y vốn khinh miệt đàn bà, y cho rằng đàn bà là giống thấp hèn, là đồ chơi hàng ngày....

– Thưa bác, đàn bà không phải là giống thấp hèn hoặc là đồ chơi hàng ngày của.....

– Dĩ nhiên, tôi hoàn toàn đồng ý với cô. Quan niệm vừa nói chỉ là quan niệm của Sót.

– Và là quan niệm sai lầm...

– Trên lý thuyết, nó sai lầm, nhưng trên thực tế, nó lại đúng. Chắc cô chưa biết nhiều về tiến sĩ Sót. Y không đẹp

traí lắm, song tạo hóa đã cho y một sức lôi cuốn lạ lùng, bất cứ đàn bà con gái nào gặp y cũng đều bị y mê hoặc. Phụ nữ đã dính vào y là chết cứng, không dứt ra được nữa, trong khi ấy y vẫn tỉnh táo như không, y xài một vài lần rồi vứt bỏ không thương tiếc. Có thể nói Sót là con người không có tình cảm. Một gã khổng lồ không tim.....

– Thưa bác, cháu không tin Sót là con người bách chiến bách thắng. Khổng lồ đến như Samson...

– Là vì có Dalila.

Kiều-mi chỉ nói mấy tiếng rồi ngưng bật. Nàng chợt hiểu. Đại tá Phán gián Osaki cũng vậy. Ông nhắc đến giai nhân Dalila trong Thánh Kinh công giáo rồi ngưng bật, đầu cúi xuống đồng hồ sơ dầy cộm trên bàn. Bên ngoài trời đã khuya.

Tuy hai người, một già một trẻ không nhìn nhau, không nói với nhau một lời, song cả hai đều nghĩ đến câu chuyện thần thoại Samson và Dalila trong đêm khuya tiền sử.

Samson, phán quan xứ Do Thái, có sức khỏe chẻ núi bằng sông, lần nào quân Phi-lít-tin (Philistins) kéo đến toan tấn công Do Thái cũng bị Samson đánh thua không còn manh giáp. Đối phương bèn dùng mỹ nhân kế, và anh hùng Samson đâm ra mê thuyến quyền Dalila. Nhiệm vụ của nàng là khám phá ra bí quyết sức khỏe địch muôn người của Samson. Khởi cần điều tra xa xôi, nàng làm cho anh hùng chết mê chết mệt rồi hỏi thẳng chàng:

– Anh ơi, tại sao anh lại khỏe như vậy? Muốn đánh anh thua thì phải làm thế nào?

Tráng sĩ đang còn tỉnh nên lựa lời dối trá. Samson nói là muốn trói chàng phải lấy 7 sợi dây cung còn tươi, chưa khô. Dalila lừa chàng ngủ để trói lại. Chàng chỉ cựa nhẹ là 7 sợi dây kiên cố bứt tung.

Dalila không nản lòng. Nàng tiếp tục tạo cho anh hùng khổng lồ những rung cảm chưa từng có. Một ngày kia, trong cơn say tình chệnh choáng, chàng quên cả giữ gìn, chàng thú nhận với giai nhân rằng bí quyết sức khỏe siêu phàm của chàng nằm giấu trong mái tóc, Nàng bèn liên lạc với quân Phi-lít-tin, anh hùng Samson đang nồng nàn giấc điệp bên cạnh người yêu thơm tho thì bị cạo trọc đầu.

Hết tóc, Samson trở nên yếu như sên, kẻ địch xông lại, bắt giữ. Tội nghiệp Samson đại gái... chàng bị kẻ địch móc mù mắt, tống vào nhà giam.

Đại tá Osaki đứng dậy:

– Khuya rồi, cô về đi.

Kiên-mi vẫn ngồi, nét mặt nàng đanh lại:

– Thưa bác, cháu chưa muốn về, cháu cần ở lại bàn với bác và xin chỉ thị của bác.

– Về việc gì?

– Cháu tình nguyện làm Dalila.

Đại tá Osaki và giai nhân quý tộc Kiên-mi đã bắt tay ngay vào việc. Tiến sĩ Sốt mắc cái bệnh thay cũ đổi mới hầu như mỗi đêm, bản chất kiêu căng lại chỉ ưa cái gì khó khăn và hiếm có nên không thể ngoảnh mặt làm ngơ trước miếng mồi xác thịt độc nhất vô nhị là Kiên-mi. Chưa bao giờ Sốt thấy một cô gái

hội đủ điều kiện như nàng. Dĩ nhiên có người đẹp hơn. Nhưng không được tươi trẻ bằng. Không được học thức bằng. Và không quý phái bằng. Chiếm được Kiên-mi, con gái của một nam tước tên tuổi trong hoàng gia, Sốt sẽ có thể giã từ đất Nhật một cách hiên ngang. Sau bao nhiêu thành công nghề nghiệp, y tự nhủ sẽ đạt một thành công tình ái lớn lao.

Siêu điệp viên Sốt không ngờ rằng cái đêm đầu tiên ông được quàng vai bá cổ Kiên-mi, được thưởng thức thân thể êm mát của nàng cũng là đêm cuối cùng của cuộc sống tự do trên cõi thế. Đêm ấy, Sốt nhận được một tin quan trọng. Tin Nhật sửa soạn đánh úp Trân Châu cảng. Ông cũng đã sửa soạn chu đáo. Ông ra lệnh cho Mack chuyển bức mật điện. Ông dự tính hú hí với giai nhân một lát rồi vù trốn khỏi Đông kinh.

Nhưng Dalila đã nắm được nhược điểm của Samson....

VI.

Gần nửa đêm, Sót dìu người đẹp ra khỏi hộp đêm Phú Sĩ. Đông kinh dưới thời đại chiến thứ hai chỉ là móng tay so với Đông kinh tân tiến, cuồng loạn, hỗn tạp, si mê ngày nay, tuy vậy hộp đêm Phú Sĩ hồi đó cũng đã là một trung tâm hò hẹn sang trọng của giới thanh lịch quốc tế. Kiều-mi với những điệu vũ cổ truyền gợi cảm, là cái đỉnh của hộp đêm, cho nên sự cặp kè của nàng đã làm ông nở mũi hãnh diện.

Như để nhấn mạnh thêm tài ba chinh phục phái yếu của mình, Sót mặc bộ com-lê nhàu nát nhất và thắt cái cà-

vạt cầu thả nhất trong thiên hạ đều diện dạ phục. Ông lại mời giai nhân trên chiếc xe hơi méo mó, sọc sọc, đậu cạnh giấy xe hơi bóng loáng.

Mặt Sót vui vẻ lạ thường. Kiều-mi đã đoán được lý do. Ông vui vẻ vì sắp “bẻ khóa động đào”, điều này dĩ nhiên, nhưng lý do thâm kín và quan trọng hơn nhiều là ông vừa nhận được một mảnh giấy nhỏ. Nàng thoáng thấy một người trao tận tay ông, vì trong hộp đêm quá đông người, sáng lại lờ mờ nên ông chưa đọc. Trước khi ra xe với Sót, nàng đã nghe giọng nói chắc nịch của đại tá Osa-ki trong điện thoại:

– Tôi lặp lại: cô phải lấy kỳ được mẫu giấy mà Sót vừa nhận được. Phải đoạt được mẫu này mới giải oan nổi cho Ravenbua và lòi Sót ra tòa án...

Gió mát tạt vào xe, Sốt lái thật nhanh. Ông hứa đưa nàng đến một thắng cảnh quen thuộc bên trong thành phố, nhưng, ơ kìa... ông lại thay đổi lộ trình. Có lẽ ông đánh hơi thấy bị lộ. Ruột gan Kiều-mi nóng ran. Ông ôm nàng hôn, nàng chỉ kháng cự yếu ớt, nên Sốt lại tưởng nàng thành thật yêu mình. Sốt đề nghị “chúng mình đi chơi với nhau cả đêm nay nhé!” Nàng bần suy nghĩ, không đáp. Ông lại tưởng nàng đồng ý, và phóng ra ngoài ô.

Đến một khoảng tối, Sốt đậu xe, rút mẩu giấy ra. Ông ló đầu ra cửa xe, lợi dụng ánh đèn đường từ xa hắt lại để đọc. Đoạn ông lục túi lấy quẹt máy. Ông bật hai lần, lửa không cháy. Quẹt máy đã hết đá. Thật may cho Kiều-mi. Nếu có lửa, Sốt đã đốt mẩu giấy định mạng ra than, ông nhún vai, xé mẩu giấy thành nhiều miếng vụn, vút bay lả tả theo gió, rồi

quay sang Kiều-mi hôn nàng:

- Đi nhé!
- Em sợ lắm.
- Sợ gì? À, anh hiểu rồi, em sợ ông già.
- Vâng, chẳng gì ba em cũng là sĩ quan cao cấp, lại là vị nam tước có tiếng tăm, nếu em đi thắng một mạch ba em báo tin cho cảnh sát tìm kiếm thì nguy.
- Có khó gì đâu. Em gọi điện thoại về nhà, nói là đến thăm một người bạn gái...
- Vâng. Nhưng ở đây làm gì có điện thoại.
- Ngay trước mặt em kia kìa... Em sợ ông già đến nỗi chẳng còn nhìn thấy được gì nữa.

Sót quá tự tin, quá kiêu căng nên đã xét lăm Kiêu-mi. Nàng đã nhìn thấy trạm điện thoại công cộng trước ông. Song nàng chờ ông đề nghị trước. Sót mở cửa xe:

– Em gọi cho ông già, còn anh đi mua thuốc và bao quẹt. Nhanh lên em.

Nàng không quay số về nhà mà là cho đại tá Osaki đang ngồi chờ tại văn phòng. Khi nàng lên xe theo Sót ra ngoại ô thì đại tá Osaki cũng lên xe đến ngã tư Sibui và Nogi. Đoàn xe của Phản gián gồm nhiều chiếc trang bị dụng cụ vô tuyến và đèn pha sáng rực. Binh sĩ chặn bốn ngã đường lại, và dưới những cơn gió mạnh và cơn mưa lất phất, họ rọi đèn tìm nhặt những vụn giấy tờ trên mặt đường và rớt vào các vườn kế cận. Sót đã thận trọng xé thật nhỏ, song Osaki đã huy động một số lớn chuyên viên

và binh sĩ chỉ riêng làm một việc lượm các vụn giấy, lần lượt đem dán vào một tờ giấy lớn.

Gần một giờ đồng hồ sau những giòong chữ viết tay hiện ra:

“Không hải quân Nhật sẽ tấn công căn cứ Trân châu Cảng của Mỹ, 4 giờ sáng ngày 16 tháng 11 năm 1941”) [Sự thật là Trân châu cảng bị tấn công vào ngày 7-12-1941.]

Thế là đủ. Đại tá Osaki ra lệnh cho đoàn xe Phản gián xả hết tốc lực phóng về Atami.

Nhật là xứ có nhiều bãi biển đẹp. Atami có thể được coi là nơi có bãi biển đẹp nhất nước Nhật. Du khách thường gọi Atami là Riviera¹⁴ của Nhật. Đặc điểm của Atami là có nhiều nước nóng. Suối

¹⁴ Riviera là bờ biển từ Nice, đông nam nước Pháp, trở xuống, được coi là nơi nghỉ mát thần tiên nhất

nước nóng nóng nhất của Nhật là suối Oyu. Đến thăm Atami, du khách thường được nghe kể chuyện con chó Tôby thân yêu của vị sứ thần Anh quốc bị xẩy chân ngã xuống suối chết và được dân chúng địa phương làm ma chay đằng hoàng, có sử tụng kinh, có cúng cơm, và sau đó còn lập bia kỷ niệm nữa.

Sót thuê một ngôi nhà mát trên vịnh Atami. Mặc dù Sót áp dụng phương pháp lẩn trốn tài tình, nhân viên Phản gián vẫn bám sát, và khi Sót vui thú với giai nhân trong căn nhà gỗ nên thơ thì bên ngoài những bóng đèn giàn thành vòng tròn chia nhau mai phục, luôn luôn liên lạc bằng vô tuyến điện thoại với đại tá Osaki.

Thoạt đầu, điệp viên Sót chỉ định ở lại một lát rồi đi. Nhưng Kiêu-mi đã có đủ bản lĩnh giữ chân ông. Bản lĩnh này

là tấm thân trần trụi tuyệt mỹ của nàng. Vì nhiệm vụ, vì tổ quốc, nàng đã hiến thân cho điệp viên Sót. Sót không lạ gì đàn bà, nhưng rất ít khi ông được chiêm trồn thể xác một người đàn bà tuyệt sắc như Kiêu-mi, và đây là lần đầu một cô gái tuyệt sắc, học thức, thuộc giòng giồi quý tộc ngã vào tay Sót. Cơn truy hoan thần tiên làm Sót ngủ thiếp.

Trời rạng sáng Sót mới bàng hoàng bừng tỉnh. Chợt nhớ đến đêm qua, đến đại tá Osaki, ông vội vã mặc quần áo, rót rượu uống trước khi ra xe. Sót nâng ly huyết-ky lên môi, chưa kịp nhấp, phải đặt xuống vì có tiếng đập cửa. Sót lặng người một phút, tay chân cứng lại. Nhưng ông lấy lại bình tĩnh và bước ra cửa.

Khách đến thăm Sót là đại tá Phản gián Osaki.

Osaki rút trong túi ra tờ giấy dán đầy mẩu xé vụn và nói, giọng dịu dàng:

– Chào tiến sĩ Sót. Hẳn ông đã hiểu lý do tôi đến thăm ông sáng nay.

Sót từ lư nâng ly rượu, uống cạn một hơi rồi nói:

– Vâng, tôi hiểu. Tôi xin uống ly rượu này để mừng sự thành công vẻ vang của đại tá.

VII.

Khám đường Sugamô ngày 7-11-1944. Đối với tử tội của xà lim số 133 thì ngày 7-11 này cũng giống như 1088 ngày đã trôi qua. Thường thường tử tội không phải chờ đợi quá lâu trong khám. Tuyên án sau một thời gian ngắn là thọ hình.

Tử tội Sót chờ đợi những 3 năm ròng rã nên không còn tin là mình sẽ phải thọ hình nữa.

Khám tử hình gồm khá đông “thân chủ”. Nhưng không ai được đối xử hậu hĩnh bằng Sót. Giường ngủ có nệm êm lưng, áo quần luôn luôn sạch sẽ đẹp mắt, ăn uống lúc nào cũng đầy đủ, đôi khi còn thừa mứa nữa, tuy nước Nhật đang lâm chiến, toàn dân phải thắt lưng buộc bụng, Sót được quyền chọn sách báo để đọc, và hơn ai hết, Sót đoán được là chiến tranh sắp chấm dứt với thắng lợi về phe đồng minh, nghĩa là Nhật sẽ bại trận và Liên xô sẽ là một trong những nước thắng trận.

Ông đã tận tình giúp Liên xô. Chắc hẳn Liên xô và thống chế Sít-ta-Lin, và Trung Tâm, và đại tướng tư lệnh Urítsoki, sẽ tận tình cứu ông ra khỏi xà lim 133.

Sáng hôm ấy, một điều lạ xảy ra. Người mở khóa xà lim không phải là gã cai ngục có bộ mặt xác chết trôi mà là quản đốc khám đường Mátsumôtô lẫn mình nghiêm trang trong bộ nhung phục đại tá, ngực gắn đầy huy chương.

Mátsumôtô khom lưng chào tử tội rồi hỏi:

– Ông đúng là tiến sĩ Sót?

Sót hơi xanh mặt, đáp “phải” một tiếng. Đại tá quản đốc hỏi tiếp:

– Có đúng, ông sinh tại Baku ngày 12 tháng 4 năm 1895 không?

Thủ tục hỏi căn cước này, Sót đã biết tường tận. Quản đốc khám đường từng hỏi như vậy trong các xà lim tử hình trước giờ áp giải tử tội ra phòng xử giáo. Bất giác Sót đưa tay lên sờ cổ:

– Tiến sĩ Sót, tuân lệnh ngài bộ trưởng Tư Pháp, tôi xin thông báo với ông là giờ thọ hình của ông sắp tới.

– Ngay bây giờ?

– Vâng, ngay bây giờ, trừ phi ông muốn một bức thư, bức thư cuối cùng, hoặc viết cái gì đó...

“Cái gì đó” là điều Phản gián Nhật luôn luôn nhắc đến trong những ngày Sót bị giam. Họ muốn ông khai hết. Nhưng ông chỉ trả lời bằng sự nín lặng. Họ cũng không tra tấn ông như đã tra tấn những đồng lõa của ông và những người xa gần dính líu đến những tổ chức gián điệp cộng sản do ông cầm đầu. Có lẽ họ biết tra tấn là vô ích, ông thà chết chứ không chịu nói. Họ hy vọng một ngày nào đó, ông sẽ xin khai để xin đổi mạng sống. Ông không khai vì ông hy

vọng một ngày nào đó, Liên xô sẽ đưa ông ra khỏi nhà giam.

Không ai biết được trong giây phút nghiêm trọng ấy, tiến sĩ tử tội Sốt đang nghĩ những gì. Nghĩ đến việc cung khai để xin ân xá chẳng? Hay là nghĩ đến thói đời đen bạc? Liên xô đã làm thình. Không thềm đếm xỉa tới mạng sống của siêu điệp viên Ram-xê. Thậm chí đồng chí Mặc, chuyên viên điện đài, cũng trút hết trách nhiệm lên đầu Sốt để được nhẹ án.

Đúng là thói đời đen bạc...

Những người chứng kiến cuộc treo cổ hôm ấy – mà thật ra cũng chẳng có ai — thuật lại là Sốt tỏ ra hết sức can đảm. Sốt từ chối khi quản đốc khám đường đề nghị mời linh mục vào cầu nguyện cho tử tội. Sốt điềm tĩnh đứng cho ba người khoác áo choàng đen, đầu phủ vải đen

kín mít, trói ông lại và tròng nút thông lọng vào cổ, trước khi chụp luôn vuông vải đen xuống đầu và vai ông.

Cái thập dưới chân tử tội tụt xuống, để lộ hố vuông đen ngòm, tử tội lung lẳng chơi vơi, xương cổ gầy kêu răng rắc. Quản đốc khám đường nói là Sốt đã đền tội.

Nhưng...

TRUYỆN THỨ TƯ

*Kinh Kong – anh hùng...
phản quốc*

I.

Thắng lợi của đại tá Osaki trong vụ siêu điệp viên Sốt là một thắng lợi lớn của ngành Phản gián điệp. Nhiều người đồng ý là nếu giám đốc Phản gián Đông kinh hồi ấy không phải là Osaki thì vị tất Sốt bị sa lưới. Tuy nhiên, các chuyên viên phản gián lại nghĩ khác: họ cho rằng Sốt để lại quá nhiều hớ hênh nên bị tóm cổ

là đúng. Sốt lộng hành trong 8 năm liền rồi mới bị lột mặt nạ, đại tá Osaki chưa thể được coi là giỏi. Dầu sao, Osaki còn có phương tiện và nhân sự dưới tay.

Như đại tá người Hòa Lan Oreste Pinto mới thật là giỏi. Ông có tài đánh hơi, chỉ nhìn qua một người, đưa đây vài ba câu chuyện tầm phào là xuyên thấu được tâm can của họ. Pinto điển hình cho loại chuyên viên phản gián thâm lặng, quanh năm ngồi trong phòng giấy, thẩm cung, nghiên cứu hồ sơ. Vụ Christian Lindermans, anh hùng kháng chiến Hòa Lan chống Đức, hỗn danh là King Kong, được công chúng ca tụng, bái phục, là một trong những vụ phản gián quan trọng nhất trong thế chiến thứ hai, và cũng là một trong những thành tích quan trọng nhất đưa đại tá Pinto lên hàng thủ lĩnh phản gián quốc tế.

Công cuộc điều tra của ông đã lột mặt nạ nhiều điệp viên địch, 7 tên bị hành quyết. Trong những tuần cuối cùng của thế chiến 2, ông được giao phó một nhiệm đặc biệt tại SHAEF (Supreme Headquarters Allied Expeditionary Forces — Tổng hành Doanh Tối cao Lực lượng Viễn chinh Đồng minh). Trong khi quân Mỹ, Anh và Gia nã Đại tiến qua Bỉ và Hòa lan, ông có bốn phận thộp cổ bọn gián điệp và phá hoại do Đức quốc xã gài lại. Ông bèn lập các trung tâm tiếp cư được canh phòng cẩn mật để gạn lọc phần tử tay sai của địch.

Do một sự ngẫu nhiên kỳ thú, ông khám phá ra King Kong. Hồi ấy, thống chế Mon-go-mê-ry (Montgomery), cho toán binh sĩ nhảy dù xuống Ac-nơ-hem (Arnhem), chặn hậu tuyến địch, với hy vọng tiến thật sâu vào đất Đức, hợp

với mũi dùi thiết kỵ của đồng minh. Kế hoạch thả quân này, nếu thành công, sẽ có thể rút ngắn chiến cuộc 6 tháng, nghĩa là đại chiến thứ hai có thể kết thúc vào lễ Giáng sinh năm 1944. Nhưng kế hoạch táo bạo của đồng minh bị thất bại. Sau 10 ngày bị kẹp trong cái bẫy mỗi ngày một thắt hẹp, binh sĩ dù đã phải rút lui để lại trên chiến địa 7.000 thương vong.

Nguyên nhân thất bại không phải vì lính dù chiến đấu kém. Cũng không phải vì cuộc hành quân thiếu chuẩn bị, hoặc chuẩn bị thiếu sáng suốt. Tất cả đã được trù liệu. Song điều Đồng minh quên trù liệu – hoặc không bao giờ ngờ đến — là bộ tư lệnh địch đã biết trước nơi đổ quân. 7.000 thương vong trong tổng số 10.000 binh sĩ nhảy xuống Ac-nơ-hem. Điều Đồng minh không bao giờ ngờ đến là cái chết của 7.000 binh sĩ dũng cảm

hoàn toàn do một cá nhân gây ra.

Tên phản bội ghê tởm này là Kinh Kong. Khi ấy King Kong đang là anh hùng kháng chiến, danh tiếng nổi như cồn...

I.

Đối với tiêu chuẩn tây phương thì cao một mét chín chỉ đủ được gọi là khá cao, chưa phải cao quá khổ. Tuy nhiên kiếm được một người cao mét chín mà cân nặng 115 kí thì chẳng dễ chút nào.

Bởi vậy gã đàn ông đang khệnh khạng gồng cánh tay khoe bắp thịt trước cổng trại tiếp cư ở ngoại ô An-ve (Anvers) một thị trấn Bỉ, đã thu hút được một đám đông đáng kể. Người lính gác cổng trại thuộc 1 binh chủng quân cảnh, nghĩa là

binh chủng toàn thanh niên cao to, bồng nhiên bị lút hẳn. Gã đàn ông lạ vượt hơn người lính một cái đầu. Về bề ngang, còn thua tai hại hơn nữa: vai gã đàn ông như trái núi thịt, hẳn mặc bộ đồ kaki ngắn tay để lộ bắp thịt vai lớn hơn cả bắp đùi đại lực sĩ. Ngực hẳn vĩ đại đến nỗi làn vải kaki như muốn rách bung. Đặc điểm của thân thể hẳn là không thấy mỡ bèo nhèo, mặc dầu hẳn cao to, chỗ nào trên người hẳn cũng đều bằng thịt, và rắn chắc như bọc thép...

Chỉ riêng khối thịt khổng lồ của hẳn đã khiến thiên hạ kinh hồn táng đờm, huống hồ hẳn còn đem thêm từ đầu xuống chân một công binh xưởng vũ khí nữa. Nơi thắt lưng da to bản tòng teng hai con dao rèn bằng thép đen, tiếng là dao nhỏ nhưng lớn không thua mã tấu. Khẩu súng lục Luger nòng dài lê thê,

được gắn thêm bộ đồ nhắm xa công kênh, nằm dọc trên hông phải. Khẩu tiểu liên Schmeisser vắt ngang bộ ngực rộng menh mông. Loại tiểu liên này đầu đến nỗi nhỏ, thế mà ở trên ngực hẳn đã trở thành cái súng bắn nước tí hon của trẻ em. Chưa hết, túi quần, túi áo của hẳn đều căng phồng xoàng ra cũng chứa 5, 7 trái lựu đạn.

Gã khổng lồ ôm mỗi tay một cô gái, chung quanh hẳn số người hiếu kỳ mỗi lúc một gia tăng. Chú lính gác cổng có vẻ lúng túng. Nhiệm vụ chú lính là cấm người lạ đột nhập vào trung tâm tiếp cư. Nhưng gã khổng lồ cứ khệnh khạng bước tới, giọng vang rền như sấm:

– Nè hai chú kia, hai cô em này là công dân Hòa lan yêu nước chính hiệu, phiền chú nói với ông đại tá của chú rằng anh hùng Kinh Kong đứng ra bảo đảm.

Đại tá phải trả tự do tức thời cho họ để họ uống rượu với tôi nghe chưa.

“Ông đại tá” mà Kinh Kong vừa nhắc tên chính là đại tá Oreste Pinto.

Pinto đi ngang, nghe tiếng ồn nên đứng lại. Ông nghe danh con người mang hõn danh Kinh Kong từ lâu. King Kong là thủ lĩnh can trường có một không hai trong hàng ngũ kháng chiến Hòa lan. Trên các vùng đất bị Đức quốc xã chiếm đóng ở châu Âu, ít ai không biết tiếng và không khâm phục King Kong, người có sức khỏe ghê gớm, không hề biết sợ trong bất cứ trường hợp nào, người từng đánh quân Đức những trận thất điên bát đảo.

Tuy vậy, là ai nữa cũng phải tôn trọng kỷ luật. Dầu là anh hùng kháng chiến King Kong cũng không được ngênh

ngang đột nhập trung tâm tiếp cư, bắt chấp nguyên tắc an ninh, đòi thả hai trại viên trong khi cuộc điều tra chưa hoàn tất...

Ông bèn lớn giọng kêu hấn:

– Anh kia lại đây.

King Kong quay lại, mắt hơi chớp, đoạn thả hai cô gái ra. Hấn lấy ngón tay trỏ — lớn bằng nắm tay người khác — chỉ vào bộ ngực bê tông cốt sắt của hấn:

– Ông muốn nói chuyện với tôi?

Pinto đáp:

– Phải, đích anh. Lại đây tôi bảo.

Hấn lưỡng lự một giây rồi rầm rộ bước lại. Pinto không lấy gì làm cao nên trông như chú lùn đứng trước ông khổng lồ. Trước khi Kinh Kong cất tiếng, Pinto

sờ ba ngôi sao vàng dính trên cánh tay áo hắc, giọng hơi gay gắt:

– Anh lấy quyền nào để đeo cái này? Anh là đại úy hả? Đại úy thuộc quân đội nào?

King Kong thở phò phù:

– Ba ngôi sao vàng hả? Tôi được quyền đeo lon theo lệnh của Kháng chiến quân bí mật Hòa Lan.

– Té anh là của Kháng chiến. Nhưng tên là gì?

– Tên tôi hả?

Hắn tỏ vẻ vô cùng kinh ngạc. Hắn kinh ngạc là phải vì hắn lừng danh như vậy không lẽ một sĩ quan cấp tá quên không biết. Hắn bèn quay một vòng về phía đám đông, nhún vai một cách miệt

thị, để như muốn nói “hừ, ông là đồ quê mùa, đồ cù lần, đồ ngu dốt, đứng trước King Kong vĩ đại mà chẳng thấy gì cả”.

Rồi hắn nói oang oang:

– Tên tôi hả, đại tá? Ở đây, ai ai cũng biết tên tôi. Tôi đang ngụ tại tổng hành doanh của Kháng chiến quân Hòa Lan.

Hắn ngưng nói, ưỡn phồng bộ ngực tử đứng với dụng ý khoe khoang:

– Mọi người thường gọi tên tôi là King Kong.

Hắn nghiêng răng, nắm chặt bàn tay chẳng khác con khỉ King Kong trong xi-nê. Đại tá Pinto chạm tay vào báng khẩu súng lục Walthur đeo dưới nách trong tư thế chuẩn bị rút bắn. Sau này kể chuyện lại, ông cho biết nếu King Kong chớp được ông, hắn chỉ vụn nhẹ là ông gãy

xương cổ, và tất ông phải lấy cò ngay để tự vệ. Song hắn chỉ trở mắt nhìn ông mà không làm gì hết.

Sự rụt rè của hắn làm Pinto vững tâm và lấn át thêm:

– Anh không phải là đại úy trong quân đội Hòa Lan nên không được quyền đeo cấp bậc đại úy.

Nói đoạn, ông giật phăng miếng da dính ba ngôi sao đại úy óng ánh vàng. Miếng của King Kong trể ra trong sự tức tối, da mặt hắn đỏ ửng. Khi ấy hắn có thể làm liều vì tự ái bị va chạm nặng nề. Nhưng không hiểu sao hắn lại bước lùi. Bước lùi, thay vì bước tới để tấn công. Khổng lồ King Kong đột nhiên có thái độ ngưng ngừng, gần như xấu hổ của cậu học trò trốn học đi chơi bị bắt quả tang. Hắn thè lưỡi liếm mép, rồi nói:

– Tôi sẽ chính thức khiếu nại về sự cư xử của đại tá.

Không chờ Pinto đáp, hắn rào bước ra xa, bỏ lại hai cô gái và đám đông ái mộ ngây người trong cơn sững sốt chưa từng thấy.

II.

Đó là buổi gặp gỡ ngẫu nhiên giữa đại tá phản gián Pinto và anh hùng kháng chiến King Kong.

Theo lời Pinto nếu ông gặp King Kong ở một nơi nào khác thì ông đã không ngần ngại xiết chặt tay khen ngợi hắn. Vì nhờ sự hy sinh dũng cảm của hắn, nhiều người tị nạn và phi công đồng minh bị bắn hạ trên vùng trời Hòa lan do Đức chiếm đóng đã thoát hiểm. Hắn đã đích

thân dẫn họ qua vùng địch bằng những lộ trình an toàn. Hắc đã chỉ huy những vụ phục kích đẫm máu, đánh đuổi mật vụ địch chạy như vịt. Nếu hắc tôn trọng kỷ luật, không xông sộc vượt qua cổng trại, và không đòi thả hai cô gái, chắc Pinto đã mời hắc vào câu lạc bộ sĩ quan khai chai rượu ngon nhất mời hắc cụng ly. Pinto là chỉ huy trưởng an ninh trong trại tiếp cư, ông bắt buộc phải “cạo” King Kong để làm gương cho kẻ khác.

Nhưng có lẽ lý do khiến ông nặng lời với King Kong là sự “đánh hơi” của giác quan thứ sáu. Ông hoạt động từ lâu trong ngành Phản gián, nên giác thứ sáu bén nhạy khác thường. Đứng trước gã khổng lồ đeo súng đạn đầy mình ông bỗng cảm thấy có một cái gì là lạ khó hiểu. Nhiều câu hỏi hiện ra trong óc ông: tại sao King Kong chấp nhận quá dễ dàng, gần như

ngoan ngoãn trước sự đối xử quá cứng rắn, quá phũ phàng của ông? Một anh hùng kháng chiến như hắc, dẫu rằng làm quấy đi nữa, cũng không thể chịu rút dù một cách yếu ớt đến thế. Trừ hắc là anh hùng kháng chiến giả mạo...

Bán tín bán nghi, đại tá Pinto trở về văn phòng tình báo của tổng hành doanh SHAEF. Ông hỏi viên sĩ quan phụ tá về lý lịch của King Kong. Sĩ quan này đã lăn lộn nhiều trong trường đời, cũng như ngoài mặt trận, từng đeo lon trung sĩ trong đạo quân Lê dương Pháp và hoạt động gián điệp ở Bắc Phi. Y có trí nhớ phi thường, y thường được coi là cuốn tự điển bách khoa sống về các phong trào kháng chiến bí mật tại châu Âu và lý lịch các điệp viên phục vụ cho đồng minh hay Đức quốc xã.

Tự điển sống suy nghĩ một lát, vẻ mặt dăm chiêu, trán hơi riu lại, đoạn tuôn một hơi:

– Tên thật của đương sự là Lin-đơ-man (Lindermans). Sinh tại Rốt-tơ-đam (Rotterdam), con một ông chủ ga-ra. Nguyên là võ sĩ và đô vật. Say rượu ầu đả trong các quán rượu và đã đánh chết nhiều người. Có cả chục bạn gái thân thiết.

Y cười đắc thắng và hỏi:

– Đại tá muốn biết gì thêm nữa không?

Pinto đáp:

– Anh em?

– Thưa, hẳn là anh cả trong gia đình 4 anh em, toàn thể đều tham gia kháng

chiến, và đều hoạt động trong đường dây đưa người tù hậu địch ra vùng tự do.

– Có ai bị chết không?

Viên sĩ quan phụ tá bóp trán một phút và nhún vai bước lại tủ đựng phiếu tài liệu, loay hoay lựa chọn, sau đó rút ra một tấm phiếu, đọc lướt qua:

– Thưa, không người nào thiệt mạng. Có lần đứa em út bị Phòng Nhì Đức bắt giữ. À, cô bạn gái khá thân của King Kong, tên là Verônica, làm nghề ca vũ, cũng bị bắt giữ. Cả hai đều ở trong đường dây đưa người. Nhưng cả hai đều được thả.

– Được thả?

Viên sĩ quan phụ tá gật đầu:

– Vâng, theo hồ sơ thì cả hai đều

được Phòng Nhì Đức trả tự do. Tôi cũng hơi ngạc nhiên về vụ này. Phản gián Đức ít khi phóng thích như vậy.

Pinto bắt đầu nhìn thấy tia sáng. Tia sáng này tuy nhỏ song có thể soi sáng những vùng tối trong đời King Kong. Ông hất hàm:

– Còn gì nữa?

– Thừa còn, tôi xin đọc nốt. Mấy tuần sau khi em gái và cô bạn bị tóm, đến lượt hần bị sa lưới. Hần bị đạn bắn lủng ngực thì phải. Toán kháng chiến của hần đột nhập vào bệnh viện nhà lao giải cứu hần sau một trận độ súng chớp nhoáng.

– Nhiều người bị giết?

– Một lính canh thiệt mạng, hai người khác bị thương, còn King Kong thoát hiểm. Nhưng phe kháng chiến bị

tổn thất nặng nề. Chỉ có 3 người sống sót. Còn 47 người khác bị giết. Họ ra khỏi nhà thương thì rơi vào ổ phục kích.

– Nghĩa là quân Đức có thể đã biết trước vụ đánh tháo King Kong?

Viên sĩ quan phụ tá nhìn đại tá Pinto bằng cặp mắt mở rộng, có lẽ y đã thoáng đọc được tư tưởng trong đầu thượng cấp. Song y chỉ ngúc đầu nhẹ nhẹ mà chẳng nói gì hết.

Pinto mượn tập hồ sơ để nghiên cứu thêm, và sáng hôm sau ông đi Bờrux-en (Bruxelles), thủ đô Bỉ. Mục đích của ông là tìm gặp những người từng chiến đấu với King Kong. Như thường lệ, công tác phản gián đòi hỏi sự nhẫn nại, tỉ mỉ khoa học và nhất là một thời gian dài. Đại tá Pinto tiếp tục công việc mò kim đáy biển, và một ngày kia, ông được giới

thiệt với một đồng chí của King Kong. Ông đến gặp y tại một quán cà phê (Café Vedettes). Thoạt đầu, ông hơi thất vọng, vì khi ông hỏi:

– Ông là một trong các chiến sĩ thoát chết trong vụ tấn công nhà thương phải không?

Thì y đáp:

– Không, mặc dầu tôi có nhiều bạn chết trong vụ ấy. Tôi vẫn tiếc là không được góp mặt. Nhưng một tháng sau đó tôi cũng hút chết.

Y nhắc cái mũ bê-rê đen đầy dầu mỡ và bụi ghét đang đội ra, và chỉ cái thẹo của viên đạn cây một rãnh dài trên da đầu. Pinto phê bình:

– Chỉ nhích thêm chút nữa là...

Y cười vui vẻ:

– Vâng, chỉ vào sâu độ một phân là ô hô... tôi chẳng còn được hân hạnh ngồi đây trò chuyện với đại tá nữa.

– Ông bị vết thương này trong một cuộc phục kích quân Đức với King Kong phải không?

– Khi ấy, bọn tôi đang cho nổ một cây cầu. Tôi vừa khom lưng, gấn ngòi nổ dưới dạ cầu thì... chóc.. chóc... chóc, một, hai, ba viên đạn rớt tung tóe chung quanh. Té ra địch biết trước kế hoạch của bọn tôi và mai phục sẵn sàng, đợi bọn tôi đến là tiêu diệt gọn. Tiếng súng nổ lớn làm tôi mất thăng bằng ngã lộn xuống sông, may tôi còn tỉnh, không đến nỗi ngu xuẩn nên nín thở lặn luôn một mạch, không ngoi lên mặt nước nữa. Vì, eo ơi đạn của quân Đức bắn chính xác

kinh khủng, anh em tôi ngã lăn như rạ, nếu tôi ló mặt là đã... đi đoong từ khuya.

– Còn King Kong?

– King Kong hả? King Kong quả là thiên thần. Anh ta tả xung hữu đột mà vẫn không trầy da tróc vẩy.

– Địch bắn bằng loại súng nào? Súng máy phải không?

Y úp cái bê-rê xuống đầu, mặt hơi ngẩn ra trong một phút. Y ờ ờ rồi đáp:

– Vâng, đại tá không hỏi thì tôi quên bằng. Lạ quá, đại tá ơi, địch không bắn bằng súng máy. Địch chỉ đặt một cây trung liên gần cầu, quạt một băng là bọn tôi xum hết, không còn mống nào. Địch lại chơi trò bắn sẻ mới kỳ cục chó! Chúng cứ chóc chóc, tĩa từng thằng một,

8 thằng trong bọn tôi đều trúng đạn, trừ King Kong.

– Những người khác nhỏ con thì trúng đạn, còn King Kong to như bồ sát cạp lại không trúng đạn?

– Vâng. Mà Kinh Kong có thêm núp cho cam... anh ta đứng sừng sững, bắn trả lại nghe rất cả mặt. Có lẽ anh ta hên. Trời có mắt thật đấy, lần nào anh ta cũng gặp số đỏ.

Đại tá Pinto không muốn làm hình ảnh King Kong anh hùng tan biến trong lòng người đối thoại. King Kong gặp hên quá nhiều, nhiều đến nỗi đâm ra nhàm chán. Trong hai trận phục kích, các đồng chí thương vong gần hết, trừ hăn. Hăn là cừu địch của mật vụ Đức, vậy mà em hăn, cô bồ của hăn bị mật vụ Đức bắt rồi thả. Hăn là anh hùng kháng chiến, coi

cái chết nhẹ hơn lông hồng, vậy mà hấn sẵn sàng chịu nhục một cách vô lý trước đám đông ái mộ, nhất là trước hai cô gái đẹp...

Ông rót đầy ly rượu vang, mời người kháng chiến Bỉ uống, rồi hỏi tiếp, giọng lơ đãng:

– Tôi nghe người ta nói King Kong hảo ngọt một cây?

Y đáp ngay:

– Đúng, đúng, họ nói rất đúng. Cái gì chứ về khoản ga-lăng với phái yếu thì ít ai ăn đứt King Kong. Vả lại, trông bộ vó lực sĩ khổng lồ của anh ta thì đồ cô gái nào khỏi rệu nước miếng. Tôi xin kể cho đại tá nghe một chuyện: Trên ngọn đồi cao gần Laeken, có một tòa lâu đài to lớn và tráng lệ, chủ nhân là một mệnh phụ

phu nhân giàu nứt đổ đổ vách và đẹp mê hồn, chẳng hiểu mền phục King Kong ra sao mà bà ta tặng hết tư trang, tiền bạc và sản nghiệp cho quỹ kháng chiến của anh ta. Nhưng...

Y ngần ngừ rồi nói tiếp:

– Nhưng cũng có điều không lấy gì làm đẹp lắm. Có người nói mà tôi không tin hấn. Họ nói là anh ta hảo ngọt một cây nên lấy một số tư trang do bà mệnh phụ biếu công quỹ dúi ngấm cho mấy cô bồ của anh ta ở Bờruxen... Tôi nghĩ King Kong là một anh hùng kháng chiến, chắc chắn có nhiều kẻ ganh ghét, bầy đặt bêu xấu cho bồ hờn, vả lại anh hùng thì cũng là con người, phải không đại tá, mà đã là con người thì đôi khi phải mềm yếu đối với đàn bà đẹp...

Pinto đã biết được điều cần biết. Ngay sau cuộc nói chuyện, ông lên xe chạy thẳng đến lâu đài gần Laeken, và may mắn được gặp bà mệnh phụ. Dĩ nhiên, ông chưa nhập đề ngay. Vòng vo Tam quốc một hồi, ông mới nhắc đến King Kong. Bà mệnh phụ nhìn nhận có trao tận tay anh các đồ tư trang do song thân để lại. Tuy nhiên, bà cũng lưu ý đó không phải vì tình riêng, mà chính vì bà cảm thấy có bốn phận đóng góp vào công cuộc kháng chiến cứu nước. Bà đồng ý rằng King Kong là lãnh tụ vĩ đại, đáng khâm phục, tuy nhiên lãnh tụ vĩ đại này mắc một vài nhược điểm, và bà nghi ngờ King Kong chiếm công vi tư, không bán tư trang lấy tiền xung quỹ kháng chiến mà là đút túi...

– Căn cứ vào đâu bà nghi ngờ King Kong.

– Thật ra, tôi không muốn nói như vậy vì dầu sao anh ta cũng là người can đảm hiểm có, từng nhiều phen vào sinh ra tử cho Bỉ quốc. Sở dĩ tôi thắc mắc vì một hôm kia tôi bắt gặp trên phố một cô gái đeo sợi dây chuyền cổ của tôi, sợi dây này do mẫu thân tôi để lại, được cẩn ngọc bích rất độc đáo, tôi không thể làm được. Cô ta không phải là con nhà tử tế cho nên tôi nghĩ là đeo sợi dây của mẹ tôi không xứng. Tôi định ninh kháng chiến đem bán tư trang do tôi tặng, và cô gái này mua được, vì vậy tôi gạ nàng bán lại cho tôi, tôi cũng đã thận trọng không lộ cho nàng biết tôi là chủ cũ. Thì nàng đáp lại là King Kong tặng nàng cho nên nàng không dám bán, King Kong biết được thì bóp nàng gậy cổ.

– Bà có biết tên cô ta không?

Bà mệnh phụ thở dài:

– Ông để tôi nhớ lại xem. À, không phải một mà là hai, cả hai cô gái đều đeo nữ trang của tôi. Cô ả thứ nhất tên là Mia (Mia Zeist), và cô ả thứ hai tên là... tên là... quái, tôi vừa nhớ đó đã quên bằng, tôi vẫn có tính hay quên bất tử như thế, à... à... nhớ ra rồi, Mác-gô (Margaretha Delden). Cả hai cô gái đều làm việc trong quán rượu ở đây và đều ăn chơi điểm dàng.

Đại tá Pinto hơi giật mình. Cũng may bà mệnh phụ không nhìn lên nên không bắt gặp sự thay đổi trên nét mặt của nhà chuyên viên phản gián. Hai cô gái kia chẳng xa lạ gì đối với ông: họ nằm trong danh sách an ninh của quân đội đồng minh, kèm theo lời chú dẫn rõ ràng “mật báo viên ăn lương của Phòng Nhì quốc xã, từng được coi là đặc lực và tin cậy”...

Từ già bà mệnh phụ, đại tá Pinto phóng như bay về thủ đô Bờruxen. Ông gọi ngay điện thoại cho văn phòng tình báo tại An-ve, và nói với viên sĩ quan phụ tá. lát sau, ông đã có địa chỉ của hai cô gái. Ông mượn hai nhân viên tình báo Hòa Lan đi theo. Xe hơi đậu lại trước địa chỉ thứ nhất. Địa chỉ của cô gái tên là Mia.

Ông đã đến quá chậm. Căn phòng trống trơn. Con chim xanh đã bay bổng. Sau này ông mới biết Mia đã tẩu thoát qua Viên-na, thủ đô Áo quốc. Nhảy phóc lên xe Zip, ông và đoàn tùy tùng vù đến căn phòng của Mác-gô. Cửa phòng được khóa chặt. Đại tá Pinto chỉ đến với tư cách riêng, không có giấy phép của tòa, nên rất có thể bị khiếu nại về tội xâm nhập gia cư bất hợp pháp. Nhưng ông không thể trù trù, vì dầu sao cũng là thời

chiến, cô gái trong nhà có thể là đầu mối dẫn đến những bằng chứng phản quốc cụ thể của King Kong, ông bèn ra lệnh phá cửa.

Mác-gô đang nằm sóng sượt trên giường. Bất động. Thường ngày chắc nàng khá xinh đẹp. Giờ đây nhan sắc đã héo hắt, mặt nàng xám ngoét, môi nàng tím thâm, trể ra, hàm răng nhe một cách ghê sợ. Thì ra nàng đã bị đầu độc. Bị đầu độc hay tự uống thuốc độc, đại tá Pinto không rõ. Chỉ biết là nạn nhân còn thoi thóp thở khi được chở đến bệnh viện. Chiều hôm ấy, nạn nhân thở hơi cuối cùng, không nói được lời nào. Đại tá Pinto thu hồi được sợi dây chuyền cẩm ngọc bích, nhưng cuộc điều tra đậm chân tại chỗ, hai nhân chứng quan trọng đã bị gạch tên ra khỏi danh sách.

Pinto lưu lại Bờruxen thêm một đêm, một ngày nữa, lang thang khắp hang cùng ngõ hẻm nhằm tìm thêm chi tiết về hành vi của King Kong. Sự thật dần dà hiện ra: nhiều nhân chứng không quen biết xác nhận là khi đứa em út bị Phòng Nhì Đức bắt giữ, King Kong đang mắc nợ như chúa Chổm. Hắn mắc nợ nhiều món tiền lớn nên mặc dầu hắn có tiếng tăm trong hàng ngũ kháng chiến nhưng những chủ nợ của hắn vẫn dọa thừa kiện tùm lum. Cô gái bán bar Vêronica, bị bắt giữ cùng với đứa em út, té ra là tình nhân của King Kong từ thuở còn vị thành niên. Hắn lang chạ lung tung, song hắn luôn luôn về với nàng, nàng cũng trung thành với hắn. Hễ sa lưới mật vụ Đức là nhẹ ra cũng bị rút móng tay hoặc gãy xương, thế mà nàng không bị trầy da.

Theo lời một nhân chứng khác, sau

ngày tình nhân và em hấn được thả, bỗng dựng King Kong có thật nhiều tiền. Không những hấn trang trải hết nợ nần, hấn còn dư tiền để tiêu xài đế vương nữa. Đồng thời hấn trở nên gan dạ hơn trong các trận du kích với quân Đức. Riêng có điều đáng nói là thương vong mỗi ngày một nhiều. Có thể vì kế hoạch tấn công của hấn mỗi ngày một táo bạo hơn. Và lần nào cũng vậy, nhà lãnh tụ kháng chiến anh dũng đều đã thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc. Hấn có ấn tượng là quân Đức được mật báo từ trước. Nghĩa là có kẻ bội phản. Hấn thể bóp nát ra căm kẻ bội phản. Song kẻ bội phản vẫn nhớn nhoe ngoài vòng cương tỏa. Còn một điều lạ khác là tuy thương vong gia tăng, nhiều người vẫn nguyện được đi theo King Kong, dường như vận đỏ và tài sống sót của hấn đã làm các du kích phấn chấn và tin tưởng mãnh liệt.

Đại tá Pinto nhận thấy không ai nghi ngờ tinh thần yêu nước của King Kong. Ai cũng khen hấn, kể cả những người thoát chết trong những trận phục kích kỳ quặc. Ai cũng khen King Kong, rốt cuộc Pinto đâm ra nghi ngờ khả năng suy luận của mình. Không khéo ông bị méo mó nghề nghiệp, trông gà hóa cáo cũng nên...

Ông sức nhớ đến vụ King Kong bị bắn lủng phổi. Lẽ nào tình báo quốc xã dàn cảnh như vậy? Nếu là dàn cảnh thì họ bắn vào chân. Bắn vào ngực dễ chết như chơi, họ chẳng dại gì để mất một cộng sự viên quý giá, trong khi họ đang suy yếu trên khắp các mặt trận. Pinto suy nghĩ một mình luôn trong mấy giờ đồng hồ nhưng không tìm ra lời giải đáp. Suýt nữa thì ông bỏ cuộc...

Một chi tiết kỳ thú bỗng hiện ra: khi biết địa chỉ hai cô bạn gái của King Kong, ông đã liên lạc với các cơ quan tình báo địa phương nhưng họ bí xị, ông ta phải nhờ văn phòng SHAEF mới tìm thấy. Tình báo địa phương và đồng minh đều hoạt động cho mục đích chung là đánh đuổi quân Đức, song lại không chia sẻ tin tức cho nhau, nhiều khi còn kèn cựa nhau nữa là khác. Nếu phe đồng minh còn có sự giấu nghề, sự ích kỷ, sự tranh chấp, thì tại sao bên phe Đức làm sao có sự đồng tâm nhất trí giữa Phòng Nhì (Abwehr), Công an Quân báo (Sicherheitsdienst) và Mật vụ (Gestapo) được? Hai cô bạn gái của King Kong ăn lương Phòng Nhì (Abwehr), chắc King Kong cũng hưởng lương Phòng Nhì. Và Phòng Nhì giữ hãn làm của riêng, không chia phần với Công an Quân báo (Sicherheitsdienst) và Mật vụ (Gestapo). King

Kong là nhân vật kháng chiến tối nguy hiểm nên Công an quân báo hoặc Mật vụ ra lệnh gấp đầu bắt đó. Và hãn đã bị thương lưng ngực.

Sự suy dẫn này vừa cất gánh nặng trên vai đại tá Pinto. Ông cảm thấy tin tưởng hơn lên. Ông bèn quyết định đối diện với King Kong. Quyết định vào tận hang hùn bắt cộp dũ...

III.

Pinto gửi một điệp văn đến trụ sở tình báo Hòa Lan. King Kong dọa khiếu nại về việc ông dứt cấp bậc của hãn, song hãn chỉ dọa mà không làm, Pinto không nói rõ lý do, ông chỉ yêu cầu King Kong đến trình diện với ông hồi 11 giờ sáng hôm sau tại khách sạn Palace, nơi các sĩ

quan SHAEF trú ngụ.

Palace là lữ quán sang trọng bậc nhất của Bờruxen. Khi xưa toàn là ghế nệm êm ái, giờ đây mang đầy dấu vết chiến tranh, quân đội dùng làm câu lạc bộ, ghế gỗ giường vải lung tung.

Đại tá Pinto chờ quá giờ hẹn mà King Kong không tới. Ông không tỏ vẻ nóng ruột, có thể hấn lánh mặt, nhưng cũng có thể hấn đến chậm để biểu lộ thái độ ta đây. Dầu sao ông cũng đã chuẩn bị chu đáo, bao súng được đánh xi – ra trơn tru, đụng nhẹ là khẩu Walthur thân yêu tuột vào lòng bàn tay, nó được lắp đạn tràng hoàng, và ông bắn không đến nỗi dở. Có thể King Kong không ngờ được đây là cuộc họp sinh tử của đời hấn. Về phần ông, ông phải đề phòng mọi sự bất trắc. Nếu biết bị bại lộ King Kong sẽ kiếm cách thoát thân....

King Kong vẫn chưa vác mặt tới. Ông định ninh hấn chỉ chậm 10 phút hoặc 15 phút là cùng. Ngần ấy thời giờ chờ đợi cũng đủ trả cái thù bị hạ nhục tại trung tâm tiếp cư ở ngoại ô An-ve. Nhưng 12 giờ đã trôi qua... Phải có lý do chính đáng nào — hoặc hấn tự tin quá độ, hoặc hấn được bạn bè chính trị có thể lực che chở — hấn mới dám coi thường lệnh triệu tập.

Hơn 2 giờ sau ông mới biết lý do. Hai sĩ quan Hòa Lan đeo cấp bậc đại úy bước nhanh vào lữ quán. Họ lại bàn đại tá Pinto, nghiêm chào. Một người hỏi:

– Đại tá đang chờ ông Lin-đơ-man?

Pinto gật đầu:

– Phải, tôi ngồi đây đã 2 giờ đồng hồ!

– Xin lỗi đại tá đã phải chờ lâu, Lin-đơ-man không thể đến trình diện. Vì

ông ta đã nhận lệnh khác.

– Lệnh khác? Lệnh của ai?

– Lin-đơ-man lên đường hồi sáng để thi hành công tác tối đặc biệt.

– Hoạt động với quân đội du kích?

Hai đại úy trẻ nhìn nhau, và cả hai đều có vẻ rụt rè. Đoạn cả hai trở nên trịnh trọng, nét mặt trịnh trọng đáng ghét của hầu hết những người tình cờ biết được bí mật mà thiên hạ không biết. Một người đáp:

– Thưa không. Lin-đơ-man được cử đi theo quân đội Gia nã đại. Đặc biệt về tình báo. Chúng tôi không được phép tiết lộ, xin đại tá cảm phiền.

“Sau này, Pinto mới biết là bộ tư lệnh, Gia nã đại cần một nhân vật địa phương

hoàn toàn tin cậy để lên vào En-hô-ven (Endhoven) bị Đức chiếm giữ, liên lạc với thủ lĩnh kháng chiến trong vùng, báo tin là nhiều đơn vị đồng minh sẽ được thả xuống phía bắc En-hô-ven vào sáng chủ nhật 17-9, và yêu cầu kháng chiến quân chuẩn chiến, giúp đỡ binh sĩ dù và khai thác triệt để sự hỗn loạn ban đầu trong hàng ngũ địch. Bộ tư lệnh Gia nã Đại nhờ nhà đương cuộc Hòa Lan tìm người thích hợp. Họ nghĩ ngay đến King Kong, họ không ngờ hắn đang bị Pinto điều tra ráo riết về tội phản quốc....”.

Pinto chỉ biết có vụ thả dù xuống khu vực địch sau khi ván đã đóng thuyền. Khi ấy, ông không còn làm gì hơn được nữa, ngoài việc chấp tay cầu nguyện cho số thương vong không đến nỗi quá nhiều.

.....

Tấn thảm kịch Ác-nơ-hem là một sự kiện lịch sử đầy máu và nước mắt mà ai cũng biết.

Rạng đông 17-9 năm ấy, cuộc đổ bộ bằng binh sĩ dù lớn nhất trong thế chiến thứ hai bắt đầu. Gần 10.000 người của sư đoàn Dù I Anh quốc nhảy xuống Ác-nơ-hem, trong khi 20.000 quân dù Mỹ và 3.000 quân Ba lan được thả xuống một vị trí kế cận, với nhiệm vụ chiếm giữ hai đầu cầu chiến lược, đồng thời các mũi dù cơ giới sẽ tiến thật sâu vào địch, bắt liên lạc với các đơn vị dù....

Mọi việc đã diễn ra trôi chảy, gần đúng với dự định. Cuộc không thám sáng 16-9 cho thấy không có hoạt động bất thường của địch trong khu vực Ác-nơ--hem. Nhưng chập choạng tối đoàn

chiến xa Đức lặng lẽ án ngữ những địa điểm yết hầu. Sáng sớm, quân đội không vận đồng minh đến nơi và rơi vào ổ phục kích khổng lồ. Tuy vậy, Bộ tổng tư lệnh Đồng minh còn tin là quân Đức gặp may mắn không ngờ, nên họ đã tập trung cả thiết kỵ lẫn bộ binh hùng hậu tại một địa điểm mà họ.... không ngờ là nơi đồng minh thả dù...

Chín ngày sau, lương thực và đạn dược thiếu hụt trầm trọng, vòng vây phòng thủ dần dà bị thu hẹp khiến đồ tiếp tế từ trên máy bay thả xuống đều lọt vào tay địch. 2.400 binh sĩ sống sót của đạo thiên thần mũ đỏ Ac-nơ-hem phải liều chết mở con đường máu vượt qua sông, để lại phía sau 7.000 thương vong.

Kế hoạch tấn kích chớp nhoáng của quân Đồng minh đã thất bại.

.....

Đại tá Pinto viết một tờ trình chi tiết về vụ King Kong, đệ lên bộ tổng tư lệnh. Sau đó, ông phải bù đầu lo những vụ khác. Ông vẫn không quên theo dõi mặc dầu ông biết trước là bản báo cáo của ông nằm kẹt ở một góc ngăn kéo nào đó trong bộ tổng tư lệnh đồng minh bao la. Ngành Tình báo có hàng đồng việc phải giải quyết, việc nào cũng quan trọng. Vả lại, đa số sĩ quan cao cấp quen điều khiển bằng giấy tờ, quen đọc những báo cáo ca tụng King Kong một tác đến trời sẽ khó có thể “tiêu hóa” những lời buộc tội của Pinto. Chắc chắn họ sẽ gạt sang bên, với bút phê “để xét sau”. Bởi vậy Pinto mỗi mắt chờ đợi mà thượng cấp không hề hỏi đến. Ông đành than thở với một đại tá Phản gián Anh biệt phái tại SHAEF,

với hy vọng tìm thêm đồng minh. Vị đại tá này có tiếng tăm và thế lực lớn. Nhưng Pinto đã thất vọng.

Trong 6 tuần lễ dài đằng đẳng, Pinto không nhận được phúc đáp của Bộ tổng tư lệnh về vụ King Kong. Nói cho đúng tờ trình của ông cũng chỉ đề cập tới một số sự kiện khả nghi, kèm theo những suy dẫn, chứ ông chưa hề nắm được bằng chứng cụ thể.

Tình cờ bằng chứng cụ thể này đã đến tay ông vào một buổi tối kia. Quân đội đồng minh vẫn tiếp tục chiếm đất, tuy rằng từ sau thảm bại Ac-nơ-hem thì cuộc chiến trở nên ác liệt hơn. Pinto di chuyển đến En-hô-ven, hiện đã rơi vào tay đồng minh và hôm ấy ông mới thẩm vấn xong một điệp viên địch sau ba giờ mệt nhọc. Ông không còn nhân viên phụ tá và xe cộ ê hề như trước nữa, ông

phải hoạt động một mình, vừa là nhân viên thẩm vấn, vừa kiêm luôn chánh án và quản đốc khám đường.

Điệp viên này là một người Hòa lan, tên là Vơ-lúp (Cornelis Verloop). Bằng thủ đoạn hạch hỏi tinh vi, ông đã thành công, Vơ-lúp chối quanh hồi lâu để rồi chịu thú nhận là tay sai của địch. Ông đứng dậy, vươn vai duỗi gân cốt, và phủi tàn thuốc bấm đẩy bộ quần phục. Vơ-lúp chăm chú nhìn ông, hỏi nhỏ, miệng khô đét vì sợ hãi:

– Tôi có bị xử bắn không, đại tá?

Pinto nhún vai không đáp. Dĩ nhiên hắn sẽ bị đem bắn vì hắn là gián điệp địch.

– Vợ tôi hiện ở Am-te-đam (Amsterdam) còn rất trẻ. Nàng là công

dân Hòa Lan tốt, nàng hoàn toàn vô tội, tôi xin thề với đại tá.

– Vậy hả? Anh yên tâm. Tôi không đi xử bắn vợ anh đâu. Tội ai nấy chịu. Bọn quan thầy Đức của anh bắn bất kể ai, chúng tôi thì không.

Vơ-lúp bèn trắng trợn đề nghị:

– Thưa đại tá, tôi xin cung cấp một tin vô cùng quan trọng... nếu tôi được tha chết.

– Anh điên rồi. Anh cũng đừng trông đợi hảo huyền nữa. Trước khi đem anh ra bắn, chúng tôi bắt anh phải khai hết những điều anh biết.

– Nhưng thưa đại tá, đại tá chỉ có thể bắt tôi khai những điều đại tá tưởng tôi biết. Trên thực tế, tôi còn biết những điều lạ lùng hơn nhiều.

– Hà hà... anh biết những điều lạ lùng nào? Nói thử tôi nghe chơi!

Giọng nói của Pinto đượm vẻ khinh bỉ rõ rệt. Nhưng Vơ-lúp vẫn tỉnh bơ. Hắn ngồi thẳng người tay bóp trán một phút, đoạn cất tiếng đọc vanh vách tên và tước mạo các cộng sự viên của Pinto trong tổng hành doanh tình báo. Pinto lặng người vì những nhân viên này đang hoạt động trong lòng địch, mạng sống của họ có thể bị đe dọa từng giây, từng phút. Tên khốn Vơ-lúp đã biết như vậy, chủ của hắn tất còn biết nhiều hơn nữa. Tuy vậy, ông giữ cho xúc động khỏi hiện ra mặt, rồi hỏi hắn, giọng bình thản:

– Ai nói với anh?

Mắt hắn sáng rực:

– Đại tá Ki (Kiesewetter) của Phòng

Nhì Đức. Một người khác báo cáo với đại tá Ki. Tôi biết tên người ấy. Nhưng tôi sẽ không nói, trừ phi...

Trong đời, Pinto đã gặp nhiều người bị dồn vào đường cùng sẵn sàng bán hết bạn bè, thân thích, cộng sự viên và cả tổ quốc nữa, miễn sao giữ được chỗ đội mũ, nhưng chẳng hiểu sao sự mặc cả của Vơ-lúp lại làm ông lộn mửa. Ông đã ra lệnh cho hắn bước ra ngoài. Trời tối om. Ông phải đích thân áp giải hắn về quân lao ở đầu kia thị trấn. Để phòng hắn bỏ chạy, ông rút súng, gằn giọng:

– Đi. Tôi đã chán ngấy cái trò lưu manh dối chác của anh. Tôi hỏi và anh phải trả lời: Ai báo cáo với đại tá Ki?

Nụ cười hy vọng tắt ngúm trên môi, hắn cố nài nỉ:

– Xin đại tá xét lại. Tôi xin khai rõ nếu đại tá hứa tha giết cho tôi.

Pinto lia mạnh họng súng:

– Đi ngay, đừng lộn xộn nữa.

Bản tâm của ông là nhốt hăn một đêm, đến mai, sáng sẽ kêu hăn lên hỏi lại.

Một đêm vắt tay lên trán sẽ làm hăn ngoan ngoãn hơn trước. Nhưng Vơ-lúp lại tưởng lầm ông ta lia súng để sửa soạn bắn hăn. Hăn kêu to, giọng hoảng hốt:

– Thông thả, thông thả, đại tá, em xin nói, đại tá đừng bắn em... Người báo cáo mọi việc lên đại tá Ki là Lin-đơ-man, tức King Kong.

IV.

Đúng là món quà tự trên trời rơi xuống, Pinto không ngờ tới thì nó lại xảy ra. Ông dí mũi súng vào xương sống Vơ-lúp. Hăn run lấy bầy, như thể thân thể hăn trở thành bùn. Ông quát to:

– King Kong báo cáo với đại tá Ki về vụ Ac-nơ-hem nữa phải không?

Hăn gật đầu lia lịa như chảy máu:

– Thưa phải, thưa phải.

– Báo cáo như thế nào?

– Thưa... thưa. King Kong báo cáo rằng binh sĩ Anh và Mỹ sẽ nhảy dù xuống.

– King Kong đến gặp đại tá Ki?

– Vâng, gặp ngay tại trụ sở Phòng Nhì. King Kong nói rõ rằng một sư đoàn không vận Anh cát Lợi sẽ...

Pinto hạ mũi súng xuống làm tên gián điệp giật nảy người. Hắn vội quỳ gối, van lơn:

– Đại tá ơi, đại tá định giết em ư? Em đã khai hết rồi... đại tá thương hại em...

Giọng nói meo máo và ướt nhèm nước mắt của tên gián điệp chỉ gây thêm sự khinh bỉ trong lòng Pinto. Ông nghiêm giọng:

– Tôi không bắn anh đâu. Tòa án quân sự sẽ quyết định số phận của anh sau. Giờ đây nên đứng lên và ngoan ngoãn về khám. Vì nếu anh thiếu ngoan ngoãn tôi mới bắn, khi ấy anh đừng trách.

Sau nhiều năm lặn lội trong ngành phản gián, đại tá Pinto đã tập được bộ mặt luôn luôn lạnh như tiền. Theo ông,

bộc lộ cảm xúc là điều tối kị của nghề nghiệp. Dầu vậy, ông vẫn không ngăn được cảm xúc trước lời tiết lộ của tên tay sai Phòng Nhì quốc xã. Ông giận dữ đến nỗi mặt ông trắng bệch như tờ giấy, lưỡi ông cứng lại, ông không nói thêm được tiếng nào nữa. Sở dĩ ông giận dữ vì ông đã trình báo đầy đủ, ông đã lưu ý thượng cấp đến sự khuất tất của King Kong, yêu cầu mở ngay cuộc điều tra sâu rộng, thượng cấp chẳng nghe thì thôi, lại còn giao hắn thực hiện điệp vụ quan trọng mà kết quả là tiềm lực quân sự của đồng minh bị thương tổn nặng nề.

7.000 thương vong tại mặt trận Ac-nơ-hem... Trời ơi, giờ đây không còn phép lạ nào cứu sống những chiến sĩ mũ đỏ anh dũng này nữa, chỉ còn cách bắt giữ, truy tố, hành quyết King Kong may

ra linh hồn họ nơi chín tuổi mới khỏi ngâm hờn... Nhưng làm cách nào tóm được King Kong?

Nhốt phạm nhân vào xà lim xong, đại tá Pinto lên xe phóng đến trụ sở tình báo Hòa Lan, xô cửa chạy như điên vào câu lạc bộ sĩ quan. Nhìn thấy đồng bào ông, những sĩ quan Hòa Lan phây phây thả lưng xuống ghế xa-lông êm ái, tay cầm ly rượu sủi bọt, miệng cười toe toét. Pinto muốn găm thét, đập phá cho hả giận.

Một người bạn của Pinto nhìn thấy, vội hỏi:

– Ô kìa, Pinto, anh đi đâu đấy? Tại sao mặt anh nhợt nhạt thế kia?

Được thể, ông trút luôn một hơi:

– Nhợt nhạt còn là tốt, tôi tưởng không còn đủ sức về đây nữa... Tôi nói hoài, nói hủy mà chẳng ai chịu nghe. Khi nào tôi nghi ngờ thì các anh nên lưu ý, các anh đừng ném báo cáo của tôi sọt rác... và như vậy còn chưa đủ, các anh còn phải hấn vào hậu địch, nướng mất mấy ngàn binh sĩ của ta nữa, trời ơi.....

Mọi người xúm quanh, Pinto vẫn nói thao thao bất tuyệt, nhưng chẳng ai hiểu ông định nói gì. Mấy phút sau, ông mới thở dốc:

– Lin-đơ-man, King Kong... thằng phản bội... Hấn là nhân viên gián điệp Đức. Phải đến bắt hấn ngay kẻo hấn trốn mất.

– Bắt King Kong hả? Thôi, anh khùng rồi. Thứ nhất, ai cũng cho hấn là đệ nhất anh hùng kháng chiến, anh không thể

bắt hẩn vì những tin đồn lằng nhằng. Nghĩa là anh phải trưng bằng cớ. Và lại, dẫu anh có bằng cớ hẩn hòi, thộp cổ hẩn cũng chẳng dễ chút nào. Chỉ bằng tay không, hẩn có thể bóp chết hai người lực lưỡng như chơi. Thêm vào đó, hẩn luôn luôn đeo hàng đồng súng ngắn, súng dài và lựu đạn. Chạm đến hẩn chỉ tổ rước họa vào thân.

Pinto lớn tiếng:

– Nghĩa là chúng mình nhắm mắt cho gián điệp Đức hoành hành trong hàng ngũ đồng minh?

Một sĩ quan cao cấp vỗ vai ông. Không khí trong câu lạc bộ trở lại êm dịu hơn. Sĩ quan này nói:

– Đồng ý, nhưng chưa ai ở đây hiểu gì hết. Yêu cầu đại tá kể lại từ đầu đến

cuối. Nếu đại tá đưa ra bằng chứng xác đáng, chúng ta sẽ quyết định.

Mọi người đều sống sờ sau cuộc thuyết trình ngắn của Pinto về vụ phản bội. Tuy nhiên, hầu hết còn băn khoăn về cách bắt giữ King Kong. Đột ngột, Pinto nghĩ ra mưu kế. Ông bèn chỉ hai sĩ quan đứng gần:

– Giao việc ấy cho 2 anh. Nhưng không phải đi bắt hẩn đâu. Hai anh đến trụ sở, gặp hẩn và nói là Bộ tổng tư lệnh đồng minh tuyên dương công trạng của hẩn đối với kháng chiến, và lễ gắn huy chương sẽ cử hành ngay. Nghe đến tuyên dương và mề-day, hẩn sẽ khoái chí tử, hai anh sẽ yêu cầu hẩn thay đổi y phục, chải tóc chỉnh tề. Tham dự gắn huy chương hẩn phải cất tạm vũ khí ở một nơi, hai anh đã hiểu chưa? Xong xuôi, dẫn hẩn đến chờ ở một phòng riêng nào đó, về

phần tôi, tôi sẽ liên lạc ngay với bộ Tổng xin 10 quân cảnh to con. Với hai tay không, hấn sẽ không thể nào đương đầu lại với 10 lực sĩ có súng ống hấn hoi.

Hai viên sĩ quan được chọn cười mỉm ra vẻ thú vị. Trước khi đi, một người nói với Pinto:

– Đại tá kiểm 10 quân cảnh to con nhất mới được.

Kế hoạch “gắn huy chương” của đại tá Pinto đã thành công đúng như dự tính. King Kong sướng rơn quên nghĩ rằng hấn là kẻ phản quốc. Bộ Tổng tư lệnh đồng minh vừa mù vừa điếc hay sao mà gắn mề -đay chiến công cho hấn. Ngo-an ngoãn như một con cừu non, hấn tháo gỡ súng đạn, hối hả đi tìm sơ-mi mới, cạo râu, rẽ tóc tử tế. Hấn mở cửa phòng, ngực ưỡn lên, sửa soạn nhận tấm huy

chương rực rỡ. Hối ôi, tấm huy chương đang đợi hấn chẳng rực rỡ chút nào. Vì đó là một tiểu đội quân cảnh, người nào cũng cao xấp xỉ bằng hấn, và bề ngang cũng chẳng thua hấn bao nhiêu. Hấn chùn lại, song không kịp nữa. Toán lực sĩ quân đội đã ủa lại, hấn trở tãi tả xung hữu đột, tuy nhiên, chỉ mấy phút sau hấn bị quật ngã trên đất, và hai tay khổng lồ của hấn bị đút vào còng sắt.

Khác với bọn phản quốc bị lột mặt nạ trước hấn, Lin-đờ-man tức King Kong khỏi phải ra pháp trường, lãnh 12 phát đạn đền tội.

Vì hấn đã tự tử chết trong nhà giam.

TRUYỆN THỨ NĂM

Gián điệp mặt ma...

Nhắc đến đại tá Orét Pinto, người ta không thể không nhắc đến thành tích phản gián của ông trong Đại chiến thứ hai, điển hình là vụ điệp viên King Kong đội lốt anh hùng kháng chiến Hòa lan. Nhiệm vụ của ông là tóm bắt điệp viên địch trà trộn trên vùng đất của đồng minh. Nhưng ông còn nổi danh trong những hoạt động khác mà ít người biết: huấn luyện, điều

khiến điệp viên đồng minh thả xuống vùng địch tạm chiếm.

Câu chuyện “Gián điệp mặt ma” sau đây tôi kể lại những ba chìm bảy nổi của một điệp viên đồng minh tên là Jan Riebeek. Chàng thanh niên Hòa lan này khôi ngô như tài tử xi-nê nhưng lại tình nguyện sửa mặt thành méo mó để bí mật hồi hương, tổ chức lại những cơ sở điệp báo đồng minh đã bị Đức phá nát. Chàng đã thành công vẻ vang. Để rồi một đêm kia chàng biến mất, lưu lại trong lòng đại tá Pinto, con người có trái tim thép, một nỗi u hoài vô tận...

I.

Trăng sáng lơ mờ. Làng mạc, đồng ruộng, tất cả đều nhuộm một màu ảm

đạm, sáng không ra sáng, tối không ra tối. Nếu không có con sông uốn khúc loang loáng trong sương một đêm tháng 5 năm 1943 ấy, thì thật khó tìm đúng địa điểm thả dù. Gió lại thổi như điên, đông tây nam bắc hướng nào cũng có gió, chiếc phi cơ nhẹ loạng choạng như chiếc lá trong không gian mênh mông trước khi hạ thấp, rồi... a-lê hấp... chào các cậu, mình về quê đây. Giang Ri-bích, chàng trai yêu nước nồng nhiệt thót xuống lãnh thổ Hòa Lan đang bị quân đội Đức quốc xã dày xéo bên dưới...

Giang mệt ứ hơi muốn chết. Chàng tập nhảy đã thuần thục, song không dè nhảy giả và nhảy thật khác nhau đến thế. Cũng may được nhảy liền, chứ loạng quăng trên trời một lát nữa thì ruột gan chàng sẽ lộn lạo, chàng sẽ nôn ọe hết. Chàng loay hoay giằng lâu chiếc dù

ác ôn mới chịu tuân lệnh, ngoan ngoãn rớt thành đồng tròn trên đất. Đất ruộng mới cấy, màu nâu sẫm chạy dài đến tận chân trời. Màu đất ăn nhịp với màu vải dù đen.

Giang bỗng hết mệt. Dường như luống cây e ấp một mùi gì đặc biệt. Làn gió trên ruộng cũng chứa tỏa một mùi gì đặc biệt. Đúng rồi... mùi quê cha đất tổ. Giang vươn vai thả đầy lồng ngực, cúi đầu lỏ chôn dù, đoạn ngồi rụp xuống, quan sát tứ phía. Quang cảnh im lặng, và hoang vắng khác thường, tuy vậy chàng không cảm thấy cô đơn. Sau khi nhận định phương hướng, chàng bước ra đại lộ. Trước mặt chàng là con đường quen thuộc vào tỉnh lỵ U-tờ-rết (Utrecht) nơi chàng sống từ nhỏ đến lớn. Chàng đã quen thuộc từng hẻm nhỏ lót đá, từng

vía hè lồi lõm, từng đồng gạch lởm chởm, ẩn hiện trong bóng đêm.

Sau nhiều ngày tháng ly hương vì chiến cuộc, Giang đã trở về. Chàng đi nép sát những hàng rào cây leo um tùm. Trăng chiếu không rõ lắm, nhưng chàng vẫn sợ. Biết đâu một tên lính Đức khệnh khạng đi qua. Biết đâu bọn tay sai chó săn đang rình rập trong tối, chờ chàng lộ đầu là dí súng bắt chàng giờ tay, tổng lên xe bít bùng.

Chàng ngần ngừ một phút, trước khi dừng lại. Đúng là con đường kiệt này. Con đường nhỏ xíu, gồ ghề mà chàng đã bước qua hàng vạn lần. Chàng gõ nhẹ để giầy xuống mặt đường. Hai bên đường, mọi người đã ngủ say. Có thể họ còn thức nhưng họ không dám mở đèn và mở cửa sổ. Chàng nghe tiếng coong

coong từ dưới chân văng lên. Nhanh nhẹn chàng quỳ gối, rút trong cái xách vải đeo lưng lẳng sau lưng ra cái dùi nhọn. Chàng mồm môi cạy cái nắp cống tròn bằng sắt, kéo sang bên, và nhìn xuống lỗ sâu đen ngòm. Dáng điệu chậm rãi, chàng đặt chân xuống bậc thang sắt phía dưới. Chàng từ từ đẩy nắp cống. Ánh sáng ngọn đèn bấm nhỏ như cây bút chiếu một vệt thẳng dài.

Đây là cái cống ngầm. Nó cũng rất quen thuộc với Giang. Chàng bỗng hồi tưởng lại tuổi hoa niên, nhiều lần xưa kia chàng cũng mò mẫm dưới cống như vậy. Giày chàng lội nước lồm bồm. Chàng không để ý tới mùi hôi thối và bầy chuột chạy lạch bạch chung quanh. Chàng còn bận nghĩ đến vị trí của nắp cống ăn thông lên căn nhà của cậu chàng bên trên.

Tuổi trẻ của Giang khác hẳn với tuổi trẻ của những đứa bạn cùng xóm. Giang mồ côi cả cha lẫn mẹ từ tấm bé. Cậu ruột của Giang đã già, ông mang Giang về nuôi, và cậu đối xử rất tốt, tốt đến nỗi Giang tưởng cậu là cha đẻ. Cho đến khi thành niên, chàng chẳng đi đâu xa, chỉ quanh quẩn trong ngôi nhà của cậu được dùng làm lữ quán.

Những kỷ niệm của thời thơ ấu đột nhiên nhòa nhạt, nhường chỗ cho một niềm vắng lặng ghê rợn. U-tờ-rét đã bị địch chiếm. Trên đầu Giang, quân đội Đức quốc xã đóng đầy nghẹt. Từ năm 1940, các sư đoàn chiến xa dừng mãi của Đức quốc xã rầm rộ kéo qua Hòa lan như vào chỗ không người. Hòa Lan thất trận, và lữ quán của ông cậu bị trưng dụng, bộ tham mưu địa phương đóng ở đó. Trừ một số nhân viên lữ quán, không

người Hòa Lan nào được bén mảng tới, ngôi nhà này canh gác cẩn mật, bên trong các ông bự quốc xã ăn ngủ phê phỡn.

Dưới cổng ngầm, Giang vừa ra khỏi chỗ ướt. Nền cổng mỗi lúc một lên cao, chàng chạm giày vào mặt đất khô ráo. Đi được một quãng ngắn nữa thì bề ngang cổng thắt hẹp lại, đồng thời mặt trần hạ thấp. Giang hất cao ngọn đèn, và mỉm cười đắc thắng. Chàng vừa nhận ra những thanh gỗ đen nhằng nhịt, nắp mở lên hầm chứa rượu của lũ quán.

Đồng hồ lân tinh trên cườm tay Giang chỉ đúng 10 giờ rưỡi. Đây là 10 giờ rưỡi đêm chủ nhật. Chuyển đi của chàng được tính toán sát nút, mỗi đêm chủ nhật sau 10 rưỡi, cậu chàng có thói quen xuống hầm rượu để kiểm soát thực phẩm hàng tuần.

Giang chắc chắn sẽ gặp ông cậu. Người già thường sống đều đặn như đồng hồ quả lắc gỗ giời, ít khi thay đổi thói quen. Từ lúc chàng lên đường đến giờ, mọi việc đã xảy ra đều đặn, đúng với dự tính. Giang tin tưởng sẽ không bị trục trặc.

Ngoại trừ vấn đề thuyết phục ông cậu. Phải tìm cách nào tỏ cho ông cậu biết mình là thằng Giang, thằng cháu cưng của ông cậu. Vì trong 2 năm sống trên đất Anh, Giang đã thay đổi. Gần như hoàn toàn.

Giang tắt đèn bấm, nghe lắng động tĩnh hồi lâu trước khi xô tấm thập gỗ, lặng lẽ trèo lên. Gian phòng bên trên được dùng làm kho chứa đồ hộp và rau đậu. Chàng tìm một góc kín đáo, ẩn mình chờ đợi.

Chẳng bao lâu, chàng nghe tiếng chân của ông cậu dận trên cầu thang. Lối đi của ông thật độc đáo, ông vừa bước vừa lê, chân trái nặng hơn chân phải, ông bật đèn vàng trên trần chiếu tỏa khắp phòng. Giang đứng thẳng dậy, bàn tay nắm chặt khẩu Beretta nhỏ xíu. Dầu sao chàng vẫn phải đề phòng. Đánh rằng người đang xuống hầm là ông cậu nhưng biết đâu đấy, biết đâu một tên Đức ác ôn nào đó đang bám theo ông. Ông sắp đi qua góc Giang núp, Giang cất tiếng kêu nho nhỏ:

– Cậu Cát, cậu Cát (Karl)..

Ông cậu đứng lại, mặt ngơ ngác và kinh hoàng. Giang bước ra:

– Giang đây, cháu Giang đây.

Ông cậu nhìn hòng súng đen ngòm

của Giang, vẻ sợ hãi vẫn chưa giảm bớt. Giang vội nói:

– Giang đây mà... cậu đừng quan tâm đến khẩu súng của cháu. Đừng... đừng nói lớn. Cũng đừng có thái độ gì cả. Cháu về với cậu đây.

Bàn tay ông cậu run bần bật. Ông liếc nhìn cầu thang, không rõ ông sợ người lạ nghe tiếng hay là ông nảy ra ý định bỏ chạy, đoạn ông ngó súng khẩu súng. Dần dà ông lấy lại bình tĩnh. Nghề chủ nhân khách sạn thường luyện được đức tính điềm đạm trước những biến chuyển bất ngờ. Ông hỏi Giang:

– Cậu là Giang. Nhưng là cái gì... Giang?

Giang buông thõng bàn tay cầm súng. Vai chàng rung rung như thể chàng sắp òa khóc vì cảm động. Chàng đáp nhanh:

– Giang Ri-bích, cháu là Giang Ri-bích của cậu đây. Cậu chưa nhận ra cháu ư?

Ông già vẫn nhìn chàng không chớp mắt. Ông vẫn còn hoài nghi. Hoài nghi là phải, vì khuôn mặt người thanh niên đang đứng trước mặt ông không có nét gì giống khuôn mặt thằng Giang cháu ông ngày nọ, thằng Giang mà ông nuôi nấng thương yêu từ thuở còn nằm nôi.

Tuy nhiên... tuy nhiên... nỗi thắc mắc chỉ thoáng nhẹ qua rồi tan biến. Vì giọng nói, cử chỉ có cái gì gần giống với ông... Nhất là mã người to lớn, và bờ vai vuông, khỏe... đúng rồi... đó là những đặc điểm của gia đình ông. Ông chỉ còn chưa hiểu tại sao cháu ông lại xấu xí đến thế. Cái mũi xẹp lép không khác mũi võ sĩ đã thượng đài hàng trăm lần. Xẹp lép chưa đủ, nó còn vẹo qua bên, trông thật

mất cảm tình. Cái miệng còn làm mất cảm tình hơn nữa, miệng gì mà méo xẹo, bên cao bên thấp, mấy cái răng cái má khắp khểnh lòi hẳn ra ngoài, eo ơi, răng ma-cà-rông có lẽ còn đẹp hơn.

Ông bèn hỏi:

– Cháu Giang phải không? Cháu làm gì mà mặt mũi cháu khác xưa như vậy?

Giang đáp:

– Thưa cậu... vì cháu mổ. Mổ để thay đổi khuôn mặt....

II.

Chuyến đi và khuôn mặt thay đổi của Giang Ri-bích, bắt nguồn từ một chỉ thị của thủ tướng Anh Sốt-sin gửi tình báo đồng minh. Chỉ thị này rất ngắn ngủi,

song rất rõ ràng và quyết liệt: “....gia tăng tối đa công tác tình báo, phá hoại và du kích chiến trong các vùng bị địch chiếm ở Âu châu...”.

Từ đầu mùa đông năm 1942, đạo quân thứ năm của đồng minh đẩy mạnh hoạt động ở hậu địch. Mỗi đêm, hàng chục điện đài bí mật chuyển tin tức quan trọng về Luân Đôn. Trung tâm của phong trào kháng chiến là Luân Đôn. Sĩ quan, binh lính, viên chức, tư nhân các quốc gia bị Đức chiếm đóng lũ lượt kéo nhau qua Anh quốc, nơi bộ tổng tư lệnh đồng minh đặt văn phòng tuyển mộ giới thiệu, để lựa chọn những phần tử hội tụ điều kiện cần thiết cho công tác hậu địch. Những phần tử này được đưa đi huấn luyện. Sau đó, họ hồi hương lén lút bằng tàu ngầm hoặc bằng thả dù.

Trong đó có Giang Ri-bích....

Hồi ấy, khác với tổ chức kháng chiến ở những quốc gia kế cận, tổ chức kháng chiến ở Hòa Lan đang bị suy sụp trầm trọng. Đức quốc xã đã gài được nội tuyến trong guồng máy lãnh đạo ở Hòa Lan, kết quả là đồng minh bị thảm bại. Suốt gần 2 năm ròng rã, Phản gián quốc xã gián tiếp kiểm soát một phần lực lượng kháng chiến. Các thủ lĩnh lần lượt bị loại trừ.

Cán bộ hành động bị xô vào chỗ chết. Phản gián Đức nắm được những bí mật về truyền tin điện đài giữa kháng chiến địa phương và Luân Đôn. Điệp viên đồng minh nhảy dù xuống lần lượt bị đón bắt, tra tấn tàn bạo, và bị hạ sát sau khi mật vụ Đức moi móc tin tức. 51 người được Đồng minh phải tới Hòa Lan thì 47 người thiệt mạng, 4 người còn lại

sống dở chết dở trong các trại tập trung quốc xã.

Trước tình trạng một mất một còn ấy, đồng minh triệu thỉnh đại tá Orét Pinto, một thủ lĩnh phản gián lão thành từng đạt nhiều thành tích trong nền tình báo Pháp – Anh. Vừa được bổ nhiệm giám đốc Phản gián Hòa Lan (lưu vong), Pinto đã lưu ý đến Giang Ri-bích.

Giang gõ cửa văn phòng đại tá Pinto lần thứ nhất vào tháng 11-1942. Hồ sơ của chàng không có điều nào khả nghi: chiến tranh xảy ra, chàng đang là sinh viên đại học, thân thể cường tráng, cộng với tinh thần yêu nước thành thật và hăng say, trốn khỏi Hòa lan trong đường tơ kẽ tóc. Riêng việc trốn khỏi mạng lưới trùng điệp của mật vụ quốc xã đã chứng tỏ Giang rất thích hợp với công tác điệp báo.

Tuổi trên tứ tuần, mái tóc muối tiêu, cặp mắt xanh thắm như có tài đọc thấu lòng người, đại tá Pinto nổi tiếng về khoa tổ chức tình báo và thẩm vấn phản gián. Ông có cảm tình ngay với Giang. Tuy vậy, ông không muốn kết nạp chàng vì hai lý do: thứ nhất, chàng quá đẹp trai, đẹp trai hơi hơi thì còn chấp nhận được, chứ quá đẹp trai thì bất lợi hoàn toàn, phụ nữ thường dễ mềm lòng trước đàn ông khôi ngô, ngược lại đàn ông khôi ngô hay lụy vì tình; thứ hai, Giang có thân hình quá khỏe mạnh, Đức quốc xã rất cần người khỏe mạnh để xung vào đạo quân lao động cưỡng bách. Giang chỉ lang thang ra đường là bị tóm giữ ngay tức khắc.

Pinto ngần ngại song không nỡ từ chối. Linh tính nghề nghiệp cho ông thấy Giang có thể trở thành một điệp viên đặc lực. Chàng hội đủ điều kiện:

Ái quốc, thông minh, học thức, cường tráng. Chàng lại nằng nặc đòi trở về nước hoạt động với bất cứ giá nào.

Đột ngột, Pinto nêu câu hỏi:

– Giang, tại sao anh cứ muốn hồi hương? Tôi cần nói thật với anh là trong số những người được cử về Hòa Lan chỉ có một số rất ít sống sót, còn phần đông bị bắt bớ, tra tấn, tù đày, giết chết...

Nét mặt không biến đổi, chàng điềm tĩnh đáp:

– Tôi biết, nhưng tôi sẵn sàng tình nguyện. Vì tôi nghĩ có thể giúp nước một cách hữu hiệu.

Ngừng một phút, chàng tiếp:

– Một cách hữu hiệu hơn nhiều người khác.

Pinto cũng không biến đổi nét mặt:

– Chẳng hạn việc gì?

Giang nói:

– Tôi mồ côi cha mẹ từ nhỏ, không còn ai thân thích. Do đó, liên hệ gia đình của tôi rất nhẹ. Tôi bị bắt, hay bị chết, chẳng làm ai buồn. Mật vụ địch cũng không hy vọng bắt cha mẹ, vợ con tôi để dụ tôi ra hàng... Trên đời này tôi chỉ còn lại một người thân độc nhất, ông cậu tôi. Hiện ông cậu làm chủ một lữ quán tại U-tờ-rết. Từ nhỏ đến lớn, tôi sống tại U-tờ-rết, một thời gian sau khi bọn quốc xã xâm lược Hòa lan, đến chiếm ngụ lữ quán của ông cậu, tôi vẫn ở lại đó, không đi đâu cả. Lữ quán này đông nghẹt sĩ quan cấp Đức. Nó là kho tin tức quân sự. Nếu ông gài được một người bên trong lữ quán thì...

Đại tá Pinto ngắt lời Giang:

– Anh tình nguyện trở về lữ quán của cậu?

Giang gật đầu. Pinto xua tay:

– Đề nghị của anh không ổn. Chắc khác nào anh dẫn thân đến chỗ chết. Mọi người ở U-tờ-rết đều quen biết anh. Bọn mật vụ sẽ không để anh yên. Và anh dư hiểu mật vụ sẽ làm gì anh sau khi anh bị bắt..

Giang đáp, giọng từ tốn và lễ độ:

– Thưa, tôi đã nghĩ nhiều về việc này. Thiết tưởng có nhiều cách thay đổi con người. Đặc biệt là thay đổi diện mạo. Theo chỗ tôi biết, sở tình báo đồng minh có một bộ phận thay đổi diện mạo bằng giải phẫu thẩm mỹ.

Pinto giật mình:

– Anh là một thanh niên khôi ngô, không lẽ sửa anh khôi ngô thêm. Nhưng cũng không lẽ sửa anh xấu đi.

– Thưa tôi muốn thay đổi cho hết vẻ khôi ngô.

– Trời.... anh đừng quên sửa xấu thì dễ, chứ sau này sửa đến lại như cũ rất khó. Nghĩa là suốt đời anh sẽ....

– Thưa, tôi không mong gì hơn. Đối với tôi, phụng sự tổ quốc là điều trên hết, còn xấu hay đẹp chỉ là phụ. Vả lại, giờ phút này hàng trăm, hàng ngàn người hy sinh cả mạng sống của họ nữa thì sao. So sánh với họ, sự thay đổi diện mạo của tôi chẳng có ý nghĩa gì cả

Pinto chấp thuận. Một ngày sau, Giang bắt đầu tham dự cuộc huấn luyện tại

một cơ quan mà giới tình báo đồng minh gọi là SOE [SOE, viết tắt của chữ Special Operations Executive.], cơ quan đặc vụ. Giang trở thành chuyên viên phim ảnh vi-ti, nổ mìn, gài bom, mật mã và điện đài. Chàng học tỉ mỉ về tổ chức quân sự địch. Chàng còn học phương pháp giết người. Giết bằng khí giới là chuyện thường. Phải học giết bằng hai tay không.

Trường SOE báo cáo với Pinto rằng Giang tỏ vẻ nôn nóng, và mặc dầu các huấn luyện viên đốt cháy giai đoạn, Giang vẫn than phiền là chương trình huấn luyện chậm như rùa bò. Chàng muốn thanh toán thật nhanh. Chàng xin được học thêm giờ, và đòi được vào ngay bệnh viện để sửa mặt. Pinto gửi công văn cho ban giám đốc trường, hỏi ý kiến. Ban giám đốc phúc trình là Giang học rất sáng dạ, các huấn luyện viên đều bằng

lòng. Ban giám đốc nói thêm là trong tương lai họ hy vọng Pinto tuyển chọn thật nhiều khóa sinh hội đủ điều kiện như Giang.

Tốt nghiệp xong, Giang quay về Luân Đôn để mổ mắt. Chàng gọi điện thoại đến thăm Pinto. Cuộc sống điệp báo đã trui luyện lòng ông, ông tưởng không bao giờ còn biết xúc động nữa. Vậy mà ông xúc động trước bộ mặt mới của Giang. Những vết sẹo trên mặt chàng trai khôi ngô ngày nọ đã kéo da song những mảng đỏ vẫn còn. Sự đổi màu này làm mặt Giang trở nên gớm ghiếc, tuy nhiên cũng chưa gớm ghiếc bằng hình thù của mũi, má và miệng. Cái mũi gần như là trái cà chua bẹp trong khi hai má phồng lên, cái miệng chữ V để lộ cả răng và nướu, nhất là cặp môi thâm sì.

Pinto còn bàng hoàng thì Giang đã hỏi:

– Ông thấy tôi ra sao? Cừ không? Ông có tin là bọn Đức nhận được mặt tôi nữa không?

Dĩ nhiên là không. Giang phá lên cười. Chàng cười mà không khác mếu. Nhớ lại cái miệng đa tình, làn môi luôn luôn đỏ, cái má lúm đồng tiền, và sống mũi cao, đều của Giang, Pinto cảm thấy trái tim đau nhói. Nhưng Giang vẫn vui như Tết, chàng nhanh nhẩu báo tin cho Pinto biết là để cải trang thêm hữu hiệu, chàng đã độn cao thêm để giầy trái, khiến chàng bước khập khiễng. May ra bọn quốc xã tưởng chàng tàn tật, và miễn công tác lao động cưỡng bách.

Sau đó một tuần, Giang được một oanh tạc cơ Anh quốc thả xuống vùng

đồng ruộng gần thị trấn U-tò--rết. Đại tá Pinto nóng ruột nghe ngóng tin tức của Giang. Rồi ban điện đài của tình báo Anh tiếp nhận được mật điện “hiệp ước đã được ký kết”. Điều này có nghĩa là Giang đã móc nối được với ông cậu và bắt đầu làm việc trong lũ quán, ngay trước mũi bọn sĩ quan quốc xã.

Pinto thở phào một cách khoan khoái. Ông vẫn sợ người cậu già của Giang không chịu nhìn nhận gã thanh niên mặt mũi xấu như ma lem kia là đứa cháu ruột. Giang Ri-bích hoạt động bén nhậy và đặc lực ngay từ buổi đầu. Chàng làm việc trong nhà bếp của khách sạn. Dần dà, với sự thỏa thuận của ông cậu, Giang được làm bồi trong phòng ăn, rồi hầu rượu.

Hầu rượu là phần việc tốt nhất vì các sỹ quan cao cấp thường bàn bạc chung

quanh ly rượu. Chỉ cần để ý, tai thính và trí nhớ vượt mức trung bình là có thể biết được nhiều tin tức quan trọng. Sở dĩ Giang được làm bồi rượu vì anh bồi rượu chính thức bị xung vào lực lượng lao động.

Nhờ Giang, tình báo đồng minh thiết lập được một trạm nghe vô giá ngay tại trung tâm tổng hành doanh quốc xã Hòa Lan. Giang đóng tai và ghi hết vào óc. Chàng vốn thông minh nên nghe đến đâu nhớ đến đó, không hề quên một chi tiết nhỏ nhất. Chàng đạt được nhiều thành công bên quây rượu. Mặt chàng quá xấu nên các sĩ quan không thèm nhìn khi chàng rót rượu. Chàng lại vâng dạ luôn miệng nên được coi là gia nhân ngoan ngoãn.

Giang liên lạc bằng điện đài với Luân Đôn, tuy nhiên, chàng không có điện đài

riêng. Mỗi cần liên lạc, chàng phải tìm đến nơi ẩn náu của 2 nhân viên kháng chiến cách thị trấn U-tờ-rết một quãng đường. Pinto không muốn Giang quen biết rộng hoặc tiếp xúc thêm với tổ chức kháng chiến địa phương vì sợ bị bại lộ. Thu hẹp các đầu mối liên lạc. Giang có thể hoạt động mạnh mẽ mà ít lo bị phản bội.

Những ngày được nghỉ việc tại khách sạn, Giang xin phép về vùng quê. Lấy cớ đi mua lương thực cho câu lạc bộ sĩ quan, chàng vẽ họa đồ những địa điểm tập trung binh sĩ và cơ sở quân sự. Chàng được di chuyển tự do trong vùng, chàng lại nghe lỏm được nhiều mẩu chuyện trong khách sạn nên chẳng bao lâu Luân Đôn đã nắm vững được hình địch. Gần như phân nửa tin tức quân sự về Hòa Lan là do Giang cung cấp.

Đại tá Pinto tỏ ra mãn nguyện về tinh thần và khả năng phục vụ của Giang. Bởi vậy, ông đã hoàn toàn sửng sốt khi một người đến gặp ông tại văn phòng trong buổi chiều mùa hạ năm ấy.

III.

Ông đang cúi đầu vào đóng hồ sơ dây cộm thì thư ký riêng báo tin có một viên chức cảnh sát Anh ngỏ ý xin gặp. Tên viên chức này là Jenkins, thẩm sát viên. Pinto chỉ nghe nói đến tên Jenkins chứ chưa hề gặp mặt. Ông đoán rằng Jenkins gõ cửa văn phòng ông để ấn vào tay ông một đồng giấy phạt vi phạm luật lệ giao thông. Nhân viên thuộc cấp của ông đều là người Hòa Lan, họ không am tường luật lệ giao thông Anh quốc, họ lại thói quen lái ẩu, bất chấp đèn hiệu ở các

ngã tư. À... cũng có thể là Jenkins đến cảnh cáo về vụ thuộc cấp của ông không tuân hành nghiêm chỉnh những chỉ thị về phòng thủ thụ động. Hàng đêm phi cơ địch bay đến bắn phá, đèn đuốc trong thành phố phải được che kín, nhưng theo chỗ ông biết thì nhân viên trong ban vô tuyến điện của ông có vẻ đáng trí...

Ông sửa soạn nụ cười ngoại giao thật tươi để đón chào đón thẩm sát viên Jenkins. Người Anh vốn cứng nhắc về nguyên tắc, luật là luật, không có bên trọng bên khinh như ở Hòa Lan.

Khi bước vào Jenkins mang theo bộ mặt lạnh lùng như đá. Chắc, có chuyện quan trọng đây... Phạt là cùng, có gì mà phải nghiêm trang. Jenkins chào Pinto rồi chưa kịp ngồi đã mở cặp da xách tay, lấy ra một tấm hình. Trong tấm hình lớn là một thanh niên khôi ngô, mặc com-lê

chỉnh tề. Sơ-mi trắng tinh, cà-vạt đúng mốt. Bên dưới có hàng chữ viết tay bay bướm “suốt đời với em...G...”.

Thẩm sát viên Jenkins hỏi:

– Đại tá biết người trong hình không?

Dĩ nhiên Pinto phải biết. Bộ mã khôi ngô của thanh niên trong hình là cộng sự viên của ông. Đó là Giang Ri-bích. Không phải Giang ở U-tờ-rết làm nghề bồi rượu cho tướng tá quốc xã, mà là Giang đẹp trai, Giang có số đào hoa, đàn bà con gái say mê như điên đảo, Giang trước ngày tình nguyện mổ mắt, thay đổi sống mũi, gò má, và miệng...

Pinto đáp:

– Có lẽ... biết.

Rồi hỏi lại Jenkins:

– Có chuyện gì không, ông bạn?

Thẩm sát viên Jenkins bèn thuật tự sự cho Pinto nghe. Cách đó mấy ngày, bọn trẻ chơi đùa trên đồng gạch vụn ở một khu vực Luân Đôn bị bom đạn địch làm đổ nát đã khám phá ra bàn chân một thiếu phụ trẻ bị chôn vùi trong một cái hồ bơi cạn. Cảnh sát được trình báo đã đến nơi chở nạn nhân vào nhà xác. Cuộc giải phẫu của luật y cho thấy mặc dầu thi thể bị rửa nát và bị vùi quá lâu đã có bằng chứng chắc chắn là nạn nhân bị bóp cổ đến chết.

Theo cuộc điều tra, nạn nhân vốn là chiêu đãi viên tại một quán rượu gần nơi xảy ra vụ oanh tạc. Sau ngày nạn nhân đột nhiên biệt tích, chủ nhân căn phòng mà nàng thuê đã cho người khác thuê lại, còn áo quần, đồ đạc của nàng thì được cất giữ tử tế trong kho. Cảnh sát lục tẩm

hình của Giang Ri-bích. Bạn bè của nạn nhân đều khai Giang là người yêu, đồng thời nạn nhân cũng đã viết trong nhật ký về những liên hệ thăm thiết giữa nàng và Giang, nàng còn than thở về tính ghen tuông quá độ, ghen tuông đến gần như điên rồ của Giang.

Thẩm sát viên Jenkins giải thích thêm:

– Nàng có thân hình khá xinh đẹp, song lẳng lơ, điểm dàng một tí, dường như nàng còn làm thêm nghề... phụ nữa nên Giang Ri-bích mới ghen tuông. Và tôi sợ Giang đã dính líu vào thảm vụ sát.

Ngừng một phút, Jenkins nói tiếp:

– Hẳn đại tá ngạc nhiên tại sao tôi lại biết đến đây. Tôi được các sĩ quan Hòa Lan giới thiệu. Họ nói là Giang làm việc dưới quyền đại tá.

Pinto thù người giờ lâu. Ông sức nhớ đến thái độ nôn nóng quá độ của Giang, muốn tốt nghiệp khóa điệp báo thật nhanh, giải phẫu thẩm mỹ thật nhanh và hồi hương cũng thật nhanh. Giang nôn nóng vì sợ bại lộ. Khởi cần điều tra ông đã có linh tính Giang liên hệ xa gần đến vụ cô gái chiêu đãi viên bị chẹn cổ chết.

Ông bèn giải thích là Giang đã được phái về Hòa Lan, hoạt động cho đồng minh trong vùng địch. Ông nhấn mạnh rằng triệu hồi Giang là việc rất khó.

Thẩm sát viên Jenkins đáp, giọng bình thản, như thể đã biết trước phản ứng của Pinto:

– Trong hoàn cảnh ấy, tôi đành phải yêu cầu triệu hồi Giang Ri-bích bằng đường lối khác.

Pinto tìm kế hoãn binh:

– Với tư cách riêng, tôi mạn phép bàn là hiện nay chưa rõ Giang hoàn toàn vô can hay phạm tội sát nhân. Nhưng muốn là gì nữa thì sự trở về Luân Đôn của Giang cũng không thể làm cô gái chiêu đãi viên sống lại. Tôi không thể tiết lộ các chi tiết, nhưng đối với ông tôi không ngần ngại nói thẳng rằng đồng minh đang bị tổn thất nặng nề tại Hòa Lan. Mỗi nhân viên của đồng minh ở đó là một lực lượng vô giá. Và xin ông hiểu rằng Giang Ri-bích đang thi hành một sứ mạng quan trọng, vô cùng quan trọng.

Jenkins vẫn không hề lay chuyển:

– Đại tá cảm phiền, đại tá có công việc của đại tá, tôi có công việc của tôi. Tôi sẽ vận động triệu hồi Giang Ri-bích.

Viên thẩm sát đứng dậy và cáo từ. Pinto không tỏ ra lo lắng nhiều vì ông biết chắc thượng cấp sẽ hỏi ý kiến của ông trước khi ra quyết định. Và khi ấy, ông sẽ đưa ra những lý lẽ xác đáng để ngăn chặn.

Từ Hòa Lan, Giang vẫn điện về đều đặn, Giang đoạt hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Có lần chàng dám chuốc rượu cho một sĩ quan Đức say bí tỉ rồi mở tép da lấy tài liệu quân sự ra chụp. Pinto được tin vội sai nhân viên giao liên đặc biệt đến U-tờ-rết nhận cuốn phim.

Vì Giang cần chuyển nhiều bức điện nên Pinto ra lệnh cho hai chuyên viên điện đài của kháng chiến đến hợp tác thường trực với chàng. Hai người này trở thành nông gia tiếp tế rau và đồ trái cây cho câu lạc bộ sĩ quan khách sạn để tiện gặp Giang. Một trong hai người này

là Orion. Theo lệnh Luân Đôn. Orion mời Giang đến một trang trại hẻo lánh ở ngoại ô. Tại đó, Giang được tiếp xúc với hai nhân viên của Pinto vừa từ Luân Đôn tới.

Họ nhảy dù xuống U-tờ-rết với một điệp vụ đặc biệt. Giang có bốn phận giúp họ. Không quân Đức vừa áp dụng một chiến thuật oanh tạc mới. Hồi đó, các vụ ném bom đêm ở Luân Đôn đã giảm cường độ. Đột nhiên phi cơ Đức thả xuống một loại bom kỳ lạ. Loại bom này được gắn theo bộ phận nổ chậm, nếu không ai đụng tới nó sẽ tự động nổ đúng một tuần sau khi rơi xuống đất. Chuyên viên tháo gỡ ngòi nổ đều bị đều bị nổ chết banh xác. Đặc điểm của ngòi nổ là không thể chạm tay. Do đó, loại bom nổ chậm¹⁵ của Đức trở thành

¹⁵ Hiện nay, bom gắn ngòi nổ chậm không còn là vũ khí tân kỳ như cách đây 30 năm nữa.

mỗi ngày một gia tăng, đối với sinh mạng người dân Luân Đôn, đồng thời cũng làm tinh thần họ bị suy sút trầm trọng. Tuy nhiên, vấn đề hóa giải bom nổ chậm có thể được thực hiện nếu các cơ sở quốc phòng đồng minh có ngòi nổ dưới tay để nghiên cứu. Dịp đã đến trên lãnh thổ Hòa Lan. Một oanh tạc cơ Đức chở bom nổ chậm qua Luân Đôn để thả bị trúng đạn cao xạ phải lết về Hòa Lan, đáp xuống một trường bay gần U-tờ-rết. Luân Đôn bèn hạ lệnh cho các nhân viên đồng minh phải đánh cắp cho kỳ được những ngòi nổ chưa dùng.

Công tác này chẳng dễ gì. Thứ nhất phải đột nhập vào phi trường được canh phòng cực kỳ cẩn mật. Thứ hai, phải đánh cắp ngòi nổ. Thứ ba, phải mang ngòi nổ an toàn về Luân Đôn.

Hai chuyên viên về bom được phái đến U-tờ-rết. Căn cứ vào kinh nghiệm của những toán tháo ngòi nổ đã bị tử thương, họ chỉ nhìn bề dài, bề ngang của thùng đựng, và mã số ghi bên ngoài là biết được ngòi nổ loại nào. Giang Ri-bích sẽ hoạt động chung với họ trong vụ đánh cắp ngòi nổ.

Đêm ấy, Giang thảo luận kế hoạch với hai chuyên viên Anh. Gần sáng, chàng mới về đến khách sạn. Hôm sau, chàng lảng vảng đến gần phi trường để dò xét. Trước đây chàng đã vẽ họa đồ phi trường, và biết rõ hệ thống an ninh. Trong khi ấy, hai chuyên viên Anh ẩn náu trong vựa lúa ở ngoại ô thành phố, xa tầm mắt của mật vụ quốc xã.

Giang kiểm cơ có hẹn với bạn gái để rời khách sạn thật sớm. Chàng hẹn hai chuyên viên Anh tại một con đường

nhỏ. Cả hai chui vào trong xe ngựa chở đầy phân bón. Chiếc xe chạy cà rịch cà tàng trên những con đường bằng qua cánh đồng vắng vẻ và đầy ổ gà. Rồi đậu trước một dãy lều tranh bỏ trống, trước kia dùng để chứa rơm rạ trong mùa gặt. Xa xa là hàng rào dây kẽm gai cao ngất bao bọc xung quanh phi trường.

Hai chuyên viên bò khỏi xe, nằm dán mình trên cỏ chờ đợi. Họ kiểm điểm lại giờ giấc trên đồng hồ lân tinh đeo ở cườm tay. Trước mặt họ, trên phi đạo lấp loáng ánh đèn để họ có thể nhìn thấy những oanh tạc cơ đen sì. Tiếng máy nổ rầm rầm. Phi công Đức đang chuẩn bị cất cánh để ném bom Luân Đôn. Giang hồi hộp khi nhận ra những chiếc thùng vuông xếp thành hàng dài gần phi đạo. Đó là những thùng đựng ngòi nổ.

Những oanh tạc cơ cuối cùng đã rời sân bay, vụt lên không gian đen sì như mực tàu. Quang cảnh đêm tối hoàn toàn thích hợp với công việc mà Giang được lệnh tiến hành. Im lặng trở lại. Ba người nằm trên cỏ không còn nghe thấy tiếng gì ngoại trừ tiếng côn trùng rì rả.

Đột nhiên Giang chồm dậy. Từ xa có tiếng động cơ. Tiếng kêu the thé của oanh tạc cơ đồng minh. Qua ánh sáng mờ, Giang thoáng thấy một phi đội lướt đến ở cao độ thấp. Thấp gần đụng ngọn cây. Rồi... âm âm... âm âm... mặt đất rung chuyển dữ dội, những trái bom đua nhau rớt xuống mục tiêu, lửa bốc đỏ ối, bùn, cát và cỏ vụn bay tứ tán phủ đầy người Giang, bịt cứng lỗ tai chàng, che kín mắt chàng.

Sau loạt bom miểng đến bom xăng đặc. Đám cháy lan rộng khắp nơi, phi

trường sáng rực như ban ngày giữa những tiếng nổ long trời lở đất. Cả ba người lao đầu về phía trước, như lực sĩ thể vận chạy nước rút gần đến mức ăn thua. Cuộc oanh kích làm hàng ngũ phòng vệ của quân đội Đức hỗn loạn. Những bóng đen binh sĩ chạy lằng xằng trên sân bay, in cắt trên nền trời đỏ.

Trong chớp mắt, Giang đến vòng rào phi trường. Chàng thủ sẵn trong tay cặp kềm cắt dây kềm gai. Hàng rào bị chàng bứt đứt một khoảng rộng, cả ba người lọt vào căn cứ. Họ khom lưng chạy như bay đến nơi đặt các thùng chứa ngòi nổ.

Hai chuyên viên vội vã tìm thùng chứa ngòi nổ chậm. Các đám lửa do bom na-pan gây ra vừa làm hệ thống an ninh của địch rời rạc, lại vừa chiếu đủ sáng hầu các chuyên viên đọc rõ những hàng chữ viết trên vỏ thùng gỗ.

Giang nghe tiếng còi hiệu nhỏ. Một chuyên gia đang loay hoay khiêng đồng thùng ở trên đặt xuống đất. Thùng chứa ngòi nổ chậm hiện ra. Giang cúi xuống, lấy hết sức lực, đỡ cái thùng nặng chiu lên vai. Đôi vai chàng nổi tiếng từ xưa là đôi vai lực sĩ. Tuy vậy chàng cũng cảm thấy toàn thân chùn xuống. Nếu không có tinh thần vêu nước mãnh liệt, và không có hai bạn đồng hành kèm bên thì chàng đã vút lại. Vì cái thùng quá nặng. Nặng đến nỗi chàng thở không ra hơi, bước đi loạng choạng chỉ muốn ngã...

Nhưng rồi cuộc chàng vẫn ra khỏi trường bay và phóng vùn vụt qua ruộng đến dãy nhà lều khuất trong bóng đêm mù mịt. Phi đội đồng minh lượn vòng cuối trên sân bay địch, tiếng đại liên réo liên hồi, những chuỗi bom đen sì lại tiếp tục rớt xuống.

Giang bới đồng phân trên xe ngựa, nhét cái thùng ngòi nổ, và lắp lại như cũ. Chàng đánh ngựa vòng theo một lối khác. Chàng chọn con ngựa khỏe mạnh, thế mà cái thùng ngòi nổ đã làm nó thở phì phò, bọt trắng đầy mũi.

Trước lúc rạng đông, Giang chui xuống hầm khách sạn, con đường chàng đã dùng lần đầu khi từ Luân Đôn về quê nhà. Nhà bếp chưa có ai. Nhưng chàng vừa thay quần áo xong thì nhân viên nhà bếp đã lũ lượt tới. Công việc hầu hạ các sĩ quan địch lại bắt đầu, bình thường, đều đặn như những ngày khác đã qua....

Cùng khi ấy, trên con đường đồng quanh quẽ dưới ánh mặt trời hừng sáng, chiếc xe ngựa ọc ạch chở hai chuyên viên ngòi nổ Anh quốc đang tiếp tục cuộc hành trình. Nếu không gặp trở ngại bất thần, họ có thể trèo lên chiếc phi cơ đồng

minh từ Luân Đôn hạ cánh xuống bốc họ chập tối hôm ấy.

Trên thực tế, họ đã trở về căn cứ xuất phát an toàn, cả hai đều không ngớt lời ca ngợi Giang với đại tá Pinto. Và sự thành công lớn lao này đã làm Pinto quên bằng thẩm sát viên Jenkins.

Pinto quên chứ Jenkins không quên. Mấy ngày sau Jenkins lại đến văn phòng, tuy nhiên với vẻ mặt không còn nghiêm trọng như trước. Jenkins nói:

– Chào đại tá, đại tá thắng rồi đấy. Thượng cấp không chấp thuận triệu hồi anh chàng Giang Ri-bích hoạt động dưới quyền đại tá. Nhưng đại tá ơi, đó mới chỉ là khúc dạo đầu. Tương lai còn dài, tôi rất kiên nhẫn. Tôi tin sớm muộn sẽ gặp ỳ.

Đại tá Pinto vẫn mong Jenkins gặp Giang càng muộn càng tốt. Hoặc chẳng bao giờ gặp thì tốt hơn. Vả lại Giang còn bận lút đầu lút cổ. Mai kia, khi quân đội đồng minh đổ bộ lên lục địa để giải phóng Hòa Lan, Giang còn bận nhiều nữa, và Jenkins đừng hòng bắt ông triệu hồi Giang.

Hồi đó là đầu năm 1944, và cuộc đổ bộ lịch sử lên miền bắc nước Pháp chỉ diễn ra vào giữa năm. Các cửa biển nước Anh đều nghẹt cứng tàu bè và quân cụ. Binh sĩ Mỹ, Úc, Ấn, Phi và Gia nã Đại tấp nập đến Anh. Quân đội đồng minh đến nhiều đến nỗi người ta có cảm tưởng là hòn đảo Anh quốc sửa soạn chìm lìm xuống biển vì sức nặng bất thường.

Pinto tăng cường liên lạc vô tuyến với Giang và hệ thống tình báo kháng chiến trên lục địa Âu châu...

Đột ngột, Giang Ri-bích biệt tích....

IV.

Thời gian lạnh lùng trôi qua. Giang vẫn biệt tích. Đại tá Pinto bỗng nghĩ là thẩm sát viên Jenkins đoán đúng. Đúng là Giang giết cô gái quán rượu, đến nay đánh hơi thấy cuộc đổ bộ của đồng minh, Giang sợ gặp lại thượng cấp, sợ phải về Luân Đôn đối chất nên vù một mạch, thay họ đổi tên để tránh ra tòa. Nhưng dẫu Giang bỏ trốn, chàng cũng đã đến tội phần nào, khỏi cần phải xét xử nữa. Chàng đã thay bộ mặt đẹp trai quyến rũ bằng bộ mặt khủng long, trẻ nít ban đêm nhìn thấy phải khóc thét mà ngất xỉu. Chàng còn tận tụy cho kháng chiến, và hơn một lần chàng đã hy sinh mạng sống trong các điệp vụ hiểm ng-

hèo. Chàng còn sống là do Trời chưa bắt chết, nếu là kẻ khác thì không biết đã chết đến lần thứ mấy rồi nữa.

Chàng đi đâu? Đại tá Pinto không dám suy luận thêm. Vì ông chợt nghĩ đến một giả thuyết khác. Giả thuyết bị sa lưới địch. Mật vụ Đức không đến nổi bắt. Địch đã phá tan tổ chức tình báo đồng minh. Chính Pinto đã mất biết bao tâm cơ mới tái tạo được hệ thống cũ. Giang Ri-bích lại hoạt động táo bạo, mật vụ Đức chờ đến bây giờ mới thộp cổ chàng kể ra cũng hơi muộn..

Pinto gửi một bức điện riêng cho hai cộng sự viên của Giang phụ trách truyền tin ở U -tờ-rết. Họ phúc đáp lại là họ cũng bản khoản không kém gì ông. Cũng như ông họ hoàn toàn mù tịt. Họ đã đích thân lại khách sạn tìm gặp Giang nhưng không thấy.

Pinto nghĩ rằng ông cậu có thể biết phần nào hành tung của Giang. Nhưng thời gian quá cấp bách, bộ binh đồng minh chuẩn bị đổ bộ vào lục địa đang tập trung đông đảo dọc bờ biển đợi lệnh xuống tàu, Pinto cũng đang chuẩn bị tháp tùng tổng hành doanh lực lượng viễn chinh đồng minh. Ông bèn đánh điện lần chót cho hai cộng tác viên của Giang ở U-tò-rết. Cả hai đều không biết chủ nhân khách sạn là ông cậu của Giang. Pinto ra lệnh cho họ giáp mặt ông cậu. Ngay sáng hôm sau, họ chở rau đậu đến khách sạn.

Ông cậu chỉ lắc đầu một cách buồn bã. Ông chẳng nghe tâm hơi gì hết. Giang ra đi đêm ấy rồi không trở về nữa. Giang không dặn lại và cũng không để lại giấy tờ gì.

Cuộc đổ bộ khổng lồ được tiến hành. Pinto đặt chân lên đất Pháp với những toán quân đầu tiên. Công việc tình báo và phản gián quá bề bộn, ông không còn phút nào rảnh rỗi để nhớ đến Giang, tuy nhiên, hình bóng chàng trai mũi tẹt, miệng méo lại hiện ra trước mắt ông vì lực lượng viễn chinh đã tái chiếm nước Pháp và tiến nhanh lên phía bắc, sắp giải phóng Hòa Lan, nơi Giang hoạt động.

Mùa đông 1944, những trận đánh đẫm máu diễn ra, quân đội đồng minh bị chặn lại. Phòng tuyến quốc xã bị chọc thủng đầu năm 1945, và đến tháng tư, U-tò-rết được hoàn toàn giải phóng. Khách sạn của cậu Giang được trưng dụng làm tổng hành doanh của quân đội Gia nã đại.

Đại tá Pinto ghé qua khách sạn tìm ông cậu. Ông cậu thuật lại câu chuyện

từ đầu, nhấn mạnh tới cuộc gặp gỡ khác thường dưới hầm rượu. Thoạt tiên ông không tin người thanh niên xấu xí này là cháu ruột ông. Nhưng sau đó hai người bàn bạc về chuyện gia đình, và tới khi Giang vén quần cho ông xem xét vết thẹo ở chân, kết quả của tai nạn thời ấu thơ của Giang, ông mới hết hoài nghi.

Ông cậu đoán Giang hoạt động cho kháng chiến, song Giang không giải thích tại sao lại đi đêm luôn và ông cậu cũng không hỏi. Dầu vậy, ông vẫn rất thắc mắc tại sao Giang bỏ đi một mạch, không một lời từ biệt. Ông cậu đoán Giang bị mật vụ quốc xã tóm giữ. Có lần một sĩ quan cao cấp quốc xã hỏi ông cậu “thằng bồi mặt ma đâu rồi?..”. Kể xong, ông cậu thờ thẩn, nước mắt đầm đìa hai gò răn reo.

Thế rồi chiến tranh chấm dứt.

Khi ấy đại tá Pinto đang ở thị trấn Hin-vơ-sum (Hilversum-Hòa Lan). Ông vừa bắt liên lạc với một đơn vị kháng chiến bí mật đặc lực. Thành tích lỗi lạc của đơn vị này là trong khi hầu hết bị mật vụ địch lừa bắt thì họ vẫn tiếp tục hoạt động. Sau bao phen vào sinh ra tử, họ được tái ngộ với cấp chỉ huy Pinto. Mừng đoàn tụ, họ không quên khui rượu, và đặc biệt là khui két la-ve ngon nhất của Hòa Lan mà họ đã cất từ lâu, chờ ngày giải phóng.

Vừa cụng ly liên hoan, họ vừa nhắc nhở đến những ngày, những đêm trốn chui, trốn nhủi, luôn luôn bị địch bám sát. Một thủ lĩnh kháng chiến nhìn nhận với Pinto là nội tình kháng chiến bị dao động mạnh mẽ sau khi mật vụ Đức quốc xã thâm nhập vào hàng ngũ và phá rối

lung tung. Sự dao động này dẫn đến một số lầm lẫn đáng tiếc. Một điệp viên địch trà trộn vào trong màng lưới tình báo kháng chiến Hin-vơ-sum. Hắn bị lộ mặt nạ và tẩu thoát được về thị trấn kế cận U-tờ-rết.

Vị thủ lãnh nói tiếp, giọng rầu rầu:

– Chúng tôi bắt buộc phải thộp cổ tên phản quốc, nếu không hắn sẽ bán toàn thể anh em kháng chiến địa phương cho mật vụ địch. Bởi vậy, ngay đêm ấy tôi hạ lệnh giết hắn. Đảm nhận việc hành quyết là một thanh niên lạ không quen mặt tên phản quốc, và tên phản quốc cũng không quen mặt y. Thanh niên này là phần tử tốt, có tinh thần phục vụ và hy sinh cao độ, song còn non trẻ, chưa có kinh nghiệm. Tôi kêu y đến, miêu tả tướng mạo tên phản quốc rất dễ nhận và dễ nhớ. Hắn vốn là cựu võ sĩ, thương đài

nhiều lần nên mặt bị nhồi nát, mũi gãy xương lá mía bẹp dí, miệng méo xệch... trông không thương nổi, đàn bà con gái yếu bóng vía gặp ngoài đường ban đêm là có thể la hét, té xỉu...

Đại tá Pinto toát mồ hôi. Ông đã khám phá ra sự thật, trời ơi... một sự thật nào nề. Ông bèn đỡ lời:

– Rồi sau đó, chàng thanh niên này hăm hở đến U-tờ-rết, chạm trán với gã đàn ông mũi bẹp dí, miệng méo xệch, chẳng nói chẳng rằng đệt luôn mấy phát...

Viên thủ lãnh giật mình:

– Vâng, tại sao đại tá biết?

Pinto thở dài:

– Biết. Tôi biết.

– Vâng, đêm ấy, nhân viên của tôi đã giết lộn người khác. Đúng là cái mũi bẹp dí, miệng méo xệch, nhưng không phải là tên phản quốc chính hiệu.

– Còn tên phản quốc chính hiệu?

– Sau đó, chúng tôi mới thật được hân.

Pinto lại thở dài:

– Chiến tranh là thế. Trong bất cứ cuộc chiến nào cũng có sự lầm lẫn. Cũng có người bị giết oan.

Viên thủ lãnh hỏi:

– Đại tá cũng quen người bị giết oan kia ư?

Pinto nín lặng, ông chợt nghĩ đến anh hùng kháng chiến Giang Ri-bích đang nằm dưới đất, da thịt rữa nát. Ông

chợt nghĩ đến cô gái điểm đàn cũng đang nằm dưới đất, da thịt rữa nát. Ông chợt nghĩ đến thẩm sát viên tận tụy Jenkins, cố moi móc ánh sáng trong vụ bóp cổ giết người.

Ông tự nhủ là sẽ đến gặp Jenkins sau khi trở về Luân Đôn.

TRUYỆN THỨ SÁU

Điệp vụ Bắc cực

Điệp vụ này là thành công lớn lao bậc nhất của Đức Quốc xã về địa hạt Phản gián điệp trong đại chiến thứ hai. Và dĩ nhiên đối với đồng minh, đó là thất bại đau buồn bậc nhất, và cũng là khó hiểu bậc nhất. Cho đến nay, gần 30 năm trôi qua, những người ở trong cuộc, bạn cũng như thù, đã chết hoặc còn sống, đã viết lại hồi ký, những tập hồ sơ mật được khai mở, người ta vẫn chưa

giải thích được tại sao cơ quan điệp báo đồng minh ở Luân Đôn gồm những bộ óc điều khiển kỳ tài và những nhân viên sáng nước, lại có thể lầm lẫn một cách tai hại đến thế...

Về phía Đức, linh hồn của sự thành công là một quân nhân chuyên nghiệp, đại tá H.J Jiskes, chỉ huy phòng Nhì tại tỉnh La Haye (The Hague – Hòa Lan). Gích lập kế bắt sống được một điệp viên đồng minh, người Hòa Lan, tên Lô (Hubertus Lauwers) cùng với điện đài còn nguyên vẹn. Với Lô và điện đài này, đại tá Gích đã gây ra một chuỗi thất bại đầy nước mắt và máu cho S.O.E (Special Operations Executive), do cố thủ tướng Sợc-sin thành lập tại Luân Đôn năm 1940, với nhiệm vụ điều khiển mọi hoạt động bí mật của đồng minh trong các quốc gia Âu châu bị Đức tạm chiếm.

Chi tiết đáng kể trong giai thoại này là ngay sau khi bị cầm tù, bị cưỡng bách làm việc cho Phòng Nhì địch, điệp viên Lô đã thông báo cho Luân Đôn biết. Và chẳng hiểu sao Luân Đôn nhắm mắt làm ngơ. Và cũng chẳng hiểu sao đại tá Gích không hề ngờ vực Lô... Thế mới biết con người, dầu là con người siêu đẳng, vô cùng khôn ngoan, vô cùng sáng suốt, vô cùng hữu hiệu, thì bao giờ cũng vẫn là con người, con người với tất cả những khuyết điểm cố hữu...

I.

Tháng 5-1943, điệp viên mặt ma Giang Ri-bích nhảy dù xuống lãnh thổ tạm chiếm Hòa Lan. Chàng đã đến nơi

an toàn. Nhưng trước đó 2 tháng, một điệp viên khác của đồng minh lại không gặp may như chàng.

Điệp viên này là Đua--lin (Pieter Dourlein), cựu thủy thủ, trong hải quân hoàng gia Hòa Lan, được xung vào phần vụ hành động của S.O.E. Đêm tháng 3--1943 ấy, chàng vừa nhảy dù xuống thì bị vướng lủng lẳng vào cành cây. Chàng loay hoay hồi lâu mới cắt được dây dù, rồi đánh đu trèo xuống. Chàng ưỡn ngực thở một hơi dài để tự thưởng công, Tuy trời mát lạnh, chàng vẫn đổ đầy mồ hôi. Chàng thầm nghĩ “Số mình hên, nếu không mình treo tòng teng như này, Phán gián địch mà nhìn thấy, và mình tiêu đời”.

Chàng định ninh mình gặp số đỏ. Chàng không dè dấy là số đen. Không những số đen cho riêng chàng, mà còn là

số đen cho các chiến hữu của chàng, và cho cả sở S.O.E. ở Luân Đôn nữa. Nhưng khi ấy, chàng cảm thấy hân hoan. Trên tầng cao, chiếc máy bay chở chàng qua biển đến Hòa Lan đã quay mũi, thả một mạch về Anh quốc. Chàng được thả xuống với 2 chiến hữu Hòa Lan khác và 14 thùng chất nổ đầy ắp.

Cách chàng một quãng ngắn, chàng vừa thấy ánh đèn bấm tắt cháy, cháy tắt làm hiệu. Đúng với mật hiệu liên lạc. Tuy nhiên, chàng vẫn nằm trong bụi rậm, tay rút sẵn khẩu súng lục. Hai bóng đen lặng lẽ bước tới. Đèn pin lại được bật sáng. Rồi tắt ngúm. Rồi có tiếng gọi nhỏ, vừa đủ nghe:

– Pôn, Pôn (Paul) ở đâu?

Pôn là mật danh của Đua-lin. Trung ương S.O.E. đã đánh điện báo tin cho

quân kháng chiến địa phương biết ngày giờ Đua-lin đến nơi, với mật danh là Pôn. Chàng mỉm cười, cất súng vào túi, từ bụi rậm bước nhanh ra. Một bóng đen chìa tay, giọng thân mật:

– Chào bạn Pôn. Kháng chiến Hòa-Lan hân hạnh được đón tiếp các bạn.

Hai bạn¹⁶ dù của Đua-lin chờ sẵn gần bìa rừng với toán kháng chiến quân gồm khoảng một tiểu đội. Như thế xa nhau lâu ngày mới gặp mặt, mọi người xà lại, trò chuyện thân mật, người nhắc tới đời sống cơ cực ở Hòa lan, kẻ thềm ước bầu không khí tự do bên Anh cát lợi. Riêng đối với Đua-lin chàng rời Luân Đôn tự do qua Hòa Lan chiếm đóng mà lòng vui sướng vì chàng có dịp đoàn viên với đồng bào và thân bằng quyến thuộc.

¹⁶ Hai bạn đồng hành của Đua-lin là Arnold Arendsen và Pieter Bogaart.

Mọi người lần lượt ra khỏi rừng. Trưởng ban tiếp đón yêu cầu 3 nhân viên S.O.E. đưa vũ khí cho y cất Đua-lin ra sau lưng. Trước khi chàng có hành động đối phó, tên trưởng ban tiếp đón đã dí họng súng lạnh ngắt vào hông chàng, và một tên khác chụp cái mớ-nốt sáng loáng khóa cứng cườm tay chàng lại.

Té ra ban tiếp đón này là kháng chiến quân giả hiệu. Đua-lin sợ cứng người khi thấy một toán quân nhân Đức từ sau bụi cây đen ngòm chạy ra. Hai bạn dù đồng hành của chàng cũng đã bị còng tay như chàng. Chàng quay tại đám người Hòa Lan, nhổ nước bọt, khinh bỉ:

– Các anh không xứng đáng là công dân Hòa Lan. Rõ đồ phản quốc, làm chó săn cho giặc.

Không ai trả lời chàng. Ba tù binh bị

kéo ra đường lớn, xe hơi bít bùng đậu thành một hàng dài. Một người đàn ông ngồi trong xe sau cùng ngoắt tay hiệu. Đoàn xe phóng thẳng về trụ sở Phòng Nhì trong cái hơi lạnh teng teng gần sáng của đồng quê Hòa Lan.

Người đàn ông kín tiếng này là thiếu tá Gích, chỉ huy trưởng Phản gián Đức tại Hòa Lan và Bỉ...

II.

Như mọi lần, thiếu tá Gích mỉm nụ cười đắc thắng. Lại một điệp viên đồng minh khác sa lưới. Từ trước đến nay Gích mỉm cười như vậy một cách nhàm chán. Tình báo Anh thả hàng đồng điệp viên xuống Hòa Lan. Họ không thể ngờ rằng Gích đã đích thân lựa chọn ngày giờ

và địa điểm thả dù cho từng vụ. Và mỗi lần điệp viên đồng minh nhảy xuống là thiếu tá Gích đều có mặt với một cười đắc thắng quen thuộc.

Sự thành công của Gích là một phần của kế hoạch phản gián được đặt tên là điệp vụ Bắc cực¹⁷, Một thời gian ngắn sau khi chiếm đóng toàn cõi Âu châu, Đức quốc xã bắt đầu bắn khoản về triển vọng một cuộc đổ bộ của đồng minh. Năm 1940, Hít-le gác bỏ chiến dịch "Sư tử biển"¹⁸ nhằm tung hải quân xâm lăng Anh cát lợi, do đó bộ tổng tư lệnh Đức càng thêm bắn khoản. Họ muốn biết nếu đồng minh đổ bộ lên lục địa thì họ sẽ đổ bộ ở đâu trước tiên? Kế hoạch Bắc Cực được hình thành để giải đáp mọi mối bắn khoản của bộ tổng tư lệnh quốc xã.

17 Opération Pôle Nord, Operation North Polo. Người Đức gọi là England-Spiel (Spiel là trò chơi)...

18 Còn gọi là Hải Sư, Lion de mer, Operation Sea Lion...

Trong khuôn khổ của kế hoạch phản gián này, Gích đã thành công quá dễ dàng. Điều ông không dè là buổi sáng tháng 3-1943 ấy là tù nhân Đua-lin vừa bị Phòng Nhì chặn bắt không giống như những tù nhân khác. Dầu muốn dầu không, Gích và Đua-lin đã trở thành hai chứng nhân lịch sử hàng đầu. Gích là người tạo ra kế hoạch Bắc Cực, và Đua-lin là người phá hỏng kế hoạch Bắc Cực...

Thật ra kế hoạch Bắc Cực là một kế hoạch đặt ra để lừa tóm sống các điệp viên đồng minh, nó chẳng có liên hệ nào với vùng Bắc cực lạnh giá. Giới quân sự cao cấp Đức gọi nó là «tấn trò Anh cát lợi».

Trong vòng một năm rưỡi bùng tai bịt mắt tình báo Anh, thiếu tá Gích đã tỏ ra khôn khéo đến nỗi Luân Đôn tin tưởng, và thả dù hơn 50 điệp viên xuống

Hòa Lan, để rồi... đi thẳng vào khám đường. Các điệp viên này được gửi đến gia nhập một đạo quân kháng chiến bí mật... tưởng tượng mà Gích là tác giả. Và tuy Gích không chủ trương nhưng hầu hết các điệp viên bị bắt đều thiệt mạng một cách thảm thương.

Gích lại phỉnh gạt tình báo đồng minh thả xuống hàng chục tấn vũ khí và đạn dược cho đạo quân ma này. Gích tung tay sai, lũng đoạn nội bộ kháng chiến trên toàn lục địa. Gích còn lừa phi cơ hoàng gia Anh vào những ổ phục kích rồi bất ngờ bắn hạ.

Thiếu tá Gích được chuyển từ Ba Lê tới Hòa Lan vào mùa hạ năm 1941. Trước đó tại Pháp, ông đã góp phần vào việc khám phá và tiêu diệt một hệ thống gián điệp liên hệ đến một số viên chức sứ quán Hoa Kỳ giữa lúc Hoa Kỳ còn duy

trì thái độ trung lập trước cuộc chiến. Gích đình ninh Hòa Lan buồn tẻ, không có việc gì để làm. Và hắn đã làm...

Thiếu tá Gích không phải là đảng viên đảng Quốc Xã. Ông ta chỉ trung thành với nước Đức, và dĩ nhiên với sở quân báo Đức khi ấy do đô đốc Canari (Canaris) chỉ huy. Sau này Canari bị đảng Quốc xã hành quyết. Canari cũng ghét đảng Quốc xã như thiếu tá Gích. Gích hoạt động một cách hăng say và đặc lực, vì ông hiểu rằng trong trường hợp các quân nhân chuyên nghiệp như ông thất bại, bọn đảng viên quốc xã sẽ lấy cớ giành quyền điều khiển toàn bộ các cơ quan an ninh điệp báo.

Thoạt đầu, tình hình ở Hòa Lan chẳng có gì đáng nói. Hai điệp viên Anh bị bại lộ và bị bắt. Ban kiểm thính của thiếu tá Gích báo cáo là hệ thống liên lạc

giữa Luân Đôn và kháng chiến quân Hòa Lan bằng vô tuyến đã bị gián đoạn.

Gích tin cậy ban kiểm thính nên ông không để ý khi Kup (Willy Kup) thuộc viên của ông báo cáo là một điệp viên đồng minh vẫn tiếp tục hoạt động tự do và vẫn tiếp tục đánh điện về Luân Đôn. Thiếu tá Gích đọc hết tờ trình, lắc đầu rồi lấy bút phê bằng những lời rí rỏm như sau “anh mang chuyện này lên Bắc Cực mà kể”.

Kúp lặng lẽ tìm kiếm. Mật báo viên của y xác nhận một lần nữa, y bèn gõ cửa phòng thiếu tá Gích với bản báo cáo mới. Bản này mang tựa đề “Về vụ Bắc Cực”. Hàng chữ “Về vụ Bắc Cực” không làm thiếu tá Gích tức giận. Trái lại, ông mỉm cười và khoan dung.

Ông vốn là người khoan dung và bình

dân với thuộc cấp. Đặt tên kế hoạch này là Bắc Cực, được lắm, ông sẽ dùng danh từ Bắc Cực. Thành thử mấy tiếng phê bình trào lộng nghiêm nhiên trở thành một kế hoạch phản gián nghiêm chỉnh và quan trọng. Và thực tế đã chứng tỏ ban kiểm thính của thiếu tá Gích sai bét.

Số là cuối năm 1941 Luân Đôn mớ nổi với nhiều điệp viên ở Hòa Lan, ra lệnh cho họ hoạt động mạnh mẽ. Những điệp viên này gồm 2 thành phần: một số chưa từng ra khỏi Hòa Lan, và một số đã qua Luân Đôn tham dự khóa huấn luyện rồi được thả dù xuống quê hương.

Một tiểu tổ điệp báo – Mật danh của tiểu tổ này là Ebenezer – được đặt dưới quyền điều khiển của trung úy Lô, người mang hai quốc tịch Anh, Hòa. Trung úy Lô trạc 25-26 tuổi, người cao, đeo kính cận thị, tướng mạo không có nét nào đặc

sắc. Lô từng kinh doanh tại Tân gia ba trước ngày đảo này bị Nhật chiếm đóng.

Cùng hoạt động điện đài với trung úy Lô là Tacôni (Thijs Taconis). Cặp bài trùng Lô và Tacôni ngụy trang tài tình, song không qua mặt được thiếu tá Gích. Ông sử dụng những dụng cụ tầm đài tinh vi gắn trên xe hơi di chuyển thường trực, ông đã phăng ra nơi trung úy Lô phát tín hiệu. Đó là một phòng bin-đinh¹⁹ ở gần trung tâm thành phố. Sau nhiều ngày nghe ngóng, phân tích, thiếu tá Gích đã nắm được phương pháp chuyển mật điện và thời khóa biểu liên lạc với điệp viên đồng minh.

Công an Phản gián quốc xã lạng lẽ vây kín chung cư. Nhác thấy nhiều xe hơi đen khả nghi đậu dưới đường, Lô vội đóng điện đài và tìm lối tẩu thoát. Lô mới

¹⁹ Nằm trên đường Fahrenheitstraat, thị trấn La Haye.

rời bin-đinh được mấy bước thì công an Đức từ dãy xe đen vọt ra, chĩa súng bắt giờ tay. Khi bị sa lưới, trung úy Lô còn giấu trong túi 3 bức mật điện chưa kịp chuyển đi.

Chủ nhân²⁰ cho trung úy Lô tá túc nhét điện đài trong va-li rồi ném qua cửa sổ xuống sân. Định mạng éo le đã khiến cái va-li mắc kẹt giữa hai hàng dây thép phơi quần áo, và nó cứ lắc lư không chịu rớt. Nếu nó rơi xuống nền gạch, chắc chắn điện đài bị vỡ nát và «tấn trò Anh cát lợi» đã không được phát động. Thiếu tá Gích đứng ở góc sân nhìn thấy cái va-li điện đài, và một ý kiến đã chớp qua óc ông.

Người Anh không biết điệp viên Lô và Tacôni bị bắt. Với điện đài còn nguyên vẹn, ông có thể chuyển các tin

²⁰ Người chủ nhân căn nhà này là Teller.

tức láo khoét qua Luân Đôn. Mưu kế này không mới lạ trong ngành phản gián, và lại thành công cũng không dễ chút nào, vì bất cứ sở điệp báo nào cũng dạy điệp viên một số thể thức ngấm báo khi bị địch bắt. Muốn thành công, phải chiêu dụ kỳ được trung úy Lô...

III.

Trung úy Lô được giam tại khám đường gần đấy. Nhân viên thẩm vấn đối xử một cách đàng hoàng, hầu như lịch sự nên chàng hết sức ngạc nhiên. Chàng đã nghe nói nhiều đến những hành động dã man tột độ trong nhà giam quốc xã. Bởi vậy, chàng hồi hộp lo lắng sau 8 ngày bình yên vô sự.

Ngày thứ 9, chàng được dẫn lên văn

phòng thiếu tá Gích. Gích hỏi chàng có bị hành hạ không, chàng đáp không và cảm ơn, Gích bèn đốt cho chàng điều thuốc lá thơm, rồi lên tiếng phàn nàn về việc đồng minh lén lút thả khí giới và chất nổ xuống Hòa Lan. Gích lập luận rằng sự võ trang này chỉ mang lại những tổn thất thê thảm cho dân chúng vô tội, dầu đồng minh cung cấp thật nhiều khí giới cũng chỉ võ trang được một số ít người có điều kiện chiến đấu, và lực lượng nhân dân võ trang không thể đương đầu lại với quân đội cơ giới quốc xã. Không riêng gì quân đội chiếm đóng Đức, quân đội chiếm đóng của bất cứ nước nào cũng áp dụng biện pháp trả đũa đại qui mô khi bị phục kích, phá hoại, cho nên Gích nghĩ rằng sự võ trang của đồng minh sẽ làm Hòa Lan đắm chìm trong tang tóc.

Gích trình bày vấn đề rất khéo nên trung úy Lô khó phản đối. Vả lại, mới mấy ngày trước, không quân Đức oanh tạc tan tành thị trấn Rốt-te-đam, khiến cho hàng chục ngàn thường dân bị thương vong. So sánh với tình trạng ấy thì vài ba cái điện đài, năm bảy thùng thuốc nổ của đồng minh thả xuống Hòa Lan chẳng có nghĩa gì...

Hơn nữa Gích lại hứa không xử bắn Lô và Tacôni. Chỉ cần Lô chuyển 3 bức điện chàng cất trong túi. Dĩ nhiên ai chả muốn sống, Gích tỏ ra thành thật, đánh 3 bức điện cũng không có gì tai hại nên Lô nhận lời. Gích còn nói thêm:

– Tôi có thể sai thuộc viên của tôi đánh 3 bức điện. Như vậy an toàn hơn. Nhưng trong trường hợp này tôi khó có thể trình thượng cấp là anh đã hợp tác với tôi và khó miễn hành hình anh và

bạn anh. Giữa quân nhân với nhau, tôi xin khen ngợi tinh thần can đảm và hy sinh của anh. Nhưng nếu ở vào địa vị của anh, tôi cũng chẳng dại mà chết. Vì là chết uống..

Trong 3 bức mật điện, có một bức báo cáo về nơi một tàu chiến Đức cập bến. Gích cho phép trung úy Lô đánh toàn vẹn, không sửa đổi một chữ. Luân Đôn tiếp nhận cả 3 bức điện, và phúc đáp yêu cầu Lô tìm địa điểm thuận lợi cho điệp viên mang bí danh là A-bo (Abor) nhảy xuống Hòa Lan.

Thiếu tá Gích liền chọn địa điểm, giờ giấc và nhờ trung úy Lô liên lạc với trung ương S.O.E. Lần này Lô từ chối. Lô nói là lương tâm chàng không cho phép chàng lừa bạn đồng ngũ vào chỗ chết. Gích khẳng định là những điệp viên Bắc Cực bị bắt sẽ chỉ ngồi tù chứ không bị

giết. Còn nếu chàng cương quyết từ chối thì...

Lô không còn lối thoát nào khác. Thiếu tá Gích lại có vẻ đàng hoàng. Trên thực tế, Gích không hề lừa Lô. Ông đã khẩn khoản yêu cầu bộ chỉ huy Mật vụ ở Bá linh cam kết tha mạng sống cho các điệp viên Bắc Cực, và họ đã đồng ý. Tuy nhiên, trùm mật vụ Him-le đã nuốt lời hứa một cách trắng trợn. Nhưng đó là việc sau, Khi ấy trung úy Lô còn đặt niềm tin vào mật vụ quốc xã.

Chàng nhận lời chuyển bức điện của Gích về Luân Đôn. Như mọi lần bức điện được ký tên chàng. Chuyên viên quốc xã vây quanh điện đài trong khi chàng đánh điện, chàng chỉ ho he là họ chặn lại. Và buổi “hợp tác” đầu tiên này đã diễn ra như Gích dự tính.

Tại sao trung úy Lô chịu hợp tác với thiếu tá Gích? Lô là một thanh niên can đảm và khôn ngoan. Các điệp viên Bắc Cực chết hầu hết, Lô ở trong số rất ít người còn sống sót. Chàng đã giải thích hành động của chàng. Và chính phủ Hòa lan cũng đã bạch hóa hồ sơ về chàng. Nói cách khác, sau khi hòa bình lập lại, chính phủ Hòa Lan đã công nhận trung úy Lô không có hành động phản quốc.

Tại sao?

Vì ngay từ bức mật điện thứ nhất trung úy Lô đã ngấm báo cho Luân Đôn là chàng bị địch bắt. Thể thức ngấm báo này rất giản dị. Khi đánh điện, chàng chỉ cần cố tình bỏ quên an tự. Bất cứ điệp viên đồng minh nào hoạt động trên lục địa cũng được lệnh mỗi khi điện về phải đánh an tự kèm theo, ở vị trí đã định sẵn trên bức điện. An tự (Security check)

của trung úy Lô là cứ 16 chữ phải cố ý sai một chữ. Nếu bức điện thiếu an tự thì là bức điện giả.

Chuyển những bức điện do thiếu tá Gích đọc về Luân Đôn, Lô tin chắc trung ương S.O.E. sẽ khám phá ra sự giả mạo. Và kết quả là điệp viên của đồng minh sẽ không được gửi qua Hòa Lan.

Nhưng điệp viên Abo vẫn được thả dù xuống đúng giờ giấc và địa điểm được ghi trong bức điện. Và đương nhiên là Abo đút đầu vào cạm bẫy quốc xã như mấy chục điệp viên đồng minh bất hạnh khác. Một người Hòa Lan làm việc cho phản gián Đức vui vẻ tiếp đón Abo, trò chuyện huyền thuyên với Abo suốt trong 2 tiếng đồng hồ. Sau khi Abo đã nói chán chê, nhân viên Đức mới xuất hiện, tổng lên xe, và giải về xà lim.

Trung úy Lô giựt mình sững sờ khi được biết Abo bị tóm. Thì ra Luân Đôn chẳng chịu hiểu gì cả. Lần sau, chàng lại bỏ quên an tự, và không những thế chàng còn nhét thêm những chữ đề cao cảnh giác nữa.

Đầu năm 1942, kháng chiến Hòa Lan đang ở thời kỳ tổ chức chập chững nên đồng minh chia họ thành nhiều tiểu tổ riêng biệt, không ai biết ai hầu để bảo vệ bí mật. Chính vì sự phân ngăn này phản gián Đức thâm nhập ngon ơ.

Một nhân viên điện đài đồng minh ngã nhâm giếng đá và thiệt mạng. Một nhân viên khác hỏng điện đài khi nhảy xuống. Luân Đôn yêu cầu Lô đến tận chỗ xảy ra tai nạn. Thiếu tá Gích đã thay mặt Lô tới nơi, và tóm được nhân viên còn sống tên là Jót-đan (Hendrick Jordaan). Gích bắt Jót-đan điện về Luân Đôn. Thế

là Gích có được 2 điện đài do 2 điệp viên đồng minh phụ trách. Và thế là kế hoạch Bắc Cực đã bành trướng mạnh mẽ...

Nhiều điệp viên đồng minh được thả xuống Hòa Lan để rồi được gặp Phản gián Đức đội lốt kháng chiến tiếp đón trọng hậu, moi móc tin tức trước khi bị còng tay. Thời kỳ cực thịnh của kế hoạch Bắc Cực, Gích có dưới tay 6 vô tuyến điện viên đảm trách 14 điện đài liên lạc riêng biệt với Luân Đôn. Trung ương S.O.E. định ninh mỗi điện đài là một đường dây tình báo của kháng chiến, dưới quyền điều khiển của những điệp viên từ Luân Đôn tới. Phi cơ đồng minh thả hơn 150 lần tiếp tế gồm khí giới, đạn dược, chất nổ và lương thực. Tất cả những thứ này đều được chở cam-nhông về kho Phản gián Đức.

Đạo quân kháng chiến Hòa Lan do đồng minh nuôi dưỡng, thế tất phải thu hoạch được thành tích đáng kể, thiếu tá Gích đã nghĩ đến điều ấy nên thỉnh thoảng ông gửi qua Luân Đôn những báo cáo tốt đẹp về hoạt động phá hoại hậu địch. Các sĩ quan cao cấp Anh – Hòa tại trung ương S.O.E, đã tỏ ra hài lòng. Người Anh muốn biết rõ thêm về tình hình các hải cảng, đồng thời yêu cầu gia tăng công tác làm nổ các bến tàu. Thiếu tá Gích tức thời tiến hành một vụ phá hoại bịp. Với sự phụ lực của không quân, ông cho chở dọc sông Ranh (Rhin, Rhine) về Đức một con thuyền cũ che bạt kín mít, với những bộ phận máy bay hư lộ ra ngoài, tạo cảm tưởng đây là tàu chở phi cơ chiến đấu mới lắp ráp. Tàu chạy đến cảng Rốt-te-đam, giữa giờ ăn trưa thì bị giạt bom, đứt ra làm đôi và chìm nghiêng. Người Hòa Lan đứng đông ng-

hệt trên bến, chỉ trỏ, cười nói thích thú. Gích đoán chắc trong đám đông có mật báo viên S.O.E., và mật báo viên này sẽ không quên điện về Luân Đôn thuật lại thành tích của kháng chiến quân, Gích cũng gửi một phúc trình dài, và được khen ngợi.

Tháng 6-1942, Luân Đôn hạ lệnh cho kháng chiến quân phá nổ đài bá âm Kút-uyt (Kootwijk) trên bờ biển Hòa Lan. Thiếu tá Gích bèn thảo kế hoạch, xin sự đồng ý chi tiết của Luân Đôn. Sau đó, ông nói là cuộc đột kích sẽ do Tacôni chỉ huy. Luân Đôn chấp thuận. Tội nghiệp.. họ không thể ngờ lúc ấy Tacôni đang nằm khàn trong nhà lao quốc xã...

Rồi Luân Đôn nhận được một bức điện ngắn ngủi. Bức điện cho biết cuộc tấn công đã diễn ra theo dự tính, tuy nhiên, toán kháng chiến quân bị vào bãi

mình nên phải rút lui sau trận độ súng ác liệt với binh sĩ Đức. Ba kháng chiến quân hy sinh. Tacôni vẫn còn sống.

Trung ương S.O.E. gửi lời chia buồn và ủy lạo, đồng thời loan tin Tacôni sẽ được gắn huy chương về tinh thần chiến đấu dũng cảm trong cuộc đột kích. Thật buồn cười vì Tacôni là người duy nhất từ xưa đến nay được thưởng mề-đay Anh cát lợi về một cuộc tấn công chỉ có trong trí tưởng tượng của Phán gián Đức.

Mặc dầu phỉnh gạt được Luân Đôn dễ dàng, thiếu tá Gích cũng chưa được yên tâm. Vì nhiều lần trung ương S.O.E. yêu cầu một số điệp viên đích thân trở về Luân Đôn báo cáo. Họ còn cho Gích biết tường tận lộ trình bí mật nhưng an toàn qua Tây ban Nha khi ấy là quốc gia trung lập, và các điệp viên được triệu hồi sẽ xử dụng con đường này. Gích không

thể từ chối. Song ông cũng không thể rên rang được mãi, sợ Luân Đôn ngờ vực. Ông tìm cách trì hoãn với những lý do xác đáng, nhưng đến một lúc nào đó thì những lý do xác đáng cũng trở thành không xác đáng nữa.

Gích liền nghĩ ra một mưu kế thần tình. Mưu kế này được thực hiện cách xa trụ sở Phán gián²¹ Đức gần một ngàn cây số trên vùng núi Py-rê-nê ngập nắng vàng, biên giới thiên nhiên giữa Pháp và Tây ban nha.

Đường dây của đồng minh gồm nhiều người, phụ trách từng chặng rải rác từ Hòa Lan xuống đến phía nam nước Pháp, và nhân viên phụ trách đoạn đường vượt biên cuối cùng là một bác tài xế cam-nhông. Gích bố trí cho 3 nhân

²¹ Trụ sở của thiếu tá Gích tọa lạc ở Scheveningen - Hòa Lan.

viên Phản gián Đức đội lốt nhân viên kháng chiến Hòa Lan đến gặp bác tài xế để xin được dẫn qua biên giới. Một trong 3 nhân viên Đức nói tiếng Pháp, song là tiếng Pháp giọng Đức, nếu bác tài xế có nhiều kinh nghiệm tất đã hoài nghi. Nhưng bác tài xế không hề hoài nghi, bác vui vẻ vì bác lại có thêm dịp đóng góp vào phong trào kháng chiến giấu 3 hành khách ở sau xe, trong đồng thùng gỗ đựng cam. Chiếc cam-nhông trèo đèo, sửa soạn vượt biên. Nhưng lính Đức chặn lại. Bác tài xế vội thắng xe, kêu báo động 3 hành khách, đoạn băng mình qua núi chạy trốn. Ngoảnh lại, bác nhìn thấy 3 hành khách kháng chiến bị lính Đức lôi từ sau xe ra và dí súng bắt giờ tay. Bác trở về thuật lại với tiểu tổ kháng chiến địa phương và tiểu tổ này đánh điện báo tin về Luân Đôn.

Trung ương S.O.E. nghĩ rằng đường dây vượt biên qua Py-rê-nê đã bị lộ nên tạm gác chuyện triệu hồi điệp viên tại Hòa Lan. Trong khi ấy thiếu tá Gích ung dung ngồi uống cà phê tại trụ sở Phản gián.

Lừa đồng minh thả khí giới, chất nổ, điệp viên xuống đất Hòa Lan chưa đủ, Gích còn chờ phi cơ đồng minh trên đường về để phục kích bắn hạ. Gích biết rõ đường bay của phi cơ đồng minh nên việc phục kích này chẳng có gì là khó khăn. Và 12 máy bay đồng minh đã biệt tích trong các phi vụ tiếp tế cho bộ đội kháng chiến Hòa Lan.

Kế hoạch Bắc Cực đã thành công ngoài sự trù liệu của thiếu tá Gisch. Trong vòng một năm trời, khám đường quốc xã lần lượt nuốt gọn các điệp viên

S.O.E., bị thộp cổ ngay trước khi có thể hoạt động.

Nhưng có một điệp viên mà phản gián Đức không sao nốt nổi.

Điệp viên hóc búa này là Đua-lin.

IV.

Đua-lin mới 22 tuổi. Năm 1940, Đức xâm lăng Hòa lan, Đua-lin đang là một thủy thủ trên một diệt lôi hạm. Chàng cao và to ngang, bộ mã vạm vỡ, khỏe mạnh. Song khuôn mặt chàng gần như tầm thường, dường như chàng sinh ra chỉ để làm nghề cạo giấy, sáng vác ô đi, tối vác về, không thích nổi trôi, sóng gió. Ấy thế chàng lại là con người ham hoạt động, ham hiểm nguy, và gan lì... tướng quân mới lạ...

Cuộc sống trong quân ngũ của Đua-lin chỉ vắn vẹn có 18 giờ đồng hồ. Thủy thủ Đua-lin vừa lên tàu thì không quân Đức bay lượn trên chiếc diệt lôi hạm bé bỏng chạy gần bến Rốt-te-đam và ném bom cho đến khi chìm nghỉm. Mấy ngày sau, Hòa Lan đầu hàng, và Đua-lin được giải ngũ.

Chàng không thể sống trong vùng địch tạm chiếm, tính tình chàng ưa độc lập, tự do, hơn nữa chàng lại có lần nổi máu anh hùng đánh rừ xương một người Hòa Lan theo đảng Quốc xã làm xếp cảnh sát cho quân đội Đức. Cùng một anh bạn, Đua-lin đánh cắp xuống máy, tìm cách né tránh phi cơ, và hải quân tuần tiểu Đức, vượt biển sang Anh, tại đó chàng gia nhập Không quân Hòa lan tự do. Nhưng hải quân Hòa Lan Tự do cũng đang cần thủy thủ, nên chẳng bao

lâu chàng được đưa xuống một diệt lôi hạm. Chàng tham chiến tại Địa trung hải và được ân thưởng huy chương. Chàng không mấy tha thiết với hải quân, do đó nhân dịp về Luân Đôn nghỉ phép chàng lại mấy mò xin quay lại không quân.

Rồi tình cờ chàng được giới thiệu theo lớp huấn luyện của S.O.E. Sau khi tốt nghiệp, Đua-lin về nước với nhiệm vụ móc nối với kháng chiến. Nhưng chỉ sau khi chàng rời khỏi chiếc oanh tạc cơ Ha-li-fắc (Halifax) 4 tiếng đồng hồ, chàng đã bị giải đến nhà lao và bị một sĩ quan Phản gián Đức mặc thường phục thẩm vấn.

Đua-lin biết là hàng ngũ kháng chiến bị địch thâm nhập. Sự trà trộn này có tính cách đại qui mô, bằng chứng là chàng gặp lại hơn 40 điệp viên đồng minh vừa từ phi cơ nhảy xuống thì bị bắt. Sĩ quan

Đức thẩm vấn chàng hiểu biết cặn kẽ về nội tình kháng chiến đến nỗi chàng cảm thấy hoang mang một cách ngớ ngẩn.

Cũng may Đua-lin không phải là người thiếu nghị lực và can trường. Chàng chỉ hoang mang một thời gian ngắn. Chàng nhận thấy địch quân đã làm ung thối kháng chiến. Chàng phải tìm mọi cách thông báo cho S.O.E.

Đua-lin bị giam chung với Bô-gát (Bogaart), một trong hai điệp viên cũng nhảy dù một lượt với chàng. Chàng bàn bạc với bạn, và hai người quyết định sẽ bàn bạc với các bạn đồng tù khác ở tầng dưới. Đua-lin biết các điệp viên Bắc Cực bị giam ở lầu nhì. Tầng dưới cũng có. Chàng chưa biết họ gồm những ai, song chàng có cảm tưởng là họ bị bắt từ lâu nên được nhiều tự do hơn chàng. Đua-lin và Bô-gát liên lạc mã tự với xà lim

tầng dưới bằng cách gõ vào ống lò sưởi chạy luôn qua trần bê tông.

Té ra tù nhân ở xà lim tầng dưới là thường dân bị Đức bắt giam làm con tin trong các cuộc khủng bố. Đua-lin và Bô-gát hỏi họ, vẫn bằng mã tự:

– Các bạn có liên lạc được với bên ngoài không?

Họ đáp «có». Đua-lin bèn đặt một câu hỏi táo bạo, gần như huyền hoặc:

– Chúng tôi muốn gửi qua Luân Đôn một báo cáo, các bạn chuyển giùm được không?

Đua-lin ngạc nhiên thật sự vì họ trả lời:

– May ra được.

Đua-lin nhờ chuyển một mật điện ngắn, nội dung như sau:

– "Hãy ngừng thả người và dụng cụ –stop – toàn thể điệp viên đều bị bắt và giam tại khám Haaren –stop – Đức đã biết hết kể cả mật mã – stop – Đua-lin và Bờlike (Bliker)".

Bờ-li-ke là bí danh của Bô-gát. Cả Đua-lin lẫn Bô-gát đều không hy vọng mấy vào khả năng của các tù nhân ở xà lim dưới. Nhưng khoảng hai tuần sau, xà lim dưới báo tin lên rằng bức mật điện đã được chuyển tận nơi và Luân Đôn phúc đáp như sau:

– "Đang tiến hành cuộc điều tra".

Bức mật điện của Đua-lin được mang đến tòa đại sứ Hòa Lan tự do tại Thụy Sĩ. Trung ương S.O.E. vẫn tiếp tục

nhận được những mật điện ký tên Đua-lin. Vậy mật điện từ sứ quán Hòa Lan tại Thụy Sĩ gửi về Luân Đôn cùng ký tên Đua-lin thật ra là của ai? Trong hai chữ ký, phải có một chữ ký là chữ ký giả. Nhưng đâu là giả, đâu là thật?

Dầu muốn dầu không, S.O.E. bắt buộc phải ngừng việc. Ngày 22-5, một điệp viên được thả xuống Hòa Lan do kháng chiến quân yêu cầu. Và đó là điệp viên cuối cùng. Đồng minh vẫn duy trì liên lạc điện đài, và thả dù dụng cụ nhưng không gửi điệp viên nữa. Nói cho đúng, điệp viên S.O.E. vẫn được thả xuống song với tư cách hoàn toàn biệt lập, không bắt liên lạc với kháng chiến như trước.

Trong khi đó, Đua-lin thảo kế hoạch trốn khỏi nhà giam. Chàng không dám cả quyết bức điện của chàng đã đến tay trung ương S.O.E. Chàng lại sợ nếu tình

hình kéo dài sẽ có nhiều điệp viên đồng minh mất thêm vào tay địch. Người Đức cam kết không hành quyết tù nhân, tuy vậy Đua-lin vẫn có ấn tượng lời hứa này không được tôn trọng.

Vì thế, khi được đổi xà lim chàng dò hỏi ngay thái độ của bạn đồng giam, và những người bạn ở phòng bên. Chỉ có một người bằng lòng trốn theo, tên là Benny (Benny tức là Jan Ubbink) cũng là thủy thủ như chàng. Đua-lin và Benny khoét lỗ trong tường ngăn xà lim, dưới chậu rửa mặt, hai người nằm ép trên sàn trò chuyện với nhau. Suốt nhiều tuần lễ, họ bàn bạc, sau cùng họ chấp thuận một kế hoạch thoát thân hết sức liêu lĩnh và mặc dầu có rất ít hy vọng thành tựu, họ cũng cứ tiến hành.

Cửa sổ xà lim mở ra sân được canh phòng vô cùng cẩn mật. Không thể ra

ngoài bằng lối này. Chỉ còn cách đào tẩu bằng cửa trước. Cửa trước gồm toàn những song sắt to tướng. Đua-lin nhớ đến một huấn luyện viên S.O.E. đã dặn chàng là chấn song sắt trong nhiều nhà lao thường cách quãng không đều, và đôi khi một người khéo uốn thân thể có thể chui lọt. Huấn luyện viên này nói:

– Thật đấy, không phải chơi đùa. Thoạt nhìn, các anh không thể nhận ra. Song sắt lớn, dựng sừng sững, cái nọ nối liền cái kia nên các anh có cảm giác là khoảng giữa hai song rất nhỏ. Các anh đừng vội thất vọng, hãy kiểm dây đo đằng hoàng, và tôi đảm bảo với các anh là nó chẳng nhỏ tí nào.

Đua-lin trèo lên ghế, đo khoảng cách chấn song trên cửa xà lim bằng sợi chỉ rút từ đệm giường. Rồi chàng tự đo bề dài của vai. Chàng cởi áo ra, chịu khó

nín thở và trầy xước một mảng da, chàng có thể luồn qua. Benny cũng vậy.

Cửa chấn song được bịt lại bằng tấm thép mắt cáo. Trong nhiều ngày, Đua-lin móc kéo những cây đinh ở chung quanh, rồi cắm hờ vào chỗ cũ. Theo dự tính, hai người sẽ trèo qua cửa xà lim, ra hành lang, chạy đến phòng vệ sinh công cộng ở góc, rồi thòng dây tuột xuống đất bên ngoài. Muốn chấm dứt an toàn, cần bện sợi dây dài chừng 10 mét. Đua-lin và Benny cắt vải bọc đệm rút từng sợi, kết thành dây, mỗi người làm phân nửa. Đêm thứ bảy và chủ nhật thường ít lính gác nên họ chọn đêm chủ nhật 29-8-1943 vì khoảng này không trăng.

Những người bạn cùng xà lim với Đua-lin khuyên chàng đừng bỏ trốn vì họ tin rằng chàng sẽ bị bắt và bị đem

bắn. Song ý Đua-lin đã quyết, không ai lay chuyển nổi.

Bữa ăn tối được mang tới, cửa xà lim đóng chặt và tên lính gác duy nhất ngoài hành lang đang đẩy xe chở thức ăn ra ngoài. Đây là giờ giấc thuận tiện nhất mà Đua-lin mong đợi từ lâu. Chàng vội cởi áo, tháo vút các cây đinh, nhin đầu lườn qua khe song sắt, nhảy nhẹ xuống nền hành lang. Benny thót xuống bên chàng. Lần đầu tiên, chàng mới biết mặt Benny, một thanh niên to lớn, tóc quăn khuôn mặt còn non choẹt song khá cương nghị.

Hai điệp viên bước nhanh về phía ba phòng vệ sinh công cộng. Họ núp luôn trong đó 6 tiếng đồng hồ, không dám cử động mạnh hoặc ho hen.

Họ gặp vận hên vì trước nửa đêm một trận bão nổi lên. Sấm sét rền trời,

họ có thể tự do hành động khỏi sợ bại lộ. Mưa lại đổ trút như xối. Hai điệp viên oằn mình chui qua chấn song sắt lần nữa rồi buộc sợi dây 10 mét vào cửa sổ, từ từ tuột xuống.

Họ bò qua một khoảng rộng 50 mét, bụng dán đất bùn. Nửa chừng họ phải nín thở, tim đập như trống trận vì một toán lính chiếu đèn bấm đi tuần qua. Ra đến hàng rào kẽm gai, họ lại hút chết một phen nữa: một tên lính Đức nện ủng lộp cộp trên nền xi măng, chỉ cách nơi Đua-lin núp một vài xả tay. Mưa bão tiếp tục hoành hành, tên lính gác phải chui vào trạm canh, hai điệp viên đồng minh liền trèo qua dây kẽm gai. Mấy phút sau, họ đã hòa mình vào đám cỏ cao ở bên kia đường, đối diện khám, thân thể mệt mỏi, ướt sũng và đầy vết thương.

Cuộc phiêu lưu tìm tự do của họ bắt đầu. Họ trải qua bao nguy hiểm mới thoát khỏi các quốc gia Âu châu bị Đức chiếm đóng và đến Thụy Sĩ, họ tường thuật mọi chuyện với tướng Tờ-rít (Van Tricht), tùy viên quân sự tòa đại sứ Hòa lan Tự do. Tướng Tờ-rít thở phào:

– Trời ơi, chúng tôi đoán phỏng là có gì trục trặc. Nhưng chỉ đoán phỏng mà thôi. Mãi đến bây giờ mới biết rõ.

Tướng Tờ-rít gửi cho trung ương S.O.E. ở Luân Đôn một bản mật điện dài báo cáo tự sự. Luân Đôn hạ lệnh cho hai điệp viên về trình diện ngay. Hai điệp viên vượt rặng núi An-pơ (Alpes), trở lại Pháp, và từ Pháp xuống Tây ban Nha theo lộ trình riêng an toàn do tòa đại sứ Hòa Lan hướng dẫn. Với sự yểm trợ của bộ đội kháng chiến — thứ thật 100% — họ đã băng qua rặng núi Py-rê-nê, ngày

1-12-1943 họ đến Tây ban Nha thì bàn chân họ sưng vù tưởng như muốn què.

Sứ quán Anh tại Tây ban Nha lo liệu việc chở họ sang Anh, nghĩa là họ được dùng phương tiện vận chuyển chính thức, vậy mà họ cũng phải chờ đỏ mắt những 2 tháng. Một oanh tạc cơ Anh chở Đua-lin và Benny đến một phi trường ở gần Luân Đôn.

Đua-lin không ngăn được sự sốt khi thấy kế hoạch Bắc Cực vẫn tiếp diễn. Chàng định ninh được S.O.E. đón tiếp nồng hậu, điều chàng không ngờ là những ngày đầu về Luân Đôn cũng làm lòng chàng buồn khổ như những ngày đầu sa lưới địch ở Hòa lan. Đành rằng chàng được đưa về ngụ trong ngôi nhà đầy đủ tiện nghi ở Luân Đôn, nhưng bên ngoài lại có lính gác, và chàng không được tự ý đi đâu. Chàng đã hy sinh tính

mạng hàng chục lần mới về được Luân Đôn báo cáo sự thật thê thảm các nhân vật điều khiển tình báo đồng minh, mà chàng bị coi là tù giam lỏng. Chàng yêu cầu giải thích thì người ta thoái thác này nọ.

Ba tuần sau ngày về Luân Đôn, Đua--lin phúc trình chi tiết với một viên thiếu tá tình báo Anh bên trong tòa nhà đồ sộ của bộ Ngoại giao. Mỗi bên chàng có một người lính quân cảnh đeo súng đứng kèm. Nghe xong, viên thiếu tá lạnh lùng phán:

– Chúng tôi không thể tin vụ trốn thoát của anh là thật. Đó là truyện tưởng tượng, không thể xảy ra. Hừ... anh chính là gián điệp của Đức.

Chao ôi, S.O.E. cho Đua-lin là gián điệp địch ư? Thật ra, họ không hẳn kết

tội chàng như vậy. Họ cũng đang hoang mang tốt độ. Có điều họ biết chắc là những hoạt động được báo cáo là tốt đẹp của họ ở Hòa Lan chẳng có gì là tốt đẹp. Họ đã bị địch phỉnh phờ cách nào? S.O.E. chưa tìm ra. Vả lại, cuộc đổ bộ khổng lồ lên lục địa đang được chuẩn bị ráo riết, họ không có thời giờ cứu xét tình trạng của Đua-lin. Thôi thì cứ cô lập Đua-lin ở một nơi rồi xử trí sau...

Kết quả là Đua-lin bị canh chừng đêm ngày. Và sau cùng chàng bị nhốt vào khám Bờ-rít-tơn (Brixton) lẫn lộn với thường phạm. Nhờ các sĩ quan Hòa Lan tự do can thiệp, chàng mới được phóng thích. Đua-lin đăng ký ngay vào không quân, binh chủng mà chàng vẫn thích, và được chọn làm xạ thủ. Trong những tuần lễ trước khi chiến tranh chấm dứt,

chàng được dịp nhìn thấy lại quê hương từ trên phi cơ oanh tạc.

Đua-lin vẫn không quên kế hoạch Bắc Cực. Nhưng khi chàng trở thành xạ thủ không quân thì kế hoạch này đã đến hồi chung cuộc. Điều đáng ghi nhận là không phải đồng minh đình chỉ các liên lạc. Kế hoạch Bắc Cực được chấm dứt bằng một bức thư của thiếu tá Gích.

Bức thư kỳ lạ này được gửi cho hai sĩ quan đặc trách phân bộ Hòa Lan, trung ương S.O.E., Luân Đôn (Trên nguyên tắc, phương danh các sĩ quan chỉ huy tình báo được giữ tuyệt đối bí mật). Nó được viết bằng lời lẽ lịch sự nhưng khô khan, tương tự như bức thư của nhà buôn này viết cho nhà buôn kia. Nó được chuyển trên làn sóng của 10 điện đài trong ngày 1-4-1944. Đó là vỏ đạn đing cho S.O.E.,

vì theo truyền thống của người phương Tây ngày 1-4 này thường được coi là ngày đùa bốn, tục gọi là "cá tháng tư".

Nội dung bức thư từ giã như sau:

– “Kính gửi các quý ông Bờ-lơn, Bing-ham (Blunt, Bingham and Co) và Công ty, Luân Đôn. Chúng tôi hiểu rằng quý ông đã cố gắng từ ít lâu để kinh doanh tại Hòa Lan mà không cần chúng tôi giúp đỡ. Chúng tôi rất lấy làm ân hận, chúng tôi lại càng ân hận hơn vì trong thời gian dài như vậy chúng tôi đã đại diện độc quyền cho quý ông tại Hòa Lan, và quý ông cũng như chúng tôi đều cảm thấy hài lòng.

Dẫu sao chúng tôi cũng xin đảm bảo là trong trường hợp quý ông nghĩ đến việc qua lục địa viếng thăm chúng tôi trên một quy mô rộng lớn. Chúng tôi sẽ

vẫn tiếp tục đối xử với nhân viên của quý ông như xưa, nghĩa là đối xử một cách nồng hậu.

Hy vọng được gặp quý ông”.

Đau ôi là đau! Đã phỉnh gạt cả năm trời lại vuốt đuôi bằng đá móc và xỏ ngọt nữa...

Hồ sơ Bắc Cực được đóng lại, sau thế chiến mới được mở ra. Một ủy ban Hạ viện Hòa Lan được thành lập để điều tra tại sao S.O.E. nổi danh năm châu về khả năng tình báo lại có thể nhầm mắt nhận bừa những bức điện thiếu an tុ tức là thiếu căn bản an ninh thiết yếu như họ từng giảng dạy cho điệp viên của họ. Dư luận ở Anh và Hòa Lan sôi lên sùng sục, mọi người đều bức bối và đòi tìm thủ phạm của vụ phản bội hầu trừng phạt đích đáng.

Ủy ban Hạ viện đã bác bỏ giả thuyết phản bội. Tuy nhiên, ủy ban không ngần ngại chỉ trích S.O.E. bằng những lời lẽ nặng nề. Ủy ban nhận định rằng S.O.E. đã chệnh mảng, không áp dụng những biện pháp được coi là sơ đẳng nhất trên địa hạt truyền tin mật mã. Cũng theo Ủy ban, những lầm lẫn của S.O.E. không phải do xét đoán thiếu chính xác, mà là do sự bất lực và ẩu tả, không chú trọng đến chi tiết.

Chính phủ Anh có vẻ gượng nhẹ hơn với S.O.E. (vì S.O.E. là con đẻ của Anh quốc). Sau một cuộc điều tra, chính phủ Anh cho biết rằng thảm trạng Bắc Cực là hậu quả của sự xét đoán thiếu chính xác, S.O.E. đã lưu tâm đến antu nhưng vẫn ra lệnh tiếp tục thả nhân viên xuống Hòa Lan vì suy luận rằng có lẽ điệp viên của họ trên đất địch còn non nớt, tinh

thần lại bị khủng hoảng nghiêm trọng nên... quên những bài học về an tự ở trường.

À ra thế... Trăm dâu đổ đầu tằm...

Tháng 2-1951, Đua-lin được mời đến hoàng gia ở Am-te-đam (Amsterdam) và được hoàng hậu Hòa Lan thưởng huy chương quân sự cao nhất về “lòng can đảm, sự trung thành và hành động trong thời chiến”. Ngày nay Đua-lin là kỹ sư bảo trì phi cơ trong hải quân Hòa Lan. Đua-lin sống thâm lặng tại một thị trấn nhỏ, bên cạnh 3 con và người vợ quốc tịch Anh mà chàng gặp hồi còn là xạ thủ trong những tháng cuối cùng của thế chiến. Láng giềng của chàng và những người bạn thụt bi-da với chàng không biết gì về thành tích kháng chiến của chàng. Thỉnh thoảng Đua-lin liên lạc thư từ với Benny, người bạn vượt ngục ngày

xưa, nay là đại diện hãng tàu tại Nam Phi.

Đối với thiếu tá Gích (sau trở thành đại tá), vụ Bắc Cực cũng lưu lại những kỷ niệm đáng nhớ. Sau đại chiến, Gích bị bắt giải sang Luân Đôn. Hầu hết (47 trong số 51) điệp viên Bắc Cực đều bị mật vụ quốc xã hạ sát. Một số không chịu nổi sự hành hạ trong trại giam đã cố ý chạy ra cổng khám để lính gác nổ súng giải phóng cho họ. Thiếu tá Gích không liên quan đến sự bội hứa này. Bởi vậy, ông được miễn tố.

Năm 1947, Gích lại phải ra tòa án Hòa Lan trả lời về tội phạm chiến tranh. Hồi này, dân chúng Hòa Lan đang ghét cay ghét đắng người Đức, vì những vết thương tàn bạo do binh sĩ Đức gây ra trên đất Hòa chưa được băng bó hết, cho nên nhiều người tiên đoán Gích bị

xử nặng. Nhưng trước khi luật sư của bị cáo lên tiếng biện hộ, tòa đã miễn tố cho Gích. Thái độ của nền tư pháp Hòa lan đã chứng tỏ một sự vô tư đáng ca ngợi, sở dĩ Gích được miễn tố vì tòa án cho rằng “tấn trò Anh cát lợi – England-spiel”, cũng giống tấn trò đánh phé, ai có tẩy tốt, ai bịp giỏi thì thắng. Tình báo S O.E. thua Phòng Nhì Đức là vì chơi phé tồi. Chỉ có thế thôi. Không khen Gích thì thôi, chứ kết án tù Gích là vô lý. Và Gích được trả tự do.

Còn trung úy Lô thì sao?

Lô còn lận đận hơn Đua-lin một bậc. Trở về Luân Đôn, chàng bị mọi người nghi ngờ, rẻ rúng. Nhưng ủy ban điều tra cũng như tòa án đã đồng ý là Lô hoàn toàn vô can. Trung úy Lô đã làm tròn nhiệm vụ. Khi bị địch bắt, chàng đã qua mắt địch, đánh điện báo tin cho

S.O.E. Nếu S.O.E. cứ tiếp tục thả dừ, nếu điệp viên S.O.E. tiếp tục bị bắt, bị giam, hàng ngũ kháng chiến Hòa Lan tiếp tục bị Phản gián địch tham nhập phá hoại thì đó là lỗi của người khác.

Được bạch hóa, trung úy Lô nhòa biến vào quên lãng. Cũng như đại tá Gích.

Cho đến năm 1953. Hai năm sau ngày Đua-lin được ân thưởng huy chương dũng cảm. Đại tá Gích ấn hành cuốn hồi ký với tựa đề “Luân Đôn gọi Bắc Cực”, thuật lại toàn bộ sự việc đã xảy ra. Điều độc giả ngạc nhiên là cuốn hồi ký của đại tá Gích được kết thúc bằng một chương giành cho trung úy Lô, giải thích tường tận về hành động của mình.....

TRUYỆN THỨ BẢY

Cuộc thanh trừng đẫm máu

Sau nhiều ngày tháng đồn đãi, phỏng đoán, bàn tán úp mở, cái chết của thống chế Lâm Bưu đã được Bắc kinh chính thức nhìn nhận. Lâm Bưu không phải là nhân vật thường mà là phó chủ tịch đảng Cộng sản Trung hoa, kiêm Bộ trưởng Quốc Phòng, và được Trung ương Đảng bầu làm lãnh tụ kế vị Mao trạch Đông.

Ngày 12-9-1971, Lâm Bưu đáp máy bay vượt biên giới toan trốn sang Liên Xô cùng vợ con và một số tướng lãnh thân cận nhưng đến Ngoại Mông thì tử nạn. Tin Bắc Kinh cho biết Bưu đi đôi với điện Cẩm Linh, mưu phá chính sách hòa hoãn với Mỹ của Mao, đồng thời bố trí đảo chính, lật đổ Mao. Ý đồ của Bưu bị lộ, Bưu tìm đường đào tẩu, tuy nhiên phi cơ của Bưu lọt vào ổ phục kích và bị bắn hạ.

Cho đến nay, màn bí mật chỉ mới hé mở phần nào nên người ta chưa thể biết rõ Bưu gặp nạn hay bị bắn hạ, Bưu có thật tâm bội phản hay Mao bịa tội để thanh trừng khi thấy ảnh hưởng của Bưu và của phe quân nhân công thần trong Đảng ngày một gia tăng, khả dĩ lấn át phe chính trị. Người ta cũng chưa thể xét đúng hay sai một nguồn tin về sự đúng

tay của tình báo Mỹ, Mỹ tung tài liệu giả, gây ly gián trong hàng ngũ Bắc Kinh khiến họ nghi ngờ nhau, loại trừ nhau, tiềm lực sút giảm, bắt buộc họ phải thủ hòa với Mỹ. Và sau khi Bưu chết, tổng thống Nixon đã qua thăm Bắc Kinh...

Lịch sử là sự tái diễn không ngừng... hơn 30 năm trước, nhà độc tài Sít ta Lin (mà Mao hằng hâm mộ) đã cho hành hình một loạt 8 thống chế của Hồng quân vì tội...phản bội. Về vụ này, người ta đã biết rõ ngọn ngành vì những tài liệu lịch sử đã được công bố.

Tám thống chế Nga chẳng hề phản bội. Chẳng qua họ là nạn nhân của cuộc chiến tranh điệp báo.

Và kẻ gây ra vụ thảm sát không tiền khoáng hậu này là một người Đức. Trùm mật vụ quốc xã Rein-hard Heydrich.

Mưu kế ly gián của Hêdrít có thể được coi là thành công nhất từ trước đến nay. Đáng tiếc Hêdrít là kẻ vô lương tâm chứ nếu y chịu tôn trọng “luật chơi” như đại tá Gích thì có lẽ hậu sinh không nhắc đến tên y với một sự ghê tởm. Nhưng ở đây chúng ta chỉ nhắc đến tài của Hêdrít, còn y có tài mà thiếu đức thì đó lại là việc khác...

I.

Dư luận trên khắp thế giới đều bàng hoàng, tưởng như đang mê ngủ. Tass, hãng thông tấn chính thức của Liên xô vừa loan một mẩu tin ngắn nhưng làm mọi người inh tai nhức óc hơn tiếng âm ầm của những trận mưa bom lớn nhất trong đại chiến thứ hai. Mẩu tin như sau:

“Tám tư lệnh quân sự cao cấp nhất Liên Xô bị Tòa kết án về tội phản quốc vừa bị xử bắn”. Đó mới là bước đầu. Trong những tháng kế tiếp khoảng 35.000 sĩ quan các cấp — nghĩa là một nửa tổng số sĩ quan Hồng quân xô viết — bị xét xử bí mật, đem ra hành hình, hoặc bị lưu đầy trên đất chết Tây bá Lợi á. Tội danh của họ: phản quốc. Và cuộc thanh trừng vì tội danh “phản quốc” này được coi là đẫm máu nhất và kỳ quặc nhất trong lịch sử thế giới từ cổ chí kim.

Điện Cẩm Linh không loan báo gì về các vụ xử, cũng như chi tiết của bản cáo trạng. Đùng một cái hàng chục, hàng trăm tướng lãnh chỉ huy bị cất chức và bị lôi ra pháp trường.

Hồi ấy là năm 1937, đại chiến thứ hai sửa soạn nổ bùng. Hồi ấy, những người ở bên kia hoặc bên này bức màn sắt đều

chịu phép, không tài nào khám phá ra tại sao Sít-ta-Lin lại cho hạ sát hàng loạt tướng lãnh. Có thật là phe quân nhân Nga phản quốc chăng?

Giờ đây, sự thật toàn diện đã được phơi bày. Một người Đức đứng sau cuộc thảm sát Sô-viết, ấy song y không tuyên bố với báo chí, sau này y cũng không viết hồi ký nên sự thật được bùng bít khá lâu. Y chưa từng đặt chân lên đất Nga, y cũng chưa từng bắn một viên đạn hoặc gài một trái bom ngầm, ấy thế mà y đã làm Hồng quân sô viết chìm ngập trong biển máu, hệ thống quân sự Sô viết bị lay chuyển đến tận gốc, mấy chục năm sau vẫn chưa bình phục.

Y đã làm gì?

Rất giản dị. Y áp dụng chiến thuật xưa như trái đất: chiến thuật ly gián. Y

phía ra một số tài liệu, dụ Sít-ta-Lin tin rằng các tướng lãnh Hồng quân bắt tay với Đức để lật đổ chế độ cộng sản sô viết. Bịa đặt như vậy đâu phải là dễ. Thế mà y đã thành công. Và là thành công vẻ vang...

II.

Dưới triều đại quốc xã Đức, Hít-le là ông trời. Để giữ vững uy quyền, Hít-le thiết lập màn lưới công an mật vụ trên toàn quốc, do các đảng viên quốc xã cao cấp nắm địa vị then chốt. Không riêng người lớn, con nít Đức nghe tiếng Giét-ta-pô cũng xanh máu mặt. Giét-ta-pô là mật vụ quốc xã, bắt người, đánh người, giết người như ngóe. Tuy nhiên Giét-ta-pô chỉ mới là một bộ phận của SD (Sicherheitsdienst) tức sở an ninh do

Hêđrít điều khiển, và sở An Ninh làm kinh hồn táng đờm này cũng chỉ mới là một bộ phận của RSHA (Reichssicherheitshauptamt), tức là Tổng Nha An ninh đặt dưới quyền tiền trạm hậu tẩu của ông trùng mật vụ Himle²².

Phần vụ của SD là khủng bố, phiến động và tình báo quân sự trên khắp thế giới, Giám đốc Hêđrít khét tiếng về sự tàn ác, sau này khi y lên đến tột đỉnh danh vọng và bị người ái quốc Tiệp ám sát chết tại Pra-ha. Y đã mang hỗn danh “đao phủ thủ”, và Quốc Xã báo thù cái chết của y bằng cách loại bỏ thị trấn Lidixơ (Lidice) ra khỏi bản đồ Âu châu.

Đức quốc là nơi sản xuất ra những kỳ tài điệp báo. Nếu hiện thời có đại tướng

22 Himmler. Nước Đức bại trận, Himle tự sát bằng độc dược khi bị đồng minh bắt giữ.

không mặt Gêlen²³ thì dưới thời thế chiến có những thủ lĩnh lỗi lạc như đô đốc Canari, đặc trách Phòng Nhì và Hêđrít. Về chuyên môn, Canari hơn Hêđrít xa. Về đức độ quân tử, Hêđrít chưa thể dính gót Canari. Nhưng về thủ đoạn, về mức độ hữu hiệu, “cứu cánh biện minh cho phương tiện” thì từ nửa thế kỷ nay — và cả trong thế kỷ 20 này nữa — thật khó tìm được ai bằng Hêđrít.

Nếu y sinh ra ở một xã hội tự do thì chẳng bao giờ y có thể trèo lên địa vị lớn lao như vậy. Vì đời y, tính tình y, khả năng y, tất cả chỉ thích hợp với chế độ độc tài sắt thép. Y có bàn tay đẹp, những ngón tay dài, thật dài, kéo vĩ cầm cũng giỏi mà ký tên vào lệnh tra tấn hoặc hành quyết người vô tội cũng giỏi không kém. Trí thông minh của y thuộc loại phi thường, 23 Tướng Reinhard Gehlen, hành tung của ông rất bí mật nên người ta gọi ông là “ông tướng không mặt!”

và sự man rợ của y cũng phi thường không kém. Thượng cấp của y, Himle, là người nổi danh về tàn bạo mà cũng phải gọi Hêđrít là “con người tim sắt”.

Hêđrít chào đời năm 1904, dường như gốc gác Do Thái, nghĩa là chủng tộc bị Đức quốc xã tàn sát hàng triệu. Gốc gác Do Thái mà thoát chết đã tài, trở thành xếp sòng công an mật vụ thì quả là đại kỳ tài. Năm 1919, mới 15 tuổi, y chưa được ép đăng lính, y bèn gia nhập một tổ chức khủng bố và đã giết người không gớm tay. Y vào hải quân, và đeo lon thiếu úy. Y khá đẹp trai, đàn bà con gái thường mê y, cho nên y mỗi chài được ái nữ của một kiến trúc sư hải quân có tiếng tăm. Cô gái nhẹ dạ mang thai, yêu cầu y cưới, y liền quất ngựa truy phong. Nội vụ được đưa ra bộ tư lệnh, và Hêđrít thẳng thừng khai:

– Tôi không thể nào kết hôn với một cô gái đã hiến dâng trinh tiết của mình cho kẻ chưa phải là chồng mình. Con gái như vậy là con gái hư, không xứng đáng làm vợ sĩ quan.

Lập luận của Hêđrít bị bộ tư lệnh cho là lưu manh, tàn bạo, và y bị tống cổ ra khỏi quân đội. Lưu manh, tàn bạo là tật xấu đối với quân đội. Song lại là tính tốt đối với đảng độc tài Quốc xã. Y gia nhập Đảng. Và chẳng bao lâu từ cấp thiếu úy quèn hải quân Hêđrít vọt lên cấp tướng trong hệ thống tình báo của Đảng, có quyền hành gấp trăm ngàn lần các vị đô đốc đã lột lon y ngày nọ.

Lợi khí giúp y thành công nhanh chóng và chắc chắn là sự sảng-ta. Y luôn luôn rình rập, tìm hiểu đời tư của các ông bự, Càng ăn trên ngồi trốc càng hay rượu chè, bài bạc, dĩ điểm càng dễ ăn hối

lộ, càng dễ có vợ bé và nhân tình. Y chỉ cần chộp được một vài hồ sơ là đủ. Bước chân vào nghề tình báo, y nghe phong phanh một lý thuyết gia lỗi lạc của đảng Quốc Xã (Gregor Strasser), đối thủ chính trị của Hít-le, có một số liên lạc thư từ bất lợi. Y bèn bắt bớ với một thiếu phụ đang nắm giữ những tài liệu này. Và y đem nộp cho Hít-le để làm phương tiện tiến thân. Hêđrít lên cao như diều vào năm 1931, trước ngày ăn mừng sinh nhật 27 tuổi, y được cử làm trưởng ban Tình báo đặc biệt của Đảng, kiêm tư lệnh đạo quân xung kích gồm những đảng viên gan dạ, khỏe mạnh, trung thành và... uống máu người không tanh.

Hêđrít không hề nhân nhượng đối với bất cứ ai đại đột ngang đường tiến thủ của y. Kẻ thù của y đều phải chết. Kẻ thù chết lợi hơn kẻ thù sống. Và không

cần có hành động chống đối mới bị y liệt vào hàng kẻ thù. Y chỉ nghi ngờ cũng đủ chết.

Hêđrít là đàn em của trùm mật vụ Him-le, vậy mà y không ngần ngại theo dõi luôn Him-le để lập hồ sơ săng-ta, thậm chí ông trời Hít-le cũng không được y buông tha. May mà Hêđrít bị ám sát, nếu không chưa biết con người đệ nhất lưu manh, con người quá nhiều tham vọng ấy sẽ tiến đến đâu nữa.

Một trong các phương tiện giúp Hêđrít moi móc tin tức, khai thác đời tư của các yếu nhân là Phòng trà Kít-ty.

Phòng trà Kít-ty không phải là nơi du hí riêng. Mà là cơ sở chính thức của sở An ninh SD, núp sau mông ngực đàn bà đẹp để thực hiện mục đích điệp báo.

Hêđrít sai thuộc cấp thuê một tòa nhà sang trọng và rộng rãi tại khu thượng lưu Bá Linh trong đó có đủ cửa ngon, vật lạ, những thứ rượu đắt tiền nhất, đầu bếp nổi danh nấu toàn cao lương mỹ vị, kẻ hầu người hạ lại thông minh, lễ độ, khách muốn ngả lưng có thể thưởng thức những tấm nệm êm ái lạ lùng, các bông hoa biết nói tha thướt ngoài phòng xa-lông, trên sàn nhẩy hoặc trong phòng ngủ thơm tho, kín đáo, ấm cúng cũng có làn da êm ái lạ lùng, và đặc biệt là sắc đẹp... Trời ơi, ai đã ghé một lần là không sao quên nổi.

Gọi là “phòng trà” nhưng thật ra đó là nơi lầu xanh tuyệt hảo ở Bá linh trước thế chiến. Nữ chiêu đãi viên trẻ đẹp do một cộng sự viên sành sỏi của Hêđrít đích thân tuyển chọn. Cộng sự viên này từng điều khiển ngành cảnh sát kiểm tục

nên biết hết hang cùng ngõ hẻm của xã hội ăn chơi. Hêđrít hạ lệnh cho thuộc cấp đi khắp Âu châu, tung thật nhiều tiền để mướn những cô gái mỹ miều và ngon lành nhất. Ngoài số gái chơi chuyên nghiệp còn có các thiếu nữ măng tơ và các mạng phụ phụ nhân giàu kinh nghiệm của tầng lớp quý phái Đức, thêm thú ăn chơi, hoặc thích nghề tình báo ân ái.

Hêđrít cho đàn em rỉ tai các giới ngoại giao quốc tế ở Bá linh về thiên đường mỹ nhân Kít-ty. Chẳng bao lâu, trà thất Kít-ty trở thành chốn hẹn hò của các yếu nhân trong và ngoài nước. Hầu hết các vị đại sứ đều tới đây, vì chỉ ở Kít-ty mới có những cô gái nhan sắc tuyệt vời, những thực đơn tuyệt vời. Và nhất là sự hưởng lạc tuyệt vời, mà thập phần kín đáo.

Họ không ngờ nơi họ tưởng thập phần kín đáo ấy lại chẳng kín đáo chút nào. Tường ngăn đều gồm hai lớp, chứa đựng những dụng cụ ghi âm cực kỳ tinh vi. Ba chuyên viên âm thanh của SD chia nhau ngày đêm 24 giờ trên 24 điều khiển một ê-kíp thu băng bí mật. Hàng ngày, băng ghi âm đều được chạy lại, bất cứ lời nói nào đáng chú ý cũng được ghi chép đệ trình lên văn phòng Hêđrít.

Một đêm tháng 12-1936, trời đầy tuyết lạnh lả tả, đạo binh Vệ nữ của trà thất Kít-ty, tiếp đón một người khách cao lớn, dáng điệu trịnh trọng, trông như tướng lĩnh. Người khách này là Sôkôbôlin (Nikolai Skobolin), nguyên võ quan của Nga hoàng trước khi làm tư lệnh đạo quân Bạch Nga chống phe cách mạng bên-sơ-vít và bị thất bại nên phải lưu vong. Sôkôbôlin qua Ba lê, cầm đầu

những người Bạch Nga lưu vong, mưu đồ lật đổ chế độ cộng sản xô viết. Ông là người ham thú xác thịt nên không thể không ghé qua trà thất Kít-ty.

Nhờ các tổ nữ của trà thất làm trung gian, ông liên lạc với SD. Và đêm hôm ấy, ông cung cấp cho SD một tin tức quan trọng. Sôkôbôlin vốn còn nhiều bằng hữu và cộng sự viên ở Nga nên mọi tin tức do ông cung cấp đều được SD lưu ý. Theo lời ông, giữa nhà độc tài Sít-ta-Lin và các tư lệnh tối cao quân đội xô viết đang có sự nứt rạn nghiêm trọng. Trong chiến dịch tập thể hóa nông nghiệp. Sít đàn áp ác liệt dân chúng thôn quê. Sự kiện này làm bộ tổng tham mưu Hồng quân lo ngại vì đa số binh sĩ phát xuất từ tầng lớp nông dân. Theo lời tướng Sôkôbôlin, tinh thần binh sĩ Nga bị sút giảm mạnh mẽ, vấn đề nổi loạn có thể

được đặt ra ở nhiều đơn vị. Và trong bộ tổng tham mưu các tướng lãnh đã bắt đầu thảo luận về việc lật đổ Sít-ta-Lin và chế độ cộng sản.

Một số tướng lãnh Nga muốn thăm dò phản ứng của bộ Tổng tư lệnh Đức. Liệu Đức có chịu cam kết không tấn công Nga trong khi nội tình Nga đang rối rắm không? Đến bù lại, sau khi Sít-ta-Lin bị loại trừ, các tướng lãnh Nga sẽ cắt một phần đất Uy-cờ-ren phì nhiều hiến tặng Đức.

Lời nói của tướng Sôkôbôlin được trình lên Hêđrít, Hêđrít không tin Sôkôbôlin nói đúng trăm phần trăm. Nhưng không có lửa sao có khói, vả lại đường dây điệp báo riêng của y cũng cho biết có sự hục hặc giữa nhà độc tài Sít và một số quân nhân cao cấp. Hơn ai hết, Hêđrít đã đọc được ý định của Hít-le.

Sớm hay muộn Hítle cũng ra lệnh xâm lăng nước Nga. Hồng quân khá hùng hậu, nếu muốn giành phần thắng phải làm cho Hồng quân suy yếu. Muốn làm Hồng quân suy yếu phải triệt hạ những tướng lĩnh tài ba. Sít-ta-Lin lại mắc bệnh đa nghi, Sít nghi ai là người ấy khó vẹn toàn tính mạng. Hêđrít thảo một kế hoạch ly gián đại qui mô...

Linh hồn của Hồng quân là Thống chế Tukasépky (Mikhail Tukhachevsky), tổng tham mưu trưởng và thủ trưởng Bộ quốc phòng với tư cách sĩ quan cộng sản bôn-sơ-vít trong nội chiến Quốc - Cộng ở Nga.

Tukasépky chỉ huy quân đoàn khi mới 25 tuổi, và là trong những vị tư lệnh quân đoàn trẻ nhất thế giới. Thiếu Tukasépky, cuộc nổi dậy của Cộng sản chắc chắn đã bị dập tan. Hơn một lần, ông đã

đánh bại quân đội thiên hữu Bạch Nga và lật ngược tình thế.

Tukasépy là người khai sinh ra Hồng quân xô viết. Ông là người đầu tiên thành lập binh chủng dù trong lịch sử, và ông cũng là một trong những người đầu tiên vạch hướng mới cho chiến xa và pháo binh. Thiên hạ thường so sánh ông với Nã phá Luân của nước Pháp.

Trong đầu óc của Hêđrít một viễn tượng hiện ra: Thống chế Tukasépy bị thanh trừng, Hồng quân sẽ bị suy sụp, và khi ấy binh hùng tướng mạnh của Đức quốc xã sẽ ào ạt tấn công Liên bang Xô viết... Hêđrít xin gặp Hít-le và Him-le. Cuộc hội kiến này diễn ra vào dịp lễ Giáng sinh năm 1936 tại vùng núi, Hít-le chấp thuận kế hoạch của Hêđrít sau khi nghiên cứu và thêm bớt. Trở về Bá Linh, với sự đồng ý của nhà độc tài quốc xã,

Hêđrít ráo riết bắt tay vào công việc.

Thứ nhất là làm cách nào có được một số giấy tờ giả mạo....

III.

Hồi ấy, kỹ thuật cũng như tổ chức làm giả của công an SD chưa đạt tới trình độ hoàn mỹ. Hêđrít tịch thu một biệt thự gồm 30 phòng của một người Do Thái, biến thành cơ sở hành động đầu não trong kế hoạch ly gián Sít-ta-Lin và Hồng quân Xô viết.

Bên trong biệt thự có một phòng thí nghiệm tối tân, một nhà in, và cả nơi ăn chốn ngủ cho nhân viên. Số nhân viên này được tuyển chọn kỹ càng từ nhiều nơi chờ đến, họ phải ngụ luôn tại chỗ, không được phép ra khỏi biệt thự, không

được liên lạc thư từ với gia đình, và cũng không được tiếp xúc với bên ngoài. Mỗi người làm một phần của công việc, không ai được biết toàn bộ kế hoạch. Hít-le ra chỉ thị rõ rệt: bộ Tư lệnh Tối cao Đức không được dính tới. Hít-le không tin vào lòng trung thành của các tướng lĩnh chuyên nghiệp. Nghĩa là Hít-le cũng đa nghi như Sít-ta-Lin. Do đó Hít-le muốn sở An ninh SD của Đảng đảm nhận từ A đến Z.

Mệnh lệnh bảo mật này gây khá nhiều khó khăn cho Hêđrít. Vì y phải có một số thư từ — dĩ nhiên là thư từ giả — đi lại giữa bộ tổng tham mưu Xô viết và bộ tổng tư lệnh Đức, kèm theo một số thư từ chứng tỏ tướng lĩnh Hồng quân bội phản. Muốn làm thư từ giả, trước hết SD phải có dưới tay những thư từ thật, với chữ ký thật của các tướng lĩnh Nga và Đức.

Hêđrít đã biết nơi cất giữ những tài liệu quý giá ấy. Nhưng lấy được không phải dễ....

Trong những năm tiếp theo đại chiến thứ nhất Nga và Mỹ bỗng xích lại gần nhau mặc dầu mỗi nước có đường lối riêng, hoàn cảnh riêng, và chẳng có gì giống nhau.

Nước Đức bị kiệt quệ sau khi tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược. Nước Nga trở thành Liên bang cộng sản, kẻ thù của tư bản tây phương. Đức và Liên Xô đều muốn phục hồi và xây dựng cấp tốc. Thế giới bên ngoài không muốn Đức – Nga trèo lên địa vị cường quốc. Cả hai nước đều biết như vậy. Cho nên họ không thương nhau mà vẫn gần gũi, giúp đỡ lẫn nhau.

Kể từ năm 1920, hai nước bí mật hợp tác với nhau về phương diện quân sự. Hòa ước Véc-xay cấm Đức tổ chức lại quân lực, Đức bèn gửi gửi lên tân binh và tân sĩ quan sang Nga. Đất Nga rộng mênh mông, binh sĩ Đức tha hồ tập luyện, các kỹ thuật gia quốc phòng Đức cũng tha hồ thí nghiệm quân cụ và vũ khí mới. Ngược lại, Liên Xô được Đức viện trợ lại cổ vũ quân sự, sĩ quan Hồng quân qua Đức dự khóa huấn luyện kỹ thuật cơ giới hóa hiện đại. Và cuộc hợp tác tốt đẹp này tiếp diễn đến khi Hít-le lên nắm quyền.

Trong thời gian hợp tác Nga-Đức, hai bộ tổng tư lệnh đã thư từ đi lại với nhau. Dĩ nhiên đây chỉ là thư từ chính thức, không có gì khuất tất, đen tối. Hêđrít cần chiếm đoạt những tài liệu này để giả giấy viết thư, chữ ký, và con dấu. Điều hơi phiền là bộ tổng tư lệnh Đức cất kỹ

trong thư khố được canh phòng cẩn mật ngày đêm.

Hêđrít không thể ra mặt yêu cầu bộ tổng tư lệnh cung cấp. Y chỉ có thể nhờ bọn trộm cắp chuyên nghiệp. Y bèn tổ chức 2 đội xung kích gồm toàn những đảng viên quốc xã khỏe mạnh, trung thành tuyệt đối với Hít-le, trung thành đến độ nếu Đảng sai họ giết cha mẹ, họ cũng chẳng ngần ngại tuân lệnh. Toán xung kích còn gồm thêm các chuyên gia đục tường khoét vách của Công an, và bọn trộm cắp lành nghề, với đầy đủ đồ trang bị cần thiết để mở tủ sắt.

Ban đêm lực lượng xung kích SD đột nhập khu thư khố của bộ Chiến tranh, chen cổ lính gác, lọt xuống hầm, phá tủ két và chiếm đoạt tài liệu.

Phòng thí nghiệm làm việc không nghỉ. Giấy viết thư Nga, máy đánh kiểu chữ của bộ tổng tham mưu Nga, ấn tín của các tướng lĩnh cao cấp Nga, tất cả đều được chế tạo trong phòng thí nghiệm bí mật của Hêđrít. Mọi chi tiết đều được chú trọng, như thể thức viết thư, cách hành văn, cách trình bày lá thư và số lưu chiếu, Hêđrít đòi hỏi công việc làm giả phải đạt mức hoàn mỹ trăm phần trăm.

Phần vụ quan hệ nhất là làm giả chữ ký được Hêđrít ủy thác cho Bét-giê (Friedrich Berger), là cộng sự viên tin cậy nhất. Hêđrít dặn Bét-giê phải thận trọng tuyệt đối vì nếu Sít-ta-Lin hoặc mật vụ tay sai của Sít-ta-Lin nghi ngờ, chỉ một vi phân nghi ngờ, là toàn bộ kế hoạch ly gián sụp đổ. Do đó, ê-kíp của Bét-giê phải làm giả chữ ký cách nào để

ngay cả những tướng lĩnh bị giả chữ ký cũng tưởng là thật.

Sau đại chiến thứ hai một thời gian, Bét-giê đã tiết lộ cách làm giả chữ ký với một thông tin viên người Mỹ như sau:

– Chi tiết lý thú nhất là kẻ giữ vai trò khá quan trọng, hầu như quyết định trong kế hoạch ly gián này lại là một tên vô danh tiểu tốt, đúng hơn là một tên lưu manh chỉ biết nhắm mắt làm chứ chẳng biết mô tê gì hết. Tên hắn là Pút-zít (Manfred Putzig), hắn còn sống nhăn, mỗi khi chuyện cũ được nhắc nhở hắn lại run như rã, tưởng chừng sắp bị đem ra bắn.

Chiều hôm ấy Bét-giê xô cửa vào tiệm khắc dấu của Pút-zít ở Bá Linh. Tiệm của Pút-zít nhỏ như lỗ mũi nằm trong một khu gia cư tầm thường. Bét-

giê móc được tên Pút-zít trong bản danh sách đảng viên Quốc xã hoạt động nghề ẩn loát.

Pút-zít có thân hình bé nhỏ, tuổi chưa già mà tóc đã hoa râm, hăn lại mắc chứng nghẹt mũi nên khìn khịt suốt ngày. Hăn gia nhập đảng Quốc xã chẳng phải vì khoái chủ nghĩa Đại Đức quốc của Hítler hoặc khoái Hítler, mà chính vì tư lợi.

Tìm đứa ham lợi hơn tìm đảng viên đảng hoàng, có ý thức chính trị vững chãi. Vì đứa ham lợi thường dễ bảo. Và thường thiếu can đảm, chưa dọ đã đầu hàng. Bét-giê xem xét những con dấu cao su trong tiệm và tỏ vẻ hài lòng. Pút-zít rất khéo tay. Hăn có thể làm giả ấn tín của Hồng quân một cách trung thực. Bét-giê bèn dí chứng minh thư vào mắt hăn, và bảo hăn là Đảng cần hăn làm một công

việc bất thường. Hăn sợ xanh mặt, song tìm kế chối đây đây:

– Thưa, Đảng muốn gì tôi cũng tuân theo, nhưng... nhưng phải có lệnh viết tay của thượng cấp tôi mới..

Được, tưởng gì chữ lệnh viết tay của thượng cấp thì quá dễ. Bét-giê kéo Pút-zít ra xe, phóng đến văn phòng Hêđrít. Những kẻ cứng bóng vía hơn tên thợ khắc dấu Pút-zít đến chực lần còn bủn rủn chân tay khi đứng trước ông thần mặt vụ Hêđrít hướng hồ là Pút-zít. Cặp mắt sắc như dao cạo luôn luôn nhú vào nhau của trùm công an Hêđrít như có phép thôi miên. Thật lạ lùng, con người tàn bạo bậc nhất ấy lại có giọng nói the thé của đàn bà.

Hêđrít nói ngay, không nhập đề lôi thôi:

– Bét-giê là cấp trên trực tiếp của anh, anh phải vâng theo mọi chỉ thị của Bét-giê. Hiện Sở An ninh cần khắc một số con dấu đặc biệt. Phải làm thật đúng. Thật đúng, anh nghe chưa? Thật đúng với những chữ ký. À, làm bằng dấu cao su... Đúng yên coi nào, việc gì phải run như rế ấy.

Pút-zít càng run nhiều thêm.

– Có vợ chưa?

– Bẩm, chưa!

– Tốt. Tốt lắm. Từ khi bắt tay vào việc đến khi hoàn tất, anh phải ngụ trong SD. Khi trở về cửa hàng, phải ngậm miệng tuyệt đối. Không được hé lộ cho bất cứ ai. Nghe chưa?

– Bẩm nghe.

– Nếu có người nào biết, anh sẽ bị xử bắn...

– Bẩm...bẩm...

– Xong rồi, cho anh ra.

Pút-zít quả là thợ khéo. Bét-giê đưa cho hắn một bản chụp chữ ký của những bức thư đánh cắp tại thư khố quân đội. Pút-zít chụp lại lên bản kẽm. Rồi in lên cao su. Hắn cặm cùi trong một tuần lễ và đệ trình những con dấu cao su hoàn toàn chính xác cho Bét-giê. Sau đó, đến việc biến chữ ký trên con dấu thành chữ ký trên giấy. Sở dĩ SD dùng con dấu cao su là vì giới ký giả bằng tay đến đâu cũng khó bắt chước được những nét đậm, nhạt, to, nhỏ. Ngược lại, dấu cao su giống ký bằng tay như đúc. Dĩ nhiên là có một vài phiền toái. Phiền toái nhất là nét dấu quá đều. Phòng thí nghiệm

SD đã vận dụng những kỹ thuật tân kỳ để khắc phục khuyết điểm này. Vả lại, Hêđrít không lo ngại mấy: Sít-ta-Lin sẽ chỉ nhận được hình chụp. Trong hình chụp, chữ ký bằng tay hoặc chữ ký bằng con dấu không có gì khác.

Trong khi chuyên viên ấn loát và hóa học bù đầu về con dấu chữ ký thì nhóm chuyên viên «văn chương» soạn thảo thư từ giả. Đó là những bức thư trao đổi giữa thống chế Sô viết Tukasépky và bộ Tổng tư lệnh Đức. Thống chế Tukasépky yêu cầu Đức giúp một tay trong mưu đồ đảo chính Sít-ta-Lin, Tukasépky hứa tặng không vùng đất Uy-cờ-ren. Bộ Tổng tư lệnh Đức phúc đáp đồng ý.

Thư từ đi lại giữa hai bộ chỉ huy quân sự Nga – Đức chỉ gồm một xấp giấy không lấy gì làm dày. Tất cả được cất trong hồ sơ bọc da đỏ, trông hiền lành và

xinh xẻo. Ấy thế nó lại cung cấp đầy đủ cốt mìn phá nổ tan hoang Hồng quân Sô viết...

Hêđrít yết kiến quốc trưởng Hítle lần chót. Hítle đích thân kiểm điểm từng li từng tí. Sau cùng Hítle bật đèn xanh. Hêđrít được toàn quyền hành động.

Để tạo cho âm mưu của Tukasépky có một vẻ xác thật mà Phán gián Sô viết có thể phối kiểm, Hêđrít thiết lập một đài truyền tin bí mật gần Kônítbe kế cận biên giới hai nước. Đài này truyền đi những mật điện cho các điệp viên tưởng tượng hoạt động trên đất Nga. Hêđrít cố tình sử dụng loại mật mã dễ chọc thủng hầu Phán gián Sô viết có thể đọc được để biết bộ Tổng tư lệnh Đức liên lạc với điệp viên của họ bên trong Hồng quân.

Hình thức liên lạc vô tuyến điện này được tiến hành trong một thời gian. Mỗi ngày, phân lượng dầu độc được gia tăng một chút. Đến khi điện Cẩm Linh bắt đầu hoang mang, Hêđrít mới tung chưởng quyết định.

IV.

Đại tá Bêren (Hermann Behrends) trưởng ban Giám điệp bài Nga trong sở An ninh của Hêđrít, được phái qua Praha, thủ đô Tiệp khắc, dưới cái tên giả. Tại đó Bêren bố trí để một nhân viên ngầm SD được Tổng thống Bênet (Edward Benes) tiếp kiến. Nhân viên này cho Bênet hay tin một số tướng Nga – Đức thông đồng với nhau, có chứng cứ tài liệu hản hời, nhằm lật đổ Sít-ta-Lin.

Tổng thống Bênet chỉ trông cậy vào Sít-ta-Lin để bảo vệ Tiệp khắc chống lại mưu đồ xâm lăng của Đức quốc xã nên khi nghe tin này ông tỏ ra bàng hoàng. Ông yêu cầu được coi tài liệu và gặp người bán tài liệu. Nhân viên của đại tá Bêren cho biết một viên chức gian manh ham tiền trong bộ Chiến tranh Đức đã chụp được các tài liệu mật Nga–Đức, sẵn sàng nhượng lại cho ai trả giá cao nhất. Tổng thống Bênet tức thời thông báo với Sít-ta-Lin.

Sít phản ứng cấp tốc bằng cách cảm ơn Bênet đồng thời cử một nhân viên Tòa đại sứ Nga tại Bá Linh tiến hành cuộc điều đình mua tài liệu. Đặc phái viên của Sít là Ru-đôn. Ru-đôn (Rudolph) tự nhận là nhân viên ngoại giao, sự thật là nhân viên Mật vụ Nga sô OGPU. Hêđrít

sai Bét-giê, người phụ trách việc làm giả ấn tin tiếp xúc với Ru-đôn.

Bét-giê gặp Ru-đôn với bản chụp một bức thư. Mới thấy một bức thư mà mắt Ru-đôn đã sáng quắc. Quả là trái siêu –bom. Ru-đôn hỏi giá. Bét-giê đáp:

– Ba triệu rúp.

Ba triệu rúp vị chi là 50 ngàn đô-la Mỹ. Số tiền này chẳng có gì là quá đáng. Ru-đôn đọc kỹ bức thư, xem xét thật lâu chữ ký và ấn tín, đoạn mở cặp lòi ra đồng giấy bạc. Tiền trao, cháo múc, Ru-đôn trả tiền và trèo lên chuyến máy bay sớm nhất trở về Mạc tư Khoa, với xếp hồ sơ bì bọc da đỏ.

Thế là xong. Trái bom nổ chậm kinh khủng của Hêđrít được gài sâu trong điện Cẩm Linh.

Từ trụ sở SD tại Bá Linh, Hêđrít đặt một đường dây liên lạc vô tuyến trực tiếp với Tòa đại sứ Đức tại Mạc tư Khoa.

Ngày 5-5-1937, đúng 5 ngày sau khi Bét-giê bán xấp thư giả cho Ru-đôn. Hêđrít nhận được tin mừng. Một mẫu tin của tờ báo Sự Thật xuất bản tại Liên xô cho biết thống chế Tukasépky, trước đây được cử qua Luân Đôn, đại diện cho Liên xô tại lễ đăng quang vua Giót đệ lục (George VI) sẽ được thay thế bằng đô đốc Ôt-lốp (Orlov).

Ngày 10-5, đường dây vô tuyến của Hêđrít phúc trình một tin tức giật gân. Thống chế Tukasépky đột ngột bị cất chức tham mưu trưởng Hồng quân và bị hạ xuống làm tư lệnh cấp tỉnh ở miền quê. Nhưng Tukasépky không có cơ hội lên đường đến nhiệm sở mới. Vì tình hình biến chuyển quá nhanh chóng.

Lần lượt các thống chế và tướng lĩnh cao cấp bị mật vụ OGPU bắt giam. Không một lý do chính thức nào được công bố. Tinh thần trong quân đội và giới lãnh đạo Đảng bị dao động mạnh mẽ. Dân chúng Mạc tư Khoa sống trong bầu không khí hoang mang ngột thở.

Rồi tới đêm 11-6, một tin động trời được loan. Hêđrít đã chờ đợi từ lâu. Y xoa tay hỉ hả và mỉm cười mãn nguyện. Theo tin động trời này, thống chế Liên bang Xô viết Tukasépky, huân chương Lê-nin, thứ trưởng bộ Quốc phòng và tham mưu trưởng Hồng quân, bị bắt giữ và bị xét xử tại phiên nhóm kín của ban Quân sự Tòa án tối cao, cùng 7 sĩ quan cao cấp Nga.

Ngày hôm sau có tin cả 8 tội nhân đã bị xử bắn về tội phản quốc....

Tội phản quốc?

Tám vụ hành quyết này làm công luận giật mình, đổ bể hơi lạnh. Tuy vậy đó mới là những triệu chứng đầu tiên của một trận động đất vô tiền khoáng hậu. Trước khi Hồng quân bị rung chuyển tận gốc, hầu hết các lãnh tụ quân sự đã bị loại trừ: có 5 thống chế thì 3 bị giết, trong số 15 tư lệnh quân đoàn thì 3 bị giết, đó là chưa kể 57 tư lệnh đại đoàn, 110 tư lệnh sư đoàn, 220 tư lệnh chiến đoàn, toàn thể 11 thứ trưởng bộ Quốc phòng, toàn thể tư lệnh quân khu, 75 trong số 80 ủy viên của Hội đồng Quân sự Tối cao, 90 phần trăm tướng lĩnh, 80 phần trăm đại tá, và hàng chục ngàn sĩ quan cấp tá và cấp úy...

Cuộc thanh trừng khổng lồ này kéo dài trong nhiều tháng và gây những tiếng vang dội trên khắp thế giới.

Hồng quân Xô viết mất người điều khiển như rần mất đầu. Sít-ta-Lin đành phải nghị hòa với Đức quốc xã, và kết quả là năm 1939 hiệp ước bất tương xâm Nga-Đức được ký kết, dọn đường cho đại chiến thứ 2. Sau khi bắt bớ với Sít-ta-Lin, Hítle xua quân tấn công chớp nhoáng Ba Lan.

Toàn thể Âu châu chìm trong biển lửa.

Nếu Hồng quân không bị kiệt quệ thì vị tất Hítle không dám tấn công ngang xương. Và cũng vì bị kiệt quệ nên cùng năm ấy Hồng quân xâm lược Phần Lan đã bị chặn đứng. Sự kiện này làm thế giới kinh ngạc.

Không ai có thể ngờ nổi anh khổng lồ Liên xô lại bị chú bé Phần Lan xoay vòn mết nhoài. Sau 105 ngày chống cự

anh dũng, đạo quân của tí hon Phần Lan đã đẩy lui gần một triệu binh sĩ Xô viết được hăng hà sa số chiến xa và pháo binh yểm trợ.

Tinh thần chiến đấu của Hồng quân cũng chẳng lên được phần nào trong tháng 6-1941 khi Hítle xé hòa ước, hạ lệnh cho quân đội Đức vượt biên giới Nga, Ngược dòng lịch sử, chưa bao giờ quân đội Nga lại bết bát đến thế. Trong 4 tháng đầu cuộc chiến, 2 triệu binh sĩ Nga phải đầu hàng. Trong 3 tháng đầu, 3 triệu binh sĩ bị bắt, một con số chưa từng thấy trên các bản thống kê từ cổ chí kim. Trước ngày cuộc xâm lăng dẫm chân tại chỗ, thế cờ được lật ngược, Liên Xô đã mất 400.000 dặm vuông đất đai, và 65 triệu người Nga bị Đức cai trị.

Cũng may danh tướng Nga chưa bị hạ sát hết. Một số còn được sống sót.

Họ cấp tốc tổ chức lại guồng máy kháng chiến và dần dà giành lại ưu thế.

Một trong những danh tướng này là Zukốp (Georgi Zhukov). Zukốp phục vụ dọc biên giới Mông Cổ giữa lúc cuộc thanh trừng được phát động. Ông ở xa thủ đô nên thoát chết mặc dầu tư lệnh quân đoàn, thượng cấp của ông là thống chế Bờluse (Blucher) bị thủ tiêu. Thoạt đầu Zukốp cũng bị nghi ngờ, và suýt nữa ông bị tổng giam và lãnh án tử hình như thống chế tư lệnh. Ông thoát chết là vì hồi ấy ông chẳng được mấy ai biết tới. Tuy vậy ông cũng chỉ được ngồi chơi xơi nước.

Mãi đến khi quân đội quốc xã tiến sâu vào nội địa Nga như vũ bão. Zukốp mới được trọng dụng. Đất nước lâm nguy, Sít -ta -Lin tạm thời đình hoãn cuộc thanh trừng, phóng thích tướng

tá đang bị giam cầm và đưa họ ra tiền tuyến.

Cùng với Zukốp, một danh tướng khác là Rôkô sốpky cũng khỏi bị hạ sát (Konstantin Rokossovsky). Nhưng Rôkô sốpky kém may mắn hơn nhiều. Vì ông đã bị bắt, trong cuộc thẩm vấn tàn bạo của mật vụ OGPU ông bị mất nhiều cái răng và 4 xương sườn bị gãy nát. Ông bị lưu đầy trong trại lao công cưỡng bách. Nếu Hítle không bội ước chắc Rôkô sốpky đã tan xương nát thịt ở Tây bá lợi á.

Cuộc thanh trừng của Sít-ta-Lin làm nhân dân Nga thiệt hại nặng nề về tài sản cũng như nhân mạng. Trong trường hợp thống chế Tukasépky và bộ tham mưu lỗi lạc của ông không bị hạ sát oan uổng, thảm thương, thì vị tất quân đội quốc xã đã có thể đạt hết thắng lợi này

đến thắng lợi khác vào năm 1941, và sau ngày hòa bình vẫn hồi, nước Nga đã không mất đến 7 triệu rưỡi người chết trận (có thống kê cho biết số tử trận lên tới 15 triệu), nghĩa là những tổn thất cao nhất mà chưa quốc gia lâm chiến....

V.

Định mạng thật phũ phàng, vì hầu hết những kẻ giữ phần chính trong kế hoạch làm tài liệu giả đều chết bất đắc kỳ tử.

Mở đầu là tướng Bạch Nga Sôkôbolin, người đã gọi cho Hêđrít ý tưởng ly gián Hồng quân. Tháng 9-1937, Sôkôbolin biến dạng trên đường phố Ba Lê, và từ đó không ai nghe nói đến ông nữa. Có bằng chứng ông bị mật vụ sô viết ám sát về tội.... biết quá nhiều.

Sôkôbolin lãnh tụ những người Bạch Nga lưu vong chống Cộng sản chẳng hiểu tại sao lại ăn lương của mật vụ OGPU. Rồi ông lại ăn lương của SD bấy mưu cho Hêđrít chơi Cộng sản sô viết. Có người cho rằng mật vụ Sô viết sợ Hồng quân lớn mạnh, thế lực tướng lãnh gia tăng thì đảng Cộng sản bị lấn át nên họ lợi dụng vụ «phản bội» của Tukasépky để quét luôn một thể. Sau ngày Đức đầu hàng, đồng minh nắm được các kho tài liệu mật, người ta cố lục tìm bằng chứng thông đồng giữa các tư lệnh Nga-Đức song không thấy.

Hêđrít, người tạo ra các bằng chứng này, được Trời cho sống thêm mấy năm nữa để chứng kiến sự thành công, nhưng chỉ đến tháng 5-1942 thì chết. Với tư cách là thống đốc toàn quyền Tiệp Khắc, y đến Praha kinh lý và rơi vào ổ phục kích táo

bạo của những người Tiệp. Kháng chiến quân chờ Hêđrít trên một con đường nhỏ, lăn bom vào gầm xe, tiếng nổ làm tài xế thiệt mạng và y bị trọng thương. Y còn đủ sáng suốt rút súng bắn bị thương một kháng chiến quân trước khi bất tỉnh. Y trút hơi thở cuối cùng nhiều ngày sau trong bệnh viện.

Cộng sự viên thân cận của Hêđrít là đại tá Bêren, người bố trí cho vụ ly gián đến tai Tổng thống Bê-nét được sống khơi khơi đến hết chiến tranh. Nhưng sau đó bị bắt giải sang phía đông để ra tòa. Bêren bị kết tội chiến phạm và bị treo cổ. Trong số những nhân viên hàng đầu tham dự kế hoạch ly gián chỉ có hai người sống sót, Bét-giê và thợ khắc dấu Pút-zit...

Bét-giê đã thay họ đổi tên sau khi bị điệp viên cộng sản truy lùng ráo riết.

Hiện nay, y làm nghề bán đổi xe hơi cũ tại một thị trấn kỹ nghệ Tây Đức, y vẫn hãnh diện về thành tích cũ. Y nói:

– Mọi việc đã xảy ra quá tốt đẹp. Tốt đẹp hơn cả điều mà chúng tôi dự tính. Thông thường những kế hoạch ly gián như vậy rất ít hy vọng thành công. Thật khó thấy ai điều khiển đắc lực bằng Hêđrít.

Tuy nhiên cũng có một vài trục trặc nhỏ. Thoạt đầu chúng tôi khoái chí tử vì chúng tôi phía chuyện từ đầu chí cuối mà mấy ông cộng sản Nga lại trả cho chúng tôi những 3 triệu đồng rúp. Nhưng một thời gian sau chúng tôi giở khóc giở mếu, té ra vỏ quýt dây gập móng tay nhọn.

Số là chúng tôi dùng món tiền 3 triệu rúp này cấp phát cho điệp viên SD hoạt động trên đất Nga, nhưng anh nào vừa xì

tiền ra là bị tóm cổ. Không rõ mặt vụ sô viết ghi sổ giấy bạc, hay trả bằng tiền giả. Chỉ biết là 3 triệu rúp trở thành vô dụng. Bọn cộng sản đều quá. Chúng tôi đành phải chất đồng đem đốt.

Được hỏi về thợ khắc dấu Pút-zít, y cười tủm tỉm:

– Pút-zít hả, y đang sống nhần, và luôn luôn rất như thỏ đế. Khi báo chí loan tin các tư lệnh Hồng quân bị thanh trừng, y sợ toát mồ hôi lạnh và đến gặp tôi, hỏi tôi này nọ. Tôi đáp là nếu y còn muốn có chỗ đội nón thì thượng sách là câm miệng. Trên thế gian này chỉ có xếp Hêđrit và tôi là biết Pút-zít khắc con dấu giả chữ ký, và dĩ nhiên là chúng tôi không có tính bép sếp.....

Pút-zít yên tâm hơn, nhưng đêm ngày y vẫn lo ngay ngáy. Kết quả là y mắc

bệnh ung nhọt trong dạ dày. Bệnh này là bệnh của người hay suy nghĩ, hay phiền muộn, Pút-zít vẫn sợ Cộng sản bắt cóc đem giết, cho nên đêm nào cũng mất ngủ.

Theo sự chỉ dẫn của Bét-giê, một ký giả đã tìm gặp Pút-zít. Y vẫn tiếp tục hành nghề khắc dấu. Y tái mặt khi được gọi hỏi chuyện xưa. Y lắc đầu lia lịa:

– Mời ông ra... tôi không có gì để nói, tôi không còn nhớ gì nữa, tôi không biết gì hết... mời ông ra...

Khách bị Pút-zít đuổi như đuổi tà. Dấu Hêđrit đã chết, Pút-zít vẫn ghi khắc mệnh lệnh ngậm miệng của trùm an ninh quốc xã SD.

Nhà độc tài Sít-ta-Lin cũng luôn luôn ghi khắc mối thù với các tướng lãnh

sô viết. Sít chỉ tạm đình chỉ chứ chưa kết thúc cuộc thanh trừng. Sau đại chiến, Sít lại moi đóng hồ sơ cũ ra xét. Tình hình đã thay đổi, các tướng lãnh được nhân dân coi là những anh hùng cứu quốc, Sít khó thể lôi ra xử bắn dễ dàng như ngày nọ, tuy nhiên Sít sợ họ yên vị sẽ mài nhanh rũa vuốt chờ thời phục hận. Vì vậy, Sít-ta-Lin quyết sụm thống chế Zukốp.

Thắng Hítle xong, Zukốp bị cất chức, hạ tầng công tác làm tư lệnh hàng tỉnh, thoát đầu ở O-đét-sa (Odessa), sau về U-ran (Ural). Mãi 7 năm sau, nghĩa là khi Sít nằm yên dưới mộ, thống chế Zukốp mới thoát khỏi cảnh lưu đầy, trở về Mạc tư Khoa nhậm chức Tổng trưởng Quốc phòng. Và từ đó ngôi sao Zukốp mỗi ngày một chiếu sáng trên vòm trời sô viết, mỗi ngày Hồng quân một giữ

vai trò quan trọng hơn trong guồng máy Nhà nước cộng sản.

Những tuần trăng mật giữa quân đội và Đảng kéo dài không lâu. Dưới chế độ Cộng sản, Đảng là quyền hành độc tôn, đảng không thể hòa thuận với quân đội nhưng quân đội cũng không thể quỳ gối trước Đảng.

Tháng 8-1961, thống chế Zukốp chính thức phát động phong trào phục hồi danh dự cho cố tổng tư lệnh Tukasépky và các nạn nhân cuộc thanh trừng đẫm máu của Đảng. Hồng quân ấn hành những tài liệu chứng tỏ Tukasépky là những quân nhân yêu nước, những anh hùng chống Đức quốc xã. Thái độ của Zukốp và của Hồng quân nghiêm nhiên đi ngược lại đường lối của Đảng hồi đó. Và nhất là xô đẩy tân lãnh tụ Cút-sép vào

thế kẹt. Dầu sao mấy chục năm trước, khi Sít-ta-Lin lôi các tướng lãnh ra bắn, Cút-sép cũng đã gân cổ phụ họa, gọi họ là «lũ phản bội mà Đảng sẽ càn quét đến tận cuối cùng, và nghiền nát từng tên, đốt cháy ra than, thả bay với gió». Nếu Zukốp nói đúng thì Cút -Sép chính là tên phản bội...

Bề ngoài người ta vẫn thấy Cút-Sép đi chung với thống chế Zukốp. Hai người còn có vẻ bồ bịch với nhau nữa. Đột nhiên tháng 10-1965. Zukốp tuột chức bộ trưởng Quốc phòng.

Cuộc thanh trừng do trùm an ninh Quốc xã Hêđrít gián tiếp gây ra trên đất Nga tưởng sẽ chấm dứt té ra vẫn chưa chấm dứt...

TRUYỆN THỨ TÁM

Kỳ tài gián điệp Do Thái

Từ sau thế chiến thứ 2, kỹ thuật gián điệp đã biến đổi toàn diện. Bắt đầu là phi công Pao - ốt (Gary Powers) bay chụp hình không phận Liên xô bằng phi cơ trinh sát tân kỳ U-2. Rồi đến những tàu đánh cá trá hình trang bị dụng cụ điện tử bén nhậy. Rồi đến triều đại vệ tinh với những Cốt-mốt (Cosmos), Samốt (Samos) và Midát (Midas) bay vòng quanh trái đất, có thể nghe

thấy, nhìn thấy dễ dàng.

Nhiều người tưởng lầm những tiến bộ điện tử sẽ làm nhân viên gián điệp trở thành vô dụng. Thực tế đã chứng nhận là máy móc không thể và không bao giờ thay thế được con người trong lãnh vực tình báo và gián điệp.

Vụ điệp viên Do Thái Cohen (Elie Cohen) xảy ra năm 1967, nghĩa là vào thời kỳ các cường quốc đã biết cách xử dụng những máy móc do thám siêu việt, cho thấy rằng con người vẫn tiếp tục là yếu tố quyết định. Độc giả đã nghe nói nhiều đến thành tích của gián điệp Tây phương, đặc biệt trong 2 trận đại chiến. Và nhắc đến thành tích điệp báo, độc giả thường có cảm tưởng đó là thành tích của MI –6 (Anh quốc), của OSS (Trung ương Tình báo C.I A.), quân báo D.I.A. (Hoa kỳ), của Phòng Nhì Pháp,

hoặc của Quốc tế Tình báo Sở (Trung cộng), G.R.U & K.G.B (Liên xô).

Nhưng điệp viên Cohen lại không có chân trong những tổ chức đàn anh vừa kể. Thế mà thành tích của Cohen đã làm các điệp viên đàn anh lác mắt.

Những đồng nghiệp của Cohen cũng đã làm thế giới ngả nón khâm phục. Cohen là nhân viên của một tổ chức điệp báo sinh sau đẻ muộn, tên là Shinbet, song được liệt vào hàng xuất sắc, từ đông sang tây ai cũng kính nể. Chưa tổ chức điệp báo nào lại được tổ chức kín đáo bằng Shinbet. Mặc dầu Shinbet hoạt động chặt chẽ với các cơ quan chính quyền Do Thái như Sở Tình báo Trung ương, và Trung tâm Truy tầm Tội phạm Đức Quốc xã, những thủ lĩnh cao và trung cấp Shinbet vẫn bảo vệ được sự vô danh. Nhiều điệp viên Shinbet đã phục

vụ từ năm 1947, năm quốc gia Do Thái được thành lập. Phần đông là các cựu sĩ quan Haganah, đạo quân bí mật lãnh đạo cuộc kháng chiến đuổi người Anh ra khỏi vùng đất Pa-lét-tin. Hiện nay, Shinbet có một mạng lưới rộng lớn trên khắp thế giới. Shinbet đã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong những trận chiến với các quốc gia Ả Rập. Đặc biệt là trận chiến chớp nhoáng Sáu ngày năm 1967.

Một trận chiến lạ lùng. Còn lạ lùng hơn cả hai trận chiến 1948 và 1956. Trước đây dân Ả Rập thua Do Thái là chuyện còn có thể hiểu được. Nhưng với sự chi viện to lớn của Liên xô với một quân số hùng hậu, lần thất trận này không phải là sự kiện bình thường.

Chẳng qua Shinbet có những siêu điệp viên. Và đây là một nén hương lòng đốt cho siêu điệp viên Elie Cohen....

I.

Về phía biên giới Do Thái là một giải đất khá rộng, bằng phẳng, quanh năm cây cỏ xanh tươi, rải rác các nông trại và làng mạc. Đó là thung lũng Hu-lê (Huleh). Phong cảnh thật hữu tình nếu đâu đây không có những hố đạn sâu hoắm như trên da mặt người mang theo đậu mùa. Từ gần hai chục năm nay, quân đội Syri (Syrie-Syria) vẫn dùng thung lũng Hu-lê đây thi vị làm nơi thử đạn trọng pháo. Họ không cần biết nông dân Do Thái bị trúng đạn và bị tử thương. Giữa Do Thái và Syri cũng như giữa Do Thái và các nước Ả Rập vây bọc chung quanh thì tình trạng cừ địch ấy vẫn cứ tiếp diễn, tiếp diễn tưởng như không bao giờ ngừng.

Thung lũng Hu-lê chạy dài đến sát biên giới thì khựng lại. Từ đó, mặt đất không còn bằng phẳng và ngoan ngoãn nữa. Bắt đầu có núi. Thoạt tiên là một con đường nhỏ, gập ghềnh chỉ vừa đủ cho dê cừu lên xuống, lượn ngoằn nghèo giữa những vực thẳm hun hút và những vách đá cao ngất, thẳng tắp, trơn trượt, trông rùng mình sờn gáy. Rồi sau cùng là đỉnh núi Gô-lan.

Trên đỉnh, một đồn binh Syri được thiết lập. Nhờ vị thế thiên nhiên, các khẩu pháo trong đồn có thể kiểm soát hoàn toàn thung lũng phía dưới, bom đạn của không quân chẳng đi đến đâu vì đá cứng như sắt, hệ thống phòng thủ được đúc chìm trong khối bê tông, lại gồm toàn vũ khí tối tân và kiến hiệu nhất của Hồng quân xô viết. Các kỹ sư công binh Nga tuyên bố đồn binh Golan là đồn binh

bất khả xâm phạm. Muốn chiếm, địch chỉ có thể tiến đánh bằng mặt tiền. Song sườn núi quá dốc, xe tăng không bò lên nổi. Dùng bộ binh thì khác nào làm mồi ngon cho quân phòng thủ. Trừ phi địch hy sinh hàng sư đoàn... Nhưng địch ở đây lại là Do Thái. Và điều các kỹ sư Xô viết và các tướng lãnh Ả Rập không bao giờ ngờ tới đã xảy ra.

Đúng 10g30 sáng hôm ấy, một sáng thứ sáu tháng 6 năm 1967, sau 4 ngày chịu đựng những trận mưa đạn pháo kích ác liệt của đồn Golan, binh sĩ Do Thái đã mở cuộc tấn công bằng mặt tiền. Lối đánh của Do Thái cũng như lũ đoàn được dùng vào công việc đánh đồn Golan có thể được coi là độc nhất vô nhị. Từ hơn 10 năm lũ đoàn này được huấn luyện trong bầu không khí bí mật tuyệt đối với một mục đích rõ rệt: tiến chiếm

đồn binh bất khả xâm phạm trên ngọn núi Golan dọc biên giới hai nước.

Cuộc xung kích diễn ra từ sáng đến chiều. Dĩ nhiên không quân Do Thái oanh tạc dữ dội chưa từng thấy, nhưng đó chỉ là phần phụ. Phần chính là những nỗ lực bộ binh với 2.700 người được sự yểm trợ của 200 xe tăng và xe bọc thép, và đặc biệt là 20... xe ủi đất khổng lồ.

Xe ủi đất có nhiệm vụ mở đường tiến cho thiết giáp. Pháo trên đồn rút xuống tới tấp cùng với đại liên, mìn, lựu đạn... song xe ủi đất vẫn không bị hề hấn, vì nó được bọc thép thật dày. Đến khi đạo quân phòng thủ tìm ra cách hóa giải đoàn xe ủi thì đã muộn, chiến xa Do Thái đã bò lên đến nơi bộ binh quyết tử. Ánh nắng chiều vừa tắt ở đường chân trời thì cuộc giao phong kinh khủng nhất của trận

chiến Do Thái - Á Rập năm 1967 cũng chấm dứt.

Đồn binh bất khả xâm phạm Golan thất thủ.

Sau đó, nhiều thông tin viên báo chí và các chuyên viên quân sự từ nhiều nơi trên thế giới đến viếng thăm Golan. Toàn thể đều ngạc nhiên, Golan đã rơi vào tay Do Thái, vậy mà không ai tin là thật. Phát ngôn viên của quân đội Do Thái giải thích là chiến thắng vô tiền khoáng hậu Golan là do «Tinh thần chiến đấu cao độ, sự can đảm siêu đẳng, sự tham chiến của một lữ đoàn được đặc biệt huấn luyện, và công trình chuẩn bị 10 năm...».

Phát ngôn viên Do Thái chỉ nói một phần sự thật. Phát ngôn viên cố tình quên nói rằng trước ngày tấn công Golan quân đội Do Thái đã có dưới tay đầy

đủ họa đồ của đồn binh trên mỏm núi. Mỗi người trong đoàn xung kích đều thuộc lòng vị trí của từng phiến đá, vị trí của từng ổ súng được ngụy trang tài tình và an toàn. Tầm bắn xa của mỗi ổ súng là bao nhiêu, những ai chỉ huy đồn binh... nhất nhất Do Thái đã biết hết.

Thắng lợi ở Golan là một thắng lợi bình dị. Nó còn là một thắng lợi điệp báo nữa. Muốn tìm hiểu thắng lợi ở Golan không thể không tìm hiểu hoạt động của một viên chức kế toán Do Thái, người đã đội lốt công dân Ả Rập Syria đánh cắp hầu hết những bí mật chính trị, quân sự của Syria, kể cả họa đồ đồn binh Golan.

Người Do Thái này có thể được coi là điệp viên vĩ đại nhất trong thời gian 5, 7 năm qua...

II.

Đầu năm 1957, Ai Cập đang rối như nồi canh hẹ thì Cohen hồi hương. Ai Cập vừa thua trận thê thảm. Quân đội bị đánh tan hoang từ vùng kênh đào Su-ê (Suez Canal, Canal de Suez) chạy dài đến sa mạc Sinai rộng mênh mông. Dân chúng Ả Rập trút mối giận hờn thua trận lên đầu những người Do Thái đang sinh sống trên đất nước họ. Vì vậy một số lớn kiều dân Do Thái ở Ai Cập bị trục xuất.

Trong đám đông người lánh cư sợ hãi bị xua lên một con tàu bỏ neo ở cảng Alê-zanđơri (Alexandria – Alexandrie) buổi sáng hôm ấy có một thanh niên 35 tuổi, dong dỏng cao tên là Cohen. Vợ là Na-đia và 2 con cùng với Cohen. Sáng hôm ấy Cohen không thể ngờ trong tương lai gần chàng sẽ trở thành siêu điệp viên Shinbet. Cohen là người Do Thái, song

dung mạo lại giống người Ả Rập.

Trở về Do Thái, Cohen vẫn nghèo kiệt xác, sản nghiệp của gia đình chàng được thu gọn vào chiếc va-li nhỏ. Dân tị nạn lũ lượt kéo về hàng ngàn người, mảnh đất Do Thái tí xiu đã đầy ắp đến cổ, thực phẩm bị khan hiếm, công ăn việc làm càng bị khan hiếm hơn.

Sau một thời gian ngắn lãnh trợ cấp của chính phủ trong trại định cư đông nghẹt, Cohen ra ngoài tìm việc. Chàng nhận làm kế toán viên không thường trực. Với số lương ít ỏi, chàng cùng gia đình chui rúc trong một căn phòng thiếu tiện nghi. Ngay cả sở làm chết đói này cũng không cứu mang được lâu. Hăng buôn đóng cửa, Cohen bị thất nghiệp.

Chàng tiếp tục thất nghiệp luôn 2 năm ròng rã. Đúng ra chàng không hoàn

toàn thất nghiệp, thỉnh thoảng chàng vớ được chỗ làm, song không nơi nào được bền. Cohen rất siêng năng nên vợ con không đến nỗi bị thiếu hụt nhiều. Cũng như mọi công dân Do Thái trung bình khác, Cohen nói tiếng mẹ đẻ không thông thạo vì lẽ được chào đời ở nước ngoài, chàng không mấy ngoan đạo, tuy nhiên chàng lại có tinh thần ái quốc thiết tha, sẵn sàng hy sinh mạng sống để quốc gia Do Thái được trường tồn.

Cohen có một biệt tài mà chàng không biết. Biệt tài này chỉ nảy nở trong các cuộc họp đông đảo. Đó là biệt tài nói chuyện. Cohen có lối nói lôi cuốn, ai nghe cũng mến. Chàng lại còn đóng kịch rất khéo. Và bắt chước y hệt giọng nói cũng như cử chỉ của bất cứ ai. Kể cả đại tá Nát-se, tổng thống Ai Cập, hay tổng thống Đờ-gôn. Cohen còn giỏi ngoại

ngũ. Chàng biết 5 thứ tiếng.

Một hôm kia Cohen đang đi ngoài đường thì có hai người lạ đến làm quen. Họ chìa chứng minh thư cho chàng coi. Họ muốn bàn bạc chuyện riêng với Cohen.

Họ là sĩ quan Shinbet.

Từ 20 năm qua, Do Thái và Ả Rập chỉ nghĩ đến ăn tươi nuốt sống nhau. Họ chỉ đánh lớn cả thầy 3 trận. Nhưng về đánh nhỏ, đánh lẻ tẻ thì hầu như tháng nào cũng có. Về hoạt động gián điệp thì ngày cũng như đêm hai phe không tha nhau nửa bước...

Phe Ả Rập cố gắng rất nhiều song thành công thì lại rất ít. Người Do Thái dường như có khả năng về cải trang và hoạt động gián điệp. Họ từ khắp nơi trên

thế giới đổ về nên biết nói nhiều ngôn ngữ. Trong số những người hồi hương này có rất nhiều phần tử ưu tú vừa lập nghiệp trên lãnh thổ Ả Rập. Do đó Shinbet trà trộn điệp viên trong hàng ngũ địch không có gì khó khăn. Phương chi Shinbet lại được coi là một trong các cơ quan điệp báo hữu hiệu nhất hoàn vũ...

Mỗi ngày chính phủ Do Thái một chiều cố nhiều hơn đến công tác gián điệp hậu địch. Syri tuy không lớn bằng Ai Cập nhưng về thói lộn xộn thì hơn Ai Cập xa. Hàng trăm chuyên viên quân sự Xô viết được Syri mời đến, chở theo hàng hà sa số những vũ khí hiện đại. Binh sĩ Syri được huấn luyện ráo riết dưới sự hướng dẫn của cố vấn Hồng quân.

Do Thái bắt đầu ăn không ngon, ngủ không yên. Dọc biên giới phía bắc, kỹ sư công binh Xô viết rầm rộ kéo đến núi

Golan. Người Do Thái ở thung lũng bên dưới có thể nghe rõ tiếng mìn nổ, phá núi để đổ bê tông xây hầm và công sự phòng thủ. Shinbet được lệnh khám phá những bí mật bên trong đồn binh. Một kế hoạch thâm nhập được đề ra: Shinbet tung chuyên viên đi khắp nơi, xục xạo các trung tâm tiếp cư để tuyển chọn một người hội đủ điều kiện cải trang làm đại thương gia Ả Rập.

Kế hoạch thâm nhập này đòi hỏi một thời gian dài. Đáng rằng thời gian quá gấp rút song Shinbet không thể nào làm khác.

Và Shinbet để mắt tới Cohen.....

III.

Khởi cần tham dự cuộc hội kiến kín đáo giữa Cohen và hai phái viên Shinbet, người ta đã biết họ nói với nhau những gì. Cohen hằng chờ đợi cơ hội để phục vụ đất nước. Nhiều phiên họp khác được tiếp theo và sau cùng Shinbet kết nạp Cohen vào tổ chức. Vợ Cohen được thông báo là Cohen được chánh phủ trọng dụng. Vì công vụ, Cohen thường phải xa nhà, Cohen đột ngột biến dạng. Thỉnh thoảng chàng mới về thăm vợ con.

Trong những ngày vắng nhà này Cohen theo học khóa huấn luyện đặc biệt tại một cơ sở của Shinbet. Chàng được dạy kỹ thuật chụp hình, rửa hình, làm phim vi-ti, xử dụng mật mã và điện đài vô tuyến. Chàng phải học thuộc lòng thánh kinh Koran của người Hồi giáo, chàng giành thật nhiều thời giờ để nói

thạo tiếng Ả Rập. Chàng phải làm quen với nội tình Syri. Chàng phải nhớ vanh vách lịch sử Syri, tên tuổi các yếu nhân lãnh đạo. Tóm lại chàng phải làm cách nào để lột bỏ cốt cách Do Thái, biến thành người Ả Rập sinh trưởng tại Syri. Khóa huấn luyện của Cohen kéo dài đúng một năm.

Trước đây, chàng nói tiếng Ai Cập còn trật trật. Tiếng Ai Cập và tiếng Syri đều là tiếng Ả Rập, song về giọng nói và ngữ vựng có nhiều chỗ khác nhau. Giờ đây, công dân Syri trăm phần trăm cũng đình ninh Cohen là đồng hương. Tuy vậy thượng cấp của Cohen trong Shinbet vẫn chưa thỏa mãn. Họ yêu cầu chàng phải học thêm nữa. Nói giỏi tiếng Syri cũng chưa đủ, Cohen phải biết suy nghĩ, hành động, ăn uống, chơi bời như người Syri.

Tốt nghiệp lớp huấn luyện bổ túc này, Cohen được đưa tới một văn phòng riêng, tại đó chàng lấy tên một thương gia Syri giàu sụ chỉ có trong trí tưởng tượng và học thuộc mọi chi tiết về gốc gác gia cảnh, đời sống của người lái buôn ma ấy. Các chuyên viên Phản gián lão luyện lần lượt truy khảo Cohen để khám phá hớ hênh. Song Cohen đã tỏ ra khôn ngoan, bất cứ cạm bẫy nào cũng vượt qua dễ dàng.

Cohen biến thành Tabê (Kamel Tabet), khôi ngô, hào hoa, thành công về kinh doanh cũng như thành công về... đàn bà. Tabê còn độc thân song vợ con hàng đồng. Đặc điểm của Tabê là mang sự căm thù Do Thái từ trong máu. Nhắc đến thế giới Ả Rập là mắt chàng sáng rực. Chàng yêu Ả Rập, và ghét Do Thái. Chàng sẵn sàng làm mọi việc nhằm loại

trừ bè lũ Do Thái.

Với giấy tờ giả, Cohen từ giả Do Thái. Cuối năm 1960, chàng được tạt về nhà hú hí với vợ con. Chàng chỉ nói với vợ là xuất ngoại công tác, chứ không nói là đi đâu và làm gì. Cuộc sống gián điệp bó buộc Cohen phải đóng kịch cả với những người thân nhất.

Cohen lên đường đi Bua-nốt-E (Buenos Aires), thủ đô Á căn đình (Argentina). Tại các hải cảng lớn trên thế giới thường có nhiều kiều dân Syri. Họ lập nghiệp ở Bua-nốt-E khá đông, tuy nhiên một phần gia đình họ vẫn còn ở lại quê hương. Tabê - tức điệp viên Cohen - gia nhập đám kiều dân Syri này tháng 1-1961.

Sổ thông hành của Tabê cho thấy Tabê từng sống khá lâu ở Âu châu. Tabê

cho bạn đồng hương biết chàng chuyên về thương mại quốc tế. Và để chứng tỏ khả năng kinh doanh của mình, Tabê mở một văn phòng xuất nhập cảng lớn.

Tính tình Tabê không lạnh lùng, song cũng không vô vập. Chàng chỉ làm điều nào xét ra cần thiết, chàng không kết bạn vội vàng, và bừa bãi. Sau một thời gian hăng xuất nhập cảng của Tabê có tiền vào tiền ra sung túc, kiều dân Syri mới lưu ý đến, và mời chàng đến lễ bái tại giáo đường, đồng thời gia nhập hội người Syri ly hương.

Tabê không bỏ lỡ cơ hội nào có thể đả kích Do Thái. Có lần Tabê nói say sưa hơn cả đảng viên Đức Quốc xã đối với Do Thái nữa, và sau đó chàng được một người đàn ông trung niên, khỏe mạnh, nghiêm nghị mặc quân phục tướng lĩnh bộ binh Syri đến bắt tay khen ngợi nồng

nhật. Vị tướng Syri này là Hafê (Amin el Hafez), là tùy viên quân sự tại sứ quán Syri. Hai người trở thành bạn thân và trong tương lai Hafê đã vô tình giúp Tabê đắc lực trong nhiệm vụ gián điệp chống Syri.

Trong những buổi trà dư tửu hậu Tabê thường lộ vẻ buồn. Bạn bè gắng hỏi, chàng mới thở dài nói là nhớ nhà. Sức khỏe của chàng mỗi ngày một kém, chàng chỉ sợ nhắm mắt mà không được thấy lại đất nước thân yêu. Khi rời quê cha đất tổ, chàng còn nghèo kiệt, giờ đây, chàng đã giàu sụ, chàng càng nhớ nhà bội phần.

Tabê xin gia nhập quốc tịch Á-căn-đinh để có thể về thăm Syri dễ dàng. Chàng quen rộng, hồ sơ lại tốt nên không phải chờ đợi điều tra lâu lắt. Chàng được cấp sổ thông hành Á-căn-đinh. Sổ

thông hành chính hiệu. Chứ không phải sổ thông hành Syri giả. Kế hoạch thâm nhập Syri của Shinbet tiến thêm được một bước.

Tháng 1-1962, một năm sau khi đến Á-căn-đinh, Tabê đáp tàu biển về Syri. Cuộc tiễn đưa diễn ra linh đình. Đó là điều dĩ nhiên vì Tabê đã chiếm được cảm tình và sự trọng vọng của hầu hết kiều dân Syri, ngay cả viên chức chính quyền bản xứ cũng mến chàng.

Đầu thế chiến thứ hai, một cuốn kim chỉ nam gián điệp của Nga tựa đề «Phương thức tuyển mộ và gặt gở điệp viên» lọt vào tay phản gián Đức quốc xã. Đức liền cho phiên dịch và phổ biến trong các trung tâm huấn luyện điệp báo của họ. Cuốn cẩm nang này đề ra một nguyên tắc căn bản và quan trọng cho mọi điệp viên hoạt động trên đất địch, ấy

là tìm mọi cách giao du thân mật với các nhân vật cao cấp của địch, càng cao cấp càng tốt, vì nhân viên của địch càng cao cấp thì tin tức, tài liệu thu hoạch được càng thêm quý giá.

Tabê tuân theo cuốn cẩm nang của G.R.U. sô viết. Thật trớ trêu vì G.R.U. cố vấn cho Phản gián Syri, chống lại Shinbet Do Thái. Ngay trên con tàu lênh đênh trên biển cả, Tabê cũng đã nghĩ cách làm quen với một triệu phú Syri²⁴, dòng dõi quý tộc. Nhà triệu phú này đi lại giữa các thủ đô Tây phương như đi chợ, mặc y phục Tây phương sang trọng và tiêu xài hào phóng. Tabê cũng phóng tiền tài thu phục nhân tâm cho nên khi con tàu sắp cập bến Li-băng thì hai người đã trở thành tri kỷ. Hành khách và hàng hóa đi Syri đều qua Li-băng. Tabê có sổ thông

²⁴ Tên người này là Sheik Majed el Ard.

hành hợp lệ mà không có chiếu khán hợp lệ. Shinbet ra lệnh cho chàng tránh xin dấu chiếu khán nhập nội tại sứ quán Syri, Bua-nô-E. Shinbet sợ họ điều tra cặn kẽ và sẽ phăng ra sổ thông hành giả mạo. Vì vậy Tabê phải đến Bê-rút, thủ đô Li-băng (Beirut – Liban, Libanon), tìm người đỡ đầu để xin chiếu khán tại đó.

Nhà triệu phú gặp trên tàu đã vô tình đỡ đầu cho điệp viên Tabê. Trong bữa ăn thịnh soạn, Tabê giả vờ giật mình vì quên xin chiếu khán tại Á-căn-đình. Nhà triệu phú nhận lời giúp ngay, chuyện gì chứ xin dấu nhập nội thì dễ ợt.

Đặt chân lên thương cảng, Tabê được nhà triệu phú Syri mời lên chiếc xe nhà oai vệ, có tài xế mặc đồng phục lái. Tại trạm kiểm soát ở biên giới Syri, nhà triệu phú vào văn phòng quan thuế, gọi điện thoại cho một viên chức chỉ huy tại Đa-

mát (Damas, Damascus). Viên chức này ra lệnh cho đội công an biên phòng, Và Tabê được phép nhập cảnh vô điều kiện.

Thế là Tabê tức Côhen, điệp viên Do Thái, nghênh ngang đến Syri. Syri chỉ cách Do Thái một đồn binh Golan mà Tabê phải vòng vo Tam quốc, đi tận Nam Mỹ rồi từ Nam Mỹ xa xăm lộn về Trung Đông.

Đêm ấy Tabê nằm thao thức trong lũ quán sang trọng bậc nhất. Tabê không sao ngủ được vì đây là đêm đầu tiên của người gián điệp trên đất địch. Vợ con, bạn bè ở gần trong tầm tay mà lại rất xa...

IV.

Tabê lặp lại chiến thuật đã áp dụng thành công tại Á-căn-đình. Từ từ kết

thân. Chọn bạn mà chơi, Tabê làm quen với toàn những kẻ ăn trên ngồi trước. Chàng không gặp khó khăn, phần vì có nhiều thư giới thiệu của kiều dân Syri đang sống tại Á-căn-đình. Một phần cũng do quà cáp, mời mọc...

Dần dà Tabê được chấp nhận vào xã hội thượng lưu Đa-mát gồm các tướng tá, bộ trưởng, lãnh tụ chính trị, đại thương gia. Chàng luôn luôn bày tỏ lập trường chính trị dứt khoát: sự hiện diện của Do Thái là đại họa cho đạo Hồi, đại họa cho khối Ả Rập, do đó, người Ả Rập phải vùng dậy, quét Do Thái ra biển, Syri phải cấp thời gia tăng tiềm lực binh bị.

Cơ sở thương mại ở Á-căn-đình tiếp tục hoạt động. Tabê chuyển một số tiền lớn từ Á-căn -đình về Syri. Để tiêu xài cho bố những năm tha phương cầu thực. Và cũng để mở một hãng xuất nhập cảng

tại quê nhà Đa-mát thân yêu. Tabê lôi kéo được một số yếu nhân chính quyền, cho họ chấm dứt vào nghiệp vụ xuất nhập cảng. Nếu không lôi kéo được bằng tiền bạc, chàng dùng sự biểu xén, mời mọc du hí.

Trong số bạn bè của Tabê có đại tá Hatum (Hatoum), tư lệnh lữ đoàn xung kích dù, và đại tá Đali (Dalli) – là một quân nhân trung niên nhiều thủ đoạn, mượn binh nghiệp làm nức thang danh vọng. Ngoài ra, chàng còn quen thân một số bộ trưởng và tướng lãnh.

Sau mấy tháng ở Đa-mát, Tabê ngỏ ý muốn trở lại Á-căn-đình. Không ai bằng lòng cho chàng rời Syri vì tổ quốc đang cần những đứa con trung thành, quả cảm và tài giỏi như chàng giữa lúc thù trong và giặc ngoài đe dọa trầm trọng. Chính phủ mời chàng làm trưởng ban

chương trình hướng về Tây ban nha và Nam Mỹ trong sở Vô tuyến Truyền thanh và Truyền hình. Dĩ nhiên là Tabê nhận lời. Bạn bè chàng tỏ vẻ mừng rỡ vì họ đã thành công trong việc thuyết phục đại thương gia Tabê gác bỏ mọi quyền lợi vật chất riêng tư để phục vụ đất nước.

Một thời gian ngắn sau đó. Tabê thay đổi nếp sống. Chàng dọn đến một tòa biệt thự sang trọng trong một khu vực sang trọng, đối diện với dinh Thủ tướng. Biệt thự của chàng được thiết trí toàn đồ đạc và tiện nghi đắt tiền. Ngày nào cũng như ngày nào, chàng mở các cuộc tiếp tân và hưởng lạc với sự tham dự của hầu hết các vị tai to mặt lớn ở thủ đô.

Ai cũng tưởng triệu phú thương gia Tabê là kẻ chơi bời. Ai cũng tưởng Tabê thức thâu đêm bên gái đẹp, tiệc tùng và bài bạc. Không ai biết rằng tất cả chỉ là

một tấn kịch. Bên trong tòa nhà mênh mông ngàn một đêm lẻ. Tabê đã bí mật đặt một phòng chụp hình, rửa hình vi-ti. Những báo cáo đầu tiên của Tabê cho Shinbet được thu nhỏ thành dấu chấm trên đầu chữ i trong các cạt-pốt-tan gửi về cho các bằng hữu ở Á-căn-đỉnh. Ngay từ những báo cáo sơ khởi này Tabê đã nắm được rất nhiều tin tức quan trọng về mức chi viện của Liên xô cho Syri, nhằm đánh gục Do Thái.

Tabê còn một thể thức gửi tin tức khác, qua đài bá âm chính thức Đa-mát. Với tư cách trưởng ban chương trình, chàng viết nhiều bài bình luận đả kích “kẻ thù” Do Thái, và chỉ có trụ Sở điệp báo Shinbet mới hiểu được rằng những bài bình luận sắc mùi xuyên tạc căm thù này đã chứa đựng một số tin tức quân sự và chính trị có lợi cho Do Thái.

Trung ương Shinbet tỏ ra vô cùng hân hoan, điệp viên của họ đã thành công trên mức dự tính. Để giúp Tabê phương tiện báo cáo cho nhậm lệ và kín đáo hơn, họ ngấm gửi tới một điện đài nhỏ xíu, đồng thời ra lệnh cho chàng kết thân với đảng Bát (Baath), một đảng cực tả theo khuynh hướng xô viết. Sở dĩ Shinbet ban hành chỉ thị này là vì Liên xô đang ngấm tiếp tay cho đảng Bát cướp chính quyền, và một khi có sự toa rập của Liên xô thì cuộc đảo chánh chắc chắn thành công.

Tức thời Tabê thay đổi lập trường. Nội trong tuần ấy, chàng gia nhập đảng Bát. Shinbet tiên liệu không sai, chỉ mấy tuần sau đảng Bát đã lật đổ chính phủ trong một cuộc đảo chánh. Cách mạng thành công, đảng Bát mở tiệc ăn mừng, và dĩ nhiên trong số quan khách đến

cụng ly có đại thương gia kiêm trưởng ban chương trình đài truyền thanh và truyền hình Tabê. Tướng Hafê, bạn cũ của chàng ở Á-căn-đình, được phe đảo chánh cử làm tân tổng thống, nên chàng được đối xử một cách biệt nhỡn và thâm tình.

Trong những ngày đầu cách mạng, có tin đồn Tabê được tướng Hafê mời tham gia nội các. Phiên một nỗi Tabê lại là công dân Á-căn-đình. Nhưng Tabê không muốn trở thành yếu nhân của chính phủ. Công an mật vụ Syri có thể dí mũi vào dĩ vãng của chàng và sẽ khám phá ra Tabê là người tưởng tượng, Thượng sách là đứng ở hậu trường, tiếp tục giao du với giới tướng tá lãnh đạo. Đại tá Hatum, Đali và triệu phú đã đỡ đầu cho chàng hồi mới nhập cảnh. Ba người này là nguồn cung cấp tin tức rồi

rào bất tận. Cả ba đều mang bệnh hảo ngọt, thấy đàn bà đẹp là híp mắt, lại ưa thích gái tơ. Tabê bèn biến tòa nhà lộng lẫy của chàng thành động đào, và trong khi các ông bự của chế độ mới say sưa với mỹ nhân thì trong gian phòng kín Tabê hoạt động gián điệp...

V.

Năm 1964 mở đầu với một sự thay đổi nhỏ trong nếp sống của Tabê. Chàng vẫn tiếp tục khoản đãi tân khách, bạn bè. Các phòng ăn và giường ngủ trong tòa biệt thự tráng lệ của chàng vẫn tiếp đón các yếu nhân mỗi đêm. Tuy nhiên, vì muốn lôi kéo thêm những lãnh tụ tối cao, vì muốn rút tĩa thêm những tin tức quan trọng, Tabê đã giành riêng một số phòng để tổ chức những thú vui đặc biệt.

Trứng cá caviar, loại đắt tiền nhất, được chở từ Nga tới bằng phi cơ cùng với huyết-ky nguyên xứ, sâm-banh hiếm và rượu mùi của Pháp, thôi thì sơn hào hải vị, của ngon vật lạ từ khắp nơi trên thế giới đều được Tabê mua về, cung ứng thừa mứa cho các con mỗi tướng lãnh và tổng trưởng. Thuốc hút thì có cần sa được trồng ngay tại địa phương, hoặc á phiện trắng chế tạo tại Pháp. Khoảng nửa đêm, những ngọn đèn lớn đều tắt, chỉ còn lại một số ánh sáng huyền ảo, rồi tấm màn nhung được kéo dạt ra, một đạo binh gái đẹp xuất hiện, trình diễn múa bụng Ai Cập, thoát y vũ tây phương, múa nhảy Á đông và... những trò giải trí xác thịt tận kỳ và hấp dẫn độc nhất vô nhị...

Giữa cảnh trác táng này, Tabê là con người sành sỏi, hầu như quốc tế. Không ai biết rằng hồi nhà, bên cạnh vợ con,

chàng là người cha, người chồng gương mẫu, không hề rượu chè, dĩ điểm.

Lần lượt những bí mật của quốc gia khuynh tả Syri lọt vào tay Tabê và tình báo Do Thái. Nhưng để phòng bị Syri tấn công, Do Thái cần nắm giữ họa đồ kiến trúc đồn binh bất khả xâm phạm Golan.

Việc này được giao cho điệp viên Tabê.

Tabê lại trở tài đóng kịch. Mỗi khi gặp các tướng lãnh, chàng đều phàn nàn về việc quân đội Syri được trang bị khí giới hiện đại, và có tinh thần chiến đấu cao độ, nhưng hệ thống phòng vệ biên giới lại quá yếu kém, sợ khó cản chân xâm lăng Do Thái. Tabê yêu cầu bộ tổng tư lệnh cải tiến các đồn binh dọc biên giới. Hội kiến với tổng thống Hafê mùa

hè 1964, chàng lặp lại nhận xét bi quan này. Dĩ nhiên Hafê sống sót, vì Hồng quân xô viết đã giúp Syri tăng cường phòng thủ tối đa. Tabê bi quan chẳng qua vì không am hiểu thực tình. Tổng thống Hafê bèn gọi điện thoại cho bộ tổng tư lệnh và Tabê được mời viếng thăm các vị tri quân sự biên giới mà chàng chê là yếu kém. Chính phủ cũng như quân đội muốn chứng tỏ cho công dân ưu tú và hữu công Tabê hiểu rằng Syri không hề yếu kém trước kẻ thù Do Thái như chàng lầm tưởng.

Sau hai ngày tham quan lý thú, Tabê được hướng dẫn lên đỉnh Golan. Chàng xin phép được nghỉ đêm tại đồn binh để có thời giờ quan sát phong cảnh nên thơ và nghĩ đến lúc quân đội Syri anh dũng tràn ngập thung lũng Hulê xanh tươi phía dưới, đánh đuổi “bọn chó ghẻ”

Do Thái. Dầu cho Tabê đóng kịch xuất phạm, chắc chắn tim chàng đã đập thành thịch và mặt chàng xanh tái khi chàng đứng trên cao nhìn xuống thung lũng. Vì đó là quê hương đích thật của chàng. Đó là nơi vợ con và đồng bào của chàng đang sống. Đó là nơi Shinbet ngày đêm trông chờ họa đồ đồn binh Golan, công sự phòng thủ kiên cố nhất và vĩ đại nhất Trung Đông.

Khi viên tư lệnh đồn binh chỉ con đường ngoằn ngoèo bị kẹt giữa những tảng đá lớn, Tabê giả vờ giật mình:

– Nếu “bọn chó ghẻ” Do Thái liều mạng đánh từ mặt này lên thì sao?

Viên tư lệnh cười, tin tưởng:

– Chỉ có một lối công đồn. Bằng con đường ông vừa nói. Nhưng nếu chúng

lên đây bằng con đường ấy, chúng sẽ chết không còn một mống, cho dầu chúng huy động hàng trăm phi cơ oanh tạc, và dưới đất chúng tung ra hàng trung đoàn... Vì.. vì những ổ súng lớn nhỏ của ta được ngụy trang kỹ lưỡng và giấu trong hầm bê tông, ta có thể tiêu diệt cả những vật nhỏ bé như ruồi kiến, chứ đừng nói là chiến xa và bộ binh của địch nữa... Đây này.. mời ông coi...

Viên tư lệnh huênh hoang dẫn Tabê đến những nơi cất súng. Đủ mọi loại súng. Kể cả đại pháo và súng phóng hỏa tiễn. Viên tư lệnh nói đúng, vị trí độc nhất vô nhị của đồn Golan cộng với khả năng hỏa lực có thể tiêu diệt hàng trung đoàn tấn công của Do Thái.

Tabê bèn giả vờ ngu ngốc, viên tư lệnh giải thích mãi chàng vẫn còn lo ngại, chàng lại nhai nhải là khi trở về gặp tướng

tổng tư lệnh và tổng thống sẽ yêu cầu gia tăng biện pháp phòng thủ, rồi cuộc viên tư lệnh phải mời chàng về hầm chỉ huy mở tủ sắt lấy họa đồ cho chàng xem. Ốc Tabê là cái máy chụp hình bén nhậy và trung thật nên viên tư lệnh giảng đến đâu thì chàng nhớ vanh vách đến đó.

Đêm ấy Tabê chỉ giả vờ ngủ. Chàng phải thức để làm nhảm bản báo cáo chi tiết gửi về trụ sở Shinbet.

Hôm sau về Đa-mát, chàng đến thẳng bộ tổng tư lệnh, xin lỗi về thái độ thiếu tin tưởng của mình và không ngớt lời khen ngợi các đơn vị biên phòng. Chàng không quên để lại tám chi phiếu 35.000 đô-la tặng anh em chiến sĩ “gối đất nằm sương để bảo vệ tổ quốc”. Tại các nước Ả Rập, đảo chính xảy ra như cơm bữa nên các nhà triệu phú thường hào phóng với

quân đội. Tiền tặg quân đội chỉ là một hình thức đầu tư khôn ngoan.

Bản báo cáo quá dài, Tabê không gửi đi bằng điện đài. Chàng dự định về Do Thái để phúc trình miệng, và cũng để thăm gia đình luôn thể. Chàng rời Đa-mát nói là đi Âu châu lo việc buôn bán, nhưng khi ghé Zu-rích chàng lén mua vé về Do Thái, mang theo họa đồ đồn binh Golan tự chàng vẽ lại bằng trí nhớ. Tabê gặp giám đốc Shinbet rồi phóng xe về nhà. Vợ con chàng mừng mừng tủi tủi, sau mấy năm trời xa cách, không thư từ, không tin tức, nay gia đình được đoàn tụ. Vợ hỏi chàng làm gì, ở đâu nhưng chàng không thể tiết lộ.

Tabê không thể lưu lại nhiều ngày ở Do Thái. Trong thời gian ngắn ngủi này chàng lại phải nhóm họp liên miên với

các chuyên viên Shinbet. Chàng chẳng còn bao nhiêu thời gian để giành cho vợ con. Rồi ngày vui qua mau, Tabê lại phải dứt áo ra đi. Chàng bay lộn lại Zu-rích, đáp chuyển phi cơ sớm nhất về Đa-mát, tiếp tục cuộc sống trà đình tửu quán thượng lưu, sát nách Tử thần.

VI.

Gần như là số phận chung, hầu hết các siêu điệp viên từ xưa đến nay đều bị tử thần gọi đi giữa tuổi thanh niên, giữa những hoạt động thành công rạng rỡ. Vì vậy siêu điệp viên Tabê không sao tránh được Tử thần...

Điệp viên chết vì bại lộ. Bại lộ vì bản thân vụng về hớ hênh. Song phần lớn, bại lộ vì một lỗi lầm nào đó ở trung

ương. Trung ương Shinbet đã phạm một lỗi lầm tai hại khi ra lệnh cho Tabê dùng điện đài làm phương tiện gửi tin duy nhất.

Đành rằng kỹ thuật vô tuyến điện đã tiến triển vượt bậc, điện đài gián điệp ngày nay không còn là cái va-li công kênh như trong thế chiến thứ hai nữa. Nó có thể được thu nhỏ bằng cuốn tự điển, bằng nửa hộp bánh bích quy hoặc bằng gói thuốc lá 20 điếu. Nhưng nó có tối tân đến đâu cũng vẫn không được an toàn. Ngày xưa, nó dễ bại lộ vì nó kém tối tân. Ngày nay, nó tối tân hơn. Phản gián khó khám phá hơn. Tuy nhiên chẳng sớm thì muộn nó cũng phải bại lộ.

Phạm truyền tin bằng điện đài, điệp viên trên đất địch thường gồm 3 bộ phận riêng biệt, bộ phận cung cấp tin tức, soạn tin tức thành mật điện, bộ phận giao

liên, và bộ phận điện đài có nhiệm vụ đánh bức điện. Bộ phận cung cấp và bộ phận điện đài không biết nhau. Bộ phận điện đài dễ bại lộ nhất. Bộ phận cung cấp quan trọng nhất, nên khi bộ phận điện đài bị lộ, bị bắt thì bộ phận cung cấp tin tức thường có kịp thời giờ để trốn thoát. Đàng này trong trường hợp của Tabê, chàng phải kiêm luôn 3 bộ phận, chàng đi lấy tin tức, chàng soạn thành mật điện và cũng tự tay chàng đánh đi.

Việc kiêm nhiệm này là một lỗi lầm thứ hai của Shinbet. Điều làm các chuyên viên điệp báo ngạc nhiên là không hiểu tại sao Shinbet là cơ quan lão luyện lại phạm 2 lỗi lầm căn bản như vậy. Có lẽ vì Tabê quá tự tin. Tabê đã trở thành yếu nhân ở Đa-mát. Tabê là bạn của tổng thống Syri. Tabê xưng anh anh tôi tôi thân mật với các tướng lãnh cao cấp

Syri. Tabê nghĩ rằng không ai dám ngờ vực một người như chàng...

Một đêm mùa thu 1961, ban kiểm thính của sở Phản gián Syri bắt gặp một âm thanh kỳ quặc từ thủ đô Đa-mát phát đi. Phản gián biết đây là điện đài của địch. Nó chỉ kéo dài mấy giây đồng hồ nên ban kiểm thính không ghi âm được. Họ chỉ ghi thời khắc và luồng sóng, rồi kiên nhẫn chờ đợi.

Đêm hôm sau, ban kiểm thính chăm chú nghe ngóng. Không có gì. Trong những ngày, những tuần kế tiếp, họ vẫn không lơ lửng cảnh giác. Kiên nhẫn vốn là đức tính số một của nghề phản gián. Nhất là phản gián kiểm thính, chuyên tìm điện đài của địch. Rồi một đêm kia, họ lại bắt được âm thanh lạ. Nhưng giờ giấc cũng như luồng sóng đã được thay đổi.

Ban kiểm thính nghiên cứu cuộn băng ghi âm. Họ biết đây là một lối truyền tin tinh vi, bức điện thoát tiên được chuyển thành mật điện, sau đó được đánh đi, khi đánh đi âm thanh của mã tự chạy qua một cái máy thu băng đặc biệt, máy này chạy với tốc độ cực nhanh làm cho âm thanh của mã tự đổi khác. Phản gián ghi âm được cũng vô ích. Phải nắm được mật mã, nắm luôn cả máy thu băng mới hiểu được nội dung mật điện.

Ban kiểm thính chia nhau canh chừng không phạm Đa-mát. Sau nhiều lần dò dẫm, tính toán, họ đã phăng ra một sự thật động trời: âm thanh kỳ quặc này xuất phát từ tòa biệt thự sang trọng của đại thương gia Tabê, xế dinh thủ tướng. Nhân viên Phản gián ập vào, mục kích một cảnh tượng mà không ai dám ngờ tới, cảnh đại thương gia chống Do

Thái Tabê đang xử dụng điện đài, gửi tin tức gián điệp về Do Thái, trong căn phòng được trang bị máy móc khoa học, kể cả một máy thu băng với tốc độ cực nhanh.

Điệp viên Tabê bị bắt.

Tin Tabê bị bắt về tội làm gián điệp là tin quá quan trọng nên chính phủ Syri không thể bùng bít nổi. Nó lan rộng trong giới thượng lưu Syri như tia lửa trên đường thuốc súng. Chỉ mấy ngày sau thường dân cũng biết mặc dầu nhà chức trách tìm đủ mọi cách giấu diếm. Mọi người đều bàng hoàng, tưởng như mơ ngủ. Một tuần lễ nặng nề trôi qua rồi ngày 24-1-1965, đài bá âm Đa-mát loan đi một tin ngắn về vụ “một tên gián điệp Do Thái nguy hiểm vừa bị sa lưới”.

Cơn sốt gián điệp làm toàn quốc run

rầy. Phản gián long trọng thông báo là 13 điệp viên Do Thái khác bị lột mặt nạ. Những người biết chuyện không tin họ là điệp viên thật sự, chẳng qua chính phủ Syri thừa gió bẻ măng, lợi dụng vụ Tabê để loại trừ luôn phe đối lập trong xứ. 13 điệp viên này bị lôi ra tòa án quân sự, vô tuyến truyền thanh và truyền hình làm rùm beng và toàn thể đều bị treo cổ.

Sau khi Tabê tức Cohen bị bắt, người ta nghe đồn chàng có thể không bị hành quyết. Vợ Cohen với sự trợ giúp của chính phủ Do Thái đã mời ông Mét-xi-ê (Jacques Mercier) là một trong những luật sư hữu danh nhất Âu châu để biện hộ cho bị cáo. Luật sư Mét-xi-ê bay từ Ba Lê đến Đa-mát và được chính phủ Syri cho phép làm tròn nhiệm vụ bào chữa.

Tại một thành phố ở Âu châu, các viên chức Do Thái và Syri bí mật gặp nhau

để bàn luận về số phận Cohen. Cuộc dàn xếp này bị tiết lộ ra ngoài. Và tờ Thời báo Chủ nhật (Sunday Times) ở Luân đôn loan tin: «Do Thái đề nghị chuộc mạng điệp viên Cohen bằng 28 triệu mỹ kim, cùng một số xe cam nhông, máy cày và dược phẩm. Nhưng Syri đã bác bỏ. Do Thái bèn đề nghị đổi Cohen lấy 10 điệp viên Syri cũng vẫn bị bác bỏ.

Cohen bị mang ra xử tại một phiên tòa quân sự gồm 5 sĩ quan cao cấp do đại tá Đali ngồi ghế chánh thẩm. Phụ tá cho Đali là đại tá Hatum. Cả Đali lẫn Hatum đều là bồ bịch của Cohen. Phiên tòa được cử hành trong bầu không khí bí mật tuyệt đối.

Dư luận trong và ngoài nước sôi sục nên chính phủ Syri đành phải cho phép ký giả săn tin. Cohen và 37 bị cáo khác cùng bị xét xử hôm đó được xuất hiện

một lát trên ống kiếng vô tuyến truyền hình. Chính phủ Syri không cho biết tên những bị cáo này. Tuy nhiên, một nguồn tin thành thạo cho hay họ chỉ là những viên chức cấp dưới chịu tội thay cho xếp, và 17 nữ bị cáo có mặt trước vành móng ngựa không hề làm gián điệp. Chẳng qua họ đã tham dự những cuộc vui giật gân thâu đêm do Cohen tổ chức.

Trên máy thu hình. Cohen có vẻ nhợt nhạt và mệt mỏi, song không hề tỏ ra bối rối, lo sợ. Mặt chàng luôn luôn bình thản. Trước khi nhận lãnh nhiệm vụ của Shinbet, Cohen đã đoán trước tương lai. Dĩ nhiên Cohen không nghĩ là mình sẽ bị bắt, bị chết. Nhưng chàng đã biết rõ số phận những điệp viên bị địch bắt.

Cuộc xử án chỉ là một thủ tục lấy lệ. Số phận của Cohen đã được quyết định từ trước. Luật sư Mét-xi-ê không

được thông báo giờ giấc phiên xử khai mạc cũng như bế mạc. Và quan tòa cũng không quan tâm đến những lời biện hộ hùng hồn của luật sư.

Rạng đông ngày 18-5-1965, tử tội Cohen bị giải từ xà lim đến pháp trường thiết lập tại quảng trường Đa-mát. Tín đồ đạo Hồi thường đi lễ sớm, khi Cohen dứt đầu vào thông lọng thì tiếng cầu kinh từ giáo đường kế cận vọng lại rì rầm và những người bán hàng rong trên vỉa hè bắt đầu rước khách. Trên thi thể Cohen treo tòng teng được găm một mẫu giấy trắng đề chữ Ả Rập như sau “bị hành hình về tội chuyển tin tức liên quan đến an ninh cho địch”.

Ngày hôm sau, tường thuật vụ xử giáo điệp viên Cohen, một nhật báo Ả Rập hàng đầu ở Be-rút [Nhật báo El Hayat, xuất bản tại Beirut-Li-băng (Liban).] đã viết: «Một

sự thật đau buồn là Cohen đã đạt được những thắng lợi kinh hoàng. Nếu Chính phủ Đa-mát nhóm họp buổi sáng để cứu xét và quyết định một vấn đề gì thì ngay đêm ấy Cohen đã báo cáo đầy đủ về Do Thái”.

Tử tội Cohen được chôn trong một nấm mồ vô danh ở Đa-mát. Những người bạn xa gần của Cohen trên chính trường Syri đều lần lượt lui vào quên lãng phủ phàng cũng như nấm mồ vô danh ấy. Tổng thống Hafê bị mất chức và nằm tù. Đại tá Hatum kém may mắn hơn là đã bị xử bắn. Họ bị nằm tù hoặc bị xử bắn chẳng phải vì họ có liên hệ đến điệp viên Cohen. Lên voi xuống chó vẫn là truyền thống chính trị ở Syri.

Sự hy sinh của Cohen không đến nỗi vô ích. Đồn binh Golan đã rơi vào tay Do Thái. Con đường nghèo nàn, nhỏ

xíu từ thung lũng lượn qua kẽ đá hiểm trở không còn nữa. Công binh Do Thái đã ủi đắp thành con đường lớn dốc thoai thoải, quân xa lên xuống dễ dàng. Sau 20 năm thung lũng Hulê sống trong tiếng đạn pháo kích rùng rợn, giờ đây hòa bình đã vãn hồi. Du khách từ phương xa đến thăm đồn Golan trên đỉnh núi do binh sĩ Do Thái trấn giữ đều nhìn thấy rải rác khắp nơi những xác đen xe tăng, xe bọc sắt và xe ủi đất, di tích của trận công đồn ác liệt và kỳ lạ.

Dĩ vãng dường như còn lảng vảng đâu đây. Đêm đêm, lính gác trên mỏm đá cheo leo vẫn nghe tiếng gió hú. Có lẽ đó là linh hồn siêu điệp viên Tabê tức Cohen, anh hùng điệp báo của một dân tộc bé nhỏ, bị vây bọc tứ bề nhưng không bao giờ chiến bại.

TRUYỆN THỨ CHÍN

Người gián điệp điển hình

Từ sau đại chiến thứ hai, gián điệp điện tử giữ vai trò mỗi ngày một lớn, nhưng vẫn không thay thế nổi con người. Vụ điệp viên Cohen của Do Thái, đại tá Penkósky²⁵ của Anh-Mỹ, đại tá Abel của Liên xô... đã hùng hồn xác nhận tính cách quan trọng của con người bằng xương bằng thịt.

²⁵ Vụ đại tá Penkósky đã được Người thứ Tám thuật trong - Chiến sĩ điệp báo Penkósky – xuất bản năm 1969.

Bởi vậy sau đại chiến thứ hai cũng như sau chiến tranh Cao ly, sau chiến tranh Do Thái Ả Rập 1967, sau chiến tranh Việt Nam... dẫu gián điệp điện tử bành trướng tốt độ nhưng nhân viên gián điệp vẫn còn. Vạn vật biến đổi, đại chiến thứ hai khác những trận chiến kế tiếp, nhưng những nguyên tắc cơ bản của nghề gián điệp không hề biến đổi. Đức tính cơ bản của người điệp viên cũng không biến đổi. Các nguyên tắc và đức tính cơ bản này được giảng dạy trong mọi trường gián điệp từ đông sang tây, ở bên này hoặc bên kia bức màn tre và màn sắt.

Một trong các đề tài được ghi thường trực trong chương trình huấn luyện điệp viên G.R.U., C.I.A., MI-6, Tình báo Sở, Shinbet, là cuộc đời hoạt động của con người được mệnh danh là đại tá Shelley

– Con thỏ trắng – tức Forest Fredrick Edward, Yeo, Thomas. Con người từng làm Phản gián Đức mất ăn mất ngủ. Con người vùng vẫy trên đất Pháp bị tạm chiếm với những thành tích kinh thiên động địa. Con người phá kỷ lục về vượt ngục, đùa rồn với tử thần. Con người có nhiều huy chương nhất thế giới. Ấy thế mà đời tư Con thỏ trắng lại rất bình lặng..

Chiến tranh chấm dứt, ông làm nghề... bán nước hoa cho phụ nữ ở Ba Lê.

Mở tập hồ sơ thế chiến về điệp báo mà quên nhắc đến Shelley là đặc tội với lịch sử. Cho nên...

I.

Đêm lạnh và buồn. Nước Pháp bị Đức quốc xã chiếm đóng, thực phẩm thiếu hụt, nhà cửa bị tàn phá, tang tóc bao trùm nông thôn và thành thị nên lòng người càng lạnh và buồn hơn. Đêm lạnh và buồn ấy, một chiếc xe tang lạnh và buồn chạy lục lục trên một con đường nhỏ bé, gập ghềnh. Mỗi khi bánh xe lọt vào ổ gà — những ổ gà khổng lồ do bom gây ra — chiếc xe cũ kỹ lại nhẩy chồm, có lẽ người chết nằm trong quan tài đóng chặt phía sau xe cũng phải sống dậy, hất tung nắp ván thiên, vọt ra ngoài.

Bầu không khí đồng quê chìm trong yên lặng. Bỗng trong trong xe tang có tiếng kêu lục lục. Xác chết bừng thức trong quan tài chẳng?

Không. Tiếng lục lục này không phải của người chết. Mà là của người sống. Tài xế xe đò ngồi đằng trước phía sau có 3 người sống, 2 cô gái và một thanh niên.

Thanh niên này tên là Sênli, siêu điệp viên của đồng minh đang bị mật vụ Giét-ta-pô quốc xã săn đuổi ráo riết trên khắp nước Pháp. Sênli ẩn trong xe tang trên đường từ nước Pháp bị chiếm đóng đi Luân Đôn, với những tài liệu cực kỳ quan trọng. Đó là những tài liệu liên quan đến các giàn bom bay khủng khiếp V1 và V2 của Đức, loại bom cha đẻ của hỏa tiễn từng tàn phá Luân Đôn, và làm đồng minh lo sốt vó.

Hai cô gái cùng đi với Sênli đều là nhân viên kháng chiến có thành tích, bị bại lộ, và cũng bị mật vụ săn đuổi ráo riết. Bộ tư lệnh kháng chiến quyết định

cho họ rời Pháp, tá túc trên đất Anh một thời gian, sợ ở lại họ bị bắt, bị tra tấn tàn bạo và bị... giết.

Đêm lạnh buốt tận xương tủy. Hai cô gái xinh xắn rùng mình, ớn rét tuy cửa xe đóng kín, và tuy họ mặc đồ ấm. Vì đột nhiên chiếc xe tang đứng phắt lại.

Đối với Sênli, bị bắt, bị tra tấn tàn bạo và bị... giết đã trở thành nếp sống thường trực nên khí lạnh ban đêm điều hui và khí lạnh của sự chờ đợi căng thẳng không làm chàng nổi gai ốc. Chàng nghe một khẩu lệnh bằng tiếng Đức. Bọn sen đầm Đức đi tuần lưu động vừa hạ lệnh cho tài xế xe tang ngừng lại. Hai cô gái nằm dán mình xuống sàn xe, bên quan tài. Sênli trao khẩu súng sáu nạp đạn sẵn cho cô gái gần nhất. Khẩu Colt 45 này được Sênli đeo trong bao da dưới nách, cô gái cầm súng, bàn tay hơi run. Nếu

lính Đức mở cửa nhìn thấy, nàng sẽ lấy cò.

Về phần Sênli, khẩu tiểu liên Sten đã được chàng thủ sẵn. Ngay trong tích –tắc đầu tiên chàng sẽ tặng bọn Đức nguyên một băng đạn. Chàng sẽ thoát thân như trong những lần trước. Hay chàng sẽ bị bắt. Bị trúng đạn... Khi ấy Sênli vẫn thản nhiên vì cái chết đã trở nên quá quen thuộc đối với chàng.

Gi-đô (Gidot), người đàn ông trung niên lái xe tang, và cũng là chủ hãng tang thật sự có môn bài đảng hoàng, cũng không phải là người dễ mất tinh thần và dễ bộc lộ cảm xúc mỗi khi bị công an địch chặn đường với những điệp viên đồng minh giấu trong xe.

Sen đâm Đức lớn tiếng:

– Chở gì đấy?

Gi-đô cười "ngoại giao":

– Chào xếp. Như thường lệ. Phía sau chỉ có một người. Một cô gái khá ngon lành.

– Vậy hả? Mở cửa sau và bảo cô ta trình giấy tờ.

Gi-đô khoát tay:

– Em cũng muốn chiều lòng xếp nhưng phiền một nỗi là người ta đóng đinh dài gần đốt tay.

– Đóng đinh?

– Vâng. Không những thế, người ta còn bọc kẽm dây nữa, nên...

– Hiểu rồi, đồ khỉ già. Chở hòm đi chôn hả? Thôi, cắt đi cho được việc.

Chiếc xe tang lại chạy rì rì. Gần một giờ sau – trời, một giờ đồng hồ trong vùng tạm chiếm, binh sĩ Đức võ trang tận răng, canh phòng cẩn mật, sao dài thế... — xe tang mới đậu lại. Và lần này Sênli nín thở, chĩa súng chờ đợi. Nhưng không ai hô tiếng Đức, Gi-đô cũng không phải gãi đầu gãi tai đóng trò hề Sạc--lô để vượt qua trạm gác. Gi-đô dẫm gót giấy bình bịch nhiều lần xuống sàn xe, báo hiệu «đến nơi an toàn».

Sênli đỡ hai cô gái mảnh khảnh nhảy xuống mặt đường đông nghẹt bóng đen. Ít nhất là một trung đội súng ống chỉnh tề, chưa kể một số người khác quỳ núp trong bụi, ép bụng xuống cỏ. Họ là kháng chiến quân địa phương. Họ có nhiệm vụ bảo vệ một khoảnh đất hẹp được dùng

làm sân bay tạm thời cho Sênli đáp phi cơ về Luân Đôn.

Một người cao nhằng, trạc 45, 45 tuổi, tư lệnh khu chiến, tiến tới, thân mật bắt tay Sênli:

– Đây là vinh hạnh lớn cho anh em kháng chiến và cho riêng tôi. Chào mừng đại tá.

Sênli và 2 thiếu nữ được dẫn bằng qua những rừng cây um tùm và lùm bụi rậm rì trước khi đến cánh đồng cỏ phẳng lì. Đó là sân bay bí mật. Những đốm sáng do đèn bấm bật lên rải rác trên sân bay. Cháy, tắt, cháy, tắt, kháng chiến quân làm hiệu cho phi cơ hạ cánh. Ngay khi ấy tiếng động cơ nghe rõ hẳn và chiếc phi cơ nhẹ của tình báo đồng minh nhanh nhẹn đáp xuống.

Sênli trèo lên sau cùng. Từ lúc đáp xuống đến khi cất cánh bay lên tính không đầy ba phút. Bên trong phi cơ chật chội nên Sênli chỉ có thể ngồi bó gối. Thế là một lần nữa Sênli lại thoát khỏi tay địch. Nếu dọc đường phi cơ không trúng đạn cao xạ Đức hoặc không bị khu trục địch đuổi đánh thì trong vòng một giờ Sênli sẽ đến Luân Đôn.

II.

Rạng sáng hôm sau Sênli đã có mặt tại dinh Thủ tướng Anh. Chàng không có thời giờ tắm rửa, và thay đồ mới. Đến văn phòng bí thư, chàng cũng không có thời giờ ngồi chờ. Chàng yêu cầu được yết kiến thủ tướng ngay lập tức. Dĩ nhiên chàng đã yêu cầu là văn phòng bí thư phải làm chàng thỏa mãn. Vì họ đã biết

chàng là đại tá kỳ tài Sênli.

Đại tá Sênli của không quân hoàng gia Anh quốc. Một trong các siêu điệp viên lỗi lạc nhất của đại chiến thứ hai. Người được thủ tướng Sốt-xin (Winston Churchill) cử làm liên lạc viên giữa Anh quốc và các khu chiến bí mật ở Pháp.

Sênli đã 39 tuổi song còn sống độc thân, bộ mã hào hoa, mặt khá đẹp trai, người Pháp nào cũng mến thương và khâm phục.

Những ai chưa gặp chàng định ninh chàng là con nhà võ, một chiến sĩ lạnh như tảng băng. Sự thật Sênli có dáng điệu nhà nghệ sĩ, hơn là một điệp viên luôn luôn cận kề với những nguy hiểm chết người. Tuy nhiên hồi còn đi học, cậu bé Sênli chuyên môn đánh lộn. Đánh lộn với bất cứ ai. Kể cả những học

sinh lớp trên. Kết quả là cậu bị đuổi ra khỏi hai trường. Năm 16 tuổi, Sênli đầu quân và trong những năm cuối cùng của thế chiến thứ 1 chàng tham dự các trận đánh ác liệt. Hòa bình vừa tái lập trên đất Pháp, chàng gia nhập bộ đội Ba Lan, giúp họ ngăn chặn người Nga tiến chiếm Vạc-sô-vi (Varsovie, Warsaw). Chàng bị phe bôn-sơ-vích bắt giữ và tuyên án tử hình.

Đêm trước ngày bị hành hình, một người lính Nga vào xà lim cho chàng khoanh bánh lớn, và nói:

– Anh ăn đi, sáng mai anh sẽ bị bắn.

Mặt Sênli bỗng co rúm, rồi chàng ngã lăn xuống nền xà lim. Chàng đóng kịch khéo đến nỗi tên lính tưởng chàng bị kinh phong vì nhận được tin xử bắn quá đột ngột. Tên lính vội cúi xuống xem xét

thì nhanh như điện xẹt bàn chân chàng được phóng ra, trúng yết hầu. Nạn nhân bị mê man ngay tức khắc. Sênli thót dậy, lột binh phục tên lính, mặc đàng hoàng vào người, rồi ưỡn ngực mở cửa nhà giam, biến mất vào trong bóng tối.

Đó là cuộc trốn tù đầu tiên trong đời chàng. Sau này, trong thế chiến thứ hai, chàng đã nêu thêm nhiều thành tích vượt ngục khác.

Dường như Sênli được tạo hóa sinh ra chỉ để phục vụ trong thời chiến. Bằng chứng là trong những năm yên ổn giữa hai trận thế chiến chàng đứng ngồi không yên, thay đổi sở làm gần như thường xuyên. Thoạt đầu chàng làm thợ máy trong hãng chế tạo phi cơ và xe hơi Rôn (Rolls - Royce). Chán nghề cơ khí dầu mỡ bẩn thỉu, chàng xoay ra làm kế toán viên cho một trung tâm du lịch, nhân

viên kiểm kê trong ngân hàng. Rồi bất thần chàng xung làm thủy thủ, lên đèn trên biển khơi. Để rồi chàng bất thần quay lại đất liền. Điều không ai ngờ đã xảy ra: chiến sĩ điệp báo hải hồ Sênli nhận làm quản đốc một hãng bán nước hoa và may mặc thời trang danh tiếng ở kinh đô ánh sáng [Hãng Molyneux tại Ba Lê...].

Máu phiêu lưu luôn luôn sục sôi trong huyết quản. Sênli tìm cách đăng lính Lê dương khi quân đội Đức quốc xã ào ạt xâm lăng nước Pháp. Các sĩ quan Lê dương thấy chàng có vẻ bạch diện thư sinh, chắc không biết đánh đấm, nên đã xếp đơn tình nguyện của chàng vào học tử. Bực mình, chàng qua Luân Đôn, và được động viên. Nhưng chẳng phải để ra mặt trận hoặc hoạt động tình báo do thám. Mà là giữ cái chức chán phèo của anh thông dịch viên trong Không quân

Hoàng gia. Thông dịch viên, vì chàng giỏi tiếng Pháp...

Nghề thông dịch viên vô thưởng vô phạt làm Sênli bức mình. Chàng bất chấp quân kỷ, gõ cửa phòng một ông thiếu tướng Không quân, ngỏ ý xin thôi việc.

Viên thiếu tướng tròn tròn mắt:

– Đâu quân rồi, đâu có thể xin ra dễ dàng như vậy được?

Sênli nói luôn một hơi:

– Thưa thiếu tướng, tôi không xin ra khỏi quân ngũ, tôi chỉ xin được thay đổi công tác. Tôi giỏi tiếng Pháp, tôi lại quen thuộc nước Pháp, tôi muốn làm điệp viên tại Pháp.

Viên thiếu tướng còn đang suy nghĩ thì Sênli tiếp:

– Xin thiếu tướng tha lỗi, nếu thiếu tướng không cho phép tôi chuyển ngành, tôi sẽ gửi ngay thư khiếu nại đến tờ Thời báo (Time) nhờ đăng tải, đồng thời phản kháng tại Nghị viện.

Lệ thường, người ta xin làm lính văn phòng, lính kiểng, chứ ít khi xin ra mặt trận đánh giặc. Hoạt động gián điệp hồi ấy rất nguy hiểm, số người tình nguyện không nhiều mấy. Tự dưng một anh chàng yêu cầu muốn được chết. Dĩ nhiên là thượng cấp chấp thuận.

Và Sênli trở thành nhân viên S.O.E.

Nhiệm vụ thiết yếu của S.O.E. là phá hoại ở hậu địch, làm cách nào cho địch mất ăn, mất ngủ, tinh thần bấn loạn ngày đêm trên khắp lục địa Âu châu.....

III.

Chẳng hiểu Sênli có đặc tài ra sao, chỉ biết là ban chỉ huy S.O.E. đặc biệt lưu ý đến chàng, và bổ nhiệm chàng làm trưởng ban Kế hoạch. Làm trưởng ban trong một cơ quan điệp báo hành động là đủ để sinh bệnh đau tim, thế mà Sênli vẫn thấy buồn tẻ và một lần nữa chàng lại nảy ra ý định... chuyển ngành để thỏa mãn bản tính giang hồ.

Hồi ấy, nội tình kháng chiến Pháp đang rối như tơ vò. Giết-ta-pô Đức càn quét mạnh mẽ, nhiều tiểu tổ điệp báo của đồng minh bị tiêu diệt, kháng chiến mỗi ngày một thêm nguy ngập. Sênli không còn là nhân viên tốt đen nữa. Chàng đã trèo lên địa vị chỉ huy. Nhân cơ hội này, chàng xin thượng cấp cử người khác thay chỗ chàng để chàng qua Pháp, đích thân tổ chức lại hàng ngũ kháng chiến,

đặt lại nền móng của công tác lấy tin và phá hoại.

Ngày 24-3-1943, Sênli chuẩn bị lên đường đi Ba Lê. Chàng đội lốt một người Pháp tên là Vi-sông (André Visson). Để phòng Phản gián Đức cật vấn, chàng học thuộc lòng mọi chi tiết về đời sống liên quan đến Vi-sông. Sênli mang theo dao bấm, súng lục, la bàn, họa đồ, và cái nhẫn giấu độc dược xy-a -nuya bên trong, có thể giết chết người trong nháy mắt. Theo chỉ thị S.O.E., mọi điệp viên phải dùng độc dược này trong trường hợp không chống nổi sự tra tấn của địch.

Cùng đi với Sênli là một yếu nhân kháng chiến Pháp tên là Bờ-rốt-sô-lét (Piette Brossolette), tóc hung, đầu có lọn tóc bạc phơ. Bờ-rốt-sô-lét đã cẩn thận nhuộm đen lọn tóc để mặt vụ địch khỏi nhận diện.

Hai người nhảy dù từ một phi cơ Ha-di-fắc xuống miền bắc nước Pháp, bắt liên lạc với kháng chiến. Bí danh Sênli được dùng từ đó, và chẳng bao lâu bí danh này được cả bạn lẫn thù đều biết tới.

Hai người xuyên qua vùng địch bằng xe đạp, chở theo thật nhiều lựu đạn, chất nổ và một điện đài truyền tin cỡ nhỏ. Đạp xe trên đường lúc xẩm tối là một hành động nguy hiểm vì quân Đức ra lệnh giới nghiêm sớm, thôn xóm vắng tanh, binh sĩ địch canh gác nhan nhản. Nửa giờ sau khi rời «phi trường», họ bị một toán lính tuần chặn lại và một trung sĩ Đức hỏi Sênli:

– Giờ này các anh lang thang ngoài đường làm gì?

Vừa trông thấy bọn Đức Sênli giả

vờ loạng choạng, ghi-đông đảo từ trái sang phải rồi từ phải sang trái lung tung. Chàng chạy đến gần toán lính thì hấp tấp thắng lại bằng chân. Chàng cầm sẵn trong tay chai rượu cỏ-nhát. Cỏ-nhát là món uống thịnh hành của dân nhậu nước Pháp. Người Đức cũng như mọi công dân khác trên thế giới — đều có thịnh tình với chất cay êm ái và thần tiên này. Sênli ghé cổ, tu một hơi dài, rồi ông ổng hát một bài dân ca trữ tình.

Gã trung sĩ quát:

– Im đi. Không được ca hát. Các anh đi đâu?

Sênli giả vờ sợ sệt:

– Xếp, xin xếp thông cảm... cô dâu quá đẹp, quá đẹp, xếp ơi, cho đến lúc này chúng em vẫn còn choáng váng.

– Cô dâu nào?

– Đám cưới ở làng bên. Thằng em họ của tôi thật tốt phước, nó vớ được cô dâu ngon ghê. Nó vừa làm đám cưới xong. Sợ lỡ giờ giới nghiêm, bọn tôi trèo lên xe, đạp muốn chết... nhưng, thừa xếp, phần vì cô dâu và mấy cô phù dâu đẹp như tiên nên.....

– Hiểu rồi. Đi mau lên kéo chậm. Mau lên kéo ông đệt cho một phát bây giờ.

Sênli chưa chuẩn vội. Chai cở-nhát vẫn đang còn, chàng mời gã trung sĩ làm một ngụm. Gã trung sĩ đang thèm muốn chết đã uống ngay không từ chối. Trong chớp mắt, không còn một giọt rượu nào đọng lại trong chai nữa. Sênli và bạn lại ngất ngưỡng lên đường giữa tiếng cười và tia mắt cảm tình của toán lính Đức.

Hai ngày sau Sênli mới đến được Ba Lê.

Kinh đô ánh sáng được coi là pháo đài kiên cố của mật vụ và phản gián quốc xã. Các nút chặn được lập khắp nơi để xét giấy tờ. Chân ướt chân ráo đến Ba lê, Sênli tạt qua đường Fờrăngklanh (Rue Franklin) nơi có trụ sở mật vụ. Chàng cần kiểm điểm lại phản ứng của mình. Liệu mình có thay đổi sắc mặt khi gặp mật vụ Đức hàng hàng lớp lớp không? Liệu những giấy tờ giả do S.O.E. cung cấp có đánh lừa được mật vụ Đức nổi danh khôn ngoan và sáng suốt không?

Muốn trả lời những câu hỏi này Sênli cần đến tại chỗ. Chàng vừa quẹo ngã tư vào đường Fờrăngklanh đã đụng đầu với một toán canh sát. Chân tay chàng hơi run. Nhưng chỉ một tích tắc đồng hồ sau đó chàng đã lấy lại bình tĩnh, bước

thăng về phía địch, xuất trình thẻ căn cước. Bên cạnh mật vụ Đức có cả cảnh sát Pháp của chính phủ Visi²⁶ nữa. Cớ m Pháp mà khám dân Pháp thì phải biết! Tên cảnh sát mặt mày đặng đặng sát khí nghiên cứu kỹ lưỡng tấm thẻ rồi đưa cho xếp Đức. Giấy tờ của Sênli hoàn toàn hợp lệ. A-lê, cho đi... điều này có nghĩa là từ nay trở đi điệp viên đồng minh Sênli có thể tự do xài giấy tờ giả của S.O.E....

Giáp mặt bọn mật vụ quốc xã xong. Sênli bèn rẽ vào một con đường quen thuộc, đến một ngôi nhà quen thuộc, bấm chuông 3 lần. Một ông già mở cửa, lộ đầu ra ngoài, giọng mệt mỏi:

– Ông kiểm ai?

26 Chính phủ này đóng đô tại Vichy nên gọi là chính phủ Vi-chy. Sau khi Pháp thất trận, tướng Đờ-gôn qua Luân Đôn tiếp kháng chiến, phe ở lại theo thống chế Pétan hợp tác với Đức, đó là chính phủ Vichy.

Sênli đáp:

– Chào cụ, tôi đến để bán đồ. Mời cụ mua vì hàng rất tốt lại hời. Cụ cho phép tôi vào nhé.

Ông già giật mình, mở rộng cửa cho Sênli. Sau khi đóng lại, ông già ôm Sênli hôn. Thì ra ông là thân phụ của Sênli. Mặc dầu đã lớn tuổi, ông cụ vẫn hoạt động tích cực cho kháng chiến.

Trong những tuần, những tháng kế tiếp, điệp viên Sênli đi khắp hang cùng ngõ hẻm trên đất Pháp. Chàng đến gặp từng tổ chức kháng chiến một để bàn bạc. Hồi ấy, mỗi tổ chức hùng cứ một phương, không ai phục ai, ít ai chịu liên lạc với ai để thống nhất hành động, thậm chí giữa những đơn vị kháng chiến còn có sự kèn cựa, tranh chấp tai hại nữa. Đại để, phe quốc gia Pháp tập hợp trong bốn tổ chức

kháng chiến: Chiến sĩ kháng Đức, Giải phóng, Tổ chức Dân quân, Chiến sĩ Giải phóng. Cộng sản Pháp cũng chống Đức song lại hoạt động riêng rẽ dưới chiêu bài Mặt trận Quốc gia. Trong các cuộc gặp gỡ, Sênli đã trao tận tay các chỉ thị của đồng minh cho lãnh tụ của năm tổ chức kháng chiến. Những chỉ thị này được in bằng mật mã trên giấy vắn thuốc lá.

Có lần, tạt qua thành phố Ly-ông, chàng bị nhân viên mật vụ chặn ở dọc đường. Gã mật vụ Đức lục lọi khắp người chàng nhưng chẳng tìm thấy gì. Sênli rút hộp thuốc lá trong túi ra, lễ phép biếu gã mật vụ một điếu, rồi lễ phép châm lửa. Gã mật vụ thở khói một cách khoan khoái, hẳn không bao giờ ngờ được rằng mỗi hơi thuốc của hắn là một phần của bức mật thư viết trên giấy quynh bị tiêu hủy. Sênli hút chết nhiều lần như thế.

Mật vụ giăng bẫy bắt chàng song chàng đều thoát khỏi. Dường như chàng sinh ra dưới ngôi sao hồng vận. Những người cùng làm việc với chàng lại nói rằng lý do giúp chàng tránh được thần chết là sự thận trọng.

Một thời gian sau, Sênli quy tụ được các phần tử yêu nước thành một tổ chức kháng chiến trung ương. Nhiệm vụ của tổ chức này là phối hợp điều hành hoạt động của 5 tổ chức²⁷ khác biệt, và thành lập một quân đội bí mật nhằm quấy phá hậu tuyến của địch, và phụ lực với đồng minh, sau ngày đổ bộ lên lục địa.

27 Các tổ chức kháng chiến này là Ceux de la Résistance Libération, Organisation civile et militaire, Ceux de la Libération, Front National...

IV.

Khi nhà cầm quyền Đức phát động chiến dịch động viên người Pháp để xung vào lực lượng lao động cưỡng bách, nhiều thanh niên đã được kháng chiến che giấu. Những thanh niên này là nòng cốt của đạo quân Pháp tương lai, góp phần quan trọng vào công cuộc chiến thắng Đức quốc xã bên cạnh đồng minh.

Tuy bận công tác tổ chức, Sênli vẫn không ngừng liên lạc điện đài với Luân Đôn, báo cáo chi tiết về hoạt động quân sự của địch tại Pháp. Chàng ra lệnh cho các toán cảm tử kháng chiến gấn mìn từ thạch vào thân tàu biển, trộn chất nổ trong các kho than đá của quốc xã, làm trật đường ray những chuyến xe hỏa chở đạn dược, giấu trong đuôi phi cơ Đức

một loại thuốc nổ đặc biệt, hể phi cơ bay lên cao mới phát nổ, làm đứt đuôi máy bay và đâm nhào xuống đất.

Giới chỉ huy Giét-ta-pô điên đầu vì Sênli. Một chỉ thị được ban ra “phải lùng bắt điệp viên Sênli với bất cứ giá nào”. Nhưng Sênli vẫn tiếp tục thoát hiểm.

Không quân Anh đang oanh kích ngày đêm vào các căn cứ quân sự Đức trên lãnh thổ Pháp. Trong số mục phiêu có nhà máy sản xuất vòng bi ở Anơxi (Annecy), tuy bị ăn bom dữ dội nó vẫn chưa bị tàn phá và còn chế tạo được quân cụ cho Đức. Sênli bèn cử một nhóm cộng sự viên gan dạ và giàu kinh nghiệm để giật mìn làm xụp nốt phần còn lại của nhà máy. Và Sênli đã thành công.

Tuy vậy, Sênli không phải là người an phận thủ thường. Đã thành công nhiều

lần, chàng đòi thêm những lần thành công nữa. Tại Gi-nhi (Gigny), giòng sông Sôn (Saone) vẽ thành cái khuỷu được coi là trung tâm hàng giang quan trọng, tàu bè Đức thường qua đây để chuyên chở quân cụ nặng như bộ phận ráp chiến xa, tàu ngầm. Không quân Anh oanh kích ác liệt song không làm sự chuyển vận này ngưng trệ được. Sênli bèn mang vấn đề ra thảo luận với Dê-rôm (Jerome), lãnh tụ khu chiến địa phương.

Dê-rôm băn khoăn:

– Theo ý anh, muốn bít khúc sông này lại phải làm cách nào?

Không suy nghĩ. Sênli đáp:

– Mìn. Dùng mìn nổi, nổ tung cửa sông.

– Đồng ý. Nhưng cái khó là mìn. Xoay đầu ra mìn bây giờ. Không lẽ chờ Luân Đôn thả dù xuống.

– Hơi lâu. Đề nghị chúng mình đi mượn.

– Đi mượn? A, hiểu rồi, đi mượn của địch.

– Dĩ nhiên. Kho đạn của Đức sẽ cung cấp mìn cho chúng mình. Nào, ta bắt tay vào việc...

Quả như Sênli nói, phe kháng chiến đã lấy trộm mìn dễ dàng nhờ có tai mắt và cảm tình viên ở khắp nơi. Ngày tấn công đã đến, 4 nhân viên kháng chiến bơi lội giỏi như rái cá, mặc đồ người nhái được giao nhiệm vụ gần mìn. Qua một đường dây khác, Sênli đã có đủ dưới tay họa đồ của cảng sông. Và ngày hôm

sau, hai con tàu Đức nghênh ngang qua khúc sông được đặt mìn. Mìn nổ, xác hai con tàu nằm chênh ềnh ngang cửa sông, thủy lộ bị chặn nghẽn luôn trong nhiều tháng, hệ thống tiếp vận của địch bị thiệt hại nặng nề.

V.

Điệp viên Sênli đã vượt râu hùm một cách ngoạn nghệ. Không, mật vụ Giét-ta-pô không thể làm ngơ cho chàng hoành hành thêm nữa. Họ phải ra tay loại trừ chàng. Nhưng loại trừ cách nào bây giờ? Một số thủ lĩnh Phản gián quốc xã không tin Sênli là điệp viên có thật bằng xương bằng thịt. Họ cho rằng Sênli là điệp viên tưởng tượng. Kháng chiến

Pháp nặn ra huyền thoại Sênli để kích động tinh thần trong nội bộ và hù dọa mật vụ quốc xã. Nhưng một số thủ lĩnh khác lại không nghĩ như vậy: họ đã nắm được bằng chứng Sênli là điệp viên có thật trăm phần trăm. Sênli chưa bị sa lưới vì chàng quá khôn ngoan.

Sênli không trốn chui trốn nhủi trong nhà, chàng luôn luôn đi lại ngoài đường, mỗi ngày cải trang một khác, chàng thay đổi hàng chục kiểu mũ, thay đổi mẫu áo sơ-mi dài ngắn, thay đổi com-plê, và thay đổi cả giày nữa. Chàng còn thay đổi dáng đi bằng cách nhét thêm độn gót, làm giấy chiếc cao chiếc thấp không đều.

Người Pháp sống trong cảnh thiếu thốn vì tài nguyên quốc gia bị Đức chiếm đoạt, chỉ riêng những kẻ cam tâm hợp tác với địch là được ăn ngon, mặc đẹp. Bởi vậy Sênli diện đồ sang trọng. Tưởng

chàng là nhân viên chóp bu của chính phủ thân Đức, bọn mật vụ sẽ không dám chặn xét.

Chàng thường hẹn gặp cộng sự viên tại đường lớn, đông người, chàng tạt qua, nhìn xem tứ phía có gì khả nghi hay không, sau đó chàng đi vòng lại, theo chân cộng sự viên đến một bệnh viện gần đó, bước vào bên trong. Chàng có thói quen bàn bạc với cộng sự viên bên trong nhà thương.

Chàng luôn luôn đề cao cảnh giác. Một lần, chàng đang lang thang trên vỉa hè Ba Lê thì chạm trán hai mật vụ viên, họ nghi chàng, toan chặn chàng lại, chàng đã đoán trước, nhanh chân trà trộn vào một cửa hàng lớn, lên xuống tầng dưới, đi xuyên qua phòng rửa mặt giành cho nhân viên, rồi phóc ra đường, leo lên xe tắc-xi. Xe chạy được một quãng, chàng

lại thót xuống, vù xuống hầm xe điện, bắt gặp một chuyến xe chật như nêm vừa tới.

Mỗi đêm chàng ngủ ở một nơi khác, trong số những người bạn cho chàng tá túc một đêm có đủ thành phần xã hội, minh tinh màn ảnh, chủ hàng thịt bò, tài xế, tắc-xi, gái nháy, nghệ sĩ thoát y hoặc cựu dân biểu Hạ viện... Có lần chàng phớt tỉnh thuê luôn căn nhà kế cận tư thất của viên phụ tá của Tổng trấn Ba Lê, người Đức. Chàng sống ở đó tự do, vì mật vụ Đức nào dám ngờ chàng mang thân đến tận hang hùm...

Giết-ta-pô dùng trên 30.000 mật báo viên tại Ba Lê, và bọn cớm nổi cớm chìm này không phải là những tay lơ tơ mơ bất lực hoặc lười biếng. Họ được huấn luyện đàn hoàng và hoạt động khá đặc

lục, điệp viên đồng minh bị họ thộp bắt không biết cơ man mà kể.

Bất cứ ở đường nào, khu nào, chung cư nào Giét-ta-pô cũng gài được tay sai, bởi vậy trước khi đến đâu Sênli đều nghiên cứu, điều tra và kiểm soát chu đáo. Và nhất là áp dụng mọi biện pháp an ninh cần thiết.

Khi đến đâu, Sênli để sẵn một nhân viên kháng chiến ở địa điểm hẹn, canh chừng mật vụ địch. Nếu chung quanh địa điểm hẹn không có khuôn mặt lạ, cuộc gặp có thể diễn ra, nhân viên này sẽ cầm tờ báo nơi tay làm hiệu. Trong trường hợp động ổ, nhân viên này sẽ đi tay không và Sênli phải đào tẩu thật nhanh. Một hôm kia, trời nhá nhem tối Sênli ghé qua nhà cô bạn gái làm nghề vũ nữ thoát y [Vũ nữ thoát y này là Claire.]. Chàng

không nhìn thấy nhân viên canh chừng. Đoán phỏng có mật vụ lảng vảng trong khu vực, chàng bèn vù thẳng một mạch. Sự cẩn mật của chàng không đến nỗi vô ích, vì cách đó mấy giờ đồng hồ căn nhà của cô bạn gái đã bị mật vụ Đức quốc xấp vào lục xét.

Một lần khác, chàng áp tải một cái va-li đựng đầy tài liệu tối mật do nhân viên kháng chiến thu được của bộ tư lệnh Đức. Chàng bắt bồ thân mật với viên trưởng xa, và nói thiên hô bát sát về 3 đứa con tưởng tượng của chàng. Viên trưởng xa cũng kể lể những chuyện xảy ra cho 4 đứa con của mình. Con tàu đang lặn bánh rầm rầm, Sênli rút chai rượu cỏ-nhát giấu trong áo tơi lạnh ra, mời viên trưởng xa một ngụm. Dĩ nhiên là viên trưởng xa uống đã đời. Vì dưới thời Đức chiếm đóng, rượu mạnh là thứ xa xỉ

phẩm khó kiếm. Ngất ngậy hơi men viên trưởng xa choàng vai bá cổ điệp viên Sênli:

– Anh đúng là công dân gương mẫu...

Sênli trề môi:

– Trái lại, ông xếp ơi. Tôi chẳng gương mẫu tí nào, tôi chuyên bán thực phẩm và đồ vật dụng chợ đen. Xếp biết không, phải làm nghề chợ đen, chợ đỏ mới kiếm đủ tiền nuôi bọn lau nhau. Trong va-li của tôi có thuốc lá, kẹo và đồ trang sức đem lên Ba Lê bán, nếu bọn Đức chộp được là tôi sạt nghiệp...

Viên trưởng xa nói, giọng cảm động:

– Anh đừng sợ, tôi sẽ giúp anh.

Viên trưởng xa giấu cái va-li đựng tài liệu quân sự dưới đồng hàng hóa công

kênh. Khi tàu hỏa đến ga ở Ba Lê, hẩn thân chinh xách va-li của Sênli ra tận ngoài cửa rồi mới quay vào.....

VI.

Thủ tướng Anh Sốt-xin có thiện cảm và biệt nhõn đối với điệp viên Sênli. Chàng về Luân Đôn than phiền với thủ tướng Sốt-xin là kháng chiến quân chỉ nhận được rất ít đồ tiếp tế. Thủ tướng hỏi:

– Ông cần gì?

Sênli đáp:

– Chúng tôi cần 100 phi cơ.

Hôm sau, không quân hoàng gia giành riêng 100 phi cơ cho công tác yểm trợ kháng chiến quân Pháp. Sự yểm trợ

của Luân Đôn làm Sênli mát lòng hả dạ, tuy nhiên những tin tức từ Pháp tới không làm cho chàng yên tâm chút nào. Phản gián Đức đã tóm bắt được đại tá Môrinô (Morinaud), một yếu nhân kháng chiến. Môrinô bị tra tấn tàn bạo và đã ngậm miệng một cách cương quyết, trước khi nuốt viên thuốc độc cyanur.

Chưa hết, Bờrôtsôlét, người bạn chiến đấu có lọn tóc bạc trước tuổi, cũng đã bị bắt và bị đưa về giam tại lao xá Ren-nờ (Rennes). Nhưng vẫn còn may vì mật vụ quốc xã chưa biết rõ tông tích Bờrôtsôlét. Nhưng chẳng bao lâu nữa thuốc nhuộm phai màu, lọn tóc bạc khác thường sẽ tố cáo căn cước thật của người bạn điệp báo gan dạ này với phản gián địch. Bờrôtsôlét giữ vai trò quan trọng trong hàng ngũ kháng chiến, địch không lạ gì điều đó, và một khi bắt được

Bờrôtsôlét địch sẽ không ngần ngại áp dụng những biện pháp tra khảo ác độc nhất và nếu chàng không chịu đựng nổi, chàng phải tiết lộ một phần bí mật, chỉ một phần rất nhỏ là tổ chức kháng chiến đồng minh sẽ bị tan rã...

Do đó Sênli bắt buộc phải cứu bạn ra khỏi nhà giam quốc xã... Tháng 2-1944. Sênli lại giả từ Luân Đôn, nhảy dù xuống một vùng cách thủ đô Ba Lê 350 cây số (Clermont Ferrand) gần trại tù. Chàng giành mấy ngày tròn để nghiên cứu tỉ mỉ địa hình địa vật chung quanh lao xá Ren-nờ. Cổng chính được canh phòng rất cẩn mật, ở mỗi cửa đều có lính vũ trang tiểu liên. Cách cổng chính vài trăm mét là một trại binh SS, đội xung kích của Hít-le. Trại binh này liên lạc với trạm gác bằng điện thoại.

Đúng 8 giờ sáng hôm ấy, một toán kháng chiến quân trang bị súng ống hằn hòi lén lút mai phục trong dãy nhà đối diện với cổng chính của nhà giam.

Đường dây điện thoại vừa bị cắt thì Sênli và 2 phụ tá — một trong hai người này nói tiếng Đức như người Đức — ngồi trên quân xa đậu lại trước cổng chính, tất cả đều mặc quân phục Đức, đeo phù hiệu công an mật vụ SD. Sênli hạ lệnh cho tên gác hộ tổng chàng vào gặp quản đốc khám đường. Vào văn phòng quản đốc, chàng xuất trình chứng minh thư và sự vụ lệnh giả, yêu cầu giao nộp tù nhân Đi-ôn (Pierre Dirole) tên giả của Bờ-rốt-sô-lét để giải về trung ương Giét-ta-pô Ba Lê khai thác.

Quản đốc khám đường lễ phép mời Sênli đợi một lát trong phòng khách. Sênli đã tính trước việc này. Chàng được biết

lính gác luôn luôn dựng súng sát tường sau khi hết giờ trực. Sênli và 2 kháng chiến quân đột nhập phòng bên, súng lục lăm lăm bắt hai tên gác úp mặt vào mặt tường. Một tên toan lấy súng đã bị Sênli đánh ngất. Tên còn lại là một trung sĩ, được lệnh mang Đi-ôn ra phòng gác.

Sênli nói:

– Tôi luôn luôn đi sau anh. Nếu anh có cử chỉ khả nghi tôi sẽ bắn anh nát óc. Nghe chưa? Muốn sống về Đức với vợ con thì đừng có mà lộn xộn.

Mọi việc diễn ra trong vòng 3 phút đồng hồ. Hai phút sau, Sênli, 2 cộng sự viên và tù nhân Đi-ôn đã ra khỏi nhà giam, nhảy phóc lên xe, phóng nhanh như tên bắn.... Thoát nạn.....

VII.

Nhưng Phản gián Đức không đến nổi bất bát. Ngay sau vụ cứu tù, họ đã phăng ra linh hồn của hành động xuất quỷ nhập thần này là đại tá không quân Anh Sênli. Và từ Bá Linh, một mệnh lệnh vô tiền khoáng hậu được ban ra: trong vòng một tháng nếu Sênli không bị bắt, các viên chức cao cấp mật vụ Đức ở Pháp sẽ bị cắt chức.

Khi ấy Sênli đã lên Ba Lê, hòa mình vào cuộc sống nguy hiểm. Chàng có hẹn với một điệp viên mới gần nhà ga xe điện ngầm Pát-sy (Passy). Tân điệp viên này tên là Giắc (Jacques). Theo chỉ thị, Giắc từ mặt đường bước xuống hầm, luôn luôn giữ lễ trái cầu thang, trong khi Sênli ở lễ phải. Sau khi thấy nhau hai người sẽ

tiến lại sạp báo kế cận ghi-sê bán vé, rồi chào hỏi nhau vồn vã như thể bạn thân lâu ngày mới được gặp nhau.

Cuộc hẹn được định vào 11 giờ sáng, Sênli đến nơi đúng giờ mà không thấy bóng dáng Giắc. Như thường lệ, hễ người chàng muốn gặp đến trễ là chàng rút lui không trì hoãn. Chẳng hiểu sao hôm ấy, chàng lại lãng quên nguyên tắc an ninh tối thiểu này, và thay vì trở lui chàng lại bước tới sạp báo. 5 mật vụ viên Giết-ta-pô chực sẵn, chĩa súng buộc chàng giơ tay, chàng chưa kịp phản ứng thì cả bọn đã xúm lại quật chàng ngã và đánh đòn hội chợ.

Sau này, Sênli mới biết tại sao chàng bị bọn mật vụ quốc xã rình bắt. Là vì Giắc cầu thả. Giắc bị Giết-ta-pô tóm với mẩu giấy trong túi đề chữ “Sênli, Pát-sy, 11.”

Bị địch bắt là điều Sênli trù liệu từ trước. Không riêng gì chàng, bất cứ điệp viên nào hoạt động trên đất địch cũng phải nghĩ rằng một ngày kia sẽ bị sa lưới địch. Sênli trù liệu sẽ bị địch tra hỏi độc ác, vô cùng độc ác. Vì vậy chàng cố ng-
hiển rằng chịu đựng. Tại trụ sở Giét-ta-pô, bọn người đầu mã diện quốc xã hòa nhau đánh chàng không nghỉ tay, như để trả thù những tháng dài chờ đợi. Không một chỗ nào trên thân thể chàng là còn nguyên vẹn. Mặt mày chàng sưng vù và bầm tím. Sau ba giờ đồng hồ bị “tắm quất”, Sênli lập mưu tháo cái nhẫn đeo ở ngón tay để lấy viên độc được. Nhưng một mặt vụ viên Đức nhanh mắt giật phăng cái nhẫn ném vào góc phòng.

Bọn thẩm vấn đặt hàng trăm câu hỏi và Sênli không trả lời. Tên chỉ huy nói:

– Ông cung khai những điều chúng tôi muốn biết rồi tôi ra lệnh cho cộng sự viên của tôi ngừng tay.

Sênli vẫn nín khe. Tên chỉ huy nói tiếp:

– Là con người văn minh trí thức, tôi nhận thấy tra tấn như thế này là man rợ, hằn ông cũng đồng ý. Nhưng nếu ông ở vào địa vị tôi, ông cũng không thể làm cách nào khác, ông không ngậm miệng được mãi đâu. Nói đi, ông nói đi, mọi hình thức tàn bạo sẽ chấm dứt...

Sênli vẫn liếp tục nín khe. Tên chỉ huy Giét-ta-pô đỏ mặt tía tai, quát oang oang:

– A, nó thi gan với tao... Bay đâu, ném nó vào trong hồ nước.

Cái hồ trong phòng thẩm cung chứa nước mấp mé miệng. Trời đã lạnh, địch còn bỏ thêm nước đá vào hồ nên nước lạnh thấu xương. Sênli chìm sâu xuống hồ, nước ngập đến mũi. Chàng vùng vẫy, cố thoát khỏi những bàn tay gọng kìm song càng vùng vẫy chàng càng bị sặc nước. Chàng vẫn không chịu khai, và địch trấn nước đến khi chàng bất tỉnh. Cuộc tra tấn tiếp diễn đúng hai ngày, hai đêm. Sênli không hé răng nói nửa lời. Rốt cuộc Phản gián Đức đành chào thua Sênli gan lì...

Nói cho đúng. Phản gián Đức ngưng tra tấn Sênli chẳng phải vì chàng gan lì. Chẳng qua vì chàng gặp hên. Quân đội đồng minh khi ấy đã chuẩn bị đổ bộ lên đất Pháp, đồng minh đang thắng lớn trên các mặt trận và sẽ tiến như vũ bão về thủ đô Ba lê, Giét-ta-pô ra lệnh di tản toàn

thể phạm nhân bị giam tại khám đường Phören (Fresnes)

Kháng chiến Pháp được mật báo Sênli bị nhốt tại Fören, và đến ngày 18-5 sẽ bị xử bắn. Nhờ môi giới, họ hối lộ số tiền khổng lồ 4 triệu phật lăng cho một viên chức Giét-ta-pô làm việc trong khám để làm thất lạc hồ sơ về Sênli. Do đó ngày 18-5 trôi qua mà Sênli không bị hành quyết. Một viên chức quốc xã khác nhớ đến vụ Sênli, tìm hồ sơ không thấy nên sai mở cuộc điều tra.

Lẽ ra Sênli chỉ bị coi là tép riu sau khi hồ sơ bị đánh mất. Sự trục trặc vào giờ chót này đã biến chàng trở thành một “tên khủng bố nguy hiểm”, và chàng bị đưa sang Đức lưu đày trong trại giam Bu-xen-ôn (Buchenwald) được mệnh danh là trại giam của Tử thần.

Thoát chết là đủ rồi. Sênli không dám mong gì hơn nữa. Cho dầu sống tại Bu-xen-ôn chỉ là một cách chết từ từ. Bị giam bên Đức, trong sự thiếu thốn và khổ cực vô biên, điệp viên Sênli vẫn không quên nhiệm vụ của mình. Chàng lén gửi được sang Luân Đôn một mật điện báo tin chàng nắm được bằng chứng cụ thể về việc Đức quốc xã tiến hành chiến tranh vi trùng, trái với điều khoản công ước Giơ-neo. Chàng lại còn thuyết phục được các sĩ quan Đức phụ trách trại giam chuyển chàng đến một nơi khác, sự đổi xử bớt tàn ác hơn. Sở dĩ chàng uốn ba tấc lưỡi thành công là vì chàng hứa mai kia Đức bại trận, tòa án xét xử tội phạm chiến tranh, chàng sẽ làm nhân chứng bệnh vực cho bọn sĩ quan cai tù ở Bu-xen-ôn. Đồng thời chàng lại vận động trả tự do cho 21 tù nhân bằng cách yêu cầu cai tù ghi vào sổ khai tử là những

người này đã chết vì bệnh dịch.

Ngày 13-4-1945, một đoàn tù nhân trong số đó có Sênli được đưa từ Bu-xen-ôn đến một trại giam khác ở Tiệp Khắc. Ba trăm người bị chết trong các toa tàu thường dành để nhốt heo bò vì thời tiết quá lạnh, và sự đánh đập, hành hạ của bọn gác vô lương tâm. Con tàu dừng lại dọc đường để khiêng xác xuống chôn trong cái huyệt chung do các tù nhân sống sót đào. Một số tù nhân hì hục đào đất, đào tới đâu Sênli và các bạn tù khác ném xác xuống tới đó. Sênli quan sát chung quanh: bọn lính gác rủ nhau ra tận xa vì không chịu nổi mùi hôi thối nồng nặc. Cái huyệt chỉ cách rừng rậm khoảng một trăm mét. Sênli nói với các bạn:

– Chạy đại vào rừng đi. Nhanh lên. May ra thì thoát...

Cả toán tù nhân do Sênli dẫn đầu ba chân bốn cẳng chạy trốn. Bọn lính Đức đuổi theo, tiếng súng nổ chát chúa. Tuy thân thể gày mòn, bệnh hoạn sau nhiều tháng bị giam giữ, ăn uống kham khổ. Sênli chạy nhanh như lực sĩ thể vận. Hy vọng về cuộc sống tự do đã mang lại cho chàng một sức mạnh phi thường.

Bọn gác không bắt kịp chàng, chàng trốn ngày, đi đêm, rông rã như vậy trong suốt hai tuần lễ. Chuyến vượt ngục của chàng rất nguy hiểm, vì người Đức nhan nhản, ngoài các binh sĩ võ trang đến tận rừng, còn có thường dân cũng được võ trang, sẵn sàng bắn gục tù nhân đồng minh.

Gần Sem-nít (Chemnitz), đúng 15 ngày sau khi chàng biến vào rừng, chàng gặp hai quân nhân Mỹ. Râu tóc rậm rì, áo quần tồi tả, mặt mày xanh lét tưởng như

con ma từ dưới đất hiện lên, điệp viên đại tá Sênli cho họ biết chàng là tù nhân chiến tranh vừa vượt ngục và chàng còn là sĩ quan không quân Anh quốc.

Sênli trở về Ba Lê bằng xe Hồng thập tự. Chàng nằm bệnh viện trong nhiều tháng liền. Chính phủ Pháp và chính phủ Anh tặng cho chàng những huân chương cao cấp nhất. Các ký giả và nhà văn trên khắp thế giới viết hàng triệu chữ về chàng.

Cho đến nay những người hâm mộ điệp viên Sênli vẫn không hiểu nổi tại sao ham sống động, quen vào sinh ra tử như chàng lại có thể an phận làm việc giữa đồng vải may quần áo và mùi nước hoa ủy mị của một tiệm thời trang và mỹ phẩm ở thủ đô Ba Lê...

NGƯỜI THỨ TÁM

